



NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – PHẠM NGỌC LAN
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – ĐINH PHAN CẨM VÂN

NGŨ' VĂN

10

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – PHẠM NGỌC LAN
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – ĐÌNH PHAN CẨM VÂN

NGŨ VĂN



TẬP MỘT

Chân trời sáng tạo



Nguyễn Thành Thi

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



*Hãy bảo quản, giữ gìn Sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn thân mến!

Trên tay bạn là cuốn sách giáo khoa **Ngữ văn 10**, bộ sách *Chân trời sáng tạo* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Qua việc thực hiện các hoạt động học tập trong từng bài học, bạn sẽ nâng cao các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; phát triển các năng lực chung như: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, đáp ứng các yêu cầu của Chương trình mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Ngữ văn 10 gồm chín bài học, tương ứng với chín chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi trong cuộc sống của các bạn. Trong tập một, bạn sẽ đến với thế giới thần thoại, hình dung quá trình tạo lập thế giới theo trí tưởng tượng của người xưa (*Tạo lập thế giới*); chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những nhân vật anh hùng trong sử thi (*Sống cùng kí ức của cộng đồng*); thưởng thức những vần thơ về thiên nhiên, tạo vật (*Giao cảm với thiên nhiên*); tìm kiếm thông tin về các di sản văn hoá của quê hương, đất nước mình (*Những di sản văn hoá*); trải nghiệm những tình huống, cảnh ngộ bi hài cùng các nhân vật trên sân khấu truyền thống (*Nghệ thuật truyền thống*).

Trong tập hai, bạn sẽ ngược dòng thời gian, tìm về kí ức và chia sẻ những kỉ niệm sâu lắng cùng các nhà thơ (*Nâng niu kỉ niệm*); tìm hiểu về tâm hồn, cốt cách Việt Nam qua thơ văn Nguyễn Trãi – người anh hùng dân tộc văn võ song toàn (*Anh hùng và nghệ sĩ*); tìm hiểu về công cuộc dựng xây, bảo vệ đất nước và những tình cảm thiêng liêng của con người đối với đất nước, quê hương qua những truyện ngắn (*Đất nước và con người*), về ý chí đấu tranh không mệt mỏi để giành quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi con người, mỗi dân tộc qua những bản tuyên ngôn, những lời hịch bất hủ (*Khát vọng độc lập và tự do*).

Mỗi bài học trong sách sẽ giúp bạn từng bước nâng cao kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, đồng thời mang lại cho bạn những nhận thức mới về tự nhiên, xã hội và bản thân. Để học tốt **Ngữ văn 10**, bạn hãy đọc kĩ hướng dẫn và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong từng bài học.

Chúc bạn thành công.

NHÓM TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Để sử dụng hiệu quả bộ sách giáo khoa Ngữ văn 10, bạn cần:

1. Nắm vững cấu trúc chung của sách, chức năng của các phần, mục trong sách.

Ngoài mục *Hướng dẫn sử dụng sách*, ở một số trang đầu, sách còn có: Mục lục giúp bạn nhanh chóng lật tìm tên các bài học, các văn bản đọc hiểu, các nội dung, đề mục liên quan. Ở cuối tập một, sách có *Hướng dẫn kĩ năng đọc* và cuối mỗi tập đều có các bảng tra cứu thuật ngữ, yếu tố Hán Việt, tiếng nước ngoài,...

2. Nắm vững cấu trúc chung của các bài học và chức năng của các phần, mục cụ thể trong từng bài. Mỗi bài học đều gồm các nội dung liên quan chặt chẽ với nhau như sau:

- **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** sách nêu lên những yêu cầu nhằm định hướng cho việc học tập, xem như cái đích buộc phải đạt được khi học xong bài học. Đây chính là căn cứ để giáo viên kiểm tra đánh giá kết quả học tập của bạn và giúp bạn tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mình.

- **Phần ĐỌC và THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** gồm Tri thức Ngữ văn và các văn bản đọc hiểu chọn lọc, giúp bạn dựa vào các câu hỏi hướng dẫn theo tiến trình đọc (*trước khi đọc*, *đọc văn bản* và *sau khi đọc*) để rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc văn bản theo các thể loại mà chương trình quy định.

- **Phần VIẾT:** sau khi tìm hiểu “tri thức” về kiểu bài, đọc “ngữ liệu tham khảo”, bạn được hướng dẫn thực hành viết văn bản theo bốn bước chính: *Chuẩn bị viết; Tìm ý, lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa*. Nội dung các hoạt động này được kết nối chặt chẽ với nhau, giúp bạn có được kĩ năng tạo lập văn bản theo một kiểu loại nhất định. Sau khi viết xong một văn bản, bạn có thể dùng bảng kiểm để tự đánh giá và điều chỉnh cách viết của mình.

- **Phần NÓI VÀ NGHE:** sách hướng dẫn bạn thực hành luyện tập theo các bước, các thao tác cụ thể trong sự kết nối với phần viết và phần đọc. Nội dung hướng dẫn riêng về NGHE được bố trí ở Bài 1, 4 (học kì I), Bài 6 (học kì II).

- **Phần ÔN TẬP:** cuối mỗi bài học, sách gợi ý một số câu hỏi, bài tập giúp bạn ôn, luyện thêm về đọc, viết, nói và nghe để nắm vững các nội dung cơ bản của toàn bài học.

Dưới đây là một ví dụ về cấu trúc bài học dạng sơ đồ của **Bài 1. Tạo lập thế giới (Thần thoại)**. Tám bài học khác đều có cấu trúc tương tự. Bạn nên xem kĩ sơ đồ này để hiểu hơn về cách sử dụng sách.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật.
- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản truyện kể; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện kể thuộc hai nền văn hoá khác nhau.
- ...

Bạn hãy đọc kĩ mục này để:

– Định hướng cách học.

– Tự kiểm soát mức độ đạt được các yêu cầu cần đạt sau khi học xong.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Thần thoại là một trong những thể loại truyện dân gian ra đời trong xã hội nguyên thủy, kể về sự tích các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hoá, thể hiện sự nhận thức và lí giải thế giới còn thô sơ của con người thời cổ, qua đó cũng thể hiện khát vọng hiểu biết, chinh phục tự nhiên và mơ ước về cuộc sống tốt đẹp của họ. So với các thể loại truyện kể dân gian khác, thần thoại có những đặc điểm riêng thể hiện qua các yếu tố không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật,...

Những kiến thức trong mục này là công cụ giúp bạn phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.



ĐỌC

Thế giới bao la, con người cùng với biết bao hiện tượng tự nhiên kì thú được tạo lập như thế nào? Thuở xa xưa, khi khoa học chưa phát triển, tác giả dân gian đã trả lời câu hỏi ấy bằng trực quan và bằng tưởng tượng thông qua các câu chuyện về các vị thần.

Trong bài học này, qua việc đọc các truyện thần thoại, bạn sẽ hiểu người xưa nhận thức như thế nào về quá trình tạo lập thế giới.

VĂN BẢN 1

THẦN TRỤ TRỜI

(Thần thoại Việt Nam)

✓ Trước khi đọc

Bạn biết những truyện thần thoại nào? Hãy chia sẻ với các bạn trong nhóm về những truyện thần thoại ấy.

Bạn chuẩn bị tâm thế đọc bằng cách trả lời các câu hỏi trong mục này.

✓ Đọc văn bản

Thuở ấy, chưa có thế gian, cũng như chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn, tối tăm, lạnh lẽo. Bỗng nhiên, một vị thần khổng lồ xuất hiện. Chân thần dài không thể tả xiết. Thần bước một bước là có thể qua từ vùng này đến vùng nọ, hay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. ¹

Tưởng tượng

¹ Bạn hình dung như thế nào về vị thần Trụ trời?

Trong khi đọc có các câu hỏi sẽ nhắc bạn dừng lại để suy nghĩ trước khi đọc tiếp.

✓ Sau khi đọc

1. Chỉ ra các chi tiết về không gian, thời gian của câu chuyện.
2. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra *Thần Trụ trời* là một truyện thần thoại?
3. Tóm tắt quá trình tạo lập nên trời và đất của nhân vật thần Trụ trời. Từ đó, hãy nhận xét về đặc điểm của nhân vật này.

Việc trả lời các câu hỏi trong mục này giúp bạn đáp ứng các yêu cầu cần đạt của bài học.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

DI SAN MẶT ĐẤT

Bài đọc này giúp bạn hiểu đầy đủ hơn về chủ điểm của bài học.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Thực hành các bài tập trong hoạt động này giúp bạn hiểu thêm về các văn bản đã đọc, phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Hoạt động này giúp bạn suy nghĩ nhanh, vận dụng được các tri thức ngữ văn, những hiểu biết về đời sống để rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

Các yêu cầu trong hoạt động này giúp bạn vận dụng tri thức về thể loại vào việc đọc hiểu văn bản cùng thể loại theo yêu cầu của bài học.



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TRUYỆN KỂ

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một truyện kể: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ đặc điểm, giá trị nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện kể như: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười,...

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Xác định được chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề.
- Xác định chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề.
- Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như *cốt truyện, tình huống, sự kiện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn,...* và tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể.
- Về kĩ năng nghị luận, bài viết cần đáp ứng các yêu cầu:
 - Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.
 - Lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.
 - Sử dụng các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.
 - Có các phần mở bài, thân bài, kết bài theo quy cách.

Mở bài: Giới thiệu truyện kể (tên tác phẩm, tác giả,...). Nêu khái quát các nội dung chính hay định hướng của bài viết.

Thân bài: Lấn lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật: Ý nghĩa, giá trị của chủ đề, các khía cạnh đáng lưu ý trong chủ đề; những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

Kết bài: Khẳng định lại giá trị của chủ đề và hình thức nghệ thuật của truyện kể; nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc.

Những thông tin trong mục này cung cấp những tri thức cơ bản về kiểu bài mà bạn sẽ học và thực hành viết.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện ngụ ngôn “Chó sói và chiên con” (La Font-ten)

Truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con* của La Phông-ten (La Fontaine, 1621 – 1695) rút ra từ tập truyện *Ngụ ngôn chọn lọc và La Phông-ten*, được đánh giá là một trong những tác phẩm đặc sắc về chủ đề và hình thức nghệ thuật của một truyện kể bằng thơ. ^[1]

[1] Giới thiệu truyện kể và nêu định hướng của bài viết.

Việc đọc bài viết này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn sơ đồ dàn ý, tri thức về kiểu bài và học cách viết văn bản tương tự.

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một truyện kể (thần thoại, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện cổ tích) mà bạn yêu thích.

Việc thực hiện đầy đủ những yêu cầu trong mục này sẽ giúp bạn học cách viết.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định tác phẩm truyện, mục đích viết, người đọc

- Lựa chọn một truyện kể cụ thể trong số các thể loại như thần thoại, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện cổ tích mà bạn yêu thích để làm bài. Nên chọn truyện có chủ đề rõ ràng, hình thức nghệ thuật thú vị, thể hiện được chủ đề một cách thấm thía, độ dài vừa phải,... Chẳng hạn:



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TRUYỆN KỂ

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định tác phẩm truyện

Bạn có thể sử dụng đề tài là truyện kể đã phân tích, đánh giá trong bài viết hoặc đề tài là một truyện kể khác.

- Xác định mục đích nói:** ngoài mục đích nói để thể hiện nhận thức của bạn và chia sẻ với người nghe về chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện kể mà mình đã chọn,... bài nói của bạn còn có mục đích nào khác nữa không?

- Xác định đối tượng người nghe:** người nghe bài nói của bạn, ngoài thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng nhóm, cùng lớp, còn ai khác sẽ nghe bạn nói nữa không?

- Xác định không gian và thời gian nói:** xác định xem về không gian nói, bạn có thể trình bày bài nói ở lớp học hay ở đâu; về thời gian, bạn được trình bày trong khoảng thời gian quy định cụ thể là bao lâu?

Việc thực hiện các hướng dẫn trong mục này sẽ giúp bạn rèn luyện, phát triển các kĩ năng nói, nghe; nói và nghe tương tác.

ÔN TẬP

1. Bạn đã đọc hiểu các văn bản truyện thần thoại *Thần Trụ trời*, *Prô-mê-tê và loài người*, *Cuộc tu bổ lại các giống vật*. Hãy so sánh các văn bản và rút ra nhận xét chung bằng cách điền vào *Phiếu học tập* được kẻ vào vở theo mẫu sau:

Các câu hỏi, bài tập trong mục này giúp bạn củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng về đọc, viết, nói và nghe, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Hướng dẫn sử dụng sách	4
BÀI 1: TẠO LẬP THỂ GIỚI (THẦN THOẠI)	11
ĐỌC	13
<i>Thần Trụ trời</i> (Thần thoại Việt Nam)	13
<i>Prô-mê-tê và loài người</i> (Thần thoại Hy Lạp)	15
<i>Đi san mặt đất</i> (Truyện của người Lô Lô)	18
Thực hành tiếng Việt	19
<i>Cuộc tu bổ lại các giống vật</i> (Thần thoại Việt Nam)	21
VIẾT	23
Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể	23
NÓI VÀ NGHE	29
Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể	29
Ôn tập	34
BÀI 2: SỐNG CÙNG KÍ ỨC CỦA CỘNG ĐỒNG (SỬ THI).....	35
ĐỌC	37
<i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây</i> (Sử thi Ê-đê)	37
<i>Gặp Ka-ríp và Xi-la</i> (Sử thi Hy Lạp)	43
<i>Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê</i>	48
Thực hành tiếng Việt	50
<i>Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời</i> (Sử thi Ê-đê)	51
VIẾT	54
Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	54
NÓI VÀ NGHE	59
Thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	59
Ôn tập	62
BÀI 3: GIAO CẢM VỚI THIÊN NHIÊN (THƠ)	63
ĐỌC	65
<i>Hương Sơn phong cảnh</i> (Chu Mạnh Trinh)	65
<i>Thơ duyên</i> (Xuân Diệu)	68
<i>Lời má năm xưa</i> (Trần Bảo Định)	70
Thực hành tiếng Việt	71
<i>Nắng đã hanh rồi</i> (Vũ Quần Phương)	72
VIẾT	73
Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ	73

NÓI VÀ NGHE	78
Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ	78
Ôn tập	79
BÀI 4: NHỮNG DI SẢN VĂN HOÁ (VĂN BẢN THÔNG TIN)	80
ĐỌC	81
<i>Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam</i>	82
<i>Nhà hát Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống; Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật</i>	86
<i>Lí ngựa ô ở hai vùng đất (Phạm Ngọc Cảnh)</i>	89
Thực hành tiếng Việt	90
<i>Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây</i>	92
VIẾT	95
Viết báo cáo kết quả nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ	95
NÓI VÀ NGHE	103
Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu	103
Ôn tập	107
BÀI 5: NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG (CHÈO/ TUỒNG)	109
ĐỌC	112
Đọc văn bản chèo hoặc văn bản tuồng	
<i>Thị Mầu lên chùa (chèo cổ)</i>	112
<i>Huyện Trĩ xử án (tuồng đồ)</i>	118
<i>Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương</i>	124
Thực hành tiếng Việt	127
Đọc mở rộng văn bản chèo hoặc văn bản tuồng	
<i>Xã trưởng – Mẹ Đốp (chèo cổ)</i>	128
<i>Huyện Trĩ, Đẻ Hầu, Sư Nghêu mắc lõm Thị Hến (tuồng đồ)</i>	133
VIẾT	140
Viết một bản nội quy hoặc hướng dẫn ở nơi công cộng	140
NÓI VÀ NGHE	146
Thảo luận nhóm về một vấn đề có ý kiến khác nhau	146
Ôn tập	148
Ôn tập cuối học kì I	149
Bảng hướng dẫn kĩ năng đọc	151
Bảng tra cứu thuật ngữ	153
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	155
Bảng tra cứu tiếng nước ngoài	158



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật.
- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản truyện kể; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện kể thuộc hai nền văn hoá khác nhau.
- Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn.
- Viết được văn bản đúng quy trình; viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể; nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.
- Trân trọng trí tưởng tượng và di sản nghệ thuật của người xưa.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Thần thoại là một trong những thể loại truyện dân gian ra đời trong xã hội nguyên thủy, kể về sự tích các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hoá, thể hiện sự nhận thức và lí giải thế giới còn thô sơ của con người thời cổ, qua đó cũng thể hiện khát vọng hiểu biết, chinh phục tự nhiên và mơ ước về cuộc sống tốt đẹp của họ. So với các thể loại truyện kể dân gian khác, thần thoại có những đặc điểm riêng thể hiện qua các yếu tố không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật,...

Không gian trong thần thoại là không gian vũ trụ đang trong quá trình tạo lập, không xác định nơi chốn cụ thể. *Thời gian trong thần thoại* là thời gian cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng.

Cốt truyện thần thoại xoay quanh quá trình thực hiện việc sáng tạo thế giới, con người và muôn loài của các vị thần.

Nhân vật trong thần thoại thường là thần, có sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới và sáng tạo văn hoá.

Tính chỉnh thể của tác phẩm là sự thống nhất, toàn vẹn của tác phẩm. Ở đó, mọi bộ phận, yếu tố, chi tiết,... đều có ý nghĩa và được gắn kết với nhau một cách chặt chẽ, nhất quán nhằm thể hiện tập trung, nổi bật chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

Lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa

- **Thiếu mạch lạc**

– Các câu trong đoạn không tập trung vào một chủ đề (lỗi lạc chủ đề) hoặc nội dung nêu trong câu chủ đề không được triển khai đầy đủ trong đoạn văn (lỗi thiếu hụt chủ đề).

Ví dụ:

Mọi tác phẩm nghệ thuật đều bắt đầu từ một cảm xúc. Thơ là loại hình nghệ thuật có ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhạc điệu. Thơ có thể có vần, có thể không có vần.

(Dẫn theo Bùi Minh Toán)

Đoạn văn trên mắc lỗi lạc chủ đề.

Cách chỉnh sửa: *Mọi tác phẩm nghệ thuật, trong đó có thơ, đều bắt đầu từ một cảm xúc. Thơ là thể loại vừa giàu cảm xúc vừa giàu hình ảnh và nhạc điệu. Nhạc điệu ấy không do vần quy định nên thơ có thể có vần hoặc không vần.*

– Các câu trong đoạn không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

Ví dụ:

(1) Bỗng nhiên, một vị thần khổng lồ xuất hiện. (2) Thuở ấy, chưa có thế gian, cũng như chưa có muôn vật và loài người. (3) Thần bước một bước là có thể qua từ vùng này đến vùng nọ, hay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. (4) Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn tối tăm, lạnh lẽo. (5) Chân thần dài không thể tả xiết.

Cách chỉnh sửa: Sắp xếp lại các câu theo trình tự: 2, 4, 1, 5, 3.

- **Thiếu các phương tiện liên kết hoặc sử dụng các phương tiện liên kết chưa phù hợp.**

Ví dụ:

Một trong những nguyên nhân khiến chúng ta lo ngại khi thuyết trình là chuẩn bị chưa tốt. Như trên, cách để không lúng túng khi phát biểu ý kiến là phải chuẩn bị thật kĩ, ví dụ như soạn sẵn dàn ý và học thuộc.

Cách chỉnh sửa: Câu trên mắc lỗi dùng sai phương tiện liên kết; chữa bằng cách thay như trên bằng vì vậy/ vì thế/ do đó.



ĐỌC

Thế giới bao la, con người cùng với biết bao hiện tượng tự nhiên kì thú được tạo lập như thế nào? Thuở xa xưa, khi khoa học chưa phát triển, tác giả dân gian đã trả lời câu hỏi ấy bằng trực quan và bằng tưởng tượng thông qua các câu chuyện về các vị thần.

Trong bài học này, qua việc đọc các truyện thần thoại, bạn sẽ hiểu người xưa nhận thức như thế nào về quá trình tạo lập thế giới.

VĂN BẢN 1

THẦN TRỤ TRỜI

(Thần thoại Việt Nam)

✓ Trước khi đọc

Bạn biết những truyện thần thoại nào? Hãy chia sẻ với các bạn trong nhóm về những truyện thần thoại ấy.

✓ Đọc văn bản

Thuở ấy, chưa có thế gian, cũng như chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn, tối tăm, lạnh lẽo. Bỗng nhiên, một vị thần khổng lồ xuất hiện. Chân thần dài không thể tả xiết. Thần bước một bước là có thể qua từ vùng này đến vùng nọ, hay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. **1**

Tưởng tượng

1 Bạn hình dung như thế nào về vị thần Trụ trời?

Thần ở trong đám mờ mịt hỗn độn kia không biết từ bao lâu. Bỗng có một lúc thần đứng dậy, ngẩng đầu đội trời lên, rồi tự mình đào đất, đập đá, đắp thành một cái cột vừa cao, vừa to để chống trời. Hễ cột được thần đắp cao lên chừng nào thì trời như một tấm màn rộng mênh mông được nâng dần lên chừng ấy. Thần hì hục vừa đào vừa đắp, chẳng bao lâu, cột đá cứ cao dần, cao dần và đẩy vòm trời lên mãi phía mây xanh mù mịt.

Từ đó, trời đất mới phân đôi. Đất phẳng như cái mâm vuông, trời tròn lên như cái bát úp, chỗ trời đất giáp nhau gọi là chân trời. **2**

Tưởng tượng

2 Trời và đất thay đổi như thế nào sau khi có cột chống trời?

Khi trời đã cao và đã khô, không hiểu tại sao thần lại phá cột đi, lấy đất đá ném tung đi khắp nơi. Mỗi hòn đá văng đi, biến thành một hòn núi hay một hòn đảo; đất tung toé ra mọi nơi thành gò, thành đồng, thành những dải đồi cao. Vì thế cho nên mặt đất ngày nay không bằng phẳng, mà có chỗ lồi, chỗ lõm. Chỗ thần đào đất, đào đá mà đắp cột ngày nay thành biển rộng.

Cột trụ trời bây giờ không còn nữa. Sau này người ta thường nói rằng vết tích cột đó ở núi Yên Phụ vùng Hải Hưng¹. Người ta cũng gọi đó là *cột chống trời (kình thiên trụ)*. Vị thần Trụ trời đó sau này cũng gọi là Trời hay Ngọc Hoàng bao trùm tất cả, trông coi mọi việc trên trời, dưới đất.

Sau khi thần Trụ trời chia ra trời đất thì có một số thần khác nối tiếp công việc còn dở dang, để xây dựng nên thế gian. Các vị thần đó rất nhiều, như thần Sao, thần Sông, thần Biển,...

Vì vậy, dân gian có câu hát còn truyền đến ngày nay:

Ông Đếm cát
Ông Tát bể (biển)
Ông Kể sao
Ông Đào sông
Ông Trồng cây
Ông Xây rú (núi)
Ông Trụ trời. ③

Suy luận

③ Bạn có nhận xét gì về cách kết thúc truyện?

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 67 – 68)

✓ Sau khi đọc

1. Chỉ ra các chi tiết về không gian, thời gian của câu chuyện.
2. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra *Thần Trụ trời* là một truyện thần thoại?
3. Tóm tắt quá trình tạo lập nên trời và đất của nhân vật thần Trụ trời. Từ đó, hãy nhận xét về đặc điểm của nhân vật này.
4. Nêu nội dung bao quát của truyện *Thần Trụ trời*.
5. Nhận xét về cách giải thích quá trình tạo lập thế giới của tác giả dân gian. Ngày nay, cách giải thích ấy có còn phù hợp không? Vì sao?
6. Cách hình dung và miêu tả đất, trời trong câu “*đất phẳng như cái mâm vuông, trời tròn lên như cái bát úp,...*” trong truyện *Thần Trụ trời* gợi cho bạn nhớ đến truyền thuyết nào của người Việt Nam? Hãy tóm tắt truyền thuyết ấy và chỉ ra điểm tương đồng giữa hai tác phẩm.

¹ *Hải Hưng*: nay là tỉnh Hải Dương và Hưng Yên.

Thần thoại Việt Nam do được ghi chép muộn nên đã bị mất mát khá nhiều. Những truyện thần thoại Việt Nam tiêu biểu gồm: *Thần Trụ trời*, *Thần Mưa*, *Thần Biển*, *Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng*, *Sự tích lúa thần*,...

Thần Trụ trời thuộc nhóm thần thoại về nguồn gốc vũ trụ và các hiện tượng tự nhiên. Các dân tộc anh em khác trên đất nước Việt Nam cũng có nhiều truyện thú vị lí giải về sự hình thành thế giới buổi ban đầu như vậy. Nếu người Kinh có *Thần Trụ trời* thì người Mường có *Bà Nhân* và *Ông Chống Trời*, người Thái có *Then Luông*, người Mông có *Dự Nhung*, người Dao có *Thần Bàn Cổ*, người Ê-đê có *Ai Điê*, người Chăm có *Tầm Thên*,... Trong nhận thức của con người thời cổ, thế giới bao la được hình thành, được sắp đặt trật tự là nhờ vào công lao to lớn của các vị thần.

VĂN BẢN 2

PRÔ-MÊ-TÊ VÀ LOÀI NGƯỜI

(Thần thoại Hy Lạp)

✓ Trước khi đọc

Bạn đã từng đọc hay nghe kể về thần thoại Hy Lạp và câu chuyện *Prô-mê-tê*¹ và loài người chưa? Hãy chia sẻ với các bạn cùng lớp những điều bạn đã biết. Nếu chưa biết, bạn thử đoán truyện *Prô-mê-tê* và loài người sẽ nói về vấn đề gì?

✓ Đọc văn bản



Hình: *Thần Prô-mê-tê*
(Nguồn: <http://antgct.cand.com.vn>)

Thuở ấy thế gian chỉ mới có các vị thần. Mặt đất mênh mông dầu đã có khá nhiều vị thần cai quản song vẫn còn hết sức vắng vẻ. Không muốn tình cảnh buồn tẻ đó kéo dài, bữa kia hai anh em *Prô-mê-tê* và *Ê-pi-mê-tê* (*Épiméthée*) xin với *U-ra-nôx*² (*Ouranos*) và *Gai-a*³ (*Gaia*) tạo ra cho thế gian thêm nhiều nhiều cái gì đó để cho cuộc sống đông vui. *U-ra-nôx* và *Gai-a* ưng thuận. Hai vị giao luôn việc đó cho hai anh em *Prô-mê-tê* và *Ê-pi-mê-tê*. Cậu em *Ê-pi-mê-tê* mừng quá, tranh ngay lấy việc đó và giao cho ông anh lo việc xem xét, sửa chữa lại sau. *Ê-pi-mê-tê* lấy đất và nước nhào nặn ra, trước hết, là các loài vật và ban cho mỗi con vật một đặc ân của thần, một “vũ khí” để có thể phòng thân, hộ mệnh, bảo vệ được cuộc sống của giống loài mình.

¹ *Prô-mê-tê* (*Prométhée*): một vị thần trong thần thoại Hy Lạp, tiếng Hy Lạp có nghĩa là người tiên đoán.

² *U-ra-nôx*: theo thần thoại Hy Lạp, *U-ra-nôx* là thần Bầu Trời, con của nữ thần Đất Mẹ *Gai-a*.

³ *Gai-a*: theo thần thoại Hy Lạp, *Gai-a* là nữ thần Đất Mẹ, sinh ra từ *Kha-ôx* (*Khaos*), một khoảng không gian mơ hồ, tối tăm, hoang dại.

Con thì được ban cho ân huệ chạy nhanh như gió. Con thì có đôi mắt sáng xanh nhìn thấu cả đêm đen. Con thì có thân hình khổng lồ mạnh khỏe hết chỗ nói. Có con thân hình bé nhỏ nhưng lại có nọc độc gớm ghê. Rồi con có bộ lông dày, con có sải cánh rộng. Con thì xuống nước không chìm, con thì trèo leo thoăn thoắt,... Tóm lại, mỗi con vật, mỗi giống loài đều có “vũ khí” cần thiết để sống được ở thế gian.

Công việc làm xong xuôi, Ê-pi-mê-tê gọi Prô-mê-tê đến để xem xét lại. Mọi việc đều tốt, rất tốt nữa là đằng khác. Nhưng xem kĩ ra thì tai hại thay, còn sót lại một con, một con mà chàng Ê-pi-mê-tê dần dần lại quên mất chẳng ban cho một đặc ân, một “vũ khí” gì. Đó là con người! Một con người, nhưng trần trụi, trần trụi hoàn toàn. Phải, đúng là một con người trần trụi hoàn toàn đứng trước mặt Prô-mê-tê. Làm thế nào bây giờ? **1**

Dự đoán

1 Theo bạn, thần Prô-mê-tê sẽ ban cho con người “vũ khí” gì?

Làm thế nào để con người sống được ở thế gian khi các nguyên liệu “đặc ân” đã sử dụng phân phối hết rồi? Con người sẽ sống thế nào trước các con vật: hổ, báo, voi, sói, vẹt, nhím, gấu, ngựa, sư tử, cá, chim,... là những con vật đã được sáng tạo hoàn hảo? Là những con vật đã được ban cho đặc ân của thần thánh? Và rồi còn phải đương đầu với nắng, mưa, bão tố, núi lửa phun, nước sông dâng, đất liền phụt chốc thành biển cả, bãi bể hoá nương dâu,... biết bao biến thiên, tai hoạ khôn lường? Prô-mê-tê đã nghĩ như thế. Và vị thần có bộ óc thông minh, có tài nhìn xa trông rộng này quyết sửa chữa bằng được cái thiếu sót của chú em lơ đãng, dần dần của mình. Prô-mê-tê dựa theo thân hình trang nhã của các vị thần tái tạo lại con người cho có một thân hình đẹp để thanh tao. Phải làm cho con người đẹp đẽ, thanh tao hơn hẳn con vật. Prô-mê-tê lại làm cho con người đứng thẳng lên, đi bằng hai chân để đôi tay được thảnh thơi làm nhiều việc khác. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Con người vẫn còn yếu¹ và thua kém nhiều so với các con vật. Phải làm cho con người mạnh hơn hẳn con vật thì nó mới có thể sống được trong thế gian này. Prô-mê-tê liền băng ngay lên bầu trời cao xa tít tắp đến tận cỗ xe của thần Mặt Trời Hê-li-ôx² lấy lửa của thần Mặt Trời châm vào ngọn đuốc của mình đem xuống trao cho loài người. **2**

Tưởng tượng

2 Qua những việc thần Prô-mê-tê đã làm, bạn hình dung thế nào về nhân vật này?

Và thế là từ đó, thế gian, mặt đất lúc nào cũng rực cháy ngọn lửa của Prô-mê-tê ban cho. Con người thoát khỏi cảnh sống tăm tối, giá lạnh, đói khát. Ngọn lửa trở thành người bạn thân thiết, người bảo vệ chắc chắn nhất, một vũ khí mạnh nhất của loài người. Ngọn lửa của con người hơn hẳn bộ lông dày, hàm răng sắc, cặp móng nhọn, thân hình đồ sộ, khỏe mạnh, tài bay cao, nhìn xa, chạy nhanh của bất cứ con vật nào.

¹ Bấy yếu: còn quá non, quá yếu.

² Hê-li-ôx (Helios): thần Mặt Trời trong thần thoại Hy Lạp.

Và với ngọn lửa của Prô-mê-tê, con người, thế hệ này qua thế hệ khác, tạo dựng cuộc sống của mình ngày càng văn minh, hạnh phúc hơn.

Và từ đó dẫu mong manh và bất yếu

Giống loài người đã có ngọn lửa của Prô-mê-tê

Ngọn lửa thiêng dạy cho họ biết bao nghề. ③

Suy luận

③ Đây là lời của ai? Lời này có ý nghĩa gì?

(Theo Nguyễn Văn Khoa, *Thần thoại Hy Lạp*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 79 – 81)

✓ Sau khi đọc

1. Bạn từng hình dung thế nào về một vị thần? Nhân vật Prô-mê-tê và Ê-pi-mê-tê trong *Prô-mê-tê và loài người* có làm cho hình dung đó của bạn thay đổi không? Vì sao?
2. Tóm tắt quá trình tạo nên con người và thế giới muôn loài của hai vị thần. Từ đó, nhận xét về cách xây dựng cốt truyện và nhân vật trong *Prô-mê-tê và loài người*.
3. Nêu nội dung bao quát của truyện *Prô-mê-tê và loài người*. Thông điệp mà người xưa muốn gửi gắm qua câu chuyện này là gì?
4. Truyện *Prô-mê-tê và loài người* giúp bạn hiểu thêm gì về nhận thức và cách lí giải nguồn gốc con người và thế giới muôn loài của người Hy Lạp xưa?
5. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra *Prô-mê-tê và loài người* là một truyện thần thoại?
6. Chỉ ra sự tương đồng và khác biệt giữa hai truyện *Thần Trụ trời* và *Prô-mê-tê và loài người*.

Thần thoại Hy Lạp là tập hợp những câu chuyện của người Hy Lạp cổ đại về các vị thần, các anh hùng nhằm giải thích nguồn gốc của thế giới và ý nghĩa của các tín ngưỡng, nghi lễ tôn giáo.

Thần thoại Hy Lạp bắt đầu hình thành từ khoảng 2 000 – 1 100 năm trước Công nguyên. Trong quá trình tồn tại và phát triển, kho tàng thần thoại này đã trải qua nhiều biến đổi, pha trộn rất phức tạp. Vì thế, chắc chắn những gì còn lưu giữ được hiện nay về thần thoại Hy Lạp không phải ở dạng nguyên sơ nhất. Trong nền văn hoá nhân loại, nhiều lĩnh vực như: triết học, hội hoạ, điện ảnh, kiến trúc, văn học,... đã khai thác các đề tài, cốt truyện, nhân vật, sự việc,... của thần thoại Hy Lạp làm cho những câu chuyện ngàn năm tuổi ấy không cũ đi mà vẫn hiện diện tươi mới hằng ngày trong đời sống hiện tại. Điều này cho thấy giá trị quý báu cũng như sức sống bền bỉ của kho tàng thần thoại Hy Lạp cổ xưa.

ĐI SAN MẶT ĐẤT

(Truyện của người Lô Lô, trích *Mẹ Trời, Mẹ Đất*)

[...]

Ngày xưa, từ rất xưa
Người già không nhớ nổi
Mấy trăm, mấy nghìn đời
Ngày xưa, từ rất xưa
Người trẻ không biết tới
Mấy nghìn, mấy vạn năm
Người mặt đất ăn chung
Cùng đi và cùng ở
Trồng bắp trên núi cao
Uống nước từ bụng đá¹
Người mặt đất sống chung
Cùng ở và cùng đi

[...]

Bầu trời nhìn chưa phẳng
Mặt đất còn nhấp nhô
Phải đi san bầu trời
Phải đi san mặt đất
Kiếm con trâu sừng cong
Chọn con trâu sừng dài
Đeo cho trâu cái ách²
Đục lỗ ách luồn dây
Chảo³ dẻo làm dây cày
Thùng dài làm dây bừa
Trâu cày bừa san đất
Chẳng quản gì nhọc mệt
San đất là việc chung
Người tìm hang chuột chũi⁴

¹ Nước từ bụng đá: nước từ trong hốc đá, khe núi chảy ra.

² Ách: đoạn gỗ cong mắc trên vai trâu, bò để buộc dây kéo cày, kéo xe.

³ Chảo: dây thùng to, rất bền.

⁴ Chuột chũi: thú ăn sâu bọ, cùng họ với chuột chù, sống trong hang.

Gọi hẩn, hẩn rung râu
“Suốt ngày trong lòng đất
Tôi có thấy Trời đâu”
Người lại tìm cóc, ếch
Đứa tặc lưỡi ngồi nhìn
Đứa thì kêu ộp oạp:
“Chân tay tôi đều ngắn
San mặt đất sao nên?
Để chúng tôi gọi lên
Xin trời đổ nước xuống!”
Giống nào cũng không đi
Người gọi nhau làm lấy
Nhiều sức, chung một lòng
San mặt đất cho phẳng
Nhiều tay chung một ý
San mặt đất, làm ăn¹
[...]

(In trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập VI, *Văn học dân tộc ít người*, quyển 1, Nông Quốc Chấn (Chủ biên), Trầg Thị Giảng, Lê Trung Vũ sưu tầm, dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1979, tr.432 – 438)

✓ Sau khi đọc

1. Nêu nội dung bao quát của văn bản *Đi san mặt đất*.
2. Trong văn bản, người Lô Lô giải thích vì sao phải “đi san bầu trời”, “đi san mặt đất”? Công việc ấy do ai đảm nhiệm?
3. Theo bạn, *Đi san mặt đất* (trích *Mẹ Trời, Mẹ Đất*) thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra lỗi thiếu mạch lạc trong những đoạn trích dưới đây và nêu cách sửa:
 - a. Trong ca dao Việt Nam, những bài hát về tình yêu nam nữ là những bài nhiều hơn tất cả. Họ yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau chung sống, yêu nơi chôn nhau cắt rốn. Họ yêu người làng, người nước, yêu từ cảnh ruộng đồng, đến công việc trong xóm, ngoài làng. Tình yêu đó nồng nhiệt, đậm thắm và sâu sắc. (Dẫn theo Bùi Minh Toán)

¹ Văn bản *Mẹ Trời, Mẹ Đất* khá dài, mô tả lại sự khai sinh ra trời, đất và muôn loài theo quan niệm của người Lô Lô xưa. Bài này trích giới thiệu một phần của văn bản đó.

- b. Qua truyện **Thần Trụ trời**, ta thấy người thời cổ nhận thức và lí giải về cách hình thành thế giới rất giản đơn. Trời đất ban đầu dính vào nhau.
- c. Hình tượng người nông dân trong văn học hiện thực phê phán có những nét đẹp truyền thống. Nếu đặt họ bên những nhân vật phản diện như Nghị Lại, Nghị Quế, thì họ hoàn toàn đối lập với bản chất kệt cớm, nhố nhăng, tàn ác của bọn quan lại. Chị Dậu không như Thuý Kiều hay Kiều Nguyệt Nga khi gặp hoạn nạn thì vào cũi Phạt để hưởng chút bình an, mà chị đã đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm. (Dẫn theo Bùi Minh Toán)

2. Sắp xếp những câu văn dưới đây theo trình tự hợp lí để tạo thành đoạn văn mạch lạc.

- a. (1) Cần ghi nhớ tuyệt đối không được hứa cho qua chuyện để lấy lòng. (2) Trước hết, chúng ta phải biết coi trọng lời hứa, không gian dối với mình và với người. (3) Người xưa có câu: Một lần thất tín, vạn lần bất tín. (4) Nếu cảm thấy không chắc chắn hoặc lời hứa ấy vượt quá khả năng của mình, chúng ta không nên vội hứa hẹn. (5) Chúng ta nên làm gì để có thể giữ chữ tín của mình?
- b. (1) Bản tên là Hua Tát. (2) Từ thung lũng Hua Tát đi ra bên ngoài có nhiều lối đi. (3) Xung quanh hồ, khi thu đến, hoa cúc dại nở vàng đến nhức mắt. (4) Ở Tây Bắc có một bản nhỏ người Thái đen nằm cách chân đèo Chiềng Đông chừng dặm đường. (5) Lối đi chính rải đá, vừa một con trâu. (6) Bản Hua Tát ở thung lũng hẹp và dài, ba bề bốn bên là núi cao bao bọc, cuối thung lũng có hồ nước nhỏ, nước gần như không bao giờ cạn. (7) Hai bên lối đi đầy những cây mè loi, tre, vầu, búa, muỗm và hàng trăm thứ dây leo không biết tên gọi là gì.

3. Chỉ ra và nêu cách sửa lỗi liên kết trong những trường hợp sau:

- a. Ngoài sân vang lên tiếng guốc khua lộp cộp. Và tôi không nghe thấy gì.
- b. Trong quá trình tồn tại và phát triển, kho tàng thần thoại Hy Lạp đã trải qua nhiều biến đổi, pha trộn rất phức tạp. Tuy nhiên, những gì còn lưu giữ được đến hiện nay về thần thoại Hy Lạp không phải ở dạng nguyên sơ nhất.
- c. Văn bản **Đi san mặt đất** giúp người đọc hiểu về quá trình tạo lập thế giới trong nhận thức của người Lô Lô xưa. Họ còn khá giản đơn. Họ cũng đã hiểu được vai trò của con người trong việc cải tạo thiên nhiên.
- d. Hiếu rất thích đọc truyện **Mười hai sứ quân**. Em đã học được nhiều bài học quý giá ở họ.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) chia sẻ suy nghĩ của bạn về một truyện thần thoại mà bạn cho là đặc sắc.

CUỘC TU BỒ LẠI CÁC GIỐNG VẬT

(Thần thoại Việt Nam)

Ngọc Hoàng trước khi sáng tạo ra con người đã nặn ra vạn vật. Nhưng lúc sơ khởi, một phần vì thiếu nguyên liệu, một phần cũng vì vội vàng muốn có một thế giới ngay trong một sớm một chiều cho nên có một số động vật có thể cấu tạo chưa được đầy đủ: có con thiếu cánh, có con thiếu chân,...

Vì thế sau đó, có một hôm Ngọc Hoàng phái ba vị Thiên thần mang nguyên liệu xuống núi để làm công việc tu bổ, bù đắp cho những con vật nào mà cơ thể còn chưa được đầy đủ. Tin ấy ban bố ra, mọi giống vật đều tranh nhau tìm đến nơi ở của Thiên thần để xin những thứ mà mình cần thiết. Thiên thần cố lo làm tròn nhiệm vụ trong những ngày lưu lại ở hạ giới. Mọi giống vật khi ra về đều lấy làm thoả mãn.

Khi phân phát mọi nguyên liệu cho các giống vật vừa hết thì có con vịt và con chó cùng đến một lần xin cho mình mỗi con một cặp thiếu vì chó chỉ mới có ba cặp mà vịt thì mới có một. Thấy họ đến, Thiên thần từ chối với lí do các nguyên liệu đều đã hết nhẵn.

Nhưng sau thấy hai con vật nài nỉ dõ dặt quá, Thiên thần thương tình bèn tạm bẻ chân ghế chấp một chân cho con vịt và một chân sau bị thiếu cho con chó. Thiên thần dặn vịt và chó rằng:

– Khi nào ngủ chó để cặp này xuống đất sợ nó dây phải bùn nước lâu ngày mục đi chẳng. Vay cần phải giơ lên cho nó khô ráo.

Vịt và chó đều nhất nhất vâng lời. Vì thế mà sau này hai giống vật ấy lúc nào ngủ đều có một cặp giơ lên trên không.

Sau khi vịt và chó ra về, cả ba Thiên thần soạn sửa lên trời thì bỗng lại có mấy loại chim khác cùng đến một lúc như chiến chiến¹, đỏ nách² và ốc cau³,...

Bọn chúng vì lúc mới được sáng tạo, Ngọc Hoàng làm vội nên con nào cũng thiếu cả hai chân. Thấy Thiên thần khoát tay từ chối, bọn chúng lấy cớ là vì nghe tin quá chậm lại vì không có chân nên không đi được nhanh mà cố vật nài Thiên thần giúp cho mình. Một trong số ba Thiên thần thấy chúng khẩn cầu mãi mới bẻ một nắm chân hương, gấn cho chúng mỗi con một đôi làm chân. Khi thấy chân mình quá yếu ớt, bọn chim kia kêu lên:

– Chết nổi. Chân như thế này thì đậu thế nào cho vững được.

¹ Chiến chiến: còn gọi là sơn ca. Đây là loài chim nhỏ hơn chim sẻ, thường sống ở ruộng, bãi quang đăng, có giọng hót vút cao và bay bổng.

^{2,3} Đỏ nách, ốc cau: các giống chim thuộc bộ Rẽ, thường kiếm ăn ở vùng ngập nước xăm xắp ven sông rạch, mò động thực vật nhỏ dưới nước.

Thiên thần trả lời:

– Hãy chịu khó giữ gìn một chút là được. Bao giờ muốn dùng nó thì hãy đặt nhóm chân xuống đất xem có vững không đã rồi hãy đậu. Sau này nếu có gậy chúng ta lại sẽ thay thứ khác.

Vì thế mà từ đó dòng dõi các loại chim ấy còn giữ thói quen chới với ba lần để thử đặt chân trước khi đậu.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 77 – 78)

Hướng dẫn đọc

1. Bạn hãy đọc văn bản *Cuộc tu bổ lại các giống vật* và tự kiểm tra kĩ năng đọc hiểu thể loại thần thoại bằng cách điền thông tin vào bảng sau (làm vào vở):

Cuộc tu bổ lại các giống vật

Những đặc điểm chính	Nhận xét (kèm bằng chứng, nếu có)
Nhân vật	
Không gian	
Thời gian	
Cốt truyện	
Nhận xét chung	

2. Truyện *Cuộc tu bổ lại các giống vật* có gì giống và khác với truyện *Prô-mê-tê và loài người*?
3. Bạn rút ra bài học gì về cách đọc thể loại thần thoại sau khi đọc truyện trên?



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TRUYỆN KỂ

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một truyện kể: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ đặc điểm, giá trị nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện kể như: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười,...

Yêu cầu đối với kiểu bài:

– Về nội dung nghị luận:

- Xác định chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề.
- Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như *cốt truyện, tình huống, sự kiện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn,...* và tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể.

– Về kĩ năng nghị luận, bài viết cần đáp ứng các yêu cầu:

- Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.
- Lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.
- Sử dụng các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.
- Có các phần mở bài, thân bài, kết bài theo quy cách.

Mở bài: giới thiệu truyện kể (tên tác phẩm, tác giả,...). Nêu khái quát các nội dung chính hay định hướng của bài viết.

Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật: Ý nghĩa, giá trị của chủ đề; những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

Kết bài: khẳng định lại giá trị của chủ đề và hình thức nghệ thuật của truyện kể; nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc.

Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện ngụ ngôn “Chó sói và chiên con” (La Phong-ten)

Truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con* của La Phong-ten (La Fontaine, 1621 – 1695) rút ra từ tập truyện *Ngụ ngôn chọn lọc* và *La Phong-ten*, được đánh giá là một trong những tác phẩm đặc sắc về chủ đề và hình thức nghệ thuật của một truyện kể bằng thơ. ^[1]

Độc *Chó sói và chiên con* của La Phong-ten, ai cũng có thể nhận thấy rằng, giá trị của truyện trước hết thể hiện qua chủ đề và bài học cuộc sống mà tác phẩm nêu lên. Câu chuyện xoay quanh một sự việc đơn giản: một chú chiên con (“chiên con” là từ dùng để chỉ những con cừu non dưới một năm tuổi) ra suối uống nước, chẳng may gặp một con sói đói cũng đang uống nước suối phía đầu nguồn. Sói kiếm cớ để ăn thịt chiên, khịa ra nhiều chuyện để hặc tội chiên. Các lời hặc tội của sói đều bị chiên lần lượt vạch trần sự vô lí. Cuối cùng, sói lấy lí do là cả giống nhà chiên (giống chó, giống người nữa) đều không biết kiêng nể sói nên đáng bị “báo thù”. Rồi sói bắt chiên con vào rừng ăn thịt. Toàn bộ câu chuyện, sự việc, hành động, lời nói của sói, lí lẽ và kết cuộc bi thảm của chiên,... được kể lại nhằm làm rõ chủ đề của truyện: “Kẻ mạnh cái lẽ vốn già...”. “Cái lẽ vốn già” là nói tình trạng coi thường, bất chấp lẽ phải. Vậy “kẻ mạnh” đây là ai? Là con sói trong câu chuyện.

Nhưng hình ảnh con sói ở đây còn là biểu trưng cho tất cả những “kẻ mạnh”, những cái ác tương tự. Qua đó, truyện đề cập đến vấn đề lẽ công bằng trong đời sống xã hội. Điều mà câu chuyện muốn cảnh tỉnh là: sẽ không thể có chân lí và lẽ công bằng nào hết trong xã hội, khi mà “kẻ mạnh” trơ tráo bẻ cong lẽ phải, thao túng mọi quan hệ và tự cho mình cái quyền chà đạp lên tất cả bằng sức mạnh cơ bắp và thói hung hăng. Là một truyện ngụ ngôn, *Chó sói và chiên con* mượn chuyện loài vật để ám chỉ chuyện về con người và những quan hệ trong xã hội loài người. Chủ đề của truyện mang tính khái quát. Đó là một khái quát không chỉ đúng với một thời mà đúng với nhiều thời. Tác phẩm vì thế, không chỉ là tiếng nói phê phán một nhân vật cụ thể, trong một tình huống cụ thể mà còn là lời cảnh tỉnh sâu sắc: hãy lên án cái ác và coi chừng những “kẻ mạnh” bất chấp lẽ phải như con sói kia; hãy thương xót và tìm cách bảo vệ những kẻ yếu thế, ngây thơ, đơn độc như chú chiên con kia. ^[2]

Giá trị của chủ đề hay bài học trong *Chó sói và chiên con* không tách rời hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Chủ đề và bài học nêu trên càng trở nên sâu sắc, thấm thía hơn nhờ được thể hiện qua một hình thức nghệ thuật đặc sắc của truyện kể với tình huống truyện độc đáo, nhân vật giàu tính biểu trưng, kết cấu tương phản, lối kể chuyện bằng thơ hàm súc mà hấp dẫn,... ^[3]

[1]: Giới thiệu truyện kể và nêu định hướng của bài viết.

Luận điểm 1

[2]: Chủ đề và các khía cạnh đáng lưu ý trong chủ đề

Luận điểm 2

[3]: Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

Thông thường, khi muốn thể hiện lối ứng xử, tính cách của nhân vật nào đó, tác giả truyện ngụ ngôn sẽ đặt các nhân vật trước những tình huống thách thức khó khăn, nguy hiểm. ^[3a] Trong truyện *Chó sói và chiên con*, tình huống nguy hiểm ấy là chiên con đang uống nước thì gặp sói, sói kiếm cớ bắt tội để có lí do “trừng phạt” chú chiên tội nghiệp và hợp thức hoá hành động tàn bạo của mình. Tình huống tuy đơn giản, nhưng diễn biến lại rất mau lẹ và bất ngờ. Tình huống và diễn biến ấy khiến cho điều mà người kể chuyện đúc rút, khái quát công khai ở đầu truyện – cái lí luôn thuộc về kẻ mạnh – mỗi lúc một sáng tỏ thêm qua từng chi tiết, từng dòng thơ.

Cùng với cách tạo tình huống nói trên là cách xây dựng nhân vật giàu tính biểu trưng. ^[3b] Sói biểu trưng cho những “kẻ mạnh” tàn bạo trong xã hội. Chiên biểu trưng cho những kẻ yếu, đáng thương, đáng được chăm sóc và bảo vệ. Từng hành động, từng đoạn thoại của hai nhân vật này được đặt cạnh nhau trong thể tương phản, đã làm toát lên đặc điểm tính cách và ý nghĩa biểu trưng của mỗi nhân vật, qua đó mà tô đậm chủ đề và bài học.

Truyện ngụ ngôn là một trong những thể loại ngắn gọn bậc nhất trong các thể loại tự sự. Sự ngắn gọn của thể loại, cùng với ngôn ngữ kể chuyện bằng thơ, mang lại sự thú vị riêng trong tiếp nhận, nhưng cũng là một thách thức không nhỏ trong sáng tác ^[3c]. Các nhân vật cần được khắc họa bằng những nét chấm phá qua một vài hành vi, cử chỉ, lời thoại,... Tất cả đều phải rất chọn lọc, hàm súc. Trong trường hợp này, rõ ràng, việc đặt hai nhân vật cạnh nhau trong thể tương phản đã giúp cho tác giả *Chó sói và chiên con* bước qua thách thức ấy một cách khéo léo, nhẹ nhàng.

Việc trích dẫn lời đối thoại trực tiếp giữa các nhân vật đối với một truyện kể bằng thơ, hẳn là cũng khó khăn hơn so với truyện kể bằng văn xuôi. Qua bản dịch tiếng Việt bằng thơ lục bát của Tú Mỡ, ta cũng cảm nhận được cuộc đối đáp giữa chó sói và chiên con là một cuộc đối đáp gay cấn có tính sinh tử. ^[3d] Chó sói nhiều lần buộc tội chiên con một cách vô lí, chiên con ra sức dùng lí lẽ để biện hộ cho sự vô tội của mình. Bản chất xấu xa, gian trá của sói được tập trung bộc lộ ở những lời lẽ vu khống trắng trợn và phi lí. Hễ chiên con “cãi” được điều này thì chó sói lại vu cho điều khác, khiến “tội” của chiên con mỗi lúc một nặng thêm, càng bị đẩy vào đường cùng không lối thoát. Chiên con, trong vị thế của kẻ yếu, đã cố gắng đáp trả từ tốn bằng lí lẽ giản dị của một đứa trẻ hoàn toàn vô tội. Lí lẽ ấy tuy là khó lòng cãi lại được, nhưng rốt cuộc đều bị vô hiệu hoá bởi cái lí sự cùn của chó sói. Như vậy, thông qua việc miêu tả, nói năng, đối đáp, lập luận, các nhân vật đều được bộc lộ tính cách nổi bật của mình, qua đó làm cho bài học từ truyện kể thêm phần sáng rõ, hiển nhiên hơn.

Những phân tích trên đây cho thấy *Chó sói và chiên con* là một truyện ngụ ngôn đặc sắc ^[4]. Tác phẩm tiêu biểu cho những câu chuyện ngụ ngôn bằng thơ của La Phong-ten. Về chủ đề, truyện là lời tố cáo, lên án sâu sắc xã hội bất công trong đó “kẻ mạnh” bất chấp lí lẽ để bắt nạt người yếu thế. Về hình thức nghệ thuật, tác giả đã tạo được tình huống và lối kết cấu

[3a]: Phân tích, đánh giá nghệ thuật tạo tình huống.

[3b]: Phân tích, đánh giá cách xây dựng nhân vật giàu tính biểu trưng và tác dụng trong việc thể hiện chủ đề.

[3c]: Phân tích, đánh giá cách kể chuyện bằng thơ

[3d]: Phân tích, đánh giá cách khắc họa tính cách nhân vật thông qua đối thoại.

[4]: Nhận xét đặc sắc về chủ đề và hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

đặc sắc để các nhân vật tự bộc lộ tính cách thông qua thái độ, hành động và lời nói của mình. Tác phẩm mang lại lời nhắc nhở đối với mỗi người đọc chúng ta: cần phải can đảm và mạnh mẽ đấu tranh chống cái ác, bảo vệ lẽ phải và sự công bằng trong xã hội.

Không hiểu sao, mỗi lần nhớ đến truyện này, trước mắt tôi lại hiện lên rõ mồn một hai hình ảnh tương phản nơi dòng suối êm đềm: một con sói đói khát và rất hung hãn đang găm gù uy hiếp một chú chiên con hiền lành, tội nghiệp, mắt nhìn ngơ ngác như đang khẩn cầu ai đó cứu giúp mình... [5]

[5]: Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân.

(Nhóm biên soạn)

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Mở bài, thân bài và kết bài của ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài viết phân tích, đánh giá một truyện kể chưa?
2. Các luận điểm trong ngữ liệu được sắp xếp theo trình tự nào, có hợp lí không?
3. Trong mỗi luận điểm, ngữ liệu đã có sự kết hợp giữa lí lẽ, bằng chứng như thế nào? Nêu ví dụ.
4. Bạn có nhận xét gì về cách người viết phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị chủ đề?
5. Người viết đã phân tích, đánh giá những nét đặc sắc nghệ thuật nào của truyện kể? Chúng có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể?
6. Từ ngữ liệu trên, bạn rút ra được những lưu ý gì khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện kể?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một truyện kể (thần thoại, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện cổ tích) mà bạn yêu thích.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định tác phẩm truyện, mục đích viết, người đọc

• Lựa chọn một truyện kể cụ thể trong số các thể loại như thần thoại, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện cổ tích mà bạn yêu thích để làm bài. Nên chọn truyện có chủ đề rõ ràng, hình thức nghệ thuật thú vị, thể hiện được chủ đề một cách thấm thía, độ dài vừa phải,... Chẳng hạn:

- Thần thoại: *Thần Trụ trời, Cuộc tu bổ lại các giống vật,...*
- Truyện ngụ ngôn: *Thầy bói xem voi,Ếch ngồi đáy giếng,...*
- Truyện cười: *Đến chết vẫn hà tiện, Đất nút con bọ hung* (truyện Trạng Quỳnh)
- Truyện cổ tích: *Sọ Dừa, Em bé thông minh,...*

- Trả lời các câu hỏi có tính định hướng cho bài viết:

– Mục đích viết của bạn là gì (thể hiện nhận thức, đánh giá của bạn về truyện kể, luyện tập phát triển kỹ năng, chia sẻ ý kiến với người khác,...)?

– Người đọc bài viết của bạn có thể là những ai (thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng lớp, phụ huynh,...)?

Thu thập tài liệu

• Tìm những nguồn tư liệu liên quan đến truyện kể từ các báo, tạp chí, sách chuyên luận, trên các trang mạng đáng tin cậy, thư viện,...

• Khi đọc, tham khảo tư liệu, cần ghi chép một số nhận xét, đánh giá về tác phẩm cần cho việc trích dẫn hoặc suy nghĩ tiếp để trao đổi thêm trong bài viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

• Để tìm ý cho việc phân tích, đánh giá chủ đề của một truyện kể, cần trả lời các câu hỏi: *Chủ đề của truyện này là gì? Chủ đề đó có gì sâu sắc, mới mẻ? Những tác phẩm nào gần gũi về chủ đề và giữa chúng có gì tương đồng, có gì khác biệt?...*

• Để tìm ý cho việc phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, bạn cần trả lời các câu hỏi: *Tác phẩm thuộc thể loại thần thoại, truyện cổ tích, ngụ ngôn,... hay truyện cười?; Thể loại ấy có những điểm gì đáng lưu ý về nhân vật, cốt truyện, điểm nhìn, lời kể,...?; Các đặc điểm hình thức của truyện đã góp phần thể hiện chủ đề như thế nào...?*

- Bài viết cần có ít nhất mấy luận điểm? Sắp xếp các luận điểm theo trình tự nào?
- Lí lẽ, bằng chứng cần có cho mỗi luận điểm?

Lập dàn ý

Bạn hãy sắp xếp, trình bày các ý đã tìm thành một dàn ý. Riêng với dàn ý phần thân bài, bạn cần:

- Xây dựng hệ thống luận điểm cho bài viết.
- Tạo lập ít nhất hai luận điểm về nội dung và về nghệ thuật.
- Sắp xếp các luận điểm theo nhiều cách: a. hình thức nghệ thuật trước, chủ đề sau; b. chủ đề trước, hình thức nghệ thuật sau; c. kết hợp phân tích, đánh giá chủ đề và hình thức nghệ thuật trong từng luận điểm;...

Ví dụ: Trong ngữ liệu tham khảo, khi phân tích, đánh giá truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con*, các luận điểm đã được sắp xếp theo trình tự b:

Luận điểm thứ nhất: *giá trị của chủ đề: tình trạng “kẻ mạnh” bất chấp lẽ phải, ức hiếp, sát hại kẻ yếu trong xã hội. (Lí lẽ và bằng chứng)*

Luận điểm thứ hai: *những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật: tình huống truyện độc đáo, nhân vật giàu tính biểu trưng, kết cấu tương phản, lối kể chuyện bằng thơ hàm súc mà hấp dẫn,... (Lí lẽ và bằng chứng)*

- Nêu rõ ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về những nét đặc sắc của tác phẩm.

- Lược dẫn từ truyện kể một số hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu để dàn ý phân thân bài cụ thể hơn.

Bước 3: Viết bài

- Phát triển các luận điểm thành những đoạn văn có câu chủ đề và triển khai ý của câu chủ đề.

- Làm sáng tỏ các luận điểm phân tích, đánh giá về chủ đề và hình thức nghệ thuật bằng việc trích dẫn các hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

- Diễn đạt mạch lạc, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.

- Hình dung lại thật rõ về người đọc và mục đích viết để chọn lựa văn phong phù hợp.

- Sử dụng các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Bạn hãy đọc lại bài viết và tự đánh giá theo bảng kiểm:

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu truyện kể (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).		
	Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.		
Thân bài	Xác định chủ đề của truyện kể.		
	Phân tích, đánh giá các khía cạnh trong chủ đề của truyện kể.		
	Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện kể theo đặc trưng thể loại.		
	Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể.		
	Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.		

Kết bài	Khẳng định lại một cách khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của truyện kể.		
	Nêu ý nghĩa của truyện kể đối với bản thân và người đọc.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

Tiếp theo, hãy đọc lại bài viết, khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi dùng từ ngữ, ngữ pháp để chỉnh sửa và hoàn tất bài viết.

Bạn có thể sử dụng các câu hỏi dưới đây để tự đánh giá lại những gì mình đã học được sau khi thực hiện bài viết này, chẳng hạn:

- Bạn rút ra lưu ý gì khi viết kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể?
- Bạn thấy hài lòng/ chưa hài lòng về điểm nào, bước nào khi viết kiểu bài nghị luận này? Lí do? Nếu thực hiện lại bài viết này, bạn sẽ điều chỉnh thế nào để bài viết thuyết phục, hấp dẫn hơn?



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TRUYỆN KỂ

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định tác phẩm truyện

Bạn có thể sử dụng đề tài là truyện kể đã phân tích, đánh giá trong bài viết hoặc đề tài là một truyện kể khác.

- *Xác định mục đích nói:* ngoài mục đích nói để thể hiện nhận thức của bạn và chia sẻ với người nghe về chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện kể mà mình đã chọn,... bài nói của bạn còn có mục đích nào khác nữa không?

- *Xác định đối tượng người nghe:* người nghe bài nói của bạn, ngoài thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng nhóm, cùng lớp, còn ai khác sẽ nghe bạn nói nữa không?

- *Xác định không gian và thời gian nói:* xác định xem về không gian nói, bạn có thể trình bày bài nói ở lớp học hay ở đâu; về thời gian, bạn được trình bày trong khoảng thời gian quy định cụ thể là bao lâu?

Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Trong trường hợp đề tài nói cũng là đề tài của bài viết, bạn có thể sử dụng lại các ý tưởng, thông tin, tư liệu đã có trong phần viết. Dựa vào bài viết, lựa chọn những ý cần nhấn mạnh khi nói, những ý có thể lược bỏ.

Nếu đề tài bài nói khác với đề tài bài viết, tức là bạn chọn giới thiệu một truyện kể khác, bạn cần đọc kĩ tác phẩm và ghi lại một số nội dung sau: tên truyện kể, thể loại, nội dung, chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi gắm thông qua tác phẩm, một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc và tác dụng của chúng; ý kiến, đánh giá của bạn về nội dung và nghệ thuật của truyện kể.

Lập dàn ý

Dàn ý của bài giới thiệu cơ bản cũng là dàn ý mà bạn đã chuẩn bị cho bài viết. Nếu bạn chọn giới thiệu một truyện kể khác, có thể phác thảo dàn ý dựa vào gợi ý sau đây:

Phiếu giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể

Tên truyện kể: Thể loại:

Tên tác giả (nếu có):

1. Giới thiệu về chủ đề của truyện kể:

- Tóm tắt nội dung, khái quát chủ đề:.....
- Ý nghĩa/ giá trị của chủ đề:.....

2. Giới thiệu về hình thức của truyện kể:

- Dựng bối cảnh/ tình huống/ cốt truyện:

.....

- Xây dựng nhân vật:

.....

.....

- Sự kết hợp lời của người kể chuyện và lời của nhân vật:

.....

3. Ý kiến đánh giá:

(Có thể sử dụng những ý đã trình bày trong bài viết để đưa vào phiếu này)

.....

Luyện tập

Bạn nên đối chiếu dàn ý bài nói với bảng kiểm để tập cách trình bày cho khoa học. Lưu ý:

- Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, hấp dẫn, tạo ấn tượng với người nghe.
- Sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như: hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu,... để tăng tính trực quan và hấp dẫn cho bài nói.
- Luyện tập một mình bằng cách đứng trước gương hoặc luyện tập với bạn.
- Tập thói quen điều chỉnh giọng điệu (cao độ, âm lượng, tốc độ), kết hợp giọng điệu với ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... sao cho phù hợp.
- Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể thắc mắc và luyện tập trả lời sao cho thuyết phục.

Bước 2: Trình bày bài nói

- Tạo không khí và quan hệ giao tiếp như: tự giới thiệu họ tên, sử dụng ngôi phù hợp trong giao tiếp.
- Sử dụng cách diễn đạt phù hợp, linh hoạt. Cần dùng một số mẫu câu phù hợp để giới thiệu, đánh giá tác phẩm truyện kể.
- Đáp ứng được các yêu cầu về tính mạch lạc, thuyết phục, truyền cảm; tạo được tương tác với người nghe.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

- Lắng nghe với thái độ cầu thị và ghi chép tóm lược câu hỏi hoặc ý kiến của người nghe.

- Trả lời và giải thích ngắn gọn, rõ ràng các câu hỏi, ý kiến của người nghe.

Đánh giá

- Trong vai trò người nói, bạn hãy tự đánh giá phần trình bày của mình.
- Trong vai trò người nghe, bạn hãy đánh giá phần trình bày của người nói.

Trong cả hai vai trò ấy, khi đánh giá, bạn có thể sử dụng các gợi ý trong bảng sau đây:

Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật một truyện kể

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu truyện kể: tên tác phẩm, thể loại, tác giả (nếu có).		
	Nêu khái quát nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính).		

Nội dung chính	Trình bày ý kiến đánh giá về nội dung của truyện kể.		
	Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của truyện kể.		
	Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của truyện kể.		
	Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận của người nói về truyện kể.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung trình bày về truyện kể.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

NGHE VÀ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG HÌNH THỨC BÀI NÓI GIỚI THIỆU MỘT TRUYỆN KỂ

Bước 1: Chuẩn bị nghe

- Tìm đọc truyện kể mà người nói sẽ giới thiệu, đánh giá.
- Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của truyện kể, dự kiến những điều cần trao đổi với người trình bày.
- Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.

Bước 2: Lắng nghe và ghi chép

- Lắng nghe để nắm bắt ý kiến đánh giá của người nói về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể (bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...).
- Sắp xếp các thông tin thu nhận được trong khi nghe và ghi chép những đánh giá của người nói về nội dung và nghệ thuật của truyện kể.

- Ghi những câu hỏi, ý kiến muốn trao đổi với người nói về nội dung và nghệ thuật của truyện kể.

Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá

- Khẳng định sự đồng tình với những ý kiến trong bài nói.
- Trao đổi những điều bạn chưa rõ hoặc chưa thống nhất với ý kiến, quan điểm của người nói.
- Dùng giọng điệu nhẹ nhàng để nhận xét bài nói của bạn và đưa ra những chỉ dẫn cụ thể để bài nói tốt hơn.

Bảng kiểm kĩ năng nghe giới thiệu, đánh giá về nội dung, hình thức của một truyện kể

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Tim đọc truyện kể mà người nói sẽ giới thiệu, đánh giá.		
	Tim hiểu nội dung và nghệ thuật của truyện kể.		
	Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.		
Lắng nghe và ghi chép	Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khoá, sơ đồ.		
	Ghi chép tóm tắt đánh giá của người nói về nội dung và nghệ thuật của truyện kể.		
	Ghi lại câu hỏi liên quan đến nội dung và nghệ thuật của truyện kể nảy sinh trong quá trình nghe.		
	Dự kiến những điều cần trao đổi về nội dung và nghệ thuật của truyện kể		
Trao đổi, nhận xét, đánh giá	Xác nhận lại quan điểm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân.		
	Khẳng định sự đồng tình với những ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói.		
	Nhận xét về cách trình bày bài nói.		
Thái độ và ngôn ngữ	Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá.		
	Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói.		

ÔN TẬP

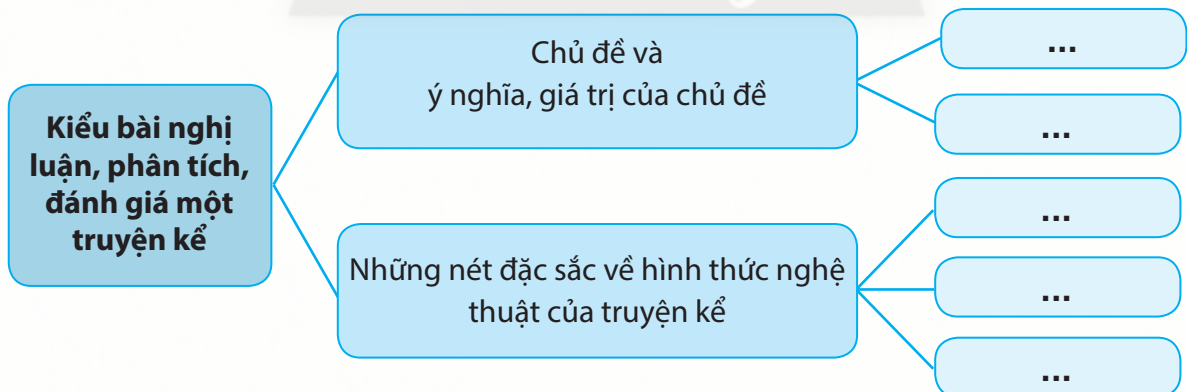
1. Bạn đã đọc hiểu các văn bản truyện thần thoại *Thần Trụ trời*, *Prô-mê-tê và loài người*, *Cuộc tu bổ lại các giống vật*. Hãy so sánh các văn bản và rút ra nhận xét chung bằng cách điền vào *Phiếu học tập* được kẻ vào vở theo mẫu sau:

So sánh các văn bản

Văn bản		<i>Thần Trụ trời</i>	<i>Prô-mê-tê và loài người</i>	<i>Cuộc tu bổ lại các giống vật</i>
Các đặc điểm chính				
Không gian, thời gian				
Nhân vật				
Cốt truyện				
Nhận xét chung	Không gian, thời gian			
	Nhân vật			
	Cốt truyện			

2. Không gian, thời gian, nhân vật và cốt truyện trong thần thoại có những điểm nào khác so với các thể loại truyện dân gian mà bạn đã học.
3. Hãy kể lại một trong những truyện thần thoại mà bạn đã học và nhận xét về cách xây dựng nhân vật trong truyện đó.
4. Kẻ vào vở sơ đồ theo mẫu sau và điền những đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể.

Đặc điểm của kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể



5. a. Qua bài học này, bạn rút ra kinh nghiệm gì khi giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể?
- b. Khi nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, hình thức của bài nói giới thiệu một truyện kể, bạn cần lưu ý những điều gì?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của sử thi như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài,... và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo và giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản sử thi.
- Biết cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm của mình, hệ thống luận điểm, lí lẽ được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ, các bằng chứng có sức thuyết phục.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Trân trọng những đóng góp của cá nhân đối với đất nước, quê hương và có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Sử thi là một thể loại tự sự dân gian ra đời từ thời cổ đại, thường kết hợp lời thơ với văn xuôi, kể lại những sự kiện quan trọng trong đời sống của cộng đồng thông qua việc tôn vinh, ca ngợi chiến công, kì tích của người anh hùng.

Thời gian – không gian sử thi

Thời gian sử thi thuộc về quá khứ "một đi không trở lại" của cộng đồng, thường gắn với xã hội cổ đại hoặc xã hội phong kiến. *Không gian sử thi* thường mở ra theo những cuộc phiêu lưu gắn với các kì tích của người anh hùng.

Nhân vật anh hùng sử thi

Nhân vật người anh hùng sử thi hiện thân cho cộng đồng, thường hội tụ những đặc điểm nổi bật như: *a. Sở hữu sức mạnh, tài năng, lòng dũng cảm phi thường; b. Luôn sẵn sàng đối mặt với thách thức, hiểm nguy; c. Lập nên những kì tích, uy danh lẫy lừng.*

Cốt truyện sử thi thường xoay quanh cuộc phiêu lưu và những kì tích của người anh hùng. Yếu tố kì ảo được sử dụng nhằm tô đậm tính phiêu lưu cùng những kì tích ấy.

Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật sử thi

Trong văn bản sử thi, lời của người kể chuyện luôn thể hiện thái độ tôn vinh người anh hùng, tôn vinh cộng đồng. Lời của nhân vật người anh hùng thường được xem như một tiếng nói thiêng liêng và đầy quyền uy. Cả hai thành phần lời văn này, dù là văn vần hay văn xuôi kết hợp với văn xuôi, thường giàu chất thơ.

Tình cảm, cảm xúc của tác giả sử thi

Tình cảm, cảm xúc của tác giả sử thi thường được bộc lộ qua tình cảm, cảm xúc của người kể chuyện hoặc của một nhân vật nào đó. Người đọc có thể nhận biết những tình cảm, cảm xúc ấy qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu,... trong văn bản sử thi.

Cảm hứng chủ đạo và cảm hứng chủ đạo trong sử thi

Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm văn học. Cảm hứng này gắn liền với tư tưởng, lập trường trong tác phẩm, tác động mạnh mẽ đến người tiếp nhận. Trong văn bản sử thi, cảm hứng chủ đạo thường là cảm hứng ngợi ca người anh hùng, ngợi ca những phẩm chất của cộng đồng mà người anh hùng là đại diện.

Bối cảnh lịch sử – văn hoá

Bối cảnh lịch sử – văn hoá, xã hội là điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội có liên quan đến văn bản, là tri thức cần thiết cho việc đọc hiểu văn bản. Chẳng hạn, hiểu về chế độ mẫu hệ và tục nối dây của người Ê-đê thì sẽ hiểu sử thi *Đăm Săn* sâu sắc hơn.

Cách đánh dấu phân bị tỉnh lược trong văn bản

Khi tạo lập văn bản, người viết có thể sử dụng một số cách thức dưới đây để đánh dấu *phần bị tỉnh lược* trong văn bản:

- Dùng kí hiệu dấu chấm lửng đặt trong ngoặc đơn (...) hoặc móc vuông [...].
- Dùng cụm từ chỉ báo về sự tỉnh lược như: lược dẫn, lược một đoạn,...
- Dùng một đoạn ngắn tóm tắt nội dung phần bị tỉnh lược.
- Kết hợp một số cách nêu trên.

Cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú

Chú thích trích dẫn là ghi rõ nguồn/ xuất xứ của tài liệu (tên tác giả, tên tài liệu, nhà xuất bản, năm xuất bản, trang được trích dẫn,...) mà người viết sử dụng. Khi trích dẫn nguyên văn, phần trích dẫn cần chính xác từng câu, từng chữ,... và phải được đặt trong dấu ngoặc kép. Khi trích dẫn ý tưởng, chúng ta không sử dụng dấu ngoặc kép; có thể diễn đạt theo cách viết của mình nhưng cần đảm bảo đúng nội dung của bản gốc.

Cước chú là chú thích thường đặt ở cuối trang trong một quyển sách hoặc văn bản. Một cước chú gồm hai phần:

- Phần *con số đánh dấu* đặt trong trang, ngay sau đoạn văn bản cần được chú thích.
- Phần *chú thích* đặt ở chân trang mở đầu bằng con số tương ứng.



ĐỌC

Từ xa xưa, trong đời sống cũng như trong lịch sử, có nhiều sự việc, câu chuyện không chỉ liên quan đến một vài cá nhân mà liên quan đến cả một tộc người, một quốc gia, một dân tộc,... Vận mệnh của cá nhân khi ấy trở thành hiện thân cho vận mệnh của cộng đồng. Đó chính là nguồn cảm hứng dạt dào cho các sáng tác sử thi cổ đại.

Trong bài học này, khi làm quen với những người anh hùng trong sử thi như Đăm Săn (sử thi *Đăm Săn*), Ô-đi-xê (sử thi *Ô-đi-xê*), bạn sẽ hiểu vì sao có sự gắn bó mật thiết giữa đời sống của những anh hùng với cộng đồng mà họ là người đại diện.

VĂN BẢN 1

ĐĂM SĂN CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY

(Trích *Đăm Săn*, sử thi Ê-đê)



Hình: Rộn tiếng công chiêng bên nhà dài truyền thống

(Nguồn: <https://baodaklak.vn/channel/9803/202011/cong-chieng-am-vang-tro-lai-buon-lang-5708548/>)



Đăm Săn (*Bài ca chàng Đăm Săn; Klei khan Đăm Săn*), dài 2077 câu, gồm 7 chương, là sử thi truyền miệng lâu đời của dân tộc Ê-đê, thể hiện đậm nét truyền thống lịch sử, văn hoá của đồng bào Tây Nguyên.

Theo tục nối dây trong chế độ mẫu hệ, Đăm Săn được hỏi làm chồng hai chị em Hơ Nhị và Hơ Bì và trở thành một tù trưởng giàu mạnh. Đăm Săn đã làm nên nhiều kì tích anh hùng như: thuần phục voi dữ, xin Trời giống lúa, bày cho dân làng cách làm rẫy, bắt cá tôm,... Lấy lòng hơn cả là việc chiến thắng hai tù trưởng thù địch Mtao Grư (tù trưởng Kên Kên) và Mtao Mxây (tù trưởng Sắt). Sau mỗi lần chiến thắng, Đăm Săn lại thu nhận được thêm nhiều tôi tớ, dân làng và của cải. Nhờ đó chàng càng thêm giàu mạnh.

Với khát vọng vươn tới cuộc sống phóng khoáng và sự hùng cường, Đăm Săn đi cầu hôn nữ thần Mặt Trời nhưng thất bại và bị chết trong đầm lầy. Hồn chàng biến thành con ruồi, chui vào miệng chị gái mình. Người chị này sinh con trai, cũng đặt tên là Đăm Săn. Đăm Săn cháu lớn lên, lại tiếp tục làm chồng Hơ Nhị, Hơ Bì và trở thành một tù trưởng giàu mạnh.

Đoạn trích *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* thuộc chương IV của sử thi *Đăm Săn*.

✓ Trước khi đọc

Hãy nhớ lại một vài nhân vật lịch sử hoặc nhân vật văn học thường được mọi người gọi là anh hùng và cho biết: do đâu mà họ được tôn xưng như thế?

✓ Đọc văn bản

(*Lược dẫn: Hơ Nhị, vợ Đăm Săn bị Mtao Mxây bắt cóc. Đăm Săn cùng dân làng đi đánh Mtao Mxây để cứu vợ mình và chàng đã giành chiến thắng oanh liệt. Phần văn bản dưới đây kể về sự kiện này.*)

Nhà Mtao Mxây cột sào hiên đeo hình mặt trăng, đầu cầu thang đều đeo hình chim ngói. Ngôi nhà của lão tù trưởng nhà giàu này quả là đẹp thật. Cầu thang rộng một lá chiếu, người nối đuôi nhau lên xuống mà khiêng một ché đuê¹ vẫn không sợ chật.

ĐĂM SĂN: – Ơ *diêng*², ơ *diêng*, xuống đây! Ta thách người đọ đao với ta đấy!

MTAO MXÂY: – Ta không xuống đâu *diêng* ơi! Tay ta đang còn bận ôm vợ (của) hai chúng ta³ ở trên nhà này cơ mà.

¹ *Ché đuê*: tên một loại ché (ché: vò ủ rượu bằng gốm).

² *Diêng*: người bạn kết nghĩa; *diêng* có nghĩa vụ bảo vệ, tương trợ nhau (trong trường hợp này, cách xưng hô mang hàm ý giễu cợt).

³ *Vợ hai chúng ta*: chỉ Hơ Nhị. Cách nói này nhằm chọc tức Đăm Săn.

ĐẪM SẴN: – Xuống, *diêng!* Xuống, *diêng!* Ngươi không xuống ư? Ta sẽ lấy cái sà n hiện của nhà ngươi ta bổ đôi, ta sẽ lấy cái cầu thang của nhà ngươi chẻ ra kéo lửa, ta hun cái nhà của ngươi cho mà xem!

MTAO MXÂY: – Khoan, *diêng*, khoan! Để ta xuống. Ngươi không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó, nghe!

ĐẪM SẴN: – Sao ta lại đâm ngươi khi đang đi xuống nhỉ? Ngươi xem, đến cả con lợn nái của nhà ngươi dưới đất, ta cũng không thèm đâm nữa là!

MTAO MXÂY: – Ta sợ ngươi đâm ta khi ta đang đi lắm.

ĐẪM SẴN: – Sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi nhỉ? Ngươi xem, đến con trâu của nhà ngươi trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Thế là Mtao Mxây phải đi ra. Bà con xem, khiên¹ hấn tròn như đầu cú. Gươm hấn óng ánh như cái cầu vồng. Trông hấn dữ tợn như một vị thần. Hấn đóng một cái khố sọc gấp bỏ múi, mặc một cái áo dày nút, đi từ nhà trong ra nhà ngoài, đáng tần ngần do dự, mỗi bước mỗi đắn đo, giữa một đám đông mịt mù như trong sương sớm.

ĐẪM SẴN: – Ngươi múa trước đi, *ơ diêng!*

MTAO MXÂY: – Ngươi mới là người múa trước, *ơ diêng!* Ta như gà làng mới mọc cựa² *kliê*, như là gà mới mọc cựa *êchăm*, chưa ai giẫm phải mà đã gãy mất cánh.

ĐẪM SẴN: – Ngươi cứ múa đi, *ơ diêng!*

Mtao Mxây rung khiên múa vậy. Khiên hấn kêu lạch xạch như quả mướp khô. Hấn múa một mình, Đăm Săn không nhúc nhích.

ĐẪM SẴN: – Ngươi múa một mình, múa kêu lạch xạch như quả mướp khô. Miếng múa ấy ngươi học ai vậy? Ngươi múa chơi đấy phải không, *diêng?*

MTAO MXÂY: – Ta học ai à? Có cậu, ta học cậu. Có bác, ta học bác. Có thần Rông, ta học thần Rông³.

ĐẪM SẴN: – Thế ư? Ta thì đâu có cậu mà học cậu, đâu có bác mà học bác! Chỉ có hai ta đây, ngươi múa đi ta xem nào!

MTAO MXÂY: – Thế ngươi không biết ta đây là một người đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, xéo nát đất đai thiên hạ hay sao?

ĐẪM SẴN: – Vậy thì ngươi hãy xem ta đây! ¹

Liên hệ

¹ Lời văn ở đoạn này gắn với truyện hay với kịch?

¹ *Khiên* (còn gọi là *mộc* hay *lá chắn*): vũ khí che mình bằng gỗ, kim khí,... của người chiến binh khi ra trận.

² *Cựa*: mấu sừng mọc ở phía sau chân gà, vũ khí lợi hại của gà trống khi chọi nhau.

³ *Thần Rông* (tiếng Ê-đê: *ana kra*): theo người Ê-đê, thần Rông là biểu tượng của sức mạnh phi thường và vẻ đẹp về hình thể nhưng mang tính gian hùng.

Đăm Săn rung khiên múa. Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới nữa, chàng vượt một đồi lồ ô¹. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước cao bước thấp chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hấn vung đao chém phạt một cái, nhưng chỉ vừa trúng một cái chảo cột trâu.

ĐĂM SĂN: – Sao ngươi lại chém cái chảo cột trâu? Còn khoeo chân ta, ngươi dành làm gì?

Đến lúc này Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hắn một miếng trâu², nhưng Đăm Săn đã đón được miếng trâu. Chàng nhai trâu, sức chàng tăng lên gấp bội.

ĐĂM SĂN: – Bớ diêng, bây giờ ngươi lại chạy, ta đuổi coi!

Thế là Đăm Săn lại múa. Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lán lóc. Cây cối chết rụi. Khi chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên³ đồng. Khi chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên *kênh*⁴. Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. **2**

Suy luận

2 Lưu ý những hình ảnh được sử dụng để miêu tả Đăm Săn. Những hình ảnh đó có điểm gì độc đáo?

Cây giáo thần, cây giáo dính đầy những oan hồn của chàng nhằm đuổi Mtao Mxây phóng tới, nhưng không thủng. Chàng đâm vào người Mtao Mxây, cũng không thủng.

Đến lúc này, Đăm Săn đã thấm mệt. Chàng vừa chạy vừa ngủ, mộng thấy ông Trời.

ĐĂM SĂN: – Ôi chao! Chết mất thôi, ông ơi! Cháu đâm mãi mà không thủng hắn!

ÔNG TRỜI: – Thế ư, cháu? Vậy thì cháu lấy một cái chày mòn⁵ cháu ném vào vành tai hắn là được.

Đăm Săn bừng tỉnh, chớp ngay một cái chày mòn, ném trúng vành tai kẻ địch. Cái giáp của Mtao Mxây tức thì rơi loảng xoảng. Mtao Mxây tháo chạy. Hắn tránh quanh chuồng lợn, Đăm Săn phá tan chuồng lợn. Hắn tránh quanh chuồng trâu, Đăm Săn phá tan chuồng trâu. Cuối cùng hắn ngã lún quay ra đất.

[...]

(Lược một đoạn: Đăm Săn giết Mtao Mxây. Sau trận đánh, tôi tớ và dân làng của Mtao Mxây mang của cải, tài sản về theo Đăm Săn rất đông).

Đoàn người đông như bầy cà tong⁶, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Bà con xem **3**, thế là Đăm Săn nay càng thêm giàu có, chiêng lăm, la⁷ nhiều. Tôi tớ mang của cải về nhiều như ong đi chuyển nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, như bầy trai gái đi giếng làng công nước.

Theo dõi

3 Chú ý sự xuất hiện của cụm từ “bà con xem...” và ý nghĩa, tác dụng của nó trong lời kể.

¹ Lồ ô: một loại tre rừng, thân thẳng, đốt dài, có thành mỏng.

² Miếng trâu: ở đây hiểu là miếng trâu có sức mạnh siêu nhiên.

³ Đĩa khiên: miếng kim loại tròn, đường kính hơn gang tay, giữa khiên có hai miếng cột lỏng ở giữa mặt ngoài của khiên, dùng để tăng sức chắn.

⁴ Khiên kênh: tên một loại khiên.

⁵ Chày mòn: chày của người Ê-đê bằng gỗ, giã vào cối cũng bằng gỗ, khi mòn, đầu chày thường nhọn.

⁶ Cà tong: một giống hươu sao, chân cao, chạy rất nhanh.

⁷ La: thanh la, nhạc khí bằng đồng, hình đĩa tròn, thuộc bộ gõ.

Họ đến bãi ngoài làng, rồi vào làng.

ĐẨM SẴN: – Ơ các con, ơ các con, hãy đi lấy rượu bắt trâu! Rượu năm ché, trâu dâng một con để cúng thần, cáo tổ tiên, cầu sức khoẻ cho ta mới đi đánh kẻ thù, bắt tù binh, giẫm nát đất đai một tù trưởng nhà giàu về. Rượu bảy ché, trâu bảy con để cúng thần, cầu cho ta được bình yên vô sự, nạn khỏi tai qua, lớn lên như sông nước, cao lên như cây rừng, không còn ai bì kịp. Hỡi anh em trong nhà, hỡi bà con trong làng, xin mời tất cả đến với ta! Chúng ta sẽ mở tiệc ăn mừng năm mới, chúng ta sẽ ăn lợn ăn trâu, đánh lên các chiêng cái, trống to, đánh lên các công *hlong*¹, hoà nhịp cùng chũm chọe, sao cho kêu lên rộn rã, để voi đục voi cái ra vào sà n hiên không ngớt, dây công dây chiêng không lúc nào vắng bớt trên giá treo chiêng, các chuỗi thịt trâu, thịt bò treo đen cả nhà, chậu thau âu² đồng nhiều không còn chỗ để.

TÔI TỐ: – Đánh chiêng nào, thưa ông?

ĐẨM SẴN: – Hãy đánh lên các chiêng có tiếng âm vang, những chiêng có tiếng đồng tiếng bạc! Từ gùi quý hãy lấy ra các vòng nhạc rung lên! Hãy đánh lên tất cả cho ở dưới võ toác các cây đòn ngạch, cho ở trên gậy nát các cây xà ngang, cho tiếng chiêng vang vọng khắp đó đây, khiến voi, tê giác trong rừng quên không cho con bú, ếch nhái dưới gầm sà n, kì nhông ngoài giữa bãi phải ngừng kêu, tất cả đều ngày đêm lặng thinh để nghe tiếng chiêng ăn đồng uống vui như mừng mùa khô năm mới của ta vậy.

Thế là, bà con xem, nhà Đắm Sẻn đông nghịt khách, tôi tớ chật ních cả nhà ngoài. Các khách tù trưởng đều từ phương xa đến. Còn Đắm Sẻn, bà con xem, chàng nằm trên võng, tóc thả trên sà n, húng tóc chàng ở dưới đất là một cái bông hoa. Chàng mở tiệc ăn uống linh đình, thịt lợn thịt trâu ăn không ngớt, thịt lợn ăn đến cháy đen hết ống le³, thịt dê ăn đến cháy đen hết ống lồ ô⁴, tiết⁵ bò tiết trâu đọng đen khắp sà n hiên, dây công dây chiêng giăng như mạng nhện, chỉ vàng chỉ đỏ như hoa dam piết⁶. Cảnh đó thời ông bác, ông cậu xưa kia làm gì có!

Bà con xem, Đắm Sẻn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán. Cả một vùng nhão ra như nước. Lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm trên cao sưởi nắng. Ếch nhái dưới gầm nhà, kì nhông ngoài giữa bãi thì kêu lên inh ỏi suốt ngày đêm. Các chàng trai đi lại ngực đụng ngực.

Các cô gái đi lại vú đụng vú. Cảnh làng một tù trưởng nhà giàu sao mà vui thế! Rõ ràng là tù trưởng Đắm Sẻn đang giàu lên, chiêng lắm la nhiều. Rõ ràng là Đắm Sẻn có chiêng đóng voi bầy, có bè bạn như nôm, như xếp. Làm sao mà có được một tù trưởng, đầu đội khăn nhiều vai mang nải hoa, đánh đâu đập tan đó, vây đâu phá nát đó như chàng? **4**

Suy luận

4 Cảnh tiệc tùng trong đoạn này được miêu tả qua lời của ai? Điều đó giúp ích gì trong việc thể hiện hình tượng nhân vật Đắm Sẻn?

¹ *Công hlong*: một loại công trong dàn công của đồng bào Tây Nguyên, âm thanh có âm vực cao.

² *Âu*: đồ đựng thường làm bằng kim loại, giống cái chậu nhỏ.

³ *Le*: một loại cây rừng, hình dạng giống cây trúc, thân nhỏ và cứng.

⁴ Cả câu, theo nghĩa khoa trương, nói “ăn đến cháy đen hết ống le”, “... đến cháy đen hết ống lồ ô” là ý nói: thịt lợn, thịt dê ăn nhiều đến mức không còn ống le, ống lồ ô để nấu.

⁵ *Tiết*: máu (bản dịch của Nguyễn Hữu Thấu dùng từ “máu”).

⁶ *Hoa dam piết*: một loài hoa đỏ thường mọc ngoài bia rừng.

Vì vậy, danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nghe danh tiếng Đăm Săn. Từ khắp mọi miền, người ta khiêng rượu, khiêng lợn đến. Cả miền Ê-đê Ê-ga¹ ai ai cũng ca ngợi Đăm Săn là một trang dũng tướng chắc chết mười mươi vẫn không lùi bước. Ngực quấn chéo một tấm mền chiến, mình khoác một tấm áo chiến, tai đeo nụ, sát bên mình nghênh ngang đủ giáo gươm, đôi mắt linh lợi như mắt chim *ghếch*² ăn hoa tre, chàng Đăm Săn hiện ra là một trang tù trưởng mới giàu lên, đang tràn đầy sức trai, tiếng tăm lừng lẫy. Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang, bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực, hơi thở chàng ầm ầm tựa sấm dậy, chàng nằm sấp thì gãy rầm sàn, chàng nằm ngửa thì gãy xà dọc: Đăm Săn vốn đã ngang tàng từ trong bụng mẹ. **5**

Suy luận

5 Việc miêu tả ngoại hình nhân vật Đăm Săn có gì khác thường và có tác dụng như thế nào?

Tiệc tùng linh đình, ăn uống đông vui kéo dài suốt cả mùa khô. Đến đây, rượu đã nhạt, chén đã phai, ai đâu về đấy, khách lần lượt ra về.

(Trích *Đăm Săn*, in trong *Sử thi Ê-đê*, Nhiều tác giả, Nguyễn Hữu Thấu dịch và chú thích, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 190 – 196)

✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt các sự kiện chính trong văn bản trên.
2. Đăm Săn đã gặp khó khăn gì vào thời điểm cuối cuộc giao chiến với Mtao Mxây? Nhờ đâu mà chàng vượt qua được khó khăn ấy để giành chiến thắng?
3. Đăm Săn và Mtao Mxây đều là những tù trưởng tài giỏi, nhưng văn bản trên đã cho thấy, người xứng đáng được xem là anh hùng của cộng đồng chỉ có thể là Đăm Săn. Hãy so sánh hai nhân vật để làm rõ điều đó.
4. Trong sử thi, lời nói của nhân vật thường góp phần quan trọng trong việc thể hiện tính cách, vị thế xã hội của mình. Hãy chọn và phân tích một số lời thoại của Đăm Săn trong văn bản trên để làm rõ điều đó.
5. Cho biết:
 - a. Tác dụng của lối nói quá và cách ví von trong văn bản; nhận xét về ngôn ngữ sử thi.
 - b. Cụm từ “*bà con xem...*” trong văn bản trên là lời của ai hướng đến ai? Theo bạn, việc sử dụng những cụm từ như thế trong văn bản sử thi có tác dụng gì?
6. Cảnh tiệc tùng và hình ảnh Đăm Săn ở nửa sau của văn bản gợi cho bạn suy nghĩ gì về phong tục và không khí hội hè của người Ê-đê?
7. Có người cho rằng văn bản *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* có đủ yếu tố của truyện, kịch và thơ. Ý kiến đó có đúng không? Vì sao?

¹ Ê-đê Ê-ga: tộc danh ghép chỉ người Ê-đê; người Ê-đê còn dùng từ này để gọi chung các dân tộc ở Trường Sơn – Tây Nguyên.

² Chim ghếch: một loài chim rừng.

GẶP KA-RÍP VÀ XI-LA

(Trích Ô-đi-xê, sử thi Hy Lạp)

Hô-me-rô¹



Hình: Ô-đi-xê (Odysseus) và các Xi-ren (Seiren) (tranh khảm ngọc Ô-đi-xê tại Bảo tàng quốc gia Béc-đô (Bardo) ở Tuy-nít (Tunis), Tuy-ni-di-a (Tunisia), thế kỉ thứ II sau Công nguyên)

(Nguồn: <https://www.wikiwand.com/vi/Odysseus>)

Ô-đi-xê (Odysseý) là một tác phẩm sử thi lớn của Hy Lạp cổ đại, gồm 12 110 câu thơ, chia thành 24 khúc ca. Qua việc kể lại cuộc hành trình trở về quê hương của Ô-đi-xê (Odysseus) sau chiến thắng tại thành Tơ-roa (Troy), tác phẩm ca ngợi trí tuệ, dũng khí, nghị lực của con người với khát vọng chinh phục thế giới và niềm mơ ước về một cuộc sống hoà bình, yên vui, hạnh phúc; ca ngợi tình yêu quê hương, tình vợ chồng, cha con, tình bạn cao cả, thủy chung.

Nội dung tác phẩm có thể tóm tắt như sau:

Chiến tranh thành Tơ-roa kết thúc với mưu “con ngựa gỗ” của Ô-đi-xê. Chàng trở về quê hương theo đường biển. Thủy thủ đoàn lênh đênh trên biển cả mênh mông, qua nhiều quốc đảo xa lạ, chịu đựng và vượt qua muôn vàn tai hoạ, thử thách do thiên nhiên và thần linh mang lại. Cuối cùng, chỉ một mình Ô-đi-xê sống sót. Chàng trôi dạt đến một quốc đảo xa xôi – xứ Phê-a-xi (Phaiakian). Nhờ sự giúp đỡ của công chúa Nô-đi-ca (Nausikaa) cùng phụ vương của nàng – đức vua An-ki-nô-ốt (Alcinous), Ô-đi-xê về được quê hương.

Ô-đi-xê cùng với con trai là Tê-lê-mác (Telemakhos) dùng mưu đánh bại 108 vị cầu hôn – những kẻ hằng ngày đến vây hãm, ép buộc vợ của Ô-đi-xê tái giá với một người trong số họ, vì cho rằng Ô-đi-xê đã chết. Bọn cầu hôn bị triệt hạ. Sau 20 năm xa cách, Ô-đi-xê đoàn tụ cùng vợ và gia đình. Chàng tiếp tục trị vì vương quốc của mình.

Đoạn trích *Gặp Ka-ríp*² và *Xi-la*³ thuộc khúc ca XII của sử thi Ô-đi-xê, nói về những thử thách đối với Ô-đi-xê và các bạn đồng hành khi gặp các quái vật biển.

¹ Hô-me-rô: Homer.

² *Ka-ríp* (Charybdis): quái vật biển hung dữ có nhiều đầu, chặt đầu này sẽ mọc ngay đầu khác.

³ *Xi-la* (Scylla): quái vật biển hung ác có nhiều đầu, nhiều tay chuyên rình bắt ăn thịt các tay chèo.

✓ Trước khi đọc

Theo bạn, người giữ vai trò đứng đầu, lãnh đạo một tập thể cần phải có những điểm ưu trội nào về phẩm chất và năng lực?

✓ Đọc văn bản

(Lược một đoạn: Về đến đảo Ai-ai-ê (Aiaie), chôn cất En-pê-no (Elpenor) và lại lên đường vượt biển cả tìm về quê nhà, Ô-đi-xê¹ được Xi-éc-xê² (Circe) báo trước chàng còn phải gặp những nỗi gian nan khác nữa đồng thời căn dặn chàng cách vượt thoát những hiểm nguy).

Nàng³ nói vậy, và liền khi đó Rạng đông ngự ngại vàng xuất hiện. Vị thần lừng danh đi vào đảo, còn tôi thì trở lại thuyền, cổ vũ

các bạn đồng hành cởi buộc lái ra đi. Họ vội vã lên thuyền, ngồi xuống trước những cọc chèo, ngang hàng thẳng lối, rồi đập mái chèo xuống mặt biển làm bọt nước sôi lên. Từ sau chiếc thuyền mũi đen của chúng tôi ¹,

Theo dõi

¹ "Tôi" ở đây là ai? Chi tiết nào giúp bạn nhận ra điều đó?

một ngọn gió thổi tới, làm căng những cánh buồm, và đây là một người bạn đường tốt, do Xi-éc-xê tóc quăn xinh đẹp, vị nữ thần khủng khiếp nói tiếng người, đưa lại. Thế là chúng tôi sắp đặt các dụng cụ trên thuyền, rồi ngồi xuống vì đã có gió thuận, và người hoa tiêu đưa thẳng chúng tôi tới đích. Lòng bồn chồn lo lắng, tôi nói với các bạn đồng hành:

– Các bạn ơi! Xi-éc-xê lừng danh đã tiên đoán cho ta một điều, và điều này không nên chỉ để cho một người biết. Vậy ta xin nói lại với các bạn, để chúng ta đều rõ điều gì có thể dẫn chúng ta đến một nạn diệt vong, điều gì có thể khiến ta thoát được các yêu nữ⁴ hung ác. Xi-éc-xê bảo ta trước hết phải coi chừng các nàng Xi-ren⁵ quyến rũ, coi chừng giọng hát và cánh đồng cỏ đầy hoa của họ. Nàng khuyên chỉ nên để một mình ta nghe hát mà thôi. Nhưng các bạn phải lấy dây trói chặt ta vào cột buồm, để buộc ta phải đứng yên một nơi. Nếu ta van xin hoặc ra lệnh cho các bạn cởi trói cho ta, thì các bạn cứ việc trói chặt thêm nữa vào.

Tôi giải thích mọi việc tỉ mỉ như vậy cho các bạn tôi hiểu rõ ngọn ngành; trong lúc đó, nhờ gặp gió thuận chiếc thuyền vững chắc của chúng tôi đi rất nhanh và đã đến gần đảo của các nàng Xi-ren, mặc dù chúng tôi chẳng phải bỏ ra một chút công phu nào hết. Vừa lúc đó, gió bỗng tắt hẳn, cảnh vật yên lặng, không một hơi gió thoảng qua; một vị thần đã khiến sóng êm phẳng phắc. Các bạn tôi đứng lên

¹ Ô-đi-xê: bố của Tê-lê-mác, chồng của Pê-nê-lốp (Penelope), vua đảo I-ta-ke (Ithake).

² Xi-éc-xê: nữ chúa xinh đẹp, tóc quăn, cai quản một quốc đảo nơi thủy thủ đoàn lạc vào, vì mê đắm Ô-đi-xê nên tìm cách giam giữ, chung sống với chàng, nhưng cũng chỉ dẫn và giúp đỡ chàng trong hành trình trở về quê hương.

³ Nàng: tức Xi-éc-xê.

⁴ Yêu nữ: các yêu tinh quỷ quyệt, hung ác thường đội lốt người con gái đẹp. (Bản dịch của Phan Thị Miến dùng cụm từ "nàng Ke-rơ hung ác" chỉ giống yêu nữ trên biển nói chung, chúng xinh đẹp mà hung ác, thường tìm cách mê hoặc người đi biển, rồi giết hại họ).

⁵ Xi-ren: các yêu nữ xinh đẹp, mặt người, mình chim, có giọng hát mê hoặc.

cuốn buồm lại, bỏ vào khoang thuyền, rồi ngồi xuống, đập mái chèo bằng gỗ thông láng bóng xuống biển, làm bọt nước trào lên trắng xoá. Còn tôi, với thanh kiếm đồng mài sắc, tôi cắt lấy một bánh sáo to rồi nhào nhuyển trong đôi tay vạm vỡ. Chẳng bao lâu sáo mềm ra dưới sức mạnh và ánh nắng rực rỡ của Hê-li-ôx (Helios), con trai quyền thế của Hi-pê-ri-ông¹ (Hyperion). Tôi lần lượt nút chặt tai cho các bạn đồng hành, còn họ thì buộc tay chân tôi lại. Tôi đứng dưới cột buồm, và họ lấy dây thừng trói tôi vào đấy. Thế rồi họ ngồi xuống, đập mái chèo xuống mặt biển ngầu bọt xám. Khi chúng tôi chỉ còn cách đảo nọ khoảng chừng một tiếng hú, các bạn tôi hối hả chèo nhanh hơn nữa, nhưng vì thuyền chúng tôi nhấp nhô trên sóng đi gần đảo quá nên không lọt khỏi mắt các nàng Xi-ren. Họ bèn cất tiếng du dương lên hát:

– Hỡi Ô-đi-xê nức tiếng gần xa, quang vinh vô tận của người A-cai² (Achae), mời chàng hãy lại đây, dừng thuyền nghe chúng em hát đã. Xưa nay chưa từng có người nào đi thuyền đến qua đây mà không dừng lại nghe tiếng hát dịu dàng êm ái của chúng em; khi ra đi ai cũng say mê và cảm thấy mình thông thái hơn. Vì chúng em biết, do ý muốn của thần linh, quân Tô-roa và quân Ác-gốt³ (Argos) đã phải đau khổ như thế nào trên đất Tô-roa bao la, và chúng em cũng biết mọi sự xảy ra trên mặt đất nuôi sống muôn loài.

Họ cất tiếng du dương hát lên như vậy. Và tôi, lòng nao nức muốn nghe họ quá, tôi nhích lông mày ra hiệu để các bạn đồng hành cởi trói cho tôi, nhưng họ càng ra sức cúi rạp xuống mái chèo, trong khi Pê-ri-mét (Perimedes) và O-ri-lô-cốt⁴ (Eurylochus) vội vàng đứng lên, lấy thêm dây trói tôi càng chặt hơn nữa. Khi đã đi khỏi các nàng Xi-ren, không nghe thấy tiếng nói và giọng hát của họ nữa, các bạn trung thành của tôi mới rút sáo ở tai ra và cởi trói cho tôi.

Vừa đi khỏi đảo, tôi bỗng thấy bụi nước bắn lên như một màn sương từ những ngọn sóng lớn và nghe tiếng sóng đập âm âm. **2**

Dự đoán

2 Chi tiết "bụi nước bắn lên" và "tiếng sóng đập âm âm" cho thấy điều gì sắp xảy ra?

¹ *Hi-pê-ri-ông*: một trong 12 vị thần Ti-tan (Titan) của thần thoại Hy Lạp. Hi-pê-ri-ông là con của thần U-ra-nôx (Uranus) (Bầu trời) và nữ thần Gai-a (Gaia) (Đất mẹ). Vị thần Ti-tan này kết hôn với nữ thần Thê-i-a (Theia) và sinh ra một nam thần và hai nữ thần. Nam thần là Hê-li-ôx (thần của Mặt Trời); các nữ thần là Sê-lê-nê (Selene) (thần đại diện cho Mặt Trăng) và Ê-rốt (Eros) (thần của Rạng đông). Thê-i-a là nữ thần của "sắc xanh lóng lánh bầu trời". Hi-pê-ri-ông mang nghĩa là "người quan sát từ phía trên" hay "người đi lên phía trên".

² *Người A-cai*: người Hy Lạp, một trong những cái tên chung của người Hy Lạp trong sử thi *I-li-át* và *Ô-đi-xê* của Hô-me-rơ.

³ *Quân Tô-roa và quân Ác-gốt*: tức đội quân của thành Tô-roa và đội quân của Hy Lạp (Ác-gốt: tên một đô thị cổ Hy Lạp, ở đây chỉ người Hy Lạp) trong chiến tranh thành Tô-roa. Cuộc chiến này nổ ra vì Pa-rít (Paris) – con Pri-am (Priam), vua thành Tô-roa đã quyến rũ nàng Hê-len (Helen) – vợ Mê-nê-lốt (Menelaus), vua một tiểu bang Hy Lạp. Mê-nê-lốt nhờ anh trai là A-ga-mem-nông (Agamemnon) và kêu gọi các vị vua khác ở khắp Hy Lạp thực hiện lời cam kết lúc trước, đòi lại nàng Hê-len để khôi phục danh dự nên đem quân trừng phạt Tô-roa. Thần linh cũng chia thành hai phe tham dự và sai khiến hai bên tham chiến. Chiến tranh kéo dài 10 năm. Cả hai bên đều tổn thất nặng nề, hi sinh nhiều binh sĩ và các dũng tướng lừng lẫy. Cuối cùng nhờ vào mưu của Ô-đi-xê: Người Hy Lạp giả vờ rút quân, để lại con ngựa gỗ lớn tế thần. Người Tô-roa lấy ngựa và đưa vào thành. Trong đêm đó, quân Hy Lạp từ bụng ngựa chui ra trong thành Tô-roa. Từ ngoài đánh vào, từ trong đánh ra, chẳng mấy chốc thành Tô-roa đã bị triệt hạ. Người Hy Lạp chiến thắng, kết thúc trận chiến thành Tô-roa. Các nàng Xi-ren nhắc đến sự kiện này khi dùng lời ca quyến rũ Ô-đi-xê và thủy thủ đoàn.

⁴ *Pê-ri-mét và O-ri-lô-cốt*: hai trong số những thủy thủ, bạn đồng hành của Ô-đi-xê.

Các bạn tôi sợ quá, đánh tuột cả mái chèo, khiến chúng rơi tòm xuống biển và trôi là là mặt nước. Thuyền đứng ngay lại, vì họ không điều khiển những mái chèo thon dài nữa. Tôi bèn đi từ đầu đến cuối thuyền, dừng lại bên mỗi người, lựa lời dịu ngọt khuyến khích họ:

– Các bạn ơi! Chúng ta chẳng phải là những người chưa qua thử thách. Tai hoạ đang chờ chúng ta chưa hẳn đã ghê gớm hơn hồi tên Xi-clốp¹ (Cyclop) đem cả sức mạnh hung tàn của hắn, nhốt chúng ta trong hang. Nhưng nhờ có lòng dũng cảm, với lời khuyên và mưu trí của ta, nên chúng ta cũng đã thoát nạn, chắc các bạn vẫn còn nhớ rõ. Và bây giờ các bạn hãy can đảm lên, tất cả hãy nghe ta. Các bạn ngồi bên cọc chèo, hãy đập sâu mái chèo xuống nước, thử xem may ra Dớt² có cho ta qua được bước nguy nan này và thoát chết chăng. Còn bạn hoa tiêu, hãy nghe lệnh ta và nhớ cho kĩ, vì bạn cầm lái chiếc thuyền trúng này. Bạn phải lái tránh màn sương và những ngọn sóng kia, cẩn thận cho thuyền ven theo dãy đá ngầm nọ, kéo nó đi chệch hướng trong lúc bạn sơ tâm³ không biết, rồi trôi ào tới đằng kia mà đẩy chúng ta vào chỗ chết đó. **3**

Suy luận

3 Cách nói “lựa lời dịu ngọt” của Ô-đi-xê trong tình huống này, theo bạn có thật sự cần thiết và có tác dụng?

Tôi nói vậy, và họ vội vã tuân theo. Tôi không dả động gì tới Xi-la, tai hoạ không sao tránh khỏi, vì e họ sợ quá, không chèo thuyền nữa mà trốn cả xuống khoang chẳng. Thế là tôi quên khuấy mất lời dạn dò ác nghiệt của Xi-éc-xê. Nàng cấm tôi không được cầm khí giới, nhưng tôi đã mặc bộ áo giáp quang vinh của tôi và nắm trong tay hai ngọn lao dài, ra đứng ở mũi thuyền, tưởng rằng đứng đấy tôi có thể nhận được ngay Xi-la khi nó ở núi đá hiện lên, xông vào các bạn tôi để hãm hại. Nhưng tôi mỗi mắt nhìn khắp dãy núi đá mờ mịt hơi sương mà vẫn không thấy nó đâu.

Chúng tôi vừa than vãn vừa chèo thuyền tiến thẳng vào eo biển hiểm nghèo, một bên là Xi-la, một bên là Ka-ríp ùng ục ngấn nước biển. Mỗi lần nó nhả nước ra, cả biển khơi đều chuyển động, sôi lên như nước trong chảo đặt trên một bếp lửa hồng, bọt nước phun lên cao và rơi xuống cả hai dãy núi. Rồi khi nó lại nuốt nước vào thì làm biển sùng sục cuộn lên; vách đá xung quanh kêu réo ghê sợ, và đáy biển lộ ra với mặt cát đen thẫm. Các bạn đồng hành của tôi hoảng hốt, sợ tái xanh cả mặt.

Trong lúc sợ chết, chúng tôi chỉ chú ý đến Ka-ríp, nhưng lúc đó, Xi-la bỗng bắt mất trong thuyền sáu tay chèo khoẻ nhất của tôi. Khi tôi quay nhìn lại chiếc thuyền nhanh nhẹn và các bạn đồng hành, thì chỉ còn thấy chân tay họ giãy giụa trên không.

¹ Xi-clốp: giống người khổng lồ có một mắt giữa trán. Trong đó, Xi-clốp đầu đàn to lớn hung dữ nhất, ăn thịt người là Pô-li-phê-m (Polyphemus), người khổng lồ này đã bắt giam Ô-đi-xê và thủy thủ đoàn trong hang của hắn chờ ăn thịt. Ô-đi-xê phải dùng mẹo đâm mù con mắt độc nhất của hắn, giúp mọi người trốn thoát.

² Dớt (Zeus): vua của các vị thần, thần của sấm và chớp, cai quản đỉnh Ô-lem-pơ (Olympia).

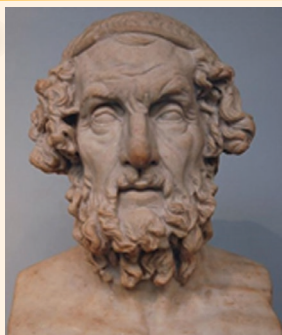
³ Sơ tâm: sơ ý, thiếu tập trung.

Họ hoảng sợ kêu thét lên, gọi tên tôi lần chót. Cũng như người đi câu ngồi trên mỏm đá cao, từ đầu cần câu dài tung xuống biển cái sừng bò hoang đựng mồi cho cá nhỏ rồi quăng lên bờ những con cá câu được, còn giấy đành đạch; các bạn đồng hành của tôi bị lôi vào đá cũng giãy lên như vậy, và Xi-la ăn thịt họ ở cửa hang, trong khi họ đang kêu gào, hoảng hốt giơ tay về phía tôi cầu cứu. Đó chính là cảnh thương tâm nhất mà mắt tôi thấy được trong thời gian lênh đênh trên mặt biển tìm đường¹.

(Theo *Ô-đi-xê* – Hô-me-rơ, Phan Thị Miến dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1983, tr. 85 – 89)

✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt các sự kiện chính được kể trong văn bản trên và cho biết: theo lời tiên đoán của Xi-éc-xê, Ô-đi-xê đã cần dặn thủy thủ phải làm những gì để tránh sự quyến rũ nguy hiểm của các nàng Xi-ren?
2. Dù đã có những dự liệu khôn ngoan, đề phòng khả năng xấu nhất, Ô-đi-xê và bạn đồng hành vẫn phải đối mặt với nhiều thử thách bất ngờ. Các chi tiết nào cho thấy điều đó?
3. Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong văn bản trên có ưu thế gì so với ngôi thứ ba?
4. Hình tượng những quái vật biển như Ka-ríp, Xi-la được xây dựng từ hiện tượng tự nhiên nào? Các hiện tượng ấy giúp bạn hình dung như thế nào về không gian, thời gian sử thi?
5. Phân tích một số chi tiết thể hiện bản lĩnh của Ô-đi-xê trong vai trò một người lãnh đạo trước những khó khăn, thử thách mà chàng và các bạn đồng hành phải đối mặt.
6. Nêu cảm hứng chủ đạo của đoạn trích.



Hô-me-rơ

Hô-me-rơ (khoảng thế kỉ VIII – VII trước Công nguyên) là nhà thơ Hy Lạp, tác giả của hai tác phẩm sử thi: *I-li-át* (Iliad) và *Ô-đi-xê*. Ra đời từ thời cổ đại, hai tác phẩm này mang đầy đủ các đặc điểm thể loại của sử thi cổ điển.

¹ *Phân tiếp theo*: đến đảo của thần Hê-li-ôx, các bạn chàng vì quá đói, giết đàn bò của thần ăn thịt. Thần Dớt trừng phạt, làm đắm thuyền, thuyền viên chết hết. Ô-đi-xê một mình lênh đênh trên biển 9 ngày, trôi dạt đến đảo Ô-gi-giê (Ogygia) của Ca-líp-xô (Calypso). Sử thi khép lại phần tự thuật của nhân vật “tôi”.

NGÔI NHÀ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ

✓ Đọc văn bản

(VOV5) – Nhà dài là ngôi nhà lớn của một đại gia đình và là nét đặc trưng của chế độ mẫu hệ của người Ê-đê. Đây là nơi ở chung của nhiều thế hệ, có khi là của cả một dòng họ. Nhà dài thường xuyên được nối dài thêm mỗi khi có một thành viên nữ trong gia đình xây dựng gia thất. Sử thi Đăm Săn đã mô tả chiều dài của ngôi nhà này bằng hình ảnh: “Nhà dài như một tiếng chiêng...”.

Nhà dài của người Ê-đê là nhà sàn, làm bằng tre nứa, gỗ, mặt sàn và vách tường bao quanh nhà làm bằng thân cây buong hay thân tre già đập dập, mái lợp cỏ tranh. Tranh lợp từng cụm, ngọn thả xuôi mái, gốc bẻ gập xuống vào bên trong. Người Ê-đê thường làm nhà theo hướng bắc – nam. Nhìn từ xa ngôi nhà có hình dáng một cái thuyền. Độ dài của nhà thường ước tính bằng số lượng dầm ngang (đê), tương ứng với một đôi cột. Nhà có bao nhiêu đê là có bấy nhiêu gian. Tiến sĩ Nguyễn Duy Thiệu, Phó Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, cho biết: “Chiều dài ngôi nhà dài của người Ê-đê cho thấy chủ nhân của nó thịnh vượng đến mức nào. Trước đây, đã từng có những nhà rất là dài. Đến thế hệ thứ ba, con của các cô con gái trong nhà, tức là cháu của bà chủ nhà ấy lấy chồng, ngôi nhà tiếp tục được nối dài ra. Thậm chí, chết của bà chủ nhà lấy chồng, ngôi nhà vẫn được nối dài ra thêm nữa. Vì thế mà ngôi nhà dài của bà chủ cứ dài ra mãi. Theo như tài liệu của người Pháp mô tả lại mà tôi có, thì cho đến thời Pháp xâm chiếm nước ta, vẫn còn những ngôi nhà dài hơn 200m, như ngôi nhà của ông Ama Ha...”.

Trong mỗi ngôi nhà dài, người Ê-đê chạm khắc rất nhiều hình con vật như voi, cua, cá,... lên xà nhà. Sự giàu có của chủ nhà cũng được thể hiện trên những hoa văn đó. Chị Đàm Thị Hợp, cán bộ Phòng Bảo tàng ngoài trời, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cho biết thêm: “Chỉ những gia đình nào sở hữu những con voi thật thì mới có quyền chạm khắc hoa văn hình con voi ở trên đấy. Những hoa văn khác như hoa văn con kì đà, con rồng, cua, rùa,... thường là những con vật xuất hiện trong tín ngưỡng của người Ê-đê. Người ta khắc những con kì đà trên xà ngang với mong muốn sẽ mang đến cho gia đình mình những điều may mắn, ngăn chặn, mang đi những rủi ro. Hoa văn con rồng có vây hình con cá, râu, sừng nhô lên,... theo các chuyên gia, là hoa văn nguyên thủy, rất đặc trưng của người Ê-đê, không trộn lẫn với các dân tộc khác.”.

Cầu thang là một điểm nhấn của nhà dài người Ê-đê gắn với hai cửa của nhà dài, cửa phía trước dành cho khách và nam giới, cửa phía sau dành cho phụ nữ. Chị Đàm Thị Hợp khẳng định: “Thường nhà người Ê-đê có hai cầu thang, cầu thang phía trước và cầu thang phía sau. Cầu thang phía trước thường hướng về phía bắc và được gọi là cầu thang chính. Đối với những gia đình giàu có ngày xưa, cầu thang chính bao giờ cũng có hai cầu thang để lên xuống, cầu thang đục và cầu thang cái.

Trên cầu thang cái bao giờ cũng có hình ảnh bầu sữa mẹ và vầng trăng khuyết, còn cầu thang đực không có hoa văn chạm khắc nhiều, thường chỉ là một cây gỗ sau đó chạm khắc những bậc để lên xuống...”.



Hình: Nhà dài Ê-đê

(Nguồn: <https://vovworld.vn/vi-VN/sac-mau-cac-dan-toc-viet-nam/nha-truyen-thong-cua-nguoi-ede-nha-dai-nhu-tieng-chieng-ngan-204343.vov>)

Nhà dài không chỉ là không gian sống mà còn là nơi gắn kết bao thế hệ dòng tộc của người Ê-đê. Khi người con gái lấy chồng, căn nhà được nối dài để làm nơi ở cho đôi vợ chồng mới. Rồi đến đời cháu gái, ngôi nhà lại tiếp tục nối. Cứ như thế, nhà cứ dài ra, mãi che chở cho cuộc sống của nhiều thế hệ. Trong không gian ấy, đêm đêm cả đại gia đình quây quần sum họp bên bếp lửa. Đàn bà con gái dệt vải, thêu thùa; đàn ông sửa lại cái cày, cái cuốc; người già thì kể sử thi, đọc truyện thơ cho con trẻ. Cũng trong không gian ấy, các lễ nghi, tập tục của người Ê-đê được thể hiện trọn vẹn như hồn cốt đại ngàn của dân tộc này.

(Theo Lan Anh, *Nhà truyền thống của người Ê-đê: Nhà dài như tiếng chiêng ngân*, Báo VOV5, ngày 23-12-2013)

✓ Sau khi đọc

1. Từ hình minh họa, bạn hãy chỉ ra những chi tiết mà văn bản đề cập (nhà dài, cầu thang, hoa văn chạm khắc,...).

- Hình dung của bạn về ngôi nhà, phong tục của người Ê-đê khi đọc văn bản này có gì giống và khác với hình dung của bạn về ngôi nhà của Đăm Săn khi đọc văn bản *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*?
- Vì sao ngôi nhà nói đến trong văn bản được gọi là "ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê"?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

- Đọc ba văn bản trên đây và thực hiện các yêu cầu sau:
 - Xác định cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong mỗi văn bản (nếu có).
 - Giải thích ý nghĩa thông tin của các kí hiệu đánh dấu.
 - Chỉ ra những chỗ đánh dấu sự tỉnh lược trong văn bản 1 và 2.
- Ở một số trường hợp, nếu người viết chỉ sử dụng kí hiệu đánh dấu phần văn bản bị lược bỏ mà không viết đoạn tóm tắt phần văn bản này thì sẽ gây khó khăn gì cho người đọc?
- Người viết về nhà dài Ê-đê đã trích dẫn mấy lần, các trích dẫn đã được chú thích rõ ràng hay chưa? Hãy trao đổi với các bạn ý kiến của mình.
- Biện pháp so sánh được sử dụng trong các trường hợp sau có điểm gì khác nhau?
 - Cũng như người đi câu ngồi trên mỏm đá cao, từ đầu cần câu dài tung xuống biển cái sừng bò hoang đựng mồi cho cá nhỏ rồi quăng lên bờ những con cá câu được, còn giầy dành dạch; các bạn đồng hành của tôi bị lôi vào đá cũng giầy lên như vậy, và Xi-la ăn thịt họ ở cửa hang, trong khi họ đang kêu gào, hoảng hốt giờ tay về phía tôi cầu cứu. Đó chính là cảnh thương tâm nhất mà mắt tôi thấy được trong thời gian lênh đênh trên mặt biển tìm đường. (Trích *Gặp Ka-ríp và Xi-la*, sử thi Ô-đi-xê)
 - Nhà dài như một hơi chiêng, sàn hiên rộng như một hơi ngựa chạy. (Trích sử thi *Đăm Săn*)
 - Tôi tớ mang của cải về nhiều như ong đi chuyển nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, như bầy trai gái đi giếng làng công nước. (Trích sử thi *Đăm Săn*)
- Phân tích tác dụng của biện pháp nói quá trong đoạn văn sau:

Bà con xem, Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán. Cả một vùng nhão ra như nước. Lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm trên cao suối nắng. Ếch nhái dưới gầm nhà, kì nhông ngoài giữa bãi thì kêu lên inh ỏi suốt ngày đêm. Các chàng trai đi lại ngực đung ngực. Các cô gái đi lại vú đung vú. Cảnh làng một tù trưởng nhà giàu sao mà vui thế! (Trích sử thi *Đăm Săn*)

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Từ việc đọc hai văn bản sử thi trên đây, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về một phẩm chất của người anh hùng sử thi, trong đó có đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản hoặc chú thích trích dẫn.

ĐẰM SẴN ĐI CHINH PHỤC NỮ THẦN MẶT TRỜI

(Trích *Đăm Săn*, sử thi Ê-đê)

(Lược dẫn: Sau một chuyến đi dài phiêu lưu, mạo hiểm, bất chấp mọi lời can ngăn, vượt qua bao nhiêu thử thách, Đăm Săn cũng đến được nhà của nữ thần Mặt Trời).

Thế là Đăm Săn ra đi. Chàng đi hết rừng rậm đến núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân, không màng ăn uống. Chàng đi, đi mãi, rừng núi quanh hiu, vắng như không, không như vắng. Nhưng rồi chàng cũng đến được bãi thả trâu bò, rồi bãi thả điều làng ông Đu, ông Diê.

Chàng nhác thấy bóng đàn ông¹ một người, bóng đàn bà² một người. Sau đó là cảnh người đi lại như trong sương mù. Chàng liền đến giếng làng xem, thì thấy dưới giếng dây đồng, trên giếng dây vàng, ở giữa là những máng nước sơn nước Gru ửng lên một màu đỏ rực. Cảnh làng của người anh giữ mặt trời, người em giữ mặt trăng này³ Đăm Săn thấy quả là đẹp. Chỗ anh em họ ở là một cánh núi ngăn một dòng nước đục chảy cho đến nơi đất giáp với trời. Chàng đi đến nhà cô gái không chồng, nàng Hơ Kung của chàng Y Đu. Nàng thì đã vào ở giữ mặt trăng, còn chàng thì đã vào ở giữ mặt trời. Ở đây sấm nổ ầm ầm, mưa đổ ào ào, tiếng vó ngựa ngày đêm rầm rập. Từ đây Đăm Săn đứng ngắm ngôi nhà của nữ thần Mặt Trời. Cầu thang trông như cái cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng, chày cũng bằng vàng. Chày nhà tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh.

Đăm Săn xuống ngựa, tháo yên. Chàng vươn bước lên cầu thang thì trong nhà người ta đã nghe. Chàng vươn người trên sàn hiên thì trong nhà người ta đã nghe. Chàng dậm chân bước trên sàn hiên thì người ta đã thấy. Chàng vào nhà. Toà nhà dài dằng dặc, voi đứng vây chặt sàn hiên, chiêng xếp đầy nhà ngoài, công chất đầy nhà trong, tôi trai tớ gái như con ong đi lấy nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, các xà ngang xà dọc đều dát vàng. Quả thật chàng chưa hề thấy một ngôi nhà nào như vậy cả.

Đăm Săn gác chà gác lên rồi đến ngôi trên ghé. Người đi ra đi vào nhà trong nhà ngoài đưa mắt nhìn chàng, thấy chàng oai như một vị thần. Tiếng xì xào ca ngợi chàng đã vọng tới tai nữ thần Mặt Trời ở nhà trong.

NỮ THẦN: – Ơ các con, ơ các con, khách nào ở ngoài ấy?

¹ *Bóng đàn ông*: bóng chàng Y Đu.

² *Bóng đàn bà*: bóng nàng Hơ Kung.

³ *Sự tích Hơ Kung – Y Đu*: hai anh em, kẻ con nuôi, người con đẻ, lớn lên yêu nhau. Họ bị xã hội xua đuổi, cho là phạm tội loạn luân. Để chấm dứt tình duyên tội lỗi, Hơ Kung bày ra một cuộc thi tài, nếu nàng thắng họ sẽ chia tay. (Hơ Kung sẽ phải dệt xong một tấm khổ, Y Đu đắp xong cái đập ngăn một con sông. Hơ Kung tin mình sẽ thắng). Nhưng Hơ Kung đã thua (vì Y Đu, với sự giúp sức của muông thú, đã hoàn thành con đập trước). Hơ Kung chạy trốn lên núi vừa lúc mặt trăng lên nên nàng trốn luôn vào mặt trăng. Y Đu đuổi theo, lên đến đầu núi, vừa lúc mặt trời lên nên chàng vào luôn mặt trời. Từ đó, một người canh giữ mặt trăng, một người canh giữ mặt trời, họ chỉ có thể gặp nhau khi có nhật thực, nguyệt thực. Theo đó, nơi mà sử thi gọi là “làng của người anh giữ mặt trời, người em giữ mặt trăng” thực ra là nơi diễn ra cuộc thi tài giữa hai anh em Hơ Kung – Y Đu.

NGƯỜI HẦU: – Thưa bà, chúng con không được quen. Khách này mặc một áo lụa đẹp, thêm một áo chiến cũng thật là đẹp. Lông chân như chải, lông đuôi như chuốt. Tiếng nghe như chong chóng gỗ mỗ¹. Khắp các tù trưởng đầu làng không có một ai như khách cả.

Nữ thần bỏ váy cũ mặc váy mới. Chưa hài lòng với váy này, nàng lấy váy kia. Nàng mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp. Mái tóc nàng vén bên tai trông thật là đẹp. Nàng từ trong buồng đi ra, cửa buồng liền bùng sáng. Nàng đi trông như điều bay ó liêng, như nước lững lờ trôi cũng không bằng. Khi lờ chân hụt bước, nàng dừng lại đứng yên. Đầu nghiêng cúi xuống, hay nàng ngồi thụp xuống, đầu nhẹ nhẹ ngẩng lên. Tiếng nàng lạnh lạnh, người chưa tới mà tiếng đã vắng lại. Thật không thấy có một ai như nàng cả. Trước mặt Đăm Săn là người con của thần Đất và thần Trời, với một thân hình như cái nụ tai, với một cái cổ như cổ con công.

NỮ THẦN: – Hỡi người con của trần thế, ngươi muốn gì?

ĐĂM SĂN: – Tôi đến đây, tôi muốn có người nấu cơm canh tôi ăn, dệt khố áo tôi mặc.

NỮ THẦN: – Thế phải chăng người còn là lưỡi dao chưa tra cán, còn là cái then chưa tra chốt, là gái còn ở không, là trai còn ở rồi?

ĐĂM SĂN: – Tôi là lưỡi dao đã vương cán, là lưỡi giáo đã có tay cầm. Dưới trần gian, trai gái nào mà không có đôi có lứa.

NỮ THẦN: – Thế sao bây giờ ngươi còn ưa đằng lưng, còn ưng đằng bụng, còn nói nói cười cười? Người nghĩ gì vậy?

ĐĂM SĂN: – Tôi muốn có hai vợ lẽ, tôi muốn cả ba vợ tôi đều là những nàng tiên xinh đẹp. Tôi muốn đưa nàng xuống trần làm *juê*, làm *êngai*², làm chị làm em với Hơ Nhị, Hơ Bhi.

NỮ THẦN: – Ừa, sao ta lại đi? Tạo hoá đã định quê hương đất tổ của Mặt Trời, Mặt Trăng là nơi cuối đất chân trời này rồi cơ mà.

ĐĂM SĂN: – Nàng dù không đi thì tôi cũng đã rẽ đất đến đầu gối, lội bùn đến ngang hông, đội đất đội bùn để đến nhà nàng rồi.

NỮ THẦN: – Nhưng nếu ta đi thì lợn dưới gà trên, cọp, tê giác, ngựa, trâu sẽ chết hết. Chết cả người Kơ-me, người Lào vì hết đất làm nương. Chết cả người Ê-đê Ê-ga vì không còn nước uống. Chết cả gặm ghì cu xanh vì không còn trái ăn. Nếu ta đi, cây trong rừng sẽ tuyệt diệt, cây trên rú sẽ chết khô, lau lách sẽ ngừng đâm chồi, cỏ cây sẽ tàn lụi, đất đai sẽ nứt nẻ, sông suối sẽ cạn khô. Thôi, người hãy đi lấy gùi nước³ về đi! Ta sắp ra đi đây.

ĐĂM SĂN: – Tôi không về. Tôi đã cầm cây chà gạc phát rẫy mới này, tôi rạch rừng, tôi giết tê giác trong thung, giết cọp beo trên núi, giết kên kên, quạ dữ

¹ Chong chóng gỗ mỗ: công cụ của người Ê-đê tự động đuổi chim bằng tiếng động. Trục chong chóng được gắn một số búa gỗ. Chong chóng quay, các búa gỗ này đập vào một cái mõ tre, tạo nên những tiếng kêu lóc cóc.

² Juê (duê) và êngai: hai giống chuối rừng, được dùng ở đây để ví với những người là chị em của nhau.

³ Gùi nước: cái gùi đựng bầu nước. Đường xa, trời nắng nên nữ thần nhắc Đăm Săn phải đem theo nhiều nước uống.

trên ngọn cây, chém ma thiêng quỷ ác trên đường đi. Tôi thương nàng da diết, lòng dạ tôi không nguôi, vì vậy tôi đã đến đây với nàng, muốn cùng nàng nên nghĩa vợ chồng, có lấy được nàng tôi mới về.

NỮ THẦN: – Thôi, người hãy xuống khỏi cái sán nhà này ra về đi! Ta là con của Trời, dù người mới chỉ được ăn cơm, tắm nước lã, hương nghệ chưa vương¹ cũng mặc!

ĐĂM SĂN: – Tôi nghĩ tôi thương nàng, hồi người con của thần Trời. Nhưng cho đến bây giờ chẳng lung nàng đã không ưa, chẳng bụng nàng cũng không ưng, cả tiếng nói tiếng cười với tôi nàng cũng tiếc. Tôi đành quay về làng hoang nhà cũ của tôi vậy. Tôi quay về ăn thịt trâu thịt bò của tôi vậy.

NỮ THẦN: – Ấy, người đừng ra về vội! Ta ra đi đây. Người chết mất.

ĐĂM SĂN: – Mặc, sống được chết đành! Tôi về đây.

Thế là Đăm Săn ra về. Chàng nhảy lên ngựa ra đi.

Lúc này, mặt trời mới ló lên ở đầu núi, ngựa của Đăm Săn kiệu vẫn còn êm. Khi ngựa đến giữa Rừng Đen thì mặt trời đã lên cao, mỗi lúc một thêm cao, ngựa bắt đầu bị dính ở chân. Mặt trời lên cao nữa, khi nó chấm ngang cây xà dọc phía đông thì đất loăng ra. Ngựa tuy nhiên vẫn còn chạy được, nó tiếp tục chạy nhưng lún dần, cho đến khi ngập ngang đầu gối. Từ đó, nó phải đi bước một, cứ bước một đi mãi. Khi mặt trời đã chênh chếch cây xà dọc phía đông thì ngựa đã lún đến sát bẹn, nhưng nó vẫn ráng bước tới. Cho đến khi mặt trời đứng bóng thì ngựa không sao bước tới được nữa².

(Trích *Đăm Săn*, in trong *Sử thi Ê-đê*, Nhiều tác giả,

Nguyễn Hữu Thấu dịch và chú thích, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 210 – 214)

Hướng dẫn đọc

1. Những đặc điểm nào của cốt truyện sử thi đã được thể hiện trong văn bản *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời*? (Có thể trả lời bằng cách lập bảng gồm hai cột, một cột nêu tóm tắt các đặc điểm, một cột dành để đánh dấu vào đặc điểm tương ứng đã được thể hiện trong văn bản).
 2. Những đặc điểm nào của nhân vật sử thi đã được thể hiện trong văn bản *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời*? (Có thể trả lời theo cách gọi ý ở câu hỏi 1).
 3. Nêu một số dẫn chứng thể hiện tình cảm, cảm xúc của người kể chuyện đối với các nhân vật sử thi trong văn bản *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời*.
- ✱ **Bài tập sáng tạo:** Từ hình tượng Mặt Trời trong thần thoại, sử thi hoặc một số tác phẩm thơ ca nổi tiếng, bạn hãy thể hiện ý tưởng sáng tạo của mình bằng một trong những cách sau: vẽ tranh, làm thơ, dựng hoạt cảnh,...

¹ *Hương nghệ chưa vương*: người phụ nữ Ê-đê sau khi tắm thường xoa nghệ. Do vậy cách nói “hương nghệ chưa vương” có ngụ ý là chưa chung chăn gối với người phụ nữ nào.

² *Phần tiếp theo*: vì thường không nghe lời nữ thần, Đăm Săn ra về ngay giữa lúc mặt trời lên cao nắng nóng nên cả người và ngựa chết chìm trong đất sập đen (đầm lầy, Rừng Bà Sun Y Rit). Hồn Đăm Săn hoá thành con ruồi bay vào miệng Hơ Ắng. Người chị có mang và sinh ra Đăm Săn cháu, tiếp tục nối dây (lấy Hơ Nhị, Hơ Bhi). Đăm Săn cháu lại trở thành vị tù trưởng giàu mạnh. Tác phẩm kết thúc bằng cảnh ngày hội mừng năm mới, ăn uống linh đình và lời khuyến dụ hào sảng của Đăm Săn cháu.



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Văn bản nghị luận một vấn đề xã hội là kiểu văn bản dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội (một ý kiến, một tư tưởng đạo lí hay một hiện tượng xã hội), giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề đó.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nêu và giải thích được vấn đề nghị luận.
- Trình bày ít nhất hai luận điểm về vấn đề xã hội; thể hiện rõ ràng quan điểm, thái độ (khẳng định/ bác bỏ) của người viết; hướng người đọc đến một nhận thức đúng và có thái độ, giải pháp phù hợp trước vấn đề xã hội. Liên hệ thực tế, rút ra ý nghĩa của vấn đề.
- Sử dụng được các bằng chứng thực tế tin cậy nhằm củng cố cho lí lẽ.
- Sắp xếp luận điểm, lí lẽ theo trình tự hợp lí.
- Diễn đạt mạch lạc, gãy gọn, có sức thuyết phục.
- Có các phần: *mở bài*, *thân bài*, *kết bài* theo quy cách của kiểu bài.

Mở bài: Nêu vấn đề xã hội cần nghị luận; sự cần thiết bàn luận về vấn đề.

Thân bài: Trình bày ít nhất hai luận điểm chính nhằm làm rõ ý kiến và thể hiện quan điểm, thái độ của người viết (trước các biểu hiện đúng/ sai/ tốt/ xấu); sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

Kết bài: Khẳng định lại tầm quan trọng hay ý nghĩa của vấn đề cùng thái độ, lập trường của người viết.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Quan niệm về thần tượng

Thời gian gần đây, vấn đề quan niệm về thần tượng và sự tôn sùng thần tượng do ngộ nhận của nhiều người trong giới trẻ chúng ta là rất đáng quan tâm. Vì thế, việc tìm hiểu, trao đổi hướng đến một nhận thức chung về vấn đề này để có ứng xử phù hợp trong cuộc sống là rất cần thiết.^[1]

Xung quanh vấn đề này, theo tôi, có mấy câu hỏi cần được trả lời thỏa đáng.^[2]

Thứ nhất: thần tượng là gì, và một hình mẫu như thế nào thì được xem là thần tượng? ^[2a] Thông thường ^[*], từ “thần tượng” được dùng để chỉ “cái được tôn thờ, chiêm ngưỡng” nói chung. Thần tượng có thể là thần hoặc

[1]: Nêu vấn đề xã hội cần nghị luận; sự cần thiết có nhận thức đúng về vấn đề.

[2]: Chuyển dẫn vào các nội dung nghị luận ở thân bài; lần lượt trình bày các luận điểm.

là người; là có thật hay hư cấu tưởng tượng; là thần tượng chung của một cộng đồng, hay thần tượng riêng của một vài cá nhân,... Hiểu rộng và linh hoạt hơn ^[*] thì thần tượng là hình mẫu lí tưởng, trong quan niệm của ai đó, về một phương diện nào đó. Chẳng hạn, con cái, em út có thể xem cha mẹ, anh chị của mình là thần tượng, khi những người này có phẩm chất, năng lực vượt trội. Tương tự, học trò có thể xem thầy cô giáo giỏi của mình là thần tượng; người khởi nghiệp có thể xem các doanh nhân thành đạt là thần tượng; khán, thính giả có thể xem ca sĩ, diễn viên nổi tiếng mà mình yêu thích là thần tượng; độc giả có thể xem nhà văn, thậm chí nhân vật nổi tiếng trong văn học là thần tượng; các bạn đồng môn, cùng trang lứa cũng có thể xem một người bạn học xuất sắc của mình là thần tượng,... Nói chung, bất cứ người nào có phẩm chất, tài năng vượt trội đáng được “tôn thờ, chiêm ngưỡng”, thì đều có thể trở thành thần tượng.

Tuy nhiên, dù theo nghĩa nào, thì mọi hình mẫu được xem là thần tượng đều phải thoả mãn hai điều kiện: có giá trị thực vượt trội (điều kiện cần) và được ai đó hâm mộ, quý trọng, muốn noi theo (điều kiện đủ). Hai điều kiện này có quan hệ rất mật thiết với nhau. ^[*]

Thứ hai: vì sao có tình trạng ngộ nhận về thần tượng? ^[2b] Khi một hình ảnh, nhân vật nào đó không có “giá trị thực” mà vẫn được hâm mộ, quý trọng, muốn noi theo thì đó là ngộ nhận. Trên thực tế, sự ngộ nhận về thần tượng thường là do nhiều nguyên nhân. Chẳng hạn: do người ta bị chi phối bởi những cảm xúc nhất thời; do bông bột chạy theo một thị hiếu đáng ngờ nào đó của đám đông; do bị mê hoặc bởi cái vẻ hào nhoáng bề ngoài của một nhân vật nào đó khi người này được ai đó đề cao quá mức. Trong những trường hợp ấy, một thái độ tỉnh táo cảnh giác với các giá trị ảo hay thị hiếu lệch lạc là rất cần thiết.

Thứ ba, chúng ta cần đến thần tượng để làm gì? Con người, nhất là người trẻ, cần đến thần tượng, là để tôn thờ hay để vươn lên? ^[2c] Câu trả lời, theo tôi, phải là cả hai. Thần tượng, không phải chỉ để nhìn ngắm, tôn thờ mà còn là để tạo cảm hứng cho hành động của mỗi người, vẫy gọi chúng ta không ngừng vươn lên. Khi cố gắng “vuốt lên” theo thần tượng thì chúng ta sẽ chuyển hoá được các giá trị của thần tượng thành giá trị của chính mình. Từ đó ta tự nâng mình lên ngang với thần tượng, thậm chí, cao hơn thần tượng, để lại trở thành thần tượng của ai đó. Thực tế cho thấy không hiếm trường hợp, những người vốn từ vô danh đã trở thành thần tượng nhờ sự vươn lên không ngừng như thế.

Với nhận thức như trên, theo tôi, mỗi người trẻ chúng ta cần và nên có thần tượng. Điều quan trọng là phải chọn thần tượng sao cho đích đáng, tránh cảm tính, ngộ nhận. Có như thế, chúng ta mới dành được nhiều thời gian, tâm lực hơn cho việc trải nghiệm, tu dưỡng, tự nâng cao giá trị của bản thân mình. ^[3]

(Nhóm biên soạn)

[2a]: Luận điểm thứ nhất dựa trên các lí lẽ:

- “thần tượng” là gì?
- hình mẫu nào thì đáng xem là “thần tượng”.

[*]: Quan niệm về thần tượng được nhìn từ nhiều góc độ (“thông thường...”, “hiểu rộng và linh hoạt hơn...”) và dựa trên nhiều bằng chứng thực tế (“Chẳng hạn...”, “Tương tự...”).

[2b]: Luận điểm thứ hai được triển khai theo trình tự: lí lẽ – bằng chứng – lí lẽ.

[2c]: Luận điểm thứ ba triển khai theo trình tự: lí lẽ – bằng chứng – lí lẽ.

[3]: Khẳng định lại tầm quan trọng/ ý nghĩa của vấn đề, và hướng giải quyết.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu về bố cục đối với kiểu bài *nghị luận về một vấn đề xã hội* hay chưa?
2. Việc tác giả dành đoạn đầu trong thân bài để đưa ra cách hiểu về khái niệm “thần tượng” có tác dụng như thế nào trong cách triển khai vấn đề?
3. Nhận xét về cách người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm chính trong văn bản.
4. Nêu một số từ ngữ, câu văn cho thấy người viết đã chú ý thể hiện quan điểm của mình, nhận xét về cách thể hiện ấy.
5. Bạn rút được kinh nghiệm hay lưu ý gì trong cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống từ ngữ liệu trên?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết văn bản nghị luận trình bày ý kiến về một trong những vấn đề sau:

- Tầm quan trọng của động cơ học tập;
- Ứng xử trên không gian mạng;
- Quan niệm về lòng vị tha;
- Thị hiếu của thanh niên ngày nay,...

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài: Bạn có thể chọn một đề tài cụ thể trong hoặc ngoài các vấn đề được gợi ý trong đề bài. Chẳng hạn: bàn luận về động cơ, đức tính trung thực, tinh thần vượt khó,... trong học tập của lớp trẻ; vấn đề thị hiếu của thanh niên ngày nay; ứng xử trên không gian mạng; hành vi gian lận trong thi cử và “đạo văn” trong nghiên cứu, sáng tác, sáng chế; sự tương trợ đối với người gặp khó khăn, hoạn nạn,...). Tuy vậy, nên chọn đề tài theo các tiêu chí:

- Vấn đề mà bạn quan tâm, có hứng thú trong việc trình bày ý kiến.
- Vấn đề quen thuộc, gần gũi với bạn và những người cùng độ tuổi.
- Vấn đề thuận lợi cho bạn trong việc tìm hiểu thực tế, chia sẻ trải nghiệm hay bày tỏ quan điểm, thái độ,... trong bài viết.
- Vấn đề đang có những ý kiến khác biệt, thậm chí trái ngược nhau.

Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc

Bạn cần trả lời một số câu hỏi như: *Mục đích viết bài này là gì? Người đọc bài viết này có thể là ai?*

Đó là cơ sở giúp bạn lựa chọn nội dung, cách viết cho phù hợp với mục đích viết và đối tượng người đọc.

Thu thập tư liệu

Để viết được văn bản đáp ứng yêu cầu của đề bài, bạn hãy tự hỏi:

- Vấn đề liên quan đến các khái niệm nào?
- Xung quanh vấn đề nghị luận có những ý kiến, quan niệm khác biệt nào?
- Việc giải quyết vấn đề có ích lợi gì và nên giải quyết thế nào?

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Bạn nên tìm ý bằng cách nêu và trả lời một số câu hỏi dưới đây:

- Vấn đề cần được khẳng định hay bác bỏ hoặc kết hợp khẳng định với bác bỏ? Từ các câu trả lời đầu tiên này, lại đặt các câu hỏi cụ thể hơn để phát triển ý. Chẳng hạn, tìm ý cho vấn đề ứng xử trên không gian mạng, trước hết bạn cần phân ra các kiểu ứng xử của cư dân mạng thành hai loại hành vi: hành vi đúng đắn, hợp pháp và hành vi sai trái, quá khích, bất hợp pháp, với loại hành vi đúng thì khẳng định, với hành vi sai thì cần bác bỏ. Nhưng từ đây bạn lại đặt và trả lời tiếp các câu hỏi: *Thế nào là hành vi đúng đắn, hợp pháp và ngược lại? Khi mọi người hành xử đúng đắn thì có ích lợi gì cho cộng đồng? Có cách nào để tránh được những sai lầm, vi phạm luật pháp trên không gian mạng?*

- Cần có ít nhất mấy luận điểm? Sắp xếp luận điểm theo trình tự nào?
- Lí lẽ, bằng chứng cần có cho mỗi luận điểm?

Lập dàn ý

Bạn sắp xếp nội dung các phần mở bài, thân bài, kết bài; các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong thân bài theo gợi ý trong mục Yêu cầu đối với kiểu bài (trang 54). Trong đó, cần tập trung phát triển dàn ý phần thân bài.

Ví dụ: Cũng với đề bài trên, nếu chọn vấn đề *Quan niệm về thần tượng* như ở ngữ liệu tham khảo trên đây, dàn ý phần thân bài có thể là:

1. Luận điểm thứ nhất: “Thần tượng” là gì, một hình mẫu như thế nào thì được xem là thần tượng? hoặc: Xác định cách hiểu đúng về “thần tượng”. (*Lí lẽ; bằng chứng*)
2. Luận điểm thứ hai: Vì sao có tình trạng ngộ nhận về “thần tượng”? hoặc: Giải thích lí do dẫn đến sự ngộ nhận về thần tượng.
3. Luận điểm thứ ba: Chúng ta cần đến thần tượng để làm gì? hoặc: Mục đích của việc tìm kiếm thần tượng: không phải chỉ để nhìn ngắm, tôn thờ mà còn để tự vươn lên. (*Lí lẽ; bằng chứng*)

Bước 3: Viết bài

- Triển khai dàn ý thành đoạn, thành bài.
- Mỗi luận điểm nên trình bày thành một đoạn với lí lẽ và bằng chứng.
- Trong mỗi đoạn văn, cần có câu chủ đề nêu rõ nội dung luận điểm.
- Về trình tự, có thể đưa lí lẽ trước, bằng chứng sau hoặc nêu lí lẽ đến đâu, đưa bằng chứng đến đấy.
- Dùng các từ ngữ liên kết câu, liên kết đoạn để tạo sự mạch lạc cho bài viết, giúp người đọc dễ theo dõi các ý của bài viết.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

- Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo những gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu vấn đề xã hội cần nghị luận.		
	Nêu tính cấp thiết của vấn đề.		
Thân bài	Trình bày và làm rõ ý kiến qua ít nhất hai luận điểm chính.		
	Xem xét vấn đề từ nhiều phía.		
	Thể hiện nhận thức, quan niệm, thái độ, lập trường của người viết về vấn đề nghị luận (trước các biểu hiện đúng/sai/ tốt/ xấu,...).		
	Làm sáng tỏ vấn đề bằng các lí lẽ và bằng chứng.		
	Hướng đến nhận thức chung hoặc nêu giải pháp cho vấn đề.		
Kết bài	Khẳng định lại về vấn đề, ý kiến đã trình bày.		
	Nêu ý nghĩa thực tiễn của vấn đề.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng hợp lí.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

- Chỉnh sửa xong, chia sẻ bài viết của mình với các bạn trong lớp. Lưu ý ghi chép lại ý kiến đóng góp cũng như những câu hỏi của họ và xem xét.

- Bạn tự nêu bài học kinh nghiệm về việc viết một bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (kinh nghiệm có thể nêu khái quát hoặc dựa theo các bước trong quy trình viết).



THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ KẾT HỢP SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ

Đề bài:

Thuyết trình về một trong những vấn đề sau (có sử dụng kết hợp phương tiện giao tiếp ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ):

- Tầm quan trọng của động cơ học tập;
- Ứng xử trên không gian mạng;
- Quan niệm về lòng vị tha;
- Thị hiếu của thanh niên ngày nay,...

Bước 1: Chuẩn bị nói

Bước chuẩn bị nói gồm: *Xác định đề tài; Xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói; Tìm ý và lập dàn ý; Luyện tập.*

Xác định đề tài

Bạn cần xác định rõ: Đề tài bài nói (trong trường hợp này chính là đề tài của bài viết).

Xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

Bạn thực hiện khâu này theo hướng dẫn ở Bài 1.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Trong trường hợp này, ý tưởng và các thông tin, tài liệu chính đã được bạn xác định khi thực hiện bài viết. Bạn có thể sử dụng các ý tưởng, thông tin, tài liệu đã có sao cho việc nói có hiệu quả nhất. Tuy vậy, nói là trình bày giao tiếp trực tiếp với người nghe cụ thể trong không gian, thời gian xác định. Vì thế, bạn cần:

- Tìm những cách mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe.
- Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính; hình ảnh, video clip, sơ đồ, bảng biểu;...
- Dự kiến trước một số điểm nghi vấn, băn khoăn, thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên để tìm cách trả lời, giải đáp.

Lập dàn ý

Dàn ý của bài nói cơ bản cũng là dàn ý mà bạn đã chuẩn bị cho bài viết. Có thể chỉnh sửa lại dàn ý dùng cho phù hợp với bài nói của bạn.

Luyện tập

Bạn có thể luyện nói theo nhiều cách:

- Tập trình bày với bạn cùng nhóm.
- Thu hình, thu âm bài nói, sau đó xem lại, tự phân tích ưu, nhược điểm từng nội dung trình bày của mình để rút kinh nghiệm lần trình bày chính thức.

Bước 2: Trình bày bài nói

• Khi trình bày, có thể dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị từ trước. Có thể sử dụng những tờ giấy nhỏ để viết, ghi chú ngắn gọn, súc tích nội dung nói dưới dạng từ, cụm từ,...

• Về trình tự, nên trình bày từ khái quát đến cụ thể; nêu các luận điểm, sau đó mới trình bày cụ thể từng luận điểm, nhằm giúp người nghe dễ dàng và chủ động hơn trong việc theo dõi phần trình bày.

• Những nội dung đã trình bày trong phần viết ở trên mang đặc điểm của ngôn ngữ viết. Vì vậy, khi chuyển thành bài nói, nên lựa chọn những từ ngữ thích hợp của ngôn ngữ nói và quen thuộc với người nghe, tránh dùng ngôn ngữ viết và đọc lại bài viết.

• Kết hợp sử dụng tranh ảnh, video clip, sơ đồ, số liệu, biểu bảng, điệu bộ sao cho phù hợp với nội dung bài nói.

• Để thuận lợi trong việc tương tác với người nghe, nên chọn vị trí đứng thuận lợi nhất, có thể di chuyển trong lúc trình bày để tiếp cận khán giả ở nhiều vị trí khác nhau. Chú ý tương tác bằng mắt, giọng điệu; cần trình bày tự tin, nói rõ ràng, rành mạch, có cảm xúc.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

• *Trong vai trò là người nói:* Sau khi trình bày xong, hãy lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về nội dung, hình thức bài trình bày; giải thích và làm rõ những điều các bạn chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình. Những ý kiến chưa được phản hồi trực tiếp, nếu cần, bạn có thể tiếp tục trao đổi sau buổi trình bày thông qua một số phương tiện như thư điện tử, tin nhắn, mạng xã hội,...

• *Trong vai trò là người nghe:* Sau khi lắng nghe bài trình bày của bạn mình, bạn có thể nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý cho bạn về nội dung, hình thức của bài trình bày. Cũng có thể yêu cầu bạn giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc có ý kiến khác với người trình bày. Dù trong vai người nói hay người nghe thì khi trao đổi, bạn cần tôn trọng các ý kiến khác biệt.

Đánh giá

- Trong vai trò người nói, bạn hãy tự đánh giá phần trình bày của mình.
- Trong vai trò người nghe, bạn hãy đánh giá phần trình bày của người nói.

Trong cả hai vai trò ấy, khi đánh giá, bạn có thể sử dụng các gợi ý trong bảng sau đây:

Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình về một vấn đề xã hội

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Người nói chào người nghe và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu nội dung khái quát của bài nói.		
Nội dung chính	Giải thích các khái niệm từ ngữ quan trọng liên quan đến cách hiểu vấn đề.		
	Lần lượt trình bày và làm rõ ý kiến qua ít nhất hai luận điểm chính.		
	Thể hiện nhận thức, quan niệm, thái độ, lập trường của người viết về vấn đề nghị luận (trước các biểu hiện đúng/sai/ tốt/ xấu,...).		
	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ thực tiễn đời sống.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung chính đã trình bày.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

ÔN TẬP

1. Hãy tóm tắt thật ngắn gọn nội dung chính của mỗi văn bản sử thi đã đọc theo mẫu dưới đây (làm vào vở):

Bảng tóm tắt nội dung chính của các văn bản

TT	Văn bản	Nội dung chính
1	<i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây</i> (Trích sử thi <i>Đăm Săn</i>)	
2	<i>Gặp Ka-ríp và Xi-la</i> (Trích sử thi <i>Ô-đi-xê</i>)	
3	<i>Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời</i> (Trích sử thi <i>Đăm Săn</i>)	

2. Ô-đi-xê trong đoạn trích *Gặp Ka-ríp và Xi-la* và Đăm Săn trong *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* đã thể hiện những đặc điểm nào của nhân vật anh hùng trong sử thi?
3. So sánh tác dụng của việc sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất trong *Gặp Ka-ríp và Xi-la* và người kể chuyện ngôi thứ ba trong *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*.
4. Bạn rút ra được những lưu ý gì về cách trình bày ý kiến (viết và nói) về một vấn đề xã hội?
5. Theo bạn, sức sống của một cộng đồng được nuôi dưỡng từ đâu?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.
- Nhận biết và sửa chữa được các lỗi dùng từ.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ.
- Biết yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm hồn con người.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Chủ thể trữ tình là chủ thể của tiếng nói trữ tình trong bài thơ. Đọc thơ trữ tình, trước mắt ta không chỉ xuất hiện những cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt, những con người, sự kiện mà còn gọi lên hình tượng một ai đó đang ngắm, nhìn, đang rung động, suy tưởng về chúng, về cuộc sống nói chung. Hình tượng ấy chính là **chủ thể trữ tình** trong thơ. Chủ thể trữ tình thường xuất hiện trực tiếp với các đại từ nhân xưng: “tôi”, “ta”, “chúng ta”, “anh”, “em”,... hoặc nhập vai vào một nhân vật nào đó, cũng có thể là “chủ thể ẩn”. Các hình thức xuất hiện nêu trên của chủ thể trữ tình cũng có thể thay đổi, xen kẽ trong một bài thơ.

Vần và nhịp là những yếu tố quan trọng tạo nên nhạc điệu trong thơ.

Vần tạo cho lời thơ một sự kết dính âm vang đầy ấn tượng, đồng thời làm cho thơ dễ nhớ, dễ thuộc hơn. Cách gieo vần phụ thuộc vào yêu cầu và quy cách riêng của mỗi thể thơ. Nhưng nói chung, xét về vị trí xuất hiện, có **vần chân** (cước vận) là vần giữa các chữ ở cuối dòng thơ; **vần lưng** (yêu vận) là vần giữa chữ cuối của dòng trước với chữ ở gần cuối hay ở khoảng giữa của dòng thơ sau, hoặc giữa các chữ ngay trong một dòng thơ. Xét về thanh điệu, có vần thanh **trắc** (T) và vần thanh **bằng** (B).

Nhịp (hay ngắt nhịp) là cách tổ chức sắp xếp sự vận động của lời thơ, thể hiện qua các chỗ dừng, chỗ nghỉ khi đọc bài thơ. Nhịp thơ là yếu tố cơ bản nhất của nhạc điệu. Nhịp thơ được tạo nên chủ yếu bởi cách ngắt dòng và cách ngắt nhịp trong từng dòng thơ, câu thơ.

Trước hết, ngắt nhịp liên quan đến cách xuống dòng. Điều này phụ thuộc vào số lượng chữ của dòng thơ. Ví dụ: thơ lục bát luân phiên ngắt dòng 6 – 8, thơ song thất lục bát luân phiên ngắt dòng 7 – 7 – 6 – 8; các thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ,... đều có nhịp ngắt dòng riêng. Với thơ tự do, cách ngắt nhịp theo dòng rất đa dạng, bởi số tiếng trong mỗi dòng thơ không bị ràng buộc chặt chẽ.

Thứ đến, nhịp thơ còn toát ra từ cách ngắt nhịp trong từng dòng thơ, câu thơ. Ví dụ: thơ 7 chữ thường ngắt nhịp 4/3; thơ 5 chữ thường ngắt nhịp 2/3; việc thay đổi cách ngắt nhịp quen thuộc trong dòng thơ thường là có dụng ý: cũng là câu thơ lục bát nhưng cách ngắt nhịp khác nhau tạo nên hiệu quả khác nhau.

Từ ngữ, hình ảnh trong thơ mang lại sức gợi cảm lớn, có khả năng chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa. Hình ảnh trong thơ thường được tạo ra bằng các biện pháp tu từ như *so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ*,... nhằm tạo nên sức truyền cảm, sự phong phú, bóng bẩy cho ý thơ.

Lỗi dùng từ và cách sửa

Có thể phân loại một số lỗi dùng từ như sau:

- Lỗi lặp từ

Ví dụ: **Truyện thần thoại** có rất nhiều yếu tố tưởng tượng kì thú nên em rất thích đọc **truyện thần thoại**.

Cách sửa: Lược bỏ hoặc thay thế từ ngữ bị lặp bằng từ ngữ khác. Chúng ta có thể sửa câu trên như sau: *Truyện thần thoại có rất nhiều yếu tố tưởng tượng kì thú nên em rất thích đọc thể loại này.*

Lưu ý: Cần phân biệt lỗi lặp từ với biện pháp lặp từ để liên kết văn bản (phép lặp) hoặc để nhấn mạnh một nội dung nào đó (phép điệp).

- Lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm

Ví dụ: Anh ấy đã kịp thời khắc phục những **thiếu sót** của mình.

Cách sửa: Sửa lại từ cho đúng với hình thức ngữ âm. Trong câu trên, chúng ta phải dùng từ “thiếu sót”.

- Lỗi dùng từ không đúng nghĩa

Ví dụ: Các nội dung thầy giáo **truyền tụng**, chúng em đều rất hứng thú.

Từ “truyền tụng” thường dùng với ý nghĩa “truyền miệng cho nhau với lòng ngưỡng mộ”. Trong trường hợp này, chúng ta không dùng từ “truyền tụng”.

Cách sửa: Thay thế từ đúng nghĩa. Trong ví dụ trên, chúng ta thay từ “truyền tụng” bằng “truyền đạt”.

- Lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp

Ví dụ: Chúng tôi rất quan tâm vấn đề ô nhiễm môi trường.

Trong ví dụ trên, từ “quan tâm” không thể kết hợp trực tiếp với “vấn đề ô nhiễm môi trường” mà cần có thêm một quan hệ từ “đến” hoặc “tới”.

Cách sửa: Thêm, bớt, thay thế từ ngữ cho phù hợp với khả năng kết hợp của từ. Trong câu trên, chúng ta cần thêm từ “đến” hoặc “tới” sau từ “quan tâm”: *Chúng tôi rất quan tâm đến vấn đề ô nhiễm môi trường.*

- Lỗi dùng từ không phù hợp với kiểu văn bản

Ví dụ: Trong đơn xin phép nghỉ học, học sinh viết *Kính gửi: Cô giáo chủ nhiệm lớp 10A kính yêu*. Trong câu trên, “kính yêu” không phù hợp với kiểu văn bản đơn từ.

Cách sửa: Lược bỏ, thay thế bằng từ ngữ phù hợp. Trong câu trên, chúng ta lược bỏ từ “kính yêu”.



ĐỌC

Từ bao đời nay, thiên nhiên vẫn là người bạn thân thiết và hào phóng của nhân loại. Người bạn lặng lẽ ấy vẫn âm thầm khơi gợi trong tâm hồn con người, đặc biệt là những tâm hồn thi nhân, bao rung động diệu kì, cùng những xúc cảm, suy tư sâu lắng.

Với bài học này, qua việc đọc hiểu một số văn bản thơ trữ tình, bạn sẽ được nâng cao khả năng đọc hiểu văn bản thơ, đồng thời bồi dưỡng cảm quan về thiên nhiên của mình.

VĂN BẢN 1

HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH

Chu Mạnh Trinh



Hình: Động Hương Tích

(Nguồn: <https://dreamtravel.com.vn/cam-nang-du-lich/dong-huong-tich-thang-canh-ky-thu-o-ha-noi-6159-2136.html>)

✓ Trước khi đọc

Hãy giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về một cảnh đẹp của quê hương, đất nước mà bạn đã có dịp đến thăm hoặc biết qua sách vở.

VĂN BẢN 1

1. Bầu trời cảnh Bụt¹
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây,
“Đệ nhất động”² hỏi nơi đây có phải? ¹
5. Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lững lờ khe Yến³ cá nghe kinh.
Vẳng bên tai một tiếng chày kinh⁴,
Khách tang hải⁵ giạt mình trong giấc mộng.
Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Vông,
10. Này hang Phật Tích, này động Tuyết Quỳnh.
Nhác trông lên ai khéo hoạ hình,
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Chập chờn mấy lối uốn thang mây⁶. ²
15. Chừng giang sơn còn đợi ai đây,
Hay tạo hóa khéo ra tay xếp đặt.
Lần tràng hạt⁷ niệm “Nam mô Phật”,
Cửa từ bi⁸ công đức biết là bao!
Càng trông phong cảnh càng yêu. ³

Theo dõi

¹ Lưu ý tìm những từ ngữ diễn tả cảm xúc của chủ thể trữ tình khi đến Hương Sơn.

Tưởng tượng

² Đoạn này sử dụng các biện pháp tu từ nào để miêu tả vẻ đẹp Hương Sơn? Các biện pháp tu từ đó giúp bạn hình dung phong cảnh Hương Sơn như thế nào?

Theo dõi

³ Chú ý số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp và cách kết thúc bài thơ.

(In trong *Việt Nam ca từ biên khảo*, Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1995; có tham khảo văn bản *Bài ca phong cảnh Hương Sơn*, Ngữ văn 11, tập một, Hoàng Như Mai (Chủ biên), NXB Giáo dục, 2005)

¹ *Cảnh Bụt*: phong cảnh mang không khí riêng của xứ Phật, nơi tu hành.

² *Đệ nhất động*: trên cửa động Hương Tích có khắc dòng chữ: “Nam thiên đệ nhất động” (động số một của trời Nam), tương truyền là chữ của chúa Trịnh Sâm.

³ *Khe Yến*: tức suối Yến, nằm trong quần thể Hương Sơn.

⁴ *Chày kinh*: chày giống hình con cá kinh, dùng để đánh chuông.

⁵ *Khách tang hải*: khách đến từ cõi trần tục. Thành ngữ đầy đủ: Tang điển thương hải (ruộng dâu biến thành biển xanh), chỉ cuộc đời biến thiên, thay đổi, thịnh suy khôn lường.

⁶ *Thang mây*: lối đi lên Hương Sơn có mây phủ, gập ghềnh, uốn lượn giống như thang bằng mây.

⁷ *Tràng hạt*: vòng chuỗi hạt các Phật tử thường lần từng hạt mỗi khi đọc kinh, niệm Phật.

⁸ *Cửa từ bi*: cửa nhà Phật (thương yêu chúng sinh; thông cảm sâu sắc với nỗi khổ của chúng sinh).

✓ Sau khi đọc

1. Xác định bố cục của bài thơ.
2. Nêu một số từ ngữ để khái quát vẻ đẹp của phong cảnh Hương Sơn được gọi tả qua các đoạn thơ.
3. Chủ thể trữ tình của bài thơ là ai? Đó là chủ thể ẩn, chủ thể xuất hiện trực tiếp với một đại từ nhân xưng, hay chủ thể nhập vai vào một nhân vật trong bài thơ?
4. Phân tích diễn biến tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bài thơ.
5. Phát biểu cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Phân tích hiệu quả của cách xây dựng hình ảnh, sử dụng từ ngữ, biện pháp tu từ đối với việc thể hiện cảm hứng ấy.
6. Nhận xét về vai trò của vần và nhịp trong bài thơ.
7. Theo bạn, trên đất nước ta còn có những thắng cảnh nào sánh được với cảnh quan Hương Sơn? Trong số đó, thắng cảnh nào đã đi vào thơ? Hãy chia sẻ những gì bạn biết về thắng cảnh hoặc về bài thơ ấy.



Chu Mạnh Trinh

Chu Mạnh Trinh (1862 – 1905), tự Cán Thần, hiệu Trúc Vân, người làng Phú Thị, huyện Đông Yên, nay là huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Ông đỗ Tiến sĩ năm 1892, làm quan đến chức Án sát. Năm 1903, ông từ quan về quê.

Ông là người thạo cầm, kì, thi, hoạ, am hiểu nghệ thuật kiến trúc, đã vẽ kiểu chùa Thiên Trù (Hương Sơn) khi trùng tu. Ông đoạt giải nhất thơ Nôm trong cuộc thi vịnh Kiều năm 1905 tại Hưng Yên.

Hương Sơn phong cảnh được viết theo thể hát nói, một thể loại thơ ca dân tộc. Bài hát nói chính thể có 11 câu. Bố cục gồm ba phần:

- Khổ đầu: Mở lời (4 câu: câu 1 – câu 4)
- Khổ giữa: Nội dung bài hát nói (4 câu: câu 5 – câu 8)
- Khổ xếp: Phần kết bài (3 câu: câu 9 – câu 11)

Bài hát nói biến thể thì số khổ giữa có thể tăng (gọi là đôi khổ), hoặc giảm (gọi là thiếu khổ).

Trong bài hát nói, quy định về số tiếng, cách gieo vần và ngắt nhịp tương đối tự do.

✓ Trước khi đọc

1. Bạn hãy chia sẻ những cảm xúc đặc biệt, hoặc những quan sát, phát hiện thú vị của bản thân về thiên nhiên quanh ta.
2. Trong hình dung của bạn, bức tranh mùa thu có những hình ảnh, sắc màu, đường nét đặc trưng nào?

✓ Đọc văn bản

Chiều mộng hoà thơ trên nhánh duyên,

Cây me riu rít cặp chim chuyền.

Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá,
Thu đến – nơi nơi động tiếng huyền². ❶

Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu

Lả lả cảnh hoang vắng trở chiều;

Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn

Lần đầu rung động nỗi thương yêu.

Em bước điềm nhiên không vương chân,

Anh đi lững đững chẳng theo gần

Vô tâm – nhưng giữa bài thơ dịu

Anh với em như một cặp vầng.

Mây biếc về đâu bay gấp gấp

Con cò trên ruộng cánh phân vân ❷

Chim nghe trời rộng giang thêm cánh

Hoa lạnh chiều thưa sương xuống dần.

Ai hay tuy lặng bước thu êm

Tuy chẳng băng nhân³ gạ tỏ niềm

Trông thấy chiều hôm ngơ ngẩn vậy,

Lòng anh thôi đã cưới lòng em.

Theo dõi

❶ Lưu ý những từ ngữ chỉ mối quan hệ giữa các sự vật trong khổ 1. Đó là mối quan hệ như thế nào?

Suy luận

❷ Trong khổ 4, cảnh vật có sự thay đổi như thế nào so với khổ 1, 2?

(In trong *Tuyển tập Xuân Diệu (thơ)*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 100 – 101)

¹ *Duyên*: quan hệ gắn bó, tựa như tự nhiên mà có.

² *Tiếng huyền*: huyền là dây đàn; tiếng huyền là tiếng đàn.

³ *Băng nhân*: người làm mai mối.

✓ Sau khi đọc

1. Bạn hiểu thế nào về từ “duyên” trong nhan đề “*Thơ duyên*”?
2. Phân tích, so sánh tác dụng của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp,... trong việc gợi tả cảnh sắc thiên nhiên chiều thu ở khổ 1 và khổ 4.
3. Trước những sắc thái và thời khắc khác nhau của bức tranh thiên nhiên chiều thu, duyên tình giữa “anh” và “em” có sự thay đổi như thế nào theo các khổ thơ? Có thể trả lời dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Khổ thơ	Sắc thái thiên nhiên	Duyên tình “anh” – “em”
Khổ...		
Khổ...		
...		

4. Cảm xúc của “anh” / “em” và thiên nhiên chiều thu giữ vai trò như thế nào trong việc hình thành, phát triển duyên tình gắn bó giữa “anh” và “em”?
5. Xác định chủ thể trữ tình và nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
6. Chỉ ra nét độc đáo trong cách cảm nhận và miêu tả thiên nhiên mùa thu của Xuân Diệu qua *Thơ duyên* (có thể so sánh với một vài bài thơ khác để làm rõ nét độc đáo ấy).



Xuân Diệu

Xuân Diệu (1916 – 1985), tên đầy đủ là Ngô Xuân Diệu, một trong những nhà thơ lớn của dân tộc. Quê nội ông ở làng Trảo Nha (nay thuộc xã Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Quê ngoại ông là vịnh Gò Bồi, xã Tùng Giản, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Những miền đất này đều là nguồn nuôi dưỡng, ảnh hưởng mạnh mẽ đến hồn thơ ông. Xuân Diệu làm thơ khi còn rất trẻ, sớm nổi tiếng trong phong trào Thơ mới. Thơ ông dồi dào những rung động tươi mới, tràn trề tình yêu và niềm khát khao giao cảm với đời. *Thơ duyên* được in trong tập *Thơ thơ* (1933 – 1938), tập thơ đầu tay của tác giả.

✓ **Đọc văn bản**

Ở quê tôi, trai gái đều thuộc lòng câu hò:

Chim thẳng chài¹ có ngày mắc bẫy
Em cho anh hay anh hãy tránh xa
Mẹ cha không thể chịu hoà
Em đâu dám cãi để mà theo anh!

Mái không ấp trứng, không nuôi con. Con chào đời, tự thích nghi môi trường và rèn kĩ năng sống. Lúc trưởng thành, chúng nhìn nhau, tự quần bảo vệ nhau và cứ thế tiếp tục trong cõi trần gian. Thằng chài chia sẻ con mồi nếu bạn tình hoặc đồng loại thiếu cái ăn. Nó nhường mặt nước ao hồ, sông rạch nhiều tôm cá cho những thằng chài già yếu bệnh tật.

Vậy mà, hồi nhỏ đám trẻ tụi tôi khoái rình bắn thẳng chài đậu rình cá trên đầu bập dờn nước bằng cái ná thun, đạn đất sét vo tròn. Thiệt là, chim rình cá, người rình chim... Có sự từ cái rình theo cuộc!

Tôi bị má đánh đòn khi bắn thẳng chài rớt bến sông. “Sao con cướp đi sự sống của nó? Rồi, ai cướp sự sống của con?”. Má bảo tôi ra bến vớt nó lên. Tôi rửa mặt và làm theo lời má. Thằng chài rớt khi này đã được hai thằng chài khác dùng mỏ quắp qua bên kia mé rạch. Nó gãy cánh không chết, nằm sải lai². Tôi đem nó về nhà nuôi và trị thương. Đút cá nó không ăn, đút thứ gì cũng chẳng thèm. Tôi hối hận và bối rối. Mấy hôm, vết thương lành, thằng chài ốm nhom chỉ chớp cánh, không thể bay vì đuối sức. Tôi mang nó ra vườn để dưới gốc mận gần cầu nước.

Trời tinh mơ, buổi sáng nhà quê dịu và mát. Bầy thẳng chài bu quanh bạn đút mồi, thấy nó ăn tôi bắt thèm theo. Nó vươn đôi cánh như vươn vai, hót mấy tiếng chắc là cảm ơn và chào tôi.

Gió rung nắng, hương hoa mận bay khắp vườn. Tôi tần ngần nhìn bầu trời xanh và ngẫm nghĩ, thằng chài chính cống “thú diện nhơn tâm³”!

Gần bảy mươi năm, từ lúc tôi dùng ná thun bắn thẳng chài rớt bến sông; tôi không thể nào quên câu hỏi của má: “Sao con cướp đi sự sống của nó? Rồi, ai cướp sự sống của con?”. Đồng thời, tận đáy lòng, tôi cũng không thể rút ra được sự hối hận và bối rối mỗi khi nhớ lại câu chuyện cũ.

(Trích *Tương hợp Phật tính dân gian và môi trường sinh thái*, in trong *Thương những ngày...*,
Trần Bảo Định, tập truyện, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2020, tr. 170 – 172.
Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt)

¹ *Chim thẳng chài*: chim ăn cá, cỡ bằng sáo, mỏ đỏ, lông xanh, ngực nâu; còn gọi là chim bói cá.

² *Sải lai*: nằm dài, không muốn cử động tay chân.

³ *Thú diện nhơn tâm*: mặt của loài cầm thú nhưng lòng dạ của con người.

✓ Sau khi đọc

1. Tìm những từ ngữ, câu văn thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi kể “câu chuyện cũ” về chim thẳng chài và cho biết nội dung bao quát của văn bản.
2. Theo bạn, trong câu chuyện trên, ai là người thực sự đã cứu sống chim thẳng chài? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?
3. Việc lặp lại câu hỏi của người má: “Sao con cướp đi sự sống của nó? Rồi, ai cướp sự sống của con?” có ý nghĩa gì?
4. Từ nội dung “câu chuyện cũ” của nhân vật “tôi”, bạn có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, loài vật?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm và sửa lỗi dùng từ trong các trường hợp sau:
 - a. Thời cơ đã chín mùi nhưng họ lại không biết nắm bắt.
 - b. Nó không giấu giếm với ba mẹ chuyện gì.
 - c. Ngày mai, lớp em sẽ đi thăm quan bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh.
 - d. Những bài hát bất tử ấy sẽ còn lại mãi với thời gian.
 - đ. Tôi rất thích bài “Thơ duyên” của Xuân Diệu vì bài “Thơ duyên” của Xuân Diệu rất hay.
 - e. Tôi xin phiền Ban Giám hiệu xem xét và giải quyết vấn đề này giúp tôi. (Trích Đơn đề nghị)
2. Lựa chọn từ ngữ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B.

A	B
đề xuất	đưa một người giữ chức vụ cao hơn
đề cử	trình bày ý kiến, nguyện vọng lên cấp trên
đề đạt	giới thiệu để đưa ra bầu cử
đề bạt	đưa ra một ý kiến, giải pháp

3. Đặt câu với các từ sau để thấy rõ sự khác biệt về ý nghĩa của chúng:
 - a. Làm bộ, làm dáng, làm cao.
 - b. Nhẹ nhàng, nhẹ nhẹ, nhẹ nhõm.
 - c. Nho nhỏ, nhỏ nhoi, nhỏ nhen, nhỏ nhặt.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ), sử dụng các từ ngữ gợi cảm, thể hiện niềm vui giao cảm với thiên nhiên của con người.

NẮNG ĐÃ HANH RỒI

Vũ Quần Phương

Nắng đã vàng hanh như phấn bay
Đã nghe tiếng sếu vọng sông gày¹
Trước sân mây trắng về đông lấm
Em ở xa nhà, em có hay.

Em có hình dung những mái tranh
Nắng lên khói ủ mộng yên lành
Vườn sau tre mía xôn xao lá
Anh chẳng là cây cũng trĩu cành

Em có cùng anh lên núi không
Có nghe thăm thĩ tiếng rừng thông
Nắng chiều ngả bóng thông in đất
Anh ngả vào đầu nỗi nhớ mong
Xuân sắp sang rồi, xuân sắp qua
Một năm năm tới, lại năm qua
Mà sao nắng cứ như tơ ấy
Rung tự trời cao xuống ngõ xa.

(In trong *Hoa trong cây, Những điều cùng đến, Vết thời gian*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014, tr. 33)

Hướng dẫn đọc

1. Thiên nhiên trong bài thơ được quan sát, miêu tả ở thời điểm nào? Căn cứ vào đâu để bạn xác định như vậy?
2. Bài thơ là lời của ai nói với ai? Điều đó có tác dụng thế nào trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình?
3. Nhận xét về cách gieo vần và tác dụng của vần trong bài thơ.
4. Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh có tác dụng quan trọng trong việc thể hiện chủ đề và cảm hứng ấy.

¹ Gày: gãy (ổm).



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT BÀI THƠ

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một bài thơ: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ ấy.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

– Về nội dung:

- Xác định được chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề bài thơ.
- Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình, kết cấu, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...

– Về kĩ năng:

- Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về bài thơ.
- Có bằng chứng tin cậy từ bài thơ.
- Diễn đạt mạch lạc, sử dụng được các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.
- Bố cục bài viết gồm 3 phần:

Mở bài: giới thiệu bài thơ và tác giả; nêu nhận xét khái quát về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

Thân bài: lần lượt phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

Kết bài: khẳng định lại giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ; tác động của bài thơ đối với bản thân hoặc cảm nghĩ về tác phẩm.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Sức gợi tả của hình ảnh trong bài thơ *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến)¹

Mở đầu bài thơ, tác giả đã cho thấy một cảnh câu cá với ao thu và thuyền câu.^[1a]

Chiếc thuyền bé tẻo teo làm cho ao trở nên rộng:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo

[1a], [1b], [1c]: Giới thiệu và trích dẫn lần lượt từng cặp câu thơ để phân tích, đánh giá.

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Nhưng cái đáng chú ý trong cảnh này là không khí “lạnh lẽo” của mùa thu và làn nước “trong veo”, gợi ra một khung cảnh thật tinh khiết ^[2a]. Cả ao và thuyền như chỉ gợi ra cảnh câu cá, đúng hơn là một biểu trưng câu cá, tưởng như cảnh câu cá xinh xắn giữa một hòn non bộ nào ^[2b]. Nghĩa là nước trong, thuyền bé, gợi ra một cái thú chơi thanh tao, thoát tục, chứ không phải cuộc làm ăn kiếm lợi của ngư ông. ^[2c]

Phong cảnh ao thu thật tươi tắn và yên tĩnh: ^[1b]

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo

Hai câu thơ dùng nét động để miêu tả cảnh tĩnh. ^[1c]

“Sóng biếc” tương phản với “lá vàng” làm cho màu sắc sáng tươi, nổi bật, mỹ lệ.

Nhưng đáng chú ý hơn là không khí vắng lặng ngự trị cả không gian. ^[3a] Sóng biếc theo làn gió nhẹ chỉ hơi gợn một tí, một cái gợn rất mờ hồ, phải chú ý lắm mới thấy rõ. Có lẽ do thuyền câu bất động. Còn chiếc lá vàng rơi vừa khẽ, vừa nhanh (“khẽ đưa vèo”), không gây được một xao động nhỏ nào trong cái tĩnh mịch chung quanh. ^[3b]

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo

“Tầng mây lơ lửng” ở giữa trời, chứng tỏ trời trong xanh, yên tĩnh cao vút thăm thẳm như mở ra chiều cao sâu vô tận. ^[4a] “Ngõ trúc quanh co”, chứng tỏ ngõ dài, uốn khúc, có chiều sâu, và vẫn “vắng teo”. Cả hai chiều không gian cao, rộng đều vắng lặng hầu như tuyệt đối. ^[4b]

“Khách” là người khác, đối lại với chủ. “Khách vắng teo” là biểu trưng cho khung cảnh thanh tao, thoát tục như trong thơ Nguyễn Bình Khiêm: “Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ. Người khôn, người đến chốn lao xao”. “Khách vắng teo” chứng tỏ ông câu cá hình như hoàn toàn làm chủ khung cảnh nên thơ, vắng lặng của mình. ^[4c] [...]

(Trần Đình Sử, *Thu điếu* (trích), in trong *Đọc văn học văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr.172)

[2a], [2b], [2c]: Phân tích, đánh giá nét đặc sắc của hình ảnh trong hai câu đề.

[3a], [3b]: Phân tích, đánh giá cách miêu tả hình ảnh: dùng “động” tả “tĩnh” trong hai câu thực.

[4a], [4b]: Phân tích, đánh giá các hình ảnh gợi mở không gian cao rộng, thanh vắng ở hai câu luận.

[4c]: Liên hệ, so sánh làm rõ thêm sức gợi tả của hình ảnh.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài, trả lời các câu hỏi sau:

1. Ngữ liệu trên có phải là một bài viết hoàn chỉnh không? Căn cứ vào đâu để nhận định như vậy?
2. Nội dung phân tích, đánh giá được trình bày theo cách tách riêng chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật hay kết hợp hai nội dung? Cách trình bày như vậy có ưu điểm gì?
3. Xác định các ý chính được trình bày trong ngữ liệu.
4. Để làm sáng tỏ sức gợi tả của hình ảnh trong bài thơ *Thu điếu*, tác giả đã dùng những dẫn chứng, lí lẽ nào?
5. Việc đánh giá chủ đề và hình thức nghệ thuật có xuất phát từ đặc trưng thể loại của tác phẩm?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về chủ đề và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một bài thơ (thơ lục bát, thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt).

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc

Nên chọn phân tích, đánh giá bài thơ đáp ứng những tiêu chí như:

- Được bản thân và nhiều bạn khác yêu thích.
- Có chủ đề và những điểm đặc sắc về hình thức nghệ thuật dễ nhận thấy.
- Có độ dài phù hợp.

Trả lời các câu hỏi sau để xác định mục đích viết, người đọc: *Việc viết văn bản này nhằm mục đích gì? Ai sẽ là người đọc văn bản?*

Thu thập tư liệu

Phạm vi lựa chọn của bạn khá rộng. Đó có thể là:

- Một bài ca dao.
- Một bài thơ bát cú, một bài thơ tứ tuyệt (hay thơ bốn câu).

Bạn cần quyết định chọn một bài thơ, đoạn thơ trong các trường hợp trên làm đối tượng phân tích đánh giá, đồng thời tìm đọc một số bài viết liên quan.

Khi đọc tư liệu, bạn cần:

- Ghi chép, đánh dấu những ý kiến nhận xét, đánh giá liên quan đến văn bản mình sẽ phân tích.
- Xem xét các ý kiến đã đề cập đến những phương diện nào? Chưa đề cập phương diện nào của văn bản thơ mà bạn sẽ phân tích? Bản thân mình đồng tình với ý kiến nào hoặc có ý kiến khác không?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

- Trả lời các câu hỏi:

– Bài thơ đề cập đến vấn đề gì? Tác giả đề cập đến vấn đề đó với thái độ, tình cảm như thế nào?

– Đưa ra một số dẫn chứng quan trọng (trích dẫn từ bài thơ) có thể minh họa cho các ý tưởng.

• Khi tìm ý cho việc phân tích, đánh giá chủ đề của một bài thơ, bạn cần đặt và trả lời các câu hỏi: *Chủ đề của bài thơ này là gì? Chủ đề đó có gì sâu sắc, mới mẻ? Chủ đề đó bao gồm các khía cạnh nào?...*

• Khi tìm ý cho việc phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một bài thơ, bạn cần đặt và trả lời các câu hỏi phù hợp với thể loại của bài thơ ấy. Các câu hỏi có thể là: *Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào, thể thơ ấy có những điểm gì đáng lưu ý? Các yếu tố hình thức như vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, kết cấu bài thơ có gì đặc sắc và đã góp phần thể hiện chủ đề như thế nào?*

Lập dàn ý

Xây dựng hệ thống luận điểm bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm; lần lượt chi tiết hoá từng luận điểm.

Chẳng hạn, nếu chọn phân tích bài thơ *Cảnh khuya* (Hồ Chí Minh), thân bài có thể triển khai:

1. Nét đặc sắc về chủ đề của bài thơ *Cảnh khuya*: Kết hợp hài hoà tình yêu thiên nhiên với trách nhiệm của vị lãnh tụ kháng chiến. (Lí lẽ và bằng chứng)

2. Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ *Cảnh khuya*: Bố cục chặt chẽ, ngôn ngữ hàm súc, bút pháp gợi tả, so sánh độc đáo. (Lí lẽ và bằng chứng)

Một ví dụ khác: Trong ngữ liệu tham khảo, khi phân tích, đánh giá *Sức gọi tả của hình ảnh trong bài Thu điếu*, luận điểm (lí lẽ và bằng chứng) được tác giả sắp xếp như sau:

1. Ấn tượng về không gian trong và “lạnh” từ các hình ảnh: ao thu, mặt nước, thuyền câu (ở hai câu đề).

2. Ấn tượng về không gian tĩnh lặng từ các hình ảnh: “sóng biếc”, “lá vàng”.

3. Ấn tượng về không gian cao rộng, thanh vắng từ các hình ảnh “tầng mây”, “ngõ trúc”; các tính từ “lơ lửng ... xanh ngắt”, “vắng teo”,...

Bước 3: Viết bài

• Cách thức tiến hành viết bài như đã thực hiện khi viết bài nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể (Bài 1).

• Tập trung phân tích, đánh giá sức biểu cảm của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong bài thơ.

• Nêu rõ ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về những nét đặc sắc của tác phẩm.

• Làm sáng tỏ các ý kiến nhận xét, đánh giá về chủ đề và nghệ thuật bằng việc trích dẫn các hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Đọc lại bài viết và tự đánh giá theo bảng kiểm.

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu bài thơ (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).		
	Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.		
Thân bài	Xác định chủ đề của bài thơ.		
	Phân tích, đánh giá chủ đề của bài thơ.		
	Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ.		
	Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ.		
	Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về bài thơ.		
	Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
Kết bài	Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của bài thơ.		
	Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức bài thơ.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm (lí lẽ và bằng chứng) hợp lí.		
	Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng đúng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng được các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ.		



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT BÀI THƠ

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài: Đề tài ở đây là bài thơ bạn chọn để giới thiệu. Có thể sử dụng bài thơ bạn đã thực hiện bài viết, cũng có thể chọn một bài thơ khác; trong trường hợp sau, bạn sử dụng tiêu chí lựa chọn như với bài viết.

Việc xác mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói; tìm ý, lập dàn ý và luyện tập: bạn có thể thực hiện như đã tiến hành khi giới thiệu một truyện kể (Bài 1).

Bước 2: Trình bày bài nói

Bạn thực hiện bước này như khi trình bày bài nói giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một truyện kể. Nhưng lưu ý:

- Thể hiện được cảm nhận riêng của mình về bài thơ.
- Đọc bài thơ và các trích dẫn thơ truyền cảm theo cảm nhận riêng và phát huy được giọng đọc, giọng nói của chính bạn.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi: Khi trao đổi với người nghe, bạn cần:

- Lắng nghe với thái độ cầu thị và ghi chép tóm lược ý kiến, những vấn đề cần trao đổi thêm.
- Dành thời gian phù hợp để trao đổi những nội dung cần thiết.

Đánh giá: Trong vai trò người nói cũng như vai trò người nghe, bạn có thể đánh giá phần trình bày dựa vào bảng kiểm dưới đây.

Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một bài thơ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu (nếu cần).		
	Giới thiệu bài thơ: tên tác phẩm, thể loại, tác giả (nếu có).		
	Nêu khái quát nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính).		
Nội dung chính	Trình bày ý kiến đánh giá về nội dung của bài thơ.		
	Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của bài thơ.		

	Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.		
	Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận của người nói về bài thơ.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ bài thơ.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung trình bày về bài thơ.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

ÔN TẬP

1. Điền thông tin phù hợp vào bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Chủ đề	Hình thức nghệ thuật đặc sắc
Hương Sơn phong cảnh		
Thơ duyên		
Lời má năm xưa		
Nắng đã hanh rồi		

- Xác định dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình ở mỗi bài thơ trong bài học này.
- Từ việc đọc hiểu các văn bản thơ trong bài học này, bạn rút ra được những lưu ý gì trong cách đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình?
- Hãy rút ra những điều cần lưu ý:
 - Khi viết bài văn phân tích, đánh giá một bài thơ.
 - Giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học.
- Viết bài văn phân tích, đánh giá tình cảm với thiên nhiên trong một bài thơ bạn đã đọc.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó vào văn bản.
- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được mục đích của người viết.
- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản một cách sinh động, hiệu quả; phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin; nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân.
- Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, chú thích và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.
- Biết thuyết trình kết quả nghiên cứu có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- Trân trọng giữ gìn, phát huy các di sản văn hoá của quê hương, đất nước.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản thông tin tổng hợp là một dạng của văn bản báo chí được viết theo lối tổng hợp nhiều thông tin, nhiều phương thức giao tiếp. Tiêu biểu cho dạng này là văn bản thuyết minh có lồng ghép các yếu tố như *miêu tả, tự sự, biểu cảm,...* Mục đích của việc lồng ghép các yếu tố như trên nhằm giúp việc truyền tải thông tin của văn bản thêm sinh động, hiệu quả hơn.

Bản tin là thể loại cơ bản của văn bản báo chí nhằm truyền đạt, phản ánh về một sự kiện mới xảy ra được công chúng quan tâm. Bản tin có chức năng thông báo sự kiện một cách nhanh và ngắn gọn trên báo chí, đặc biệt là báo giấy, báo điện tử, đài phát thanh và đài truyền hình. Bản tin có nhiều loại *bản tin ảnh, bản tin chữ*. Riêng bản tin chữ lại có *tin vắn, tin thường, tin tường thuật, tin tổng hợp, tin dự báo,...* mà với mỗi dạng có thể thức riêng. Chẳng hạn: *Tin vắn* là tin không có đầu đề, dài dưới 100 chữ. Tin thường thì có đầu đề và độ dài từ 100 đến 350 chữ,...

Chất lượng của bản tin thể hiện ở tính thời sự, xác thực, hàm súc,...

Quan điểm của người viết: Người viết bản tin phải bảo đảm tính khách quan, chuẩn xác trong việc đưa tin, nhưng khi cần cũng thể hiện rõ lập trường nhân văn, bảo vệ đạo lý và thuần phong mỹ tục, tôn trọng pháp luật, khẳng định, biểu dương cái thiện, phủ định, phê phán cái ác,...

Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là những hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,... góp phần chuyển tải ý tưởng, quan điểm trong giao tiếp. Đây là phương tiện thường được sử dụng kết hợp với phương tiện ngôn ngữ trong văn bản thông tin tổng hợp, giúp cho văn bản sinh động và có sức thuyết phục hơn.

Việc sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ cần đáp ứng được yêu cầu:

- Lựa chọn hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,... liên quan trực tiếp đến các luận điểm của bài viết.
- Sử dụng các phương tiện này đúng thời điểm.
- Đưa ra các chỉ dẫn cần thiết.
- Chú thích cho các hình ảnh, sơ đồ,... trong bài viết: giải thích rõ về vị trí, ý nghĩa của hình ảnh, sơ đồ; nêu nguồn dẫn (nếu là dẫn lại từ nguồn khác, bài khác).



ĐỌC

Trên đất nước chúng ta, mỗi vùng miền, dù là nông thôn hay thành thị, đều có những truyền thống văn hoá giàu giá trị nhân văn và thực tiễn. Điều đáng lo ngại là hiện nay, không ít di sản văn hoá lâu đời và quý giá ấy đang có nguy cơ xuống cấp, mai một dần đi. Trước tình hình ấy, chúng ta cần có giải pháp khắc phục thế nào?

Qua việc đọc hiểu một số văn bản thông tin trong bài học này, bạn sẽ hiểu và ý thức hơn trong việc giữ gìn, phát huy những di sản văn hoá của quê hương mình.

VĂN BẢN 1

TRANH ĐÔNG HỒ – NÉT TINH HOA CỦA VĂN HOÁ DÂN GIAN VIỆT NAM



Hình 1: Trâu sen (bản khắc)

✓ Trước khi đọc

1. Theo bạn, thế nào là một di sản văn hoá? Hãy nói về giá trị một di sản văn hoá của địa phương hoặc đất nước mình mà bạn quan tâm.
2. Đã bao giờ bạn xem tranh Đông Hồ và tìm hiểu về cách thức, quá trình chế tác nên những bức tranh ấy? Kể tên một số bức tranh và chia sẻ những điều bạn biết với bạn cùng nhóm.

Tranh dân gian Đông Hồ hấp dẫn người xem ở màu sắc, bố cục, khuôn hình với các chất liệu hoàn toàn tự nhiên. Vẻ đẹp của tranh Đông Hồ gần gũi, ấm áp nhưng cũng rất độc đáo. Đó là một di sản quý giá cần được gìn giữ, phát huy. ¹

¹ Đoạn văn in nghiêng này có vai trò thế nào đối với việc truyền tải thông tin chính của văn bản?

1. Đề tài dân dã, hình tượng sinh động, ngộ nghĩnh



Hình 2: Lợn đàn

Từ những hình ảnh mộc mạc, bình dị của làng quê như gà, lợn, trâu, bò, tôm, cá,... các nghệ nhân Đông Hồ đã vẽ nên những bức tranh ngộ nghĩnh, tràn đầy sức sống và gửi gắm nhiều ước mong. Khi vào tranh, gà thì thành Gà đại cát, Gà thư hùng¹; trâu thành Trâu sen², lợn thành Lợn đàn³, Lợn độc⁴; em bé âu yếm, đùa nghịch với con gà, con tôm thì thành các hình tượng Bé ôm gà⁵, Bé ôm tôm⁶,... Những mặt trái, những góc khuất của đời sống nông thôn vào tranh trở thành những câu chuyện hài hước kể bằng đường nét màu sắc trong Đám cưới chuột, Trạng chuột vinh quy, Thầy đồ Cóc, Truyện Trê – Cóc, Hứng dừa, Đánh ghen⁷,...

¹ Gà đại cát, Gà thư hùng: Hai bức tranh gà Đông Hồ. Tranh Gà đại cát: vẽ một chú gà trống tốt mã, biểu trưng cho điều tốt đẹp, may mắn (đại: rất, lớn; cát: tốt lành); tranh Gà thư hùng mô tả gia đình nhà gà quây quần, no đủ với lời đề tựa: “No vợ đủ chồng, họ nhà tông không giống lông cũng giống cánh”.

² Trâu sen: tên khác: Chăn trâu thổi sáo.

³ Lợn đàn: tên khác: Đàn lợn âm dương.

⁴ Lợn độc: tranh mô tả một chú lợn đứng trước chiếc máng ăn mạp mạp, giống tốt với những chiếc khoáy âm dương nổi bật.

⁵ Bé ôm gà: còn có tên Vinh hoa, tranh mô tả một em bé bụ bẫm, hồng hào hai tay ôm con gà trống.

⁶ Bé ôm tôm: tranh mô tả một em bé bụ bẫm, hồng hào, chân khoanh tròn, hai tay ôm một con tôm lớn.

⁷ Trạng chuột vinh quy, Thầy đồ Cóc, Truyện Trê – Cóc, Hứng dừa, Đánh ghen: tên các bức tranh Đông Hồ.

2. Chất liệu tự nhiên, sắc màu bình dị, ấm áp

Phong vị dân gian của tranh Đông Hồ thấm nhuần trong ý tưởng, cảm hứng nghệ thuật, đường nét, bố cục cũng như chất liệu giấy, màu sắc, quá trình chế tác,...

Giấy in tranh Đông Hồ được gọi là giấy điệp: vỏ con điệp (sò biển) được nghiền nát, trộn với hồ¹ rồi dùng chổi lá thông quét lên mặt giấy dó. Màu sắc sử dụng trong tranh là màu tự nhiên lấy từ cây cỏ: màu đen từ than xoan hay than lá tre; màu xanh từ gỉ đồng, lá chàm; màu vàng từ hoa hòe; màu đỏ từ sỏi son, gỗ vang,... Bốn gam màu cơ bản này tương ứng với một bộ thường gồm bốn bản khắc gỗ để in tranh Đông Hồ. **2**

Đọc lướt

2 Trong số những màu sắc được nhắc tới ở đoạn này, tranh "Lợn đàn" đã sử dụng những màu sắc nào?

3. Chế tác khéo léo, công phu



Hình 3: Đám cưới chuột

Các nghệ nhân đã lấy đề tài và ý tưởng ngay trong cuộc sống hằng ngày hoặc từ các truyện dân gian (truyện cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười,...) để vẽ mẫu. Khi đã hoàn chỉnh bản thảo, người sáng tác can lại rõ ràng, mạch lạc từng nét, từng mảng màu bằng mực nho lên giấy bản mỏng và sắp xếp đưa vào bản khắc gỗ. Mỗi màu được tách riêng thành một bản khắc, một tranh có bao nhiêu màu là có bấy nhiêu bản khắc.

Khi in, người làm tranh đặt cả xấp giấy in thành từng chồng trước mặt, tay phải cầm "tay co"² đóng sau lưng ván in, úp ván xuống "bìa" đã quét đậm màu, được làm theo kiểu hộp mực dầu để lấy màu vào bản khắc, rồi úp mặt ván khắc đã thấm màu đó lên mặt giấy như cách đóng triện, xong lật ngửa ván khắc lên, tờ giấy đã dính vào ván khắc vì màu được pha bằng hồ nếp đặc quánh.

¹ Hồ: hồ có nhiều loại: hồ trộn bột điệp được nấu từ bột gạo tẻ hoặc gạo nếp, có khi nấu bằng bột sắn; hồ dùng để quét nền tranh thường được nấu loãng từ bột gạo tẻ hoặc bột sắn, hồ nấu từ bột nếp thường dùng để dán.

² Tay co: cán dùng để cầm ván khắc khi in.

Thọ in lấy xơ muốp xoa đều lưng mặt giấy để mực màu thấm đều mặt giấy, sau đó nhẹ nhàng bóc tờ giấy khỏi ván in, sẽ được một lần in. Tranh bao nhiêu màu, in bấy nhiêu lần. **3**

Theo dõi

3 Tóm tắt các công đoạn chính để làm nên một bức tranh Đông Hồ.

4. Rộn ràng tranh Tết

Cứ khoảng tháng 7, tháng 8 hằng năm, là cả làng đã tất bật để chuẩn bị cho mùa tranh Tết, khắp làng rực rỡ sắc màu của giấy điệp, không một mảnh đất trống nào không được người dân làng Hồ tận dụng để phơi giấy: từ sân nhà, sân đình, ven các ngõ xóm, đường làng, dọc theo triền đê cho đến các nóc nhà, nóc bếp,... Mỗi năm một lần, chợ tranh họp vào tháng Chạp trong các ngày 6, 11, 16, 21, 26. Chợ tranh đông vui, sầm uất được tổ chức ngay trong đình làng. Người buôn tranh mua ở chợ và còn vào từng gia đình đặt và chọn mua. Họ mang cả những đặc sản địa phương tới bán và đổi tranh. Người dân thôn quê mua tranh về dán trên tường, hết năm lại lột bỏ, dùng tranh mới.

5. Lưu giữ và phục chế

Làng tranh Đông Hồ từng có một thời cực thịnh: vào khoảng cuối thế kỉ XIX đến những năm 40 của thế kỉ XX. Tuy nhiên, xu thế thương mại hoá thời kinh tế thị trường gần đây đặt dòng tranh Đông Hồ cũng như các dòng tranh dân gian khác trước nguy cơ mai một, thất truyền. Rất may là ở Đông Hồ, còn có những nghệ nhân, những dòng họ vẫn giàu tâm huyết¹ với nghề. Họ đã cố gắng vượt qua nhiều khó khăn, chắt vớt của đời sống thường ngày để duy trì, nuôi dưỡng nghề tranh mà bao thế hệ đã góp công gây dựng. Đặc biệt, việc kịp thời thu mua lại, lưu giữ cả trăm bản khắc cổ, đồng thời phục chế hàng trăm bản khắc gỗ khác,... là một trong những cách đầu tiên và hiệu quả để cứu nghề tranh Đông Hồ. **4**

Theo dõi

4 Đoạn cuối này có hé mở thêm một điều gì đó trong quan điểm và cách đưa tin của người viết?

(Nhóm biên soạn tổng hợp từ *Tranh dân gian Đông Hồ – Đông Hồ Folk Paintings* của An Chương, NXB Mỹ thuật, 2010, tr. 13 – 22, và *Tranh Đông Hồ –*

Nét tinh hoa văn hoá dân gian Việt Nam của Khánh An, <http://thinhvuongvietnam.com/Content/tranh-dong-ho---net-tinh-hoa-van-hoa-dan-gian-viet-nam-521022>)

✓ Sau khi đọc

1. Hãy chỉ ra các công đoạn chính của quá trình chế tác một bức tranh Đông Hồ được nêu trong văn bản.
2. Xác định đề tài của văn bản trên. Chỉ ra một số đoạn, mục có lồng ghép yếu tố miêu tả hoặc biểu cảm trong văn bản và nêu mục đích của việc lồng ghép ấy.

¹ Theo PGS. Chu Quang Trứ, trong bài *Đông Hồ, làng tranh, làng mã*, hiện ở Đông Hồ có nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế và dòng họ Nguyễn Đăng, nghệ nhân Trần Nhật Tuấn là hai trong các nghệ nhân, vẫn giữ tâm huyết nghề tổ tranh Đông Hồ.

3. Theo bạn, nội dung của các mục 1, 2, 3 của văn bản trên đã bổ sung thông tin cho nhau và góp phần thể hiện thông tin chính của văn bản như thế nào?
4. Nhan đề, sa-pô, đề mục có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện thông tin chính trong văn bản trên?
5. Xác định mục đích viết và quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản trên. Bạn có đồng tình với quan điểm đó hay không? Vì sao?
6. Kể tên một số di sản văn hoá ở địa phương và phát biểu suy nghĩ của bạn về việc bảo tồn, phát huy các di sản ấy.

VĂN BẢN 2, 3

✓ Trước khi đọc

Tin tức cần cho cuộc sống và công việc của mọi người như thế nào? Một bản tin khác với một văn bản thuyết minh như thế nào?

✓ Đọc văn bản

NHÀ HÁT CẢI LƯƠNG TRẦN HỮU TRANG KHÁNH THÀNH PHÒNG TRUYỀN THỐNG



Hình: Một góc trưng bày Phòng truyền thống Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang
(Nguồn: <https://www.hcmcpv.org.vn/>)

1. Hoạt động thiết thực

(Thanhuytphcm.vn) – Ngày 29-4, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang đã tổ chức khánh thành Phòng truyền thống (giai đoạn 1) giới thiệu những hình ảnh, hiện vật, tư liệu quý về quá trình hình thành và hoạt động của Nhà hát. Đây là hoạt động thiết thực chào mừng 46 năm ngày thống nhất đất nước (30-4-1975 – 30-4-2021), kỉ niệm 135 năm ngày Quốc tế lao động (1-5-1886 – 1-5-2021).

2. Bề dày truyền thống

Phòng truyền thống nằm bên phải sảnh Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang, trưng bày hơn 200 bức ảnh và nhiều hiện vật quý được các nghệ sĩ Đoàn Cải lương Nam Bộ và Đoàn Văn công Giải phóng (tiền thân của Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang) trao tặng. Trong đó, nổi bật là các kịch bản được viết tay và đánh máy của các vở diễn: *Hồn chinh phụ*, *Yêu trên xóm biển*, *Lá ngọc cành vàng*, *Tô Ánh Nguyệt*, *Đời cô Lựu*, *Mộng hoa vương*,...; cùng các huy chương, nhạc cụ, các tập sách giá trị về nghệ thuật cải lương. Đặc biệt là kịch bản viết tay của cổ soạn giả Trần Hữu Trang do con trai ông, tác giả Việt Thường, trao tặng và các bộ phục trang của nghệ sĩ Đoàn cải lương Nam Bộ trên đất Bắc trao tặng. Ở phía ngoài là không gian mở trưng bày các tiểu cảnh, hiện vật giới thiệu về nghệ thuật cải lương, cũng là không gian tổ chức các chương trình giao lưu, kết nối nghệ sĩ – khán giả, giao lưu giữa các thế hệ nghệ sĩ.

3. Chương trình giao lưu

Sau lễ khánh thành, cũng đã diễn ra chương trình giao lưu “Kí ức không quên” về Đoàn Cải lương Nam Bộ, Đoàn Văn công Giải phóng và Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang.

(Theo Ngọc Tuyết, *Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*, Trang tin điện tử TP. Hồ Chí Minh, <https://www.hcmcpv.org.vn/>, ngày 29-4-2021)

THÊM MỘT BẢN DỊCH “TRUYỆN KIỀU” SANG TIẾNG NHẬT

Ngày 17-3-2005 vừa qua, tại thành phố Ô-ka-y-a-ma (Okayama), Nhật Bản, ông Sây-ghi Sa-tô (Sagi Sato) và nữ thi sĩ Y-ô-si-cô Ku-rô-da (Yoshiko Kuroda), đồng dịch giả, tổ chức giới thiệu quyển *Truyện Kiều* của Việt Nam đã được ông, bà dịch sang tiếng Nhật. Gần một trăm vị khách, gồm các quan chức, đại diện các cơ quan văn hoá, văn nghệ sĩ, nhà báo, bạn đọc Nhật Bản và thực tập sinh, lưu học sinh Việt Nam đã đến dự. Đại diện của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản đã giới thiệu với độc giả về thân thế, sự nghiệp văn học của thi hào Nguyễn Du và chúc mừng thành công của hai dịch giả người Nhật. Đây là lần thứ tư *Truyện Kiều* được các dịch giả Nhật Bản dịch sang tiếng Nhật từ các bản tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh.

(Theo Báo Văn nghệ, ngày 15-5-2005)

✓ **Sau khi đọc**

1. Những dấu hiệu nào trong mỗi văn bản trên giúp bạn nhận biết đó là những bản tin?
2. Hoàn thành bảng so sánh dưới đây (làm vào vở), chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt (nếu có) giữa văn bản 2 và văn bản 3.

So sánh các yếu tố được sử dụng trong văn bản 2 và văn bản 3

Yếu tố so sánh	Văn bản 2	Văn bản 3	Tương đồng/ khác biệt
Độ dài, số đoạn			
Nhan đề			
Đề mục			
Phương tiện giao tiếp			
Thời điểm đưa tin và thời điểm diễn ra sự kiện			

3. Xác định thông tin theo các câu hỏi mà người viết bản tin đặt ra khi viết bản tin và hoàn thành bảng dưới đây (làm vào vở):

Các câu hỏi	Thông tin trong văn bản 2	Thông tin trong văn bản 3
Việc gì?		
Ai liên quan?		
Xảy ra khi nào?		
Xảy ra ở đâu?		

4. Nhận xét về cách đưa tin và sự thể hiện quan điểm của người viết trong mỗi văn bản trên.
5. Theo bạn, mỗi bản tin trên đây, ở vào thời điểm ra đời của nó, đã đáp ứng được các yêu cầu về tính mới, tính chính xác, tin cậy và tính hàm súc,... như thế nào?
6. Nêu một số điểm khác biệt mà theo bạn là đáng lưu ý trong cách đọc một bản tin so với cách đọc một văn bản thông tin tổng hợp có lồng ghép nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm,...

LÍ NGỰA Ô¹ Ở HAI VÙNG ĐẤT²

(Trích)

Phạm Ngọc Cảnh

✓ **Đọc văn bản**

Anh lớn lên vó ngựa cuốn về đâu
gặp câu hát bền lòng giống ruổi³ mãi
đường đánh giặc trẩy xuôi về bến bãi
Lí ngựa ô em hát đọi bên cầu.
Hoá vô tận bao điều mơ tưởng ấy
bao câu hát ông cha mình gởi lại
sao em thương câu lí ngựa ô này
sao anh nghe đến lần nào cũng vậy
sao chỉ thấy riêng mình em đứng đấy
chỉ riêng mình em hát với anh đây.

Làng anh ở ven sông
sắp vào tháng Tư,
mắt tình tứ rủ nhau về hội Gióng
mùi hương xông nụ cười lên nhẹ bẫng
ai cũng ngỡ mình đang đi trong mây
ai chẳng tin mình đang giống ngựa sắt
cả một vùng sông ai chẳng hát
sao không nghe câu lí ngựa ô này.

Thế mà bên em
móng ngựa gõ mê say
qua phá⁴ rộng duênh đoàng lên dọn sóng
qua truông⁵ rậm đến bây giờ anh buộc võng
gặp mối dây buộc ngựa gốc lim già
suốt miền Trung sông suối dày tơ nhện
suốt miền Trung núi choài ra biển
nên gập ghềnh câu lí ngựa ô qua.
[...]

¹ *Lí ngựa ô*: lí: một làn điệu dân ca phổ biến ở ba miền đất nước, đặc biệt phát triển ở Trung và Nam Bộ, thường mô tả những sự việc gắn với phong tục lâu đời, sinh hoạt vui tươi trong xã hội truyền thống, qua đó, thể hiện tình cảm, mơ ước của người bình dân. *Lí ngựa ô*: một điệu lí dùng biểu tượng ngựa ô để thể hiện tình yêu đôi lứa, tục cưới hỏi, rước dâu, khát vọng hạnh phúc.

² *Hai vùng đất*: ở đây hiểu là hai miền: miền Bắc và miền Nam, trong hoàn cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt, có chiến tranh.

³ *Giống ruổi*: rong ruổi.

⁴ *Phá*: vùng nước mặn có dải đất, cát ngăn cách với biển, thông ra biển bởi một dòng nước hẹp. Ví dụ: phá Tam Giang (Thừa Thiên Huế).

⁵ *Truông*: vùng đất hoang rộng, có nhiều cây cỏ. Ví dụ: truông Nhà Hồ (Quảng Bình).

Hay vì làng anh ở ven sông
những năm gần đây tháng Tư vào hội Gióng
đã hát quen lí ngựa ô rồi
khen câu miền Trung qua truông dài phá rộng
móng gõ mặt thời gian gõ trống
khen câu miền Nam như giục như mời
ngựa tung bồm bay qua biển lúa
ngựa ghim cương nơi sông xoè chín cửa
tiếng hí chào xa khơi...
Hay em biết quê anh ngoài đó
câu hát bắc cầu qua một thời Quan họ¹
câu hát xui nhau nên vợ nên chồng
lí ngựa ô này hát theo đường đánh giặc
có điều gì như thế ẩn vào trong!
[...]

1976

(In trong *Thơ miền Trung thế kỉ XX*, NXB Đà Nẵng, 1995, tr. 359 – 361)

✓ Sau khi đọc

1. Văn bản cho thấy, trong cảm nhận của chủ thể trữ tình, những câu *Lí ngựa ô* hát ở “làng anh” và hát ở “bên em” khác nhau như thế nào?
2. Tìm trong văn bản một số chi tiết cho thấy có sự gặp gỡ, hoà hợp giữa những câu *Lí ngựa ô* hát “ở hai vùng đất” vốn có người hát khác nhau, không gian hát và âm điệu khác nhau.
3. Đọc *Lí ngựa ô ở hai vùng đất* (Phạm Ngọc Cảnh), bạn hiểu thêm điều gì về vẻ đẹp và sức sống của những câu lí, câu hò và của ca dao, dân ca nói chung?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Theo bạn, nếu văn bản *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam* chỉ có lời thuyết minh, không có tranh minh hoạ thì việc truyền tải các thông tin cơ bản của văn bản sẽ gặp những khó khăn gì? Vì sao?
2. a. Liệt kê tên các bức ảnh và nội dung minh hoạ (nếu có) trong văn bản *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam* theo trình tự các đề mục trong bảng sau (làm vào vở):

¹ Quan họ: tên các làn điệu dân ca của vùng châu thổ sông Hồng, tiêu biểu là Bắc Ninh, Bắc Giang.

TT	Đề mục	Hình minh hoạ (số)	Lời ghi chú trong hình
1	Đề tài dân dã, hình tượng sinh động, ngộ nghĩnh		
2	Sắc màu bình dị, ấm áp		
3	Chế tác khéo léo, công phu		
4	Rộn ràng tranh Tết		
5	Lưu giữ và phục chế		

- b. Các mục 4 và 5 chưa có hình minh hoạ. Nếu được yêu cầu sử dụng ảnh trong hình bên phải (Hình 1) để minh hoạ thêm, bạn sẽ dùng để minh hoạ cho mục 4, hay cho mục 5? Giải thích lí do.



Hình 1: Em bé ôm gà (Vinh Hoa)
(Dẫn theo Khánh An, Nhân dân điện tử,
<http://thinhvuongvietnam.com/Content/tranh-dong-ho---net-tinh-hoa-van-hoa-dan-gian-viet-nam-521022>)

3. Dưới đây là ảnh chụp 4 tấm ván khắc với 4 màu khác nhau để in tranh Đông Hồ (Hình 2). Theo bạn:

- Bộ ván khắc này được dùng để in bức tranh nào trong các tranh minh hoạ văn bản *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*?
- Tám ảnh về bộ ván này nên được dùng để minh hoạ cho đoạn nào trong văn bản nêu trên là phù hợp nhất? Vì sao?
- Nếu được sử dụng, nên ghi chú thích cho hình này như thế nào?



Hình 2: (Dẫn theo Khánh An, Nhân dân điện tử,
<http://thinhvuongvietnam.com/Content/tranh-dong-ho---net-tinh-hoa-van-hoa-dan-gian-viet-nam-521022>)

4. Dựa vào hình minh hoạ trang 86, nêu tên một số loại hiện vật được ghi lại trong ảnh và cho biết các chi tiết trong hình có tác dụng hỗ trợ cho phần lời trong bản tin 1 thế nào.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết bản tin (khoảng 200 chữ, có thể sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) về một hoạt động hay sự kiện văn hoá, giáo dục mới diễn ra trong nhà trường hoặc tại địa phương của bạn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CHỢ NỔI – NÉT VĂN HOÁ SÔNG NƯỚC MIỀN TÂY



Hình 1: Hoa trái chợ nổi Phong Điền

(Nguồn: <https://canthotv.vn/cho-noi-va-van-hoa-song-nuoc-mien-tay/>)

✓ Đọc văn bản

Tập quán vận tải, giao thương và sinh hoạt ở Đồng bằng sông Cửu Long – nơi chi chít sông ngòi, kênh rạch – đã sản sinh cảnh mua bán, trao đổi hàng hoá trên sông, mà người dân gọi là “chợ nổi”. Trải bao năm tháng, chợ nổi vẫn giữ nguyên nét sinh hoạt đặc trưng của mình.

1. Những khu chợ sầm uất trên sông

Miền Tây có nhiều chợ nổi. Tiêu biểu, có thể kể chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang), chợ nổi Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ), chợ nổi Ngã Bảy (Phụng Hiệp – Hậu Giang), chợ nổi Ngã Năm (Thạnh Trị – Sóc Trăng), chợ nổi Sông Trẹm (Thới Bình – Cà Mau), sông Vĩnh Thuận (Miệt Thứ – Cà Mau),...

Người buôn bán trên chợ nổi nhóm họp bằng xuồng. Ngày xưa là xuồng ba lá, xuồng năm lá, ghe tam bản. Bây giờ có cả tắc rắng¹, ghe máy. Người đi mua cũng đến chợ bằng xuồng, ghe. Những chiếc xuồng con len lỏi khéo léo giữa hàng trăm ghe thuyền mà hiếm khi có va quệt xảy ra.

Tuy là chợ họp trên sông, nhưng các chủng hàng, mặt hàng rất phong phú. Nhiều nhất vẫn là các loại trái cây, rồi đến các loại rau củ, bông kiểng, hàng thủ công gia dụng, hàng thực phẩm, động vật,... Ở đây, lớn như cái xuồng, cái ghe, nhỏ như cây kim, sợi chỉ đều có bán. Theo thông lệ và đặc thù kinh tế của mỗi vùng quê, các chợ nổi như Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ), Trà Ôn (Vĩnh Long), Cái Bè, An Hữu (Tiền Giang),... chuyên về mua bán trái cây hoặc phần lớn là trái cây; các chợ nổi như Ngã Bảy, Ngã Năm, ngoài rau, quả, người ta còn mua bán nhiều loại hàng tiêu dùng, hàng thủ công, tạp hoá,...

Không gian miền Tây vốn đã nhiều sông rạch, lại thêm các con kênh đào khơi thông ngang dọc, nối liền các điểm kinh tế chiến lược trong vùng. Chợ nổi cũng theo đó, mọc lên càng nhiều, kết nối thành mạng lưới giao thương. Từ đây, nông sản, thủy sản trong vùng sẽ theo các thương lái xuôi ngược, toả đi khắp Đồng bằng sông Cửu Long và khắp cả nước.

2. Những cách rao mời độc đáo



Hình 2: Các mặt hàng trên “cây bèo”, khách mua nhận thấy từ xa

(Nguồn: <https://canthotv.vn/cho-noi-va-van-hoa-song-nuoc-mien-tay/>)

¹ Tắc rắng: một loại xuồng máy nhỏ thân hình thoi bằng gỗ hoặc nhựa com-pô-xít (composit), rất tiện lợi di chuyển trên sông nước.

Để tiện lợi cho việc giao thương, người bán hàng trên chợ nổi có những lối rao hàng (còn gọi là “bẹo hàng”) dân dã, giản tiện mà thú vị.

Đặc biệt là lối rao hàng bằng “cây bẹo”. Người bán hàng dùng một cây sào tre dài, cắm dựng đứng trên ghe xuồng, rồi treo cao các thứ hàng hoá – chủ yếu là trái cây, rau củ – giúp khách nhìn thấy từ xa, bơi xuồng đến, tìm đúng thứ cần mua. Buổi sáng, đến chợ nổi thấy nhô lên vô số những cây bẹo như những cột “ăng-ten” kì lạ di động giữa sông: “cây bẹo” này treo vài ba trái khóm; “cây bẹo” kia treo lủng lẳng những củ sắn, củ khoai; những cây bẹo khác lại treo dính chùm các loại trái cây vườn: chôm chôm, nhãn, bòn bon, vú sữa,... Khi cần “bẹo” nhiều mặt hàng hơn, thì họ buộc thêm một cây sào ngang trên hai cây sào dựng đứng và treo buộc nhiều thức hàng trên cây sào ngang ấy. Lại có những chiếc ghe mà “cây bẹo” treo tấm lá lợp nhà: dấu hiệu cho biết người chủ muốn rao bán chính chiếc ghe đó, tấm lá lợp có ý nghĩa giống như một cái biển rao bán nhà.

Đó là những cách thu hút khách bằng mắt. Lại có những cách thu hút khách bằng tai. Các ghe bán hàng dạo chế ra cách “bẹo” hàng bằng âm thanh lạ tai của những chiếc kèn: Có kèn bấm bằng tay (loại kèn nhỏ, bằng nhựa), có kèn đập bằng chân (loại kèn lớn, còn gọi là kèn cóc). Ghe hàng len lỏi vào bến đậu của các ghe lớn với nhiều tiếng kèn khác nhau, làm cho khu chợ thêm rộn rã, xao động. Riêng các cô gái bán đồ ăn thức uống thì thường “bẹo hàng” bằng lời rao: *Ai ăn chè đậu đen, nước dừa đường cát hôn...? Ai ăn bánh bò hôn...?* Những tiếng rao mời mọc nơi chợ nổi, nghe sao mà lạnh lốt, thiết tha!

3. Dư âm chợ nổi

Đã đi chợ nổi, khó mà quên được âm thanh ồn ào rất đặc trưng của chợ: tiếng tành tạch của ghe xuồng rẽ sóng, tiếng mặc cả, tiếng mời chào, í ới gọi nhau hối hả,... Và, còn gì thư thái, dễ chịu hơn khi giữa tinh sương ngày mới, bạn được dập dềnh trên chiếc xuồng ba lá len lỏi giữa chợ họp trên sông đông vui, tấp nập,... hay được khoan khoái căng lồng ngực hít không khí trong lành của làn gió mang hương cây trái và sông nước miền Nam. Càng thú vị hơn, khi bạn được ngồi thảnh thơi trên chiếc xuồng con tròn trĩnh, vừa thưởng thức các món ăn thơm ngon đậm đà, vừa thoả sức ngắm nhìn những chiếc thuyền chở đầy cây trái đang lướt qua trước mắt. Đó quả là những trải nghiệm thật sự thú vị và khó quên ở chốn thương hồ¹.

(Nhóm biên soạn tổng hợp từ *Chợ nổi Đồng bằng sông Cửu Long* của Nhâm Hùng, NXB Trẻ, 2009, tr. 36 – 55 và *Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây*, Đài truyền hình Cần Thơ, <https://canthotv.vn/cho-noi-va-van-hoa-song-nuoc-mien-tay/>)

¹ *Thương hồ*: buôn bán trên sông nước.

Hướng dẫn đọc

1. Điền vào bảng tổng hợp dưới đây những đặc điểm của văn bản thông tin được thể hiện qua văn bản trên (làm vào vở):

Yếu tố được sử dụng	Có/ không	Một vài bằng chứng (nếu văn bản có sử dụng)	Tác dụng
Nhan đề			
Đề mục			
Trích dẫn			
Địa danh			
Yếu tố miêu tả			
Yếu tố biểu cảm			
Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ			

2. Nêu một số hình ảnh, chi tiết cho thấy cách mua bán, giao thương độc đáo, thú vị trên chợ nổi.
3. Nhận xét về tác dụng minh họa của các tấm ảnh (Hình 1, Hình 2) trong văn bản.
4. Sau khi đọc văn bản trên, bạn suy nghĩ như thế nào về vai trò của chợ nổi đối với đời sống của người dân miền Tây?



VIẾT

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÓ SỬ DỤNG TRÍCH DẪN, CƯỚC CHÚ VÀ PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ

Sau khi hoàn thành nghiên cứu, ta sẽ viết báo cáo trình bày kết quả quá trình đó như thế nào? Sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ như thế nào để bài báo cáo được rõ ràng, thuyết phục? Phần bài học này sẽ giúp bạn trả lời những câu hỏi ấy.

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu là kiểu bài trình bày quy trình, phương pháp, các dữ liệu và kết quả của một quá trình nghiên cứu.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nội dung trình bày chính xác, đầy đủ, hợp lí các kết quả nghiên cứu.
- Ngôn ngữ chính xác, khách quan.
- Sử dụng hợp lí cước chú và các phương tiện phi ngôn ngữ như số liệu, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ.
- Trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách.
- Bố cục bài viết đảm bảo các phần:

Nhan đề: khái quát được đề tài nghiên cứu.

Tóm tắt: nêu bối cảnh nghiên cứu, câu hỏi và phương pháp nghiên cứu.

Cơ sở lý thuyết: nêu khái niệm, lý thuyết nền tảng để triển khai đề tài.

Kết quả nghiên cứu: trình bày các kết quả nghiên cứu với các lí lẽ và bằng chứng thích hợp.

Kết luận: khái quát những ý chính từ kết quả nghiên cứu; đề xuất giải pháp, hướng phát triển của đề tài.

Tài liệu tham khảo: sắp xếp tài liệu liên quan đến đề tài theo tên tác giả, tên tài liệu, năm xuất bản, nhà xuất bản (trình tự alphabet).

Đọc ngữ liệu tham khảo

NGHIÊN CỨU MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA HỌC SINH KHỐI 10 TRƯỜNG Đ. K. VỚI HÒ NAM BỘ

TÓM TẮT

Để có thể bảo tồn các giá trị truyền thống văn hoá của dân tộc nói chung và các làn điệu hò Nam Bộ nói riêng, việc giáo dục giới trẻ là rất quan trọng. Bài viết khảo sát mức độ quan tâm của các học sinh khối 10 trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh để từ đó đề ra những giải pháp nhằm đưa hò Nam Bộ và các giá trị văn hoá truyền thống đến gần hơn với các bạn trẻ ^[1].

I. Khái lược về hò Nam Bộ ^[2]

Từ điển tiếng Việt thông dụng định nghĩa: “Hò là loại dân ca trong lao động có nhiều người hoạ theo để hưởng ứng” (Hoàng Phê, 2018) ^[3]. Hò Nam Bộ ^[4] chỉ thể loại dân ca phổ biến với người dân phía Nam Việt Nam

[1]: Nêu ngắn gọn các nội dung của bài viết.

[2]: Nêu cơ sở lý thuyết của đề tài.

[3]: Chú thích nguồn trích dẫn theo cú pháp (Tên tác giả, năm xuất bản)

[4]: Sử dụng cước chú để chú thích thông tin.

¹ Theo GS. Phan Huy Lê trong *Văn hoá Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử*, Nam Bộ là cụm từ chỉ các tỉnh thành thuộc cực Nam của Việt Nam. Trước đây có tên gọi là Nam Kỳ, cho đến khi Nhật đảo chính Pháp vào ngày 9-3-1945, Chính phủ Trần Trọng Kim tuy giữ nguyên cơ cấu hành chính nhưng đổi tên thành Nam Bộ, cái tên được biết tới tận ngày nay.

trong đời sống thường nhật. Người dân nơi đây đều là những người nông dân kiếm tìm một cuộc sống mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chính yếu tố này đã tạo nên điểm đặc trưng của hò Nam Bộ về làn điệu và ca từ.

Một trong những mục đích chính khi hò là cổ vũ tinh thần người lao động, tạo sự hứng khởi và hăng say. Các điệu hò lao động được chia ra hai loại: *hò trên nước* và *hò trên cạn*. Ngoài ra, trong đời sống thường ngày cũng xuất hiện làn điệu hò mang âm điệu trữ tình, được gọi là *hò huê tình*, thường được cất lên trong các buổi gặp gỡ giao duyên giữa con trai, con gái trong làng.

Hò Nam Bộ là hình thức sinh hoạt đặc sắc, đậm chất ngẫu hứng, thể hiện về chân chất, tràn đầy sức sống của những người lao động miền Nam.

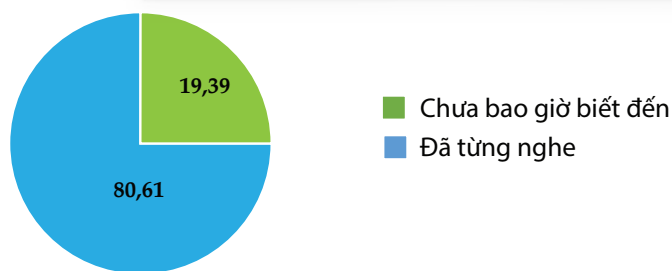
II. Khảo sát mức độ quan tâm của học sinh khối 10 trường Đ. K. với hò Nam Bộ

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là điều tra, phỏng vấn các học sinh khối 10 trường Đ. K. bằng phiếu hỏi, với tổng phiếu khảo sát là 263 phiếu ^[5].

Hò là loại hình nghệ thuật thân thuộc đối với người dân Nam Bộ. Từ đó, nhóm nghiên cứu đặt ra câu hỏi: liệu các bạn học sinh có nghe đến điệu hò Nam Bộ hay chưa? Trước khi yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi, nhóm nghiên cứu cho các bạn nghe và xem một đoạn clip ngắn về hò để thuận tiện trong quá trình đặt câu hỏi. Nhóm thu được kết quả như sau:

Ý kiến trả lời	Số trả lời (lượt)	Tỉ lệ (%)
Chưa bao giờ biết đến	51	19.39
Đã từng nghe	211	80.61

Bảng: Mức độ quan tâm của học sinh khối 10 trường Đ. K. với điệu hò Nam Bộ



Biểu đồ: Mức độ quan tâm đến làn điệu hò Nam Bộ của học sinh khối 10 (%)

211 học sinh (chiếm 80.61%) đã chọn câu trả lời “Đã từng nghe” và 51 học sinh (chiếm 19.39%) trả lời rằng “Chưa bao giờ nghe đến”. Kết quả này cho thấy điệu hò Nam Bộ tương đối quen thuộc đối với các bạn học sinh khối 10 trường Đ. K. ^[6]

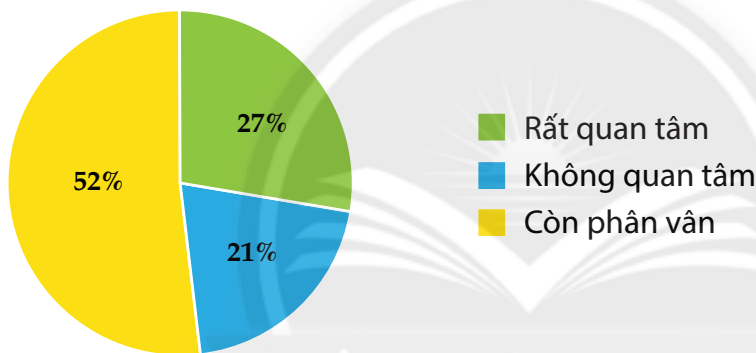
[5]: Trình bày ngắn gọn phương pháp nghiên cứu để tăng sức thuyết phục cho các kết quả.

[6]: Phân tích số liệu để làm sáng tỏ kết quả nghiên cứu thứ nhất.

Để khảo sát sự hứng thú và mong muốn tìm hiểu của các bạn học sinh về điệu hò Nam Bộ, chúng tôi đặt ra câu hỏi: “Bạn có ý định tìm hiểu về hò Nam Bộ không”? Kết quả như sau:

Câu trả lời	Số trả lời	Tỉ lệ (%)
Rất quan tâm	72	27.38
Không quan tâm	55	20.91
Còn phân vân	136	51.71

Bảng: Sự hứng thú và mức độ mong muốn tìm hiểu về hò Nam Bộ của học sinh khối 10



Biểu đồ: Mong muốn tìm hiểu về điệu hò Nam Bộ của học sinh khối 10

27% các bạn học sinh chọn phương án “Rất quan tâm”, đây là nhóm học sinh có sự hứng thú với hò Nam Bộ. Hơn một nửa số học sinh tham gia khảo sát chọn câu trả lời là “Còn phân vân” cho thấy sự lưỡng lự của các bạn khi tiếp xúc với hò Nam Bộ.

21% số học sinh chọn “Không quan tâm”, tương ứng với 55 bạn. Phỏng vấn trực tiếp các học sinh này, nhóm đã tìm ra được hai nguyên nhân khiến các bạn không muốn tìm hiểu về hò Nam Bộ. Một là, các bạn từ trước đến nay chưa tiếp xúc với hò Nam Bộ bao giờ, một số bạn xuất thân từ gia đình không gắn bó với các loại hình âm nhạc truyền thống. Hai là, các bạn đã từng được tiếp xúc với hò Nam Bộ nhưng không hứng thú vì không cảm nhận được giai điệu cũng như ca từ của các điệu hò Nam Bộ, các bạn thích nghe các thể loại nhạc phổ (pop), rock (rock) hơn là các làn điệu dân ca ^[7].

[7]: Phân tích số liệu và phỏng vấn để làm rõ kết quả nghiên cứu thứ hai.

III. Kết luận

Như vậy, từ nghiên cứu trên, có thể kết luận học sinh khối 10 trường Đ. K. vẫn quan tâm tới hò Nam Bộ, nhưng mức độ hứng thú của các bạn chưa cao. Kết quả nghiên cứu này đặt ra vấn đề về tính cấp thiết của việc đưa hò Nam Bộ đến gần hơn với các bạn học sinh khối 10 trường Đ. K. nói riêng và các bạn trẻ nói chung, để tiếp thêm đam mê, khơi dậy niềm yêu thích ở giới trẻ đối với điệu hò Nam Bộ. Có nhiều giải pháp để thực hiện điều đó như: giảng dạy về hò Nam Bộ trong nhà trường, quảng bá về hò Nam Bộ trên các phương tiện truyền thông, tổ chức các cuộc thi, ngày hội diễn xướng hò Nam Bộ,... Nghiên cứu về hiệu quả của các giải pháp này sẽ có những đóng góp thiết thực vào việc gìn giữ các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc qua các làn điệu dân ca, cụ thể là điệu hò Nam Bộ.^[8]

(Nhóm biên soạn)

TÀI LIỆU THAM KHẢO^[9]

1. Phan Huy Lê (2018), *Di sản văn hoá Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Huyền Nga (2012), *Cấu trúc dân ca người Việt*, NXB Lao động.
3. Hoàng Phê (2009), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, NXB Đà Nẵng.
4. Trần Ngọc Thêm (2013), *Văn hoá người Việt vùng Tây Nam Bộ*, NXB Văn hoá – Văn nghệ.
5. Lư Nhất Vũ – Lê Giang – Lê Anh Trung (2014), *Đi tìm kho báu vô hình*, NXB Văn hoá – Văn nghệ.

[8]: Khái quát lại kết quả nghiên cứu, đề xuất giải pháp thay đổi và hướng nghiên cứu phát triển từ đề tài (nếu có).

[9]: Sắp xếp tài liệu tham khảo theo tên tác giả, với cú pháp *Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, tên nhà xuất bản*.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Bài viết trên có đáp ứng yêu cầu về bố cục của kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu?
2. Nhan đề và phần *Tóm tắt* của bài báo cáo có đặc điểm gì?
3. Xác định những câu hỏi cho thấy vấn đề nghiên cứu.
4. Để tìm hiểu vấn đề mức độ quan tâm của các bạn học sinh khối 10 trường Đ. K. với điệu hò Nam Bộ, các tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học nào?
5. Phần trích dẫn và cước chú trong bài viết có chức năng gì? Cần chú ý điều gì khi trình bày trích dẫn và cước chú?
6. Trong bài viết, các tác giả đã sử dụng những phương tiện hỗ trợ nào để trình bày kết quả nghiên cứu? Từ đó, bạn rút ra được bài học gì khi dùng các phương tiện hỗ trợ trong bài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học?
7. Ở phần kết luận, các tác giả đã đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo phát triển từ bài báo cáo khoa học này. Hướng nghiên cứu ấy là gì?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Bạn hãy chọn một trong hai đề sau, thực hiện nghiên cứu và viết báo cáo:

Đề 1: Trường bạn tổ chức cuộc thi *Tìm hiểu và bảo tồn bản sắc văn hoá Nam Bộ*. Bạn hãy thành lập nhóm thực hiện đề tài nghiên cứu để tham gia cuộc thi và viết báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm mình.

Đề 2: Nhóm học tập của bạn được ban biên tập đặc san của trường đặt viết cho chuyên mục *Tôi tập làm nhà nghiên cứu* một báo cáo về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của một số thể loại văn học dân gian đã học. Sau khi thực hiện đề tài, bạn hãy viết một báo cáo về kết quả nghiên cứu của nhóm mình.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

Đề tài của bài viết chính là đề tài lựa chọn để nghiên cứu. Khi tiến hành nghiên cứu, bạn nên chọn đề tài có tính thiết thực, khơi gợi được ở người đọc mối quan tâm, hứng thú.

Sau đây là một số gợi ý:

- Tìm hiểu mức độ quan tâm của học sinh lớp bạn đối với âm nhạc truyền thống.
- Tìm hiểu mức độ quan tâm của học sinh lớp bạn đối với một địa danh lịch sử hoặc di sản văn hoá truyền thống tại địa phương.
- Tìm hiểu một số nét văn hoá của một chợ nổi ở miền Tây Nam Bộ.
- Tìm hiểu cảnh sắc quê hương trong một số bài ca dao, dân ca Nam Bộ.
- Tìm hiểu một số nét đặc sắc trong sáng tác của một nhà văn, nhà thơ Nam Bộ.
- Đặc điểm nội dung, nghệ thuật của một số thể loại tự sự dân gian.
- Đặc điểm về vần, nhịp của một số thể thơ được sử dụng trong ca dao và trong kịch bản sân khấu dân gian.
- ...

Để việc nghiên cứu được thuận lợi, bạn cần điều chỉnh để làm cho đề tài cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện nghiên cứu của bản thân. Ví dụ:

Đề tài rộng	Đề tài khả thi
Điệu hò Nam Bộ	Một số giải pháp khuyến khích các bạn học sinh khối 10 trường Đ. K. tìm hiểu hò Nam Bộ.
Chợ nổi miền Tây	Tìm hiểu một số nét văn hoá của chợ nổi Cái Răng (thành phố Cần Thơ).
Tìm hiểu sử thi Đăm Săn và sử thi Ô-đi-xê	Tìm hiểu sự giống nhau và khác nhau giữa nhân vật Đăm Săn (<i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây</i>) và nhân vật Ô-đi-xê (<i>Gặp Ka-ríp và Xi-la</i>).

Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc

Bạn cần trả lời các câu hỏi: *Bản báo cáo này được viết với mục đích gì? Người đọc bản báo cáo này là ai?* Từ đó, xác định nội dung, cách viết báo cáo phù hợp.

Thu thập tư liệu

Khi có được đề tài cụ thể, bạn tiến hành đặt câu hỏi nghiên cứu. Đó là câu hỏi đặt ra vấn đề nghiên cứu. Những câu hỏi nghiên cứu luôn đòi hỏi câu trả lời cụ thể, đầy đủ, tránh những câu hỏi mà chỉ trả lời “có/ không”. Ví dụ:

– Hiện nay học sinh khối 10 trường Đ. K. tiếp nhận những điệu hò Nam Bộ như thế nào?

– Chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ) có giá trị gì về văn hoá?

– Trong một số bài ca dao, dân ca Nam Bộ, cảnh sắc quê hương có đặc điểm gì?

– Nhân vật Đăm Săn (*Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*) và nhân vật Ô-đi-xê (*Gặp Ka-ríp và Xi-la*) có điểm gì giống và khác nhau?

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu, bạn cần thu thập các tài liệu liên quan đến đề tài như báo chí, sách biên khảo, bài phỏng vấn chuyên gia, các công trình nghiên cứu khoa học,... Bạn có thể đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu bằng cách trả lời những câu hỏi: *Tài liệu được công bố khi nào? Ai là tác giả? Đơn vị công bố/ xuất bản tài liệu có đáng tin cậy không?*

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Bạn xử lý các tư liệu đã thu thập được và phác thảo các ý tưởng để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu; dự tính những trích dẫn, cước chú và các phương tiện phi ngôn ngữ sẽ sử dụng để hỗ trợ cho bài viết.

Lập dàn ý

Từ các ý đã tìm được, bạn sắp xếp các ý sao cho đảm bảo các phần trong bố cục bài báo cáo.

Để phần nội dung được mạch lạc, rõ ràng, bạn có thể chia thành các đề mục, mỗi đề mục thể hiện một luận điểm trình bày kết quả nghiên cứu. Các đề mục cần được diễn đạt rõ ràng dưới dạng cụm từ, đảm bảo tính lô-gíc, tính liên kết, cùng hướng về làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra.

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn tiến hành viết bài báo cáo hoàn chỉnh. Khi viết, cần chú ý:

– Nhan đề cần ngắn gọn, súc tích, giới thiệu được nội dung chính của bài báo cáo, có chứa từ khoá (là những từ, cụm từ quan trọng thể hiện nội dung chính của bài báo cáo).

– Cần sử dụng ngôn ngữ khách quan, phù hợp với bài báo cáo khoa học. Sử dụng lớp từ ngữ chung, không dùng từ địa phương, biệt ngữ xã hội. Cần sử dụng thuật ngữ một cách chính xác, thống nhất.

– Sử dụng trích dẫn và cước chú đúng quy cách để bổ sung thông tin cho bài báo cáo. Ngoài ra, có thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp như bảng biểu, hình ảnh, sơ đồ để giúp các thông tin trở nên trực quan, dễ theo dõi.

– Chú ý đến vấn đề chống đạo văn và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ. Đạo văn là hành vi sử dụng ý tưởng, sản phẩm, tư liệu của người khác và xem như là của mình. Để tránh đạo văn và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, bạn cần luôn chú ý dẫn nguồn các tư liệu tham khảo, trích dẫn đúng quy cách và diễn giải vấn đề theo cách hiểu của bản thân, bằng lời văn của mình.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Tóm tắt	Nêu ngắn gọn các nội dung của bài viết như bối cảnh nghiên cứu, phương pháp và kết quả nghiên cứu.		
Cơ sở lí thuyết	Nêu ngắn gọn khái niệm, lí thuyết làm cơ sở, nền tảng cho đề tài.		
Kết quả nghiên cứu	Trình bày đầy đủ các kết quả nghiên cứu đã thu nhận.		
	Đưa ra lí giải và bằng chứng để làm sáng tỏ kết quả nghiên cứu.		
Kết luận	Khái quát những nội dung chính từ kết quả nghiên cứu.		
	Đề xuất giải pháp và hướng phát triển của đề tài (nếu có).		
Tài liệu tham khảo	Nêu các tài liệu tham khảo có liên quan đến đề tài.		
	Trình bày tài liệu đúng quy cách, sắp xếp theo tên tác giả (trình tự an-pha-bê).		
Yêu cầu về trình bày, diễn đạt	Bài báo cáo được chia thành các đề mục rõ ràng, lô-gíc, sắp xếp theo trình tự hợp lí.		
	Sử dụng trích dẫn và cước chú đúng quy cách.		
	Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lí.		
	Ngôn ngữ chính xác, khách quan, đảm bảo tính khoa học.		

Sau khi đọc lại và chỉnh sửa, bạn hãy ghi lại những kinh nghiệm rút ra khi viết bài báo kết quả nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ.



TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

Trong trường hợp này việc xác định đề tài đã được thực hiện: bài nói cùng một đề tài với bài viết.

Người nghe bạn nói có thể là thầy cô giáo bộ môn, bạn học trong lớp và một số khách mời. Mục đích của bài nói là thuyết trình kết quả nghiên cứu của bản thân, sao cho người nghe hiểu được vấn đề và thuyết phục được người nghe về kết quả của đề tài nghiên cứu. Do đó, bạn cần cân nhắc đến không gian và thời gian nói bằng những câu hỏi sau: *Bạn dự định sẽ nói ở đâu và trong thời gian bao lâu? Bạn sẽ dành bao nhiêu thời gian cho phần trao đổi với người nghe?*

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Đây là giai đoạn thu thập và sắp xếp thông tin để chuẩn bị cho bài trình bày. Trong trường hợp này, bài trình bày đã được chuẩn bị ở phần viết. Do đó, để phần thuyết trình thêm rõ ràng và thuyết phục, bạn nên chuẩn bị các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ, dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị câu trả lời.

Lập dàn ý

Để dễ dàng làm chủ bài nói, cũng như giúp người nghe dễ theo dõi, bạn cần tóm tắt lại hệ thống ý dưới dạng dàn ý hoặc sơ đồ, trình bày trên giấy hoặc phần mềm trình chiếu.

Khi thuyết trình kết quả nghiên cứu, bạn có thể triển khai một số ý như sau:

- **Lí do chọn đề tài:** tại sao bạn chọn đề tài nghiên cứu này? Đề tài nghiên cứu này có đóng góp gì?
- **Câu hỏi nghiên cứu:** giả thuyết bạn đặt ra trước khi tiến hành nghiên cứu.
- **Phương pháp nghiên cứu:** những phương pháp bạn lựa chọn thực hiện để kiểm chứng câu hỏi nghiên cứu.
- **Kết quả nghiên cứu:** kết quả bạn thu nhận được là gì? Kết quả ấy giúp khẳng định hay bác bỏ giả thuyết nghiên cứu?
- **Kết luận:** từ kết quả nghiên cứu, bạn khái quát lên ý nghĩa gì? Trên cơ sở đó, bạn có đề xuất gì?

Luyện tập

Bạn có thể luyện nói một mình bằng cách đứng trước gương để tập trình bày, hoặc nói và tự ghi âm để nghe lại, hoặc luyện tập với bạn.

Khi luyện tập, cần chú ý: lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với bài thuyết trình kết quả nghiên cứu; sử dụng ngôn ngữ khách quan, sắc thái biểu cảm trung tính, hệ thống thuật ngữ cần chuẩn xác, thống nhất.

Bước 2: Trình bày bài nói

Khi trình bày, bạn nên:

- Dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị từ trước, ngoài ra bạn có thể sử dụng những tờ giấy nhỏ để viết, ghi chú ngắn gọn, nội dung nói dưới dạng từ, cụm từ,...
- Trình bày từ khái quát đến cụ thể: trình bày tóm tắt hệ thống ý của bài thuyết trình rồi đi vào từng phần.
- Phân tích, đánh giá, kết nối các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ với bài thuyết trình.
- Chú ý tương tác với khán giả, giọng điệu khi trình bày tự tin, nói rõ ràng, rành mạch.

Bước 3: Trao đổi và đánh giá

Khi trao đổi với người nghe, bạn nên:

- Có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe và ghi chép ý kiến của khán giả.
- Lựa chọn một số câu hỏi, ý kiến phản biện mà bạn cho là quan trọng để phản hồi trong khuôn khổ thời gian cho phép.

Trong vai trò của người trình bày, bạn tự đánh giá bài nói của mình dựa vào bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Nội dung bài thuyết trình	Nêu được lí do chọn đề tài.		
	Nêu được giả thuyết và phương pháp nghiên cứu.		
	Trình bày được kết quả nghiên cứu và kết luận hợp lí.		
	Sử dụng chính xác, thống nhất các thuật ngữ.		
Các kĩ thuật thuyết trình	Sử dụng ngôn ngữ khách quan, khoa học.		
	Khai thác hiệu quả các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ.		
	Trình bày rõ ràng, rành mạch, đúng thời gian quy định.		
	Tự tin, tương tác bằng mắt với người nghe, giọng điệu và điệu bộ hợp lí.		
	Ghi nhận và phản hồi thoả đáng với những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe.		

NGHE VÀ NẮM BẮT NỘI DUNG TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bước 1: Chuẩn bị

Để việc lắng nghe được hiệu quả, bạn cần tìm hiểu trước về đề tài sẽ được thuyết trình bằng cách tìm kiếm từ khoá liên quan đến đề tài sẽ được thuyết trình; tìm đọc các bài nghiên cứu có liên quan đã được công bố của người thuyết trình (nếu có), bài viết của tác giả khác về vấn đề sẽ được thuyết trình.

Bạn có thể tìm kiếm tài liệu trên các trang web uy tín (thường có đuôi .gov, .org), trên thư viện và sắp xếp các tài liệu tìm được theo thời gian công bố, dựa vào bảng sau:

TT	Tên tài liệu – Tác giả	Thời gian công bố	Nội dung chính	Ý kiến của tôi

Từ đó, bạn hãy chuẩn bị những ý kiến, câu hỏi để trao đổi với người nói trong buổi thuyết trình.

Bước 2: Nghe thuyết trình và ghi chép

Khi nghe thuyết trình, bạn cần chú ý vào nội dung trình bày và ghi nhận những ý trọng tâm. Để ghi chép nhanh, bạn có thể chuẩn bị sẵn mẫu như sau:

Nội dung cần chú ý	Ý chính	Ghi chú của tôi
Lí do chọn đề tài		
Câu hỏi nghiên cứu		
Phương pháp nghiên cứu		
Kết quả nghiên cứu		
Kết luận		

Bước 3: Phản hồi và đặt câu hỏi

Sau khi diễn giả thuyết trình xong, bạn xem lại và đối chiếu những câu hỏi mình đã chuẩn bị ở nhà với phần ghi chú của bản thân rồi tự đánh giá xem: *Những câu hỏi nào đã được trả lời trong phần thuyết trình? Những câu hỏi nào vẫn chưa được trả lời? Những câu hỏi nào cần được làm rõ thêm?*

Sau đó, bạn lựa chọn một số câu hỏi bạn cho là quan trọng để trao đổi thêm với người thuyết trình.

Bước 4: Đánh giá và rút kinh nghiệm

Trong vai trò người nghe, bạn hãy đánh giá phần thuyết trình của người nói và tự rút ra kinh nghiệm cho bản thân dựa vào bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng nghe và nắm bắt nội dung thuyết trình kết quả nghiên cứu

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Liệt kê những gì đã biết về vấn đề sẽ nghe và muốn trao đổi khi nghe.		
	Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.		
Lắng nghe và ghi chép	Viết dưới dạng từ khoá, tóm tắt thông tin.		
	Phân biệt được thông tin cơ bản và thông tin chi tiết.		
	Đặt câu hỏi trong khi nghe.		
	Ghi nhận những điểm thú vị trong ý kiến, quan điểm của người nói để khi cần thì phát biểu, nhận xét.		
Trao đổi, nhận xét, đánh giá	Xác nhận lại quan điểm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân.		
	Khẳng định sự đồng tình với những ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói.		
	Nhận xét về cách trình bày bài nói.		
Thái độ và ngôn ngữ	Chờ đến lượt mình nói khi trao đổi.		
	Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá.		
	Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói.		

Dành một phút để suy ngẫm xem mình đã rút ra được kinh nghiệm gì khi nghe và nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người khác.

ÔN TẬP

1. Xác định mục đích viết và mục đích lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm (và nghị luận nếu có) vào văn bản thông tin theo mẫu dưới đây (làm vào vở):

Văn bản	Mục đích viết	Yếu tố được lồng ghép	Mục đích lồng ghép
<i>Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam</i>			
<i>Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây</i>			

2. Xác định dạng thức thể loại, tác dụng của việc sử dụng phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ trong các văn bản thuộc bài học này theo mẫu dưới đây (làm vào vở):

Văn bản	Thể loại, kiểu văn bản	Phương tiện	Tác dụng
<i>Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam</i>			
<i>Nhà hát Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống</i>			
<i>Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật</i>			
<i>Lí ngựa ô ở hai vùng đất</i>			
<i>Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây</i>			

3. Nêu một số nét tương đồng và khác biệt về cách đưa tin và sự bộc lộ quan điểm của người viết trong một bản tin theo mẫu dưới đây (làm vào vở):

Văn bản	Cách đưa tin	Quan điểm của người viết
Nhà hát Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống		
Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật		

4. Nêu tóm tắt một số điểm khác biệt mà bạn cho là đáng lưu ý trong quy trình viết văn bản *Nghị luận về một vấn đề xã hội* và *Viết báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề* (có thể sử dụng mẫu bảng dưới đây và làm vào vở):

Các bước	Kiểu bài Báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề	Kiểu bài Nghị luận về một vấn đề xã hội
Bước 1. Chuẩn bị viết		
Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý		
Bước 3. Viết bài		
Bước 4. Xem lại và chỉnh sửa		

5. Theo bạn, có thể giữ gìn, phát huy các di sản văn hoá dân tộc bằng cách nào? Nêu một vài đề xuất cụ thể của bạn đối với di sản văn hoá ở địa phương mình.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản chèo/ tuồng.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản chèo/ tuồng đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.
- Nhận biết tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...
- Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng.
- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.
- Trân trọng và có ý thức phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống.

TRI THỨC NGŨ VĂN

NGHỆ THUẬT CHÈO

Chèo cổ (chèo sân đình) là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp hài hoà nhiều chất liệu: dân ca, múa dân gian và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Chèo được xem là một hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng (không có người kể chuyện như trong truyện). Cũng như kịch nói chung, kịch bản chèo tập trung thể hiện hành động, dẫn dắt xung đột qua ngôn ngữ của nhân vật.

Cần phân biệt giữa *kịch bản chèo* và *sân khấu chèo*: Kịch bản chèo là văn bản văn học, được tiếp nhận thông qua hình thức đọc, bao gồm lời thoại của nhân vật và một số chỉ dẫn sân khấu căn bản (ví dụ: “hát sấp”, “nói lệch”,...). Sân khấu chèo là sự hiện thực hoá kịch bản chèo thông qua hoạt động trình diễn, được tiếp nhận bằng hình thức *xem* và *nghe*.

Đặc điểm của chèo cổ thể hiện qua nhiều yếu tố: đề tài, tích truyện, nhân vật, cấu trúc, lời thoại,...

Đề tài: Chèo cổ thường xoay quanh vấn đề giáo dục cách sống, cách ứng xử giữa người với người theo quan điểm đạo lý dân gian hoặc theo tư tưởng Nho giáo.

Tích truyện (cốt truyện): Cốt truyện chèo thường được xây dựng từ các nhân vật, hành động, sự việc có sẵn trong kho tàng truyện cổ dân gian hoặc trong dã sử. Từ các tích truyện này, các tác giả kịch bản – thường là giới nho sĩ – viết thành kịch bản chèo để truyền bá những tín điều của tư tưởng Nho giáo. Tuy nhiên, qua quá trình ứng tác, biểu diễn, nhiều chủ đề truyền thống bị làm mờ đi, nhường chỗ cho những khát vọng nhân bản hơn, vượt ra ngoài giáo lý Nho học truyền thống.

Nhân vật: Các loại hình nhân vật phổ biến của chèo bao gồm *kép*, *đào*, *hề*, *mụ*, *lão*. *Kép* (nam chính) thường là các sĩ tử chân chính, hiếu học; *đào* (nữ chính) bao gồm *đào thương* (những phụ nữ trung trinh tiết liệt), *đào lệch* hay còn gọi là *đào lẳng* (những phụ nữ nổi loạn, đi ngược lại quan điểm đạo đức phong kiến), *đào pha* (trung gian giữa hai loại vai *đào thương* và *đào lệch*); *hề* (nhân vật hài hước, gây cười); *mụ* (nhân vật nữ lớn tuổi); *lão* (nhân vật nam lớn tuổi). Nhân vật trong chèo thường mang tính ước lệ với tính cách không thay đổi.

Cấu trúc: Cũng như các loại hình sân khấu khác, cấu trúc của một vở chèo bao gồm nhiều màn và cảnh, mỗi *màn* và *cảnh* thường xảy ra trong một khung thời gian và không gian khác nhau. Mỗi cảnh đóng vai trò như một bộ phận kiến tạo nên các giai đoạn của cốt truyện: khai mở, thắt nút, đỉnh điểm, mở nút.

Lời thoại: Trong chèo không có lời người kể chuyện, chỉ có các *lời thoại*. *Lời thoại* đảm nhiệm mọi vai trò: dẫn dắt xung đột, diễn tả hành động, khắc họa nhân vật, bối cảnh (không gian, thời gian), đồng thời gián tiếp thể hiện tình cảm của tác giả dân gian.

Lời thoại trong chèo cổ bao gồm *lời thoại của nhân vật* và *tiếng đế*. *Lời thoại của nhân vật* thường có các hình thức: *đối thoại* (lời các nhân vật nói với nhau), *độc thoại* (lời nhân vật nói với chính mình), *bàng thoại* (lời nhân vật nói với khán giả). *Tiếng đế* là tiếng nói trao đổi, bàn luận của đại diện khán giả với nhân vật trong vở diễn.

Về hình thức, *lời thoại của nhân vật* trong chèo bao gồm *lời nói*, *lời hát* – nói (tức nói theo âm điệu) và *lời hát* (theo các làn điệu dân ca).

NGHỆ THUẬT TUỒNG

Tuồng là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp hài hoà điệu nói lối, các điệu hát của tuồng và một số chất liệu nghệ thuật dân gian khác. Tuồng thịnh hành vào thế kỷ XIX, vùng Nam Trung Bộ (tiêu biểu là Huế, Quảng Nam – Đà Nẵng, Bình Định). Được xem là một hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng, kịch bản tuồng tập trung thể

hiện hành động, dẫn dắt xung đột qua ngôn ngữ của nhân vật. Tùy theo đề tài, nội dung, phạm vi lưu diễn, quy cách dàn dựng, tuồng được phân thành hai loại chính: *tuồng pho* (*tuồng thầy*) và *tuồng đồ*.

Tuồng đồ thiên về hài hước châm biếm, ngôn ngữ mộc mạc, bình dân; lối diễn tự do, ít khoa trương cách điệu, gần gũi với cuộc sống thường ngày và gần với kịch nói. Các vở tuồng đồ tiêu biểu như *Nghêu, Sò, Ốc, Hến; Trương Đồ Nhục; Trương Ngáo;...*

Đặc điểm của tuồng đồ thể hiện qua nhiều yếu tố: *đề tài, tích truyện, nhân vật, cấu trúc, lời thoại, phương thức lưu truyền,...*

Đề tài lấy từ đời sống thôn dã, hoặc tích truyện có sẵn, dựng thành những câu chuyện, tình huống hài hước, những nhân vật phản diện hiện thân cho những thói hư tật xấu của một số hạng người trong xã hội phong kiến tiểu nông. Tuồng đồ, do vậy, thiên về trào lộng, phê phán xã hội trên lập trường đạo đức của người bình dân, khác với tuồng pho thường lấy đề tài từ sách, truyện Trung Quốc với cảm hứng anh hùng, đề cao lí tưởng trung quân theo lập trường Nho giáo.

Tích truyện: Các vở tuồng đồ thường được xây dựng dựa trên một câu chuyện hay một tình huống, hành động, sự việc nào đó, thường có sẵn trong kho tàng truyện dân gian, gọi là “*tích truyện*”. Từ tích truyện này, các tác giả kịch bản viết thành kịch bản tuồng (dưới dạng truyền miệng). Khi trình diễn, nghệ nhân trong các gánh tuồng có thể cải biến ít nhiều cho phù hợp với điều kiện diễn xuất, đối tượng người xem.

Nhân vật khác với tuồng pho, các loại hình nhân vật phổ biến trong tuồng đồ gần gũi với chèo cổ, cũng bao gồm các vai: *kép, đào, mẹ, lão,...* Nhân vật tiêu biểu cho các vai tuồng này thường mang tính ước lệ và tính cách không thay đổi, thể hiện chủ yếu qua lời thoại và hành động của mình. Khi xuất hiện lần đầu, các nhân vật chính thường có lời xưng danh (tự giới thiệu danh tính, nghề nghiệp, vị trí xã hội,...). Tính cách, đặc điểm của nhân vật trong tuồng, một phần được biểu đạt qua cách hoá trang, nhất là qua các nét vẽ và màu sắc trên khuôn mặt diễn viên.

Lời thoại trong tuồng cũng có vai trò, đặc điểm như lời thoại trong chèo đã nói ở phần trước. Lời thoại của nhân vật tuồng, chủ yếu là đối thoại có xen độc thoại hay bàng thoại, dưới hình thức nói, ngâm hoặc hát và chủ yếu là văn vần.

Phương thức lưu truyền chủ yếu là truyền miệng. Tuồng đồ thường không được ghi chép thành quyển như tuồng pho. Do vậy, mỗi gánh hát tuồng có thể lưu giữ một vốn kịch bản – vở diễn riêng. Hơn nữa, cùng một tích tuồng, nghệ nhân trong các gánh tuồng có thể tạo dựng các lớp tuồng với các mảng miếng, những điểm nhấn và độ co duỗi của vở diễn theo cách riêng của mình.

Tác phẩm khuyết danh là những sáng tác không có tên tác giả (ẩn danh).



ĐỌC

Qua hàng triệu năm sinh tồn và phát triển, loài người đã tạo dựng nên vô số những giá trị văn hoá. Văn hoá của một dân tộc, một vùng miền,... là những tín ngưỡng, phong tục, nguyên tắc, lối sống, cách hành xử,... được truyền từ đời này sang đời khác trong cuộc sống con người, thấm nhuần trong tiếng nói và các loại hình nghệ thuật của một cộng đồng nhất định. Chính sự phong phú, đa dạng của các nền văn hoá trải khắp toàn cầu đã góp phần làm nên vẻ đẹp sinh động của thế giới ta đang sống.

Bài học này giúp các bạn hiểu và tôn trọng những giá trị văn hoá độc đáo của dân tộc ta qua một số loại hình nghệ thuật truyền thống như chèo hoặc tuồng.

Học sinh chọn đọc văn bản chèo hoặc văn bản tuồng:

A. Đọc văn bản chèo

VĂN BẢN

THỊ MẪU LÊN CHÙA

(Trích *Quan Âm Thị Kính*)

Nội dung vở chèo *Quan Âm Thị Kính*: Thị Kính là con gái Mãng Ông, một nông dân nghèo. Nàng được gả làm dâu cho một gia đình khá giả, làm vợ Thiện Sĩ, con trai Sùng Ông, Sùng Bà. Một hôm Thị Kính ngồi khâu, Thiện Sĩ đọc sách bên cạnh nàng rồi ngủ thiếp đi. Nhìn thấy một sợi râu mọc ngược trên mặt chồng, Thị Kính cầm dao xén chỉ định cắt đi. Thiện Sĩ giật mình thức dậy hô hoán lên, Sùng Ông, Sùng Bà đổ cho Thị Kính mưu giết chồng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Thị Kính tủi nhục, xuống tóc giả trai xin vào tu hành ở chùa Vân, lấy pháp danh là Kính Tâm. Thị Mầu, con gái phú ông trong làng, đem lòng say mê và tìm cách ve vãn Kính Tâm. Không được đáp lại, Thị Mầu về đùa ghẹo người ở của gia đình mình là anh Nô, rồi có thai. Bị làng bắt vạ, Thị Mầu đổ cho Kính Tâm và đem con bỏ cho nàng. Bị chùa đuổi ra khỏi tam quan, Kính Tâm lang thang xin sữa nuôi con của Thị Mầu. Ba năm sau, lâm bệnh nặng, nàng viết thư để lại cho đứa trẻ rồi qua đời. Kính Tâm được minh oan và trở thành Phật Bà Quan Âm.

✓ Trước khi đọc

1. Bạn đã bao giờ nghe nói đến thành ngữ “Oan Thị Kính”? Bạn hiểu nghĩa của thành ngữ này như thế nào?
2. Quan sát hình ảnh dưới đây trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính* và dự đoán tính cách, thái độ hai nhân vật.



Hình: Một cảnh trong trích đoạn Thị Mầu lên chùa, chèo Quan Âm Thị Kính (Thị Mầu: NSUT Thu Huyền, Thị Kính: NS Hồng Thắm), Viện Sân khấu Điện ảnh, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội sản xuất năm 2012.

✓ Đọc văn bản

THỊ MẦU: ❶ (ra nói) Này chị em ơi!

Nay mười tư mai đã là rằm
Ai muốn ăn oản thì năng lên chùa.
Chị em lên chùa từ bao giờ nhỉ?

TIẾNG ĐẾ:

THỊ MẦU:

Mười tư, rằm!
Thế mà Thị Mầu tôi mang tiếng lẳng lơ
Đò đưa cấm giá¹ tôi lên chùa từ mười ba.

Mười ba,
Tôi lên chùa thấy tiểu mười ba
Thấy sư mười bốn, vải già mười lăm
Tôi muốn cho một tháng đôi rằm
Trước vào lễ Phật, sau thăm vải già
Tôi bước vào lễ Phật Thích Ca²
Lễ đức Tam Thế³, vua cha Ngọc Hoàng⁴.

(xưng danh)

Tôi Thị Mầu con gái phú ông
Thầy mẹ tôi tôn kính một lòng
Tiền cùng gạo lên chùa tiến cúng.
Bạch nhà sư trong ấy, cho chú tiểu ra nhận lễ, cho tôi còn về nào.

Đọc lướt

❶ Đọc lướt và cho biết nhân vật nào có nhiều lời thoại nhất trong đoạn trích này?

¹ Cấm giá: một làn điệu trong chèo cổ.

² Thích Ca: tức Phật Thích Ca Mâu Ni, vị tổ của Phật giáo.

³ Tam Thế: ngôn ngữ nhà Phật, quan niệm trên đời vạn vật đều qua ba đời là vị lai thế, hiện tại thế, quá khứ thế.

⁴ Ngọc Hoàng: vị thần tối cao của Đạo giáo.

KÍNH TÂM:
THỊ MẦU:
KÍNH TÂM:

A di đà Phật! Chào cô lên chùa! ²

Tưởng tượng

² Từ câu trả lời cho câu hỏi 1, bạn hình dung thế nào về sự khác biệt trong thái độ của hai nhân vật?

A di đà Phật!

A di đà Phật!

Tam Bảo Như Lai

Của ai phúc nấy

A di đà Phật! Cô cho biết tên để tôi vào lòng số!

THỊ MẦU:

Tên em ấy à?

Là Thị Mầu, con gái phú ông

Tuổi vừa đôi tám, chưa chồng đấy thầy tiểu ơi!

Chưa chồng đấy nhá!

KÍNH TÂM:

A di đà Phật!

Khấn nguyện thập phương

Kính trình Tam Bảo¹

Lòng người có đạo

Dem cửa cúng dàng²

Một nén cũng biên

Một đồng cũng kể

Tuy vân bạc lễ

Đan kiến thành tâm³

Phật tổ giám lâm

Quý thần soi xét!

A di đà Phật! Tôi đã đèn nhang xong, mời cô vào lễ Phật.

THỊ MẦU:

Người đâu mà đẹp như sao băng thế nhỉ? ³

TIẾNG ĐẾ:

Ai lại đi khen chú tiểu thế cô Mầu ơi!

THỊ MẦU:

Đẹp thì người ta khen chứ sao!

Này chị em ơi,

Người đâu đến ở chùa này

Cổ cao ba ngấn, lông mày nét ngang

Ấy mấy thầy tiểu ơi!

Theo dõi

³ Tìm những từ ngữ miêu tả Kính Tâm trong lời thoại của Thị Mầu. Việc sử dụng những từ ngữ này cho thấy điều gì về tính cách của Thị Mầu?

KÍNH TÂM:

Nam mô A di đà Phật!

¹ Tam Bảo: gồm Phật (vị tổ Phật giáo), Pháp (giáo lí mà Phật để ra), Tăng (người tu hành theo giáo lí).

² Cúng dàng (cúng đường): dâng lên cửa Phật.

³ Tuy vân bạc lễ, đan kiến thành tâm: dù lễ ít hay nhiều cũng thể hiện lòng thành kính của Phật tử.

THỊ MẦU:
TIẾNG ĐẾ:
THỊ MẦU:

Ấy mấy thầy tiểu ơi!
Mầu ơi mất bò rồi!
Nhà tao còn ối trâu!
Này thầy tiểu ơi!
Thầy như táo rụng sân đình
Em như gái rở¹, đi rình cửa chùa.
Ấy mấy thầy tiểu ơi!

KÍNH TÂM:
TIẾNG ĐẾ:
THỊ MẦU:
TIẾNG ĐẾ:
THỊ MẦU:

Nam mô A di đà Phật.
Mầu ơi nhà mày có mấy chị em? Có ai như mày không?
Nhà tao có chín chị em, chỉ có mình tao là chín chắn nhất đấy!
Dơ lắm! Mầu ơi!
Kệ tao! Này thầy tiểu ơi, ăn với em miếng trâu đã nào,
rồi để mỗ đấy em đánh cho!

Theo dõi

KÍNH TÂM:
THỊ MẦU:
(hát ghẹo tiểu)

Nam mô A di đà Phật!
Ấy mấy thầy tiểu ơi! ④
Song đứng trước cửa chùa
Tôi vào tôi gọi, thầy tiểu chẳng thua, tôi buồn
Ấy mấy thầy tiểu ơi!
Một cành tre, năm bảy cành tre
Phải duyên thời lấy, chớ nghe họ hàng
Ấy mấy thầy tiểu ơi!
Mẫu đơn giồng cảnh nhà thờ
Đôi ta chỉ quyết đợi chờ lấy nhau
Ấy mấy thầy tiểu ơi!
Muốn cho có thiệp có chàng
Ba sáu mười tám, com hàng có canh
Ấy mấy thầy tiểu ơi!
Trúc xinh trúc mọc sân đình
Em xinh em đứng một mình chẳng xinh!
Bỏ mỗ em đánh cho nào! Người đâu thấy gái mà lại chạy thế!
Chẳng trăm năm cũng một ngày
Gương kia còn đó, tấm áo này còn hơi

④ Đoạn hát ghẹo tiểu của Thị Mầu cho thấy nhân vật quan niệm như thế nào về tình yêu? Chú ý những từ ngữ, hình ảnh thể hiện quan niệm tình yêu của Thị Mầu.

(nói)
(Kính Tâm bỏ chạy)

¹ Gái rở: phụ nữ mang thai bị ốm nghén, thèm chua.

Chị em ơi, tôi lấy hơi thầy tiểu xem, chị em nhé!
À, kinh mỡ của chú tiểu còn bỏ đó, thế nào cũng phải ra đây.
Tôi tìm chỗ nắp, thế nào tôi cũng nắm tận tay chú tiểu thì
tôi mới nghe!

(nắp)

KÍNH TÂM: (ra, nói) Ngẫm oan trái nhiều phen muốn khóc

Thấy nhân duyên nghĩ lại nực cười

Hắn vô tình thế mới trêu nguoi

Vì hữu ý nên rằng hoảng mất

Chứ có biết đâu mình cũng chỉ là...

THỊ MÀU: (xông ra, nắm tay Kính Tâm) Đây rồi nhé!

KÍNH TÂM: Mô Phật!

THỊ MÀU: Bỏ mô Phật đi!

KÍNH TÂM: Cô buông ra để tôi quét chùa kéo sư phụ người quở chết!

THỊ MÀU: Đưa chổi đây em quét rồi em nói chuyện này cho mà nghe!

Này chú tiểu ơi!

Mong cho chú tiểu quét sân

Xịch lại cho gần, cầm chổi quét thay

Lá tình không gió mà bay!

Nào, ăn với em miếng giầu¹ đã nào! (Kính Tâm bỏ chạy)

Phải gió ở đâu! Chạy từ bao giờ rồi!

Ới này thầy tiểu ơi!

Muốn rằng cây cải cho xanh

Thài lòi, rau dệu² tám thành bờ tre

Lắng tai tôi nói cho mà nghe

Tri âm chẳng tỏ tri âm

Để tôi thương vụng nhớ thâm sâu riêng!

TIẾNG ĐẾ: Sao lắng lơ thế, cô Màu ơi!

THỊ MÀU: Lắng lơ đây cũng chẳng mồn

Chính chuyên cũng chẳng son son để thờ!

(hạ)

(Theo Hà Văn Cầu (Chủ biên), Hà Văn Cầu – Hà Văn Trụ (biên soạn), *Kịch bản chèo*, quyển 1, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam – NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014, tr. 272 – 276 và 317 – 320)

¹ Giầu: trầu (phương ngữ Bắc Bộ).

² Thài lòi, rau dệu: các loại rau mọc dại.

✓ Sau khi đọc

1. Điền vào bảng dưới đây một số câu *đối thoại*, *độc thoại*, *bàng thoại* của nhân vật Thị Mầu, Thị Kính và *tiếng đế* trong văn bản trên (làm vào vở):

Nhân vật	Đối thoại	Độc thoại	Bàng thoại
Thị Mầu	– Đây rồi nhé!	– Phải gió ở đâu! Chạy từ bao giờ rồi!	– Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn
Thị Kính			
Tiếng đế (người xem)			

Từ ngôn ngữ, giọng điệu của những lời thoại trên, bạn nhận xét như thế nào về tính cách của hai nhân vật Thị Mầu và Thị Kính?

2. Lời thoại của Thị Mầu cho thấy tình cảm, cảm xúc của nhân vật đã thay đổi như thế nào từ đầu đến cuối đoạn trích? Điền các từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc và những lời thoại tương ứng vào sơ đồ sau (làm vào vở):



3. Lời thoại của Thị Mầu cho thấy nhân vật quan niệm như thế nào về tình yêu và hạnh phúc?
4. Trong đoạn trích *Thị Mầu lên chùa*, tiếng đế thể hiện quan điểm như thế nào về nhân vật Thị Mầu? Bạn có đồng tình với quan điểm đó hay không? Vì sao?
5. Ứng xử của nhân vật Thị Kính thể hiện quan điểm gì của tác giả dân gian? Quan điểm đó trong xã hội ngày nay có còn giữ nguyên giá trị?
6. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết *Thị Mầu lên chùa* là một văn bản chèo?
7. Trong hai nhân vật Thị Kính và Thị Mầu, nhân vật nào để lại ấn tượng sâu sắc hơn đối với bạn? Vì sao?

B. Đọc văn bản tường

VĂN BẢN

HUYỆN TRÌA XỬ ÁN

(Trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*¹ – Khuyết danh)

✓ Trước khi đọc

Bạn biết gì về các con vật như nghêu, sò, ốc, hến, hà, hào, trìa,...? Và, bạn nghĩ gì khi tên các con vật này được dùng để đặt tên cho các nhân vật trong tác phẩm văn học? Hãy chia sẻ với mọi người về hiểu biết, suy nghĩ của mình.

✓ Đọc văn bản

Nghêu, Sò, Ốc, Hến (khuyết danh) là vở tuồng đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, đậm chất dân gian, tiêu biểu cho tuồng đồ. Tác phẩm gồm màn giáo đầu và 19 lớp, có thể tóm tắt như sau.

Trần Ốc, một gã kẻ trộm, nhờ thầy bói là Lữ Ngao gieo quẻ chỉ hướng vào ăn trộm nhà Trùm Sò – một trọc phú trong vùng. Ốc đem của trộm được bán cho Thị Hến, một gái goá trẻ đẹp, ma mãnh. Trùm Sò báo với lí trưởng (Lí Hà), thuê phù thủy dùng bùa phép tìm kẻ gian. Một tên gia đình của Thị Hến, vì bất bình với cách đối xử cay nghiệt của Thị Hến, đã có lời nói hớ hênh, khiến tang vật do Ốc lấy cắp từ nhà Trùm Sò bị phát giác. Lí Hà giam giữ Thị Hến cùng tang vật. Để Hầu xuất hiện, thấy Thị Hến xinh đẹp, có ý bênh vực thị. Sau đó, cả bọn bị giải lên huyện để quan xét xử. Thị Hến làm cho cả quan huyện (Huyện Trìa) lẫn Để Hầu mê mẩn nhan sắc của mình. Thị được tha bổng, Trùm Sò không lấy lại được tài sản mất cắp. Kết thúc vở tuồng là màn kịch khôi hài do Thị Hến bày ra, lần lượt đưa Sư Nghêu, Huyện Trìa, Để Hầu vào tròng, lật tẩy bản chất của gã thầy tu hổ mang và thầy trò hai tên chúc địch mê gái.

Vở tuồng này có nhiều dị bản. Các dị bản khác nhau về tổng số lớp tuồng, về số nhân vật và vai trò hành động của các nhân vật trong tác phẩm. Chẳng hạn, bản in của Nhà hát tuồng Đào Tấn, 1967, chỉ có 15 lớp. Một số dị bản khác không có nhân vật Sư Nghêu, và trong lớp kết thúc tác phẩm ba kẻ mắc lừa Thị Hến là Lí Hà, Để Hầu, Huyện Trìa, có màn xuất hiện của ba bà vợ táo tợn, hung dữ,...

Bản tóm tắt trên đây dựa vào văn bản in trong *Tổng tập Văn học Việt Nam* (trọn bộ 42 tập), tập 12, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, 2000.

Huyện Trìa xử án là lớp XIII trong *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*. Nhan đề văn bản do người biên soạn đặt.

¹ Vở tuồng này còn có tên khác: Di tình.

HUYỆN TRÌA:

– Tri huyện Trìa là mỗ¹
Nội hạt tiếng khen khen ta:
Cầm đường² ngày tháng vào ra,
Hoa nguyệt hôm mai thông thả.
Nhân rày nhàn hạ,
Rảnh việc binh dân;
Truyền chước bĩ chuỷ quăng³
Ngã hứng tình ngọc trấn⁴.
Ngẫm chuyện nhà quá ngán,
Giận mụ huyện hay ghen.
Hễ đi mô cả tiếng run en⁵,
Ngồi lại đó tắc lòng buồn bực.¹
Cao tài tạt túc⁶,
Tiền đắc hữu tiền⁷
Dân khen mỗ hữu nhân
Người đồn ta tri lí.
Luật không hay (thời ta) xử theo trí,
Thẳng tay một mực ăn tiền.
Đơn từ già, trẻ, lạ quen,
Nhắm mắt đánh đòn phát lạc.⁸
Chỗ nào nhắm tốt tiền tốt bạc
Lễ phù lưu⁹ hết mấy cũng lo,
Quan ở trên dù cú, hay cò
Đồ hành khiển¹⁰ nhiều mâm cũng đặt.²

Theo dõi

1 Chú ý nội dung tự giới thiệu trong lời xưng danh của nhân vật quan huyện ở đoạn này.

Theo dõi

2 Chú ý mục đích xử kiện của Huyện Trìa qua lời xưng danh của nhân vật này.

¹ Mỗ: ta, tôi.

² Cầm đường: cầm: đàn cầm; đường: ngôi nhà công đường của quan tri huyện đời Tống, Triệu Biện được bổ làm tri huyện, chỉ mang một cây đàn một con chim hạc, khi đánh đàn thì hạc múa, trong huyện được thái bình. Từ đó cầm đường chỉ tri huyện.

³ Chuỷ quăng: sùng tê giác: Truyền rót rượu vào chén tiện bằng sùng tê giác.

⁴ Ngọc trấn: chén ngọc.

⁵ Run en (tiếng cổ): run sợ; lớn tiếng làm cho người ta sợ.

⁶ Cao tài tạt túc: tài cao tạt đủ (lắm tài nhiều tạt).

⁷ Tiền đắc hữu tiền: cái được trước hết là có tiền.

⁸ Phát lạc: đánh đòn roi (chú theo *Nghê, Sò, Ốc, Hến*, Hoàng Trọng Miên giới thiệu, NXB Đào Tấn, Sài Gòn, 1967, tr. 54).

⁹ Lễ phù lưu: Mâm trâu cau làm của đứt lót.

¹⁰ Đồ hành khiển: Phẩm vật đứt lót cho quan (*hành khiển*: một chức quan đại thần trong triều đình).

ĐỀ HẦU:

(– Dạ, thưa quan bọn này)
Trộm của Trùm Sò đêm trước
Vu cho Thị Hén hôm qua
Bắt tới chốn huyện nha,
Xin ngài ra xử đoán.
Vả chúng nó thiệt đoàn du đảng
Nhà Trùm Sò nên đáng phú gia:
Tội vu tang luật nợ khó tha
Nghiêm tình trạng lẽ không nên thứ.

HUYỆN TRÌA:

– Đã biết mặt lão Đề hay nói bậy
Còn giờ hàm chú Lại nói cò cua
Lung cù chầy hình khéo bơ sò,
Mồm xà cẳng vinh râu ngoe ngoét¹.
Thôi, đây đã biết,
Lựa đó phải thua.
Đòi cả lũ vào đây
Đặng cho ta lược vấn².

Lại nói

– Nhìn đơn trưng lẩn thẩn
Xem tình trạng lằng nhằng
Việc lão Trùm khá nói, khá rằng
Nổi Thị Hén bày ngay, bày thiệt, (nào!).

THỊ HÉN:

– Nổi ức oan khôn xiết,
Lời ngay thẳng thừa qua,
Việc làm ăn ngày tháng vào ra,
Phận goá bụa hôm mai côi cút.
Gẫm gia đình khó thốt
Nhờ quan lớn tỏ lòng.
Mua của chiêm³ việc ấy vốn không
Vì ai giận nên khai rằng có.

¹ *Cù chầy (cù nhây)*: dài, lằng nhằng; *xà cẳng*: cái vông, có thanh khiêng. *Lung cù chầy... vinh râu ngoe ngoét*: người dè hợm, nói năng đưa đẩy, điều toa; đáng ghét và đáng ngờ.

² *Lược vấn*: hỏi sơ qua.

³ *Của chiêm*: của không chủ.

TRÙM SÒ:

(– Dạ dạ!)

Mồng một mất đồ hôm nọ,

Mồng hai nhìn thấy đặng đây.

Đồ đạc nhìn đã không sai,

Mua chác đó xin ngài tra hỏi. ❸

HUYỆN TRÌA:

– Ngồi lâu thời mỗi,

Nó nói kéo dài,

Lão Đề lấy tờ khai,

Đặng ta toan làm án.

Cứ mực thẳng, cung cho ngay, bày cho thiệt

Kéo hai đàng của nói có, vọ nói không.

Để Thị Hến khai trước mới xong

Rồi lão Trùm cung sau thì rõ.

Này Thị Hến!

Việc phải, không, vốn ta chưa tỏ,

Thấy đơn cô chút chạnh lòng thương

(Em) Phải năng lên hầu gần quan

(Thời) Ai dám nói vu oan gieo họa.

Đầu thời đương lạ,

Lâu ắt phải quen.

Hãy xuống lên hầu hạ cho liên,

Phương lợi hại rồi ta sẽ tính.

THỊ HẾN:

(– Dạ!)

Trông ơn quan lớn

Đoái xét phận hèn.

Phụ mẫu dân quyền quý ấy bề trên,

Ti tiện nữ đơn cô là phận dưới.

Như việc ấy nhờ ơn trên phân giải,

Thời duyên kia đành phận thiệp vương mang.

Xin ngài hãy thương,

Dự đoán

❸ Những điều Trùm Sò (kẻ mất trộm) khai báo ở đây, liệu có được Huyện Trìa và Đề Hầu chú ý đến khi xét xử không?

Vốn tôi ung dạ.

HUYỆN TRÌA:

– Gẫm đó dây duyên nợ
Thật trời đất đẩy đưa,
Căn duyên khéo khéo tình cò

(Mà) Nhon ngãi khẳng khẳng vương vấn.
Khuyên mù đừng trách phận,
Đây ta đã đành lòng.
Cứ đây mà khai báo cho xong,
Rồi ta sẽ xử phân thuận lí.

ĐỀ HẦU: (*riêng*)

– Mụ đà nên tệ
Ông Huyện cũng xằng,
Phen này ông bày mặt thú lang
Huếch¹ với mụ ắt râu trụi lủi. **4**

Lại nói – Đòi Thị Hến vào đây ta hỏi,
Nào tờ khai đem nạp tại đây.
Lão Trùm Sò ăn nói trầm trây,
Thị Hến oan, tình hình tỏ rõ.
Tờ khai đó, đây đành có đó,
Lúc ra đây, rồi lại xử đây.

(*Hạ*)

HUYỆN TRÌA:

– Thế lão Lại đã bày,
Làm tờ khai cho nó,
Nguyên tang không phải đó,
Tình trạng nghiệm là phi.
Ỡ phú gia hống hách,
Hiếp quả phụ thân cô,
Cứ lấy đúng pháp công,
Tội cả vợ lẫn chồng, **5**

(*Thôi*) Ta thú² liền ông, liền mụ.

Theo dõi

4 Đoạn này Đề Hầu đang nói về ai, với ai?

Suy luận

5 Lời phán quyết này của Huyện Trìa có dựa trên sự thật và có mang lại kết cục công bằng cho các bên: Vợ chồng Trùm Sò và Thị Hến?

¹ Huếch: mách lại.

² Thú: nói cho mà biết.

VỢ CHỒNG TRÙM SÒ:

– Trời cao kêu chẳng thấu,
Quan lớn dạy phải vâng,
Cúi đầu tạ dưới sân,
Xin lui về bốn quán.

(Hạ)

THỊ HẾN:

– Trông ơn quan lớn
Cúi xét phận hèn
Ơn huyện đang biết lấy chi đền?
Hồi gia nội sẽ toan báo đáp.

(Hạ)

(Trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, in trong *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 12, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, 2000, tr. 534 – 538)

✓ Sau khi đọc

- Xác định đặc điểm ngôn ngữ kịch trong văn bản *Huyện Trìa xử án* bằng việc thực hiện các yêu cầu dưới đây:
 - Nêu ví dụ về lời đối thoại, độc thoại, bàng thoại của nhân vật và lời chỉ dẫn sân khấu.
 - Cho biết nhân vật nào có số lượt lời nhiều nhất và giải thích lí do.
 - Chỉ ra một số dấu hiệu cho thấy các lời thoại của nhân vật trong văn bản trên mang đặc điểm của thơ hoặc văn vần.
 - Cho biết vì sao trong lời thoại của nhân vật, một số từ ngữ lại được tách riêng ra và đặt trong ngoặc đơn. Ví dụ:
ĐỀ HẦU: (– Dạ! thưa quan bọn này)
...
HUYỆN TRÌA:
...
(Em) Phải nâng lên hầu gần quan
(Thời) Ai dám nói vu oan gieo hoạ.
...
- Chỉ ra mâu thuẫn giữa các nhân vật trước và trong phiên toà. Phân tích nguyên nhân làm nảy sinh, chuyển hoá mâu thuẫn đó.
- Từ lời xưng danh (bàng thoại) của Huyện Trìa và lời ông ta đối thoại với các nhân vật trong phiên toà, nêu một số nhận xét của bạn về tính cách của nhân vật này.
- Bạn có nhận xét thế nào về tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua ngôn ngữ kịch trong *Huyện Trìa xử án*?

5. Xác định đề tài và nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản *Huyện Trĩ xử án*. Theo bạn, tích truyện của vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* được lấy từ đâu? Nêu một vài căn cứ giúp bạn nhận biết văn bản *Huyện Trĩ xử án* (trong vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*) được sáng tác, lưu truyền theo phương thức truyền miệng?
6. Từ lời phán cuối cùng của Huyện Trĩ, lời than của Trùm Sò, lời tri ân của Thị Hến, bạn có nhận xét gì về kết quả của phiên toà?
7. Từ việc đọc hiểu văn bản trên, cho biết: khi đọc, phân tích một kịch bản tuồng nói riêng, văn bản kịch nói chung, ta cần lưu ý những điều gì?

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

✓ Đọc văn bản

ĐÀN GHI-TA PHÍM LỖM TRONG DÀN NHẠC CẢI LƯƠNG

Trong dàn nhạc tài tử¹, hay dàn nhạc cải lương² ngày nay, cây ghi-ta phím lõm có một vị trí đặc biệt quan trọng. Đó là nhạc cụ chính, giữ song loan³ và “bao sân”⁴ cho cả dàn nhạc. Ghi-ta phím lõm là hiện thân của sự kết hợp tinh hoa âm nhạc phương Tây và Việt Nam, để tạo nên một yếu tố nghệ thuật không thể thiếu của cải lương.



Hình 1: Cây đàn ghi-ta thường và cây đàn ghi-ta phím lõm

- ¹ *Nhạc tài tử (hay đờn ca tài tử)*: một loại hình âm nhạc dân gian của người bình dân khu vực Nam Bộ, xuất hiện từ cuối thế kỉ XIX.
- ² *Cải lương*: một loại hình sân khấu kịch hát đặc trưng của miền Nam, hình thành từ khoảng đầu thế kỉ XX trên cơ sở đổi mới nghệ thuật hát bội truyền thống, kết hợp với nghệ thuật đờn ca tài tử và dân ca Nam Bộ. Càng về sau, cải lương càng đổi mới theo hướng tiếp nhận kiểu cấu trúc của kịch nói phương Tây.
- ³ *Song loan (còn gọi là song lan hoặc song lang)*: một nhạc cụ gỗ có kích thước nhỏ trong dàn nhạc cải lương, dùng để giữ nhịp. Giữ song loan: giữ nhịp cho cả dàn nhạc.
- ⁴ *Bao sân (từ địa phương miền Nam)*: thực hiện hết những phần việc dành cho người khác.

Đàn ghi-ta có lịch sử lâu đời với nhiều thiết kế khác nhau, nhưng đã được người Tây Ban Nha cải tiến lại để có hình dáng và cấu trúc như ngày nay (vì thế đàn còn có tên là Tây Ban cầm). Người Việt Nam biết đến nó vào đầu thế kỉ XX. Cảm nhận được âm vực rộng và âm sắc phong phú của cây ghi-ta, các nghệ nhân Việt Nam đã khai thác và cải tiến cây đàn, khoét lõm các cung đàn trên cần để tạo nên hiệu ứng ngân rung đặc biệt, phù hợp với thang âm của âm nhạc Việt. Đàn mang tên là ghi-ta phím lõm, nhưng thực sự là cung lõm phím lồi, khác với ghi-ta thường phím không lõm. Trở thành cây ghi-ta phím lõm, nghĩa là cây ghi-ta Việt Nam đã xướng lên bằng ngôn ngữ âm nhạc Việt (hò, sự, xang, xê, cống¹) mà không còn là ngôn ngữ âm nhạc Tây phương (đô, rê, mi, pha, son, la, si).



Hình 2: Các nhạc cụ phổ biến trong dàn nhạc cải lương

Ghi-ta phím lõm đảm bảo được âm độ rộng, từ thấp, trung đến cao, âm sắc phong phú, phím cung sâu nhấn nhá rất đa dạng. Ở loại hơi và thể điệu² nào, đàn cũng thể hiện một cách xuất sắc, điều này không phải nhạc cụ nào cũng làm được. Nó còn có thể thay thế các nhạc cụ khác, dù hiệu quả có thể không bằng khi “ngũ giọng” nhạc cụ cùng phối hợp.

Khoảng những năm 1934 – 1935, ghi-ta phím lõm đã nhanh chóng có mặt trong dàn nhạc cải lương của nhiều đại ban³ như Phụng Hảo, Phước Cương, Trần Đắc,... Thành công của những danh cầm⁴, những giọng ca vàng cải lương Sài Gòn hầu như luôn gắn với sự hỗ trợ của cây đàn ghi-ta phím lõm, như danh cầm Văn Vĩ đàn cho nghệ sĩ Út Trà Ôn, danh cầm Năm Cờ, rồi sau đó là Văn Giải, Bảy Dư, Hoàng Thành, Văn Mách,...

¹ Hò, sự, xang, xê, cống: 5 nốt nhạc trong hệ thống âm nhạc của người Việt, còn gọi là ngũ cung.

² Điệu, hơi: thuật ngữ chỉ các sắc thái nhạc đặc trưng trong đờn ca tài tử. Một số điệu và hơi thường gặp: điệu Bắc, điệu Hạ, điệu Nam, điệu Oán; hơi Xuân, hơi Ai, hơi Đào, hơi Ngự,...

³ Đại ban: ban nhạc lớn.

⁴ Danh cầm: nghệ sĩ chơi đàn nổi tiếng.



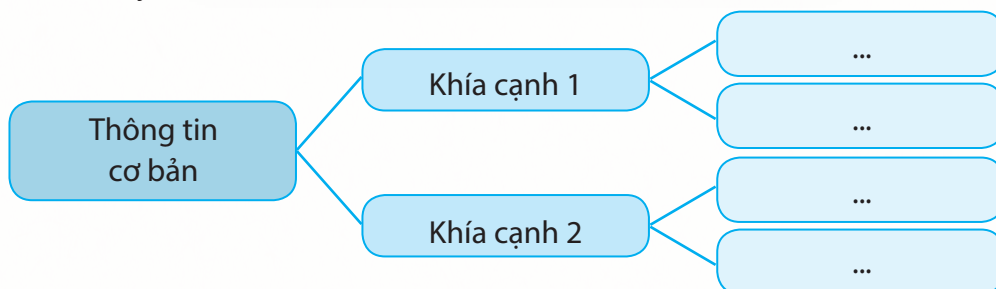
Hình 3: Đàn ghi-ta phím lõm trên sân khấu cải lương
(Nguồn: Nguyễn Á, *Đờn ca tài tử – Lời tự tình của dân tộc, quê hương*, NXB Thông tấn, 2015)

Trước 1975 đã có một thời kì cây đàn kìm được coi là nhạc cụ chính và giữ song loan, song có thể nói từ ngày được Việt Nam hoá đến nay, cây ghi-ta phím lõm vẫn luôn luôn đóng vai trò chủ chốt. Suốt một thế kỉ tồn tại, cây ghi-ta phím lõm từ chỗ là nhạc cụ bổ sung ban đầu nay đã trở thành nhạc cụ trụ cột không thể thay thế của dàn nhạc tài tử và cải lương.

(Theo Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Hương, in trong *Sân khấu cải lương ở Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Tổng hợp – NXB Văn hoá Sài Gòn, 2007, tr. 58 – 59)

✓ Sau khi đọc

1. Vẽ sơ đồ các ý chính của văn bản trên. Có thể tham khảo mô hình như sau:



Mỗi khía cạnh của thông tin cơ bản trong bài gắn với những hình ảnh minh họa nào?

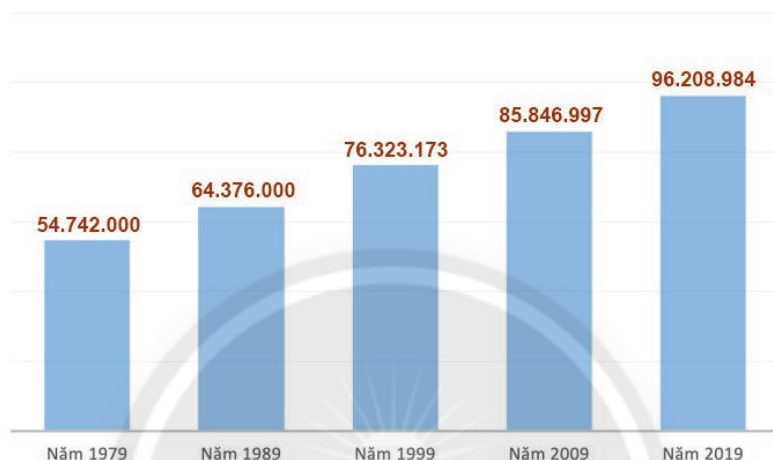
2. Nêu tác dụng của sơ đồ nhánh đính kèm (Hình 2) trong bài.

3. Ngoài nghệ thuật cải lương, bạn có biết bộ môn nghệ thuật nào ở Việt Nam có tiếp nhận những yếu tố hiện đại từ nước ngoài trên nền tảng nghệ thuật cổ truyền hay không? Bạn đánh giá như thế nào về sự tiếp nhận này?

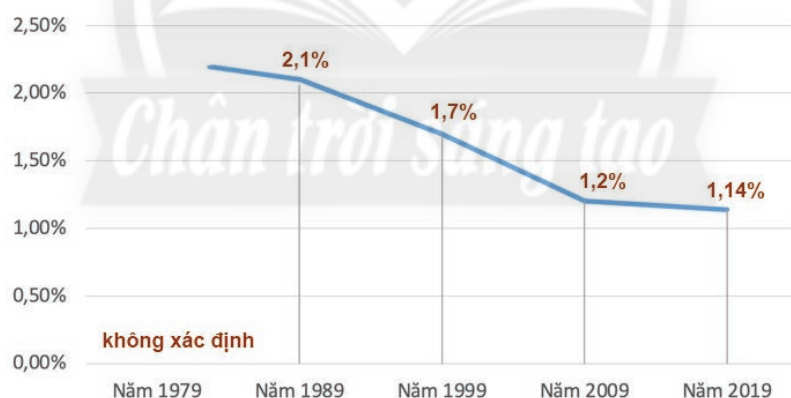
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

- a. Các hình ảnh được sử dụng trong văn bản *Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương* giúp bạn hiểu thêm điều gì về các thông tin chính mà văn bản truyền tải?
b. Nhận xét về cách tác giả văn bản chú thích các hình ảnh đính kèm: độ dài của phần chú thích hình ảnh, mối liên hệ giữa hình ảnh và phần chú thích với văn bản chính,...
- Có rất nhiều dạng biểu đồ, sơ đồ, chẳng hạn như các dạng biểu đồ cột, biểu đồ đường, biểu đồ tròn như sau:

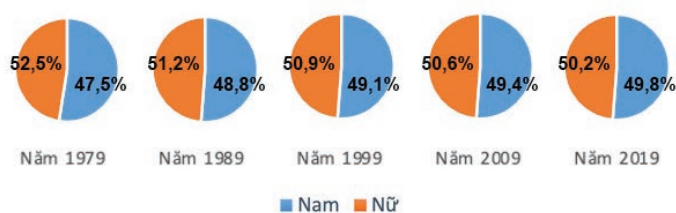
TỔNG DÂN SỐ



TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ



TỈ LỆ GIỚI TÍNH



(Nguồn số liệu: Tổng cục Thống kê)

Theo bạn, có thể thay thế các biểu đồ trong ba hình ảnh minh họa trên bằng dạng khác không? Vì sao?

3. Suy tầm ít nhất một văn bản thông tin trên sách báo, trong đó có sử dụng biểu đồ. Giải thích tác dụng của biểu đồ đó.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của bạn về việc bảo tồn một loại hình nghệ thuật, một nhạc cụ, một kiểu trang phục,... truyền thống của dân tộc, trong đó có sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI (CHÈO HOẶC TUỒNG)

Học sinh chọn đọc văn bản chèo hoặc tuồng

XÃ TRƯỞNG – MẸ ĐỐP¹

(Trích *Quan Âm Thị Kính*)

✓ Đọc văn bản

XÃ TRƯỞNG: (ra) Tại dân vi tổng lí
Quốc pháp hữu công hầu²
Ơn dân xã thuận bầu
Tôi đứng đầu hàng xã
Nay cơ chừng động mã³
Thị Mầu đã hoang thai
Chiếu⁴ lệ làng⁵ ngả vạ⁶ không sai
Bất khoán⁷ cứ một trăm quan quý⁸

(gọi) Thằng bố Đốp đâu?

MẸ ĐỐP: Đứa nào đốp chát gì ngoài ấy?

XÃ TRƯỞNG: Tao đây! Thầy xã đây! Ra ngay có việc cần nhá!

¹ *Xã trưởng – Mẹ Đốp*: là một đoạn trích trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, nội dung xoay quanh cuộc trao đổi giữa xã trưởng (người quản lí xã) với mẹ Đốp (vợ của người mô làng) về việc đi rao mô, thông báo cho cả làng biết tin Thị Mầu mang thai khi chưa có chồng.

² *Tại dân vi tổng lí, Quốc pháp hữu công hầu*: dân có lí trưởng cai quản, cũng như nước có quan lại điều hành vậy.

³ *Động mã*: sự tác động vào một phần tử tiên gây ra điều không lành cho con cháu, theo quan niệm dân gian.

⁴ *Chiếu*: dựa vào, căn cứ vào điều đã được quy định thành văn bản.

⁵ *Lệ làng*: điều quy định từ lâu, đã trở thành nếp chung của làng.

⁶ *Ngả vạ*: bắt người vi phạm lệ làng phải nộp phạt cho làng, theo tục lệ ở nông thôn thời phong kiến.

⁷ *Khoán*: khoản tiền phải nộp phạt cho làng khi vi phạm lệ làng.

⁸ *Quan quý*: đơn vị tiền tệ thời phong kiến.

MẸ ĐỐP: Bố cháu trẩy¹ tỉnh lĩnh bằng² rồi ạ!

XÃ TRƯỞNG: Làm cái thứ mỗ³ thì bằng với sắc cái gì?

MẸ ĐỐP: Dạ, bố cháu cấp tráp⁴ theo hầu cụ Bá lên tỉnh lĩnh bằng rồi ạ!

XÃ TRƯỞNG: Có chẳng thì thế! Chồng vắng thì vợ thay, ra ngay thầy bảo!

MẸ ĐỐP: Này chị em oi,
(hát) Thương chồng nên phải làm than
Phép đâu có bắt việc quan đàn bà.
(xưng danh) Thánh đế lên ngôi
Chẳng giấu gì mẹ Đốp là tôi
Tuy hình dung miệng nói dăng cò⁵
Khách đến nhà, Đốp mới bò ra
Miệng chào khách những câu như cắt
Ngày hôm nay xướng ca lạc đặc⁶
Dựng mỗ lên cung phụng làm trò.
Ô rằng vậy:
Chẳng giấu gì mẹ đình đám là tôi
Nghề ăn nói tôi vào trang đúng mực
Bất phận danh nhi tài túc
Vô chế lệnh nhi dân tòng⁷
Một mình tôi cả xã ngóng trông
Điều phải trái tôi nay trước bảo⁸!

XÃ TRƯỞNG: Con này láo! Mày vất tao đi mà trước bảo dân tao à?

MẸ ĐỐP: Nó là thế này: Làng có việc gì, thầy sai con đi rao mỗ, thời chẳng phải là lên trước bảo là gì?

¹ Trẩy: đi đến một nơi xa.

² Bằng sắc: giấy phong chức tước hoặc khen thưởng do vua ban.

³ Mỗ: nghĩa gốc chỉ một đồ dùng hình ống bằng tre hoặc gỗ, thường được sử dụng để làm tín hiệu, kêu gọi sự chú ý của dân làng mỗi khi có việc chung cần thông báo. Mỗ làng là người chuyên đi gõ mỗ, thông báo cho cả làng mỗi khi có tin tức hoặc hiệu lệnh. Trong tổ chức làng xã phong kiến Việt Nam, mỗ làng được xếp vào hạng cùng đinh, tức vị thế thấp nhất trong làng và thường bị dân làng khinh miệt.

⁴ Tráp: hộp nhỏ bằng gỗ, đựng giấy tờ, đồ dùng.

⁵ Dăng cò (tiếng cổ): giăng co, gay gắt.

⁶ Lạc đặc (tiếng cổ): lác đác, thưa thớt đây đó.

⁷ Vô chế lệnh nhi dân tòng: không có chức vụ gì nhưng của cải vẫn đầy đủ, không có mệnh lệnh, ép buộc gì nhưng dân vẫn theo.

⁸ Trước bảo: nói trước cho biết.

Từ việc hỉ cho chí việc hảo¹
Giấy quan về là phải báo với tôi
Tôi chưa ra là làng chưa được ngồi.

XÃ TRƯỞNG: Cái con mẹ Đốp này! Nhặt nhặt đa hĩ, lộng giả thành chân².
Mày chưa ra thì làng chưa được ngồi thời mày là bà tiên chỉ³
làng này à?

MẸ ĐÓP: Dạ, nó là thế này: Con chưa ra trải chiếu thì
làng ngồi xuống đất hay sao?

XÃ TRƯỞNG: Ờ con mẹ Đốp nó nói thế mà có lí!

MẸ ĐÓP: Có thơ rằng:
Mồ tôi cả tiếng⁴ lại dài hơi
Một xã cử bầu chẳng phải chơi
Mộc đặc⁵ vang lừng hoà cả xã
Kim thanh⁶ dón dả⁷ khắp đòi nơi
Gần xa chốn chốn đều nghe hiệu
Làng nước ai ai cũng quý nhời⁸
Muôn việc sửa sang quyền cất đặt
Một mình một chiếu thảnh thơi ngồi.

XÃ TRƯỞNG: Thơ hay đấy nhỉ.

MẸ ĐÓP: Thầy có mang giấy bút đi không?

XÃ TRƯỞNG: Giấy bút để làm gì?

MẸ ĐÓP: Thầy khen thơ hay thì chép lấy đem về nhà mà treo!

XÃ TRƯỞNG: Hay là hay với cánh mõ nhà mày, chứ xã trưởng lại treo thơ mõ à?

MẸ ĐÓP: Sao thầy lại cứ nhìn tôi thế vậy?

XÃ TRƯỞNG: Nhà Đốp lớp này xem ra bánh gái⁹ dễ coi lắm nhỉ?
Bụng mày độ này coi to đấy. Mày đã mấy con rồi?

¹ Việc hảo: tin cưới hỏi; việc hảo: tin tốt lành.

² Nhặt nhặt đa hĩ, lộng giả thành chân: càng thường ngày càng quá quắt, đùa quá hoá thật.

³ Tiên chỉ: người có địa vị cao nhất trong làng, thường được giao chủ trì những buổi tế lễ.

⁴ Cả tiếng (tiếng cổ): lớn tiếng.

⁵ Mộc đặc: chiếc mõ bằng ống gỗ, thường dùng

⁶ Kim thanh: tiếng chuông đồng, đôi khi chuông được đánh chung với mõ.

⁷ Dón dả (gióng giả): chỉ âm thanh vang lên liên tục, như giục giã, nhắc nhở.

⁸ Nhời: lời (phương ngữ Bắc Bộ)

⁹ Bánh gái: đẹp gái, xinh xắn.

MẸ ĐỐP: Thưa thầy, con còn hiếm¹ lắm ạ! Mới được có mười cháu thôi ạ,
XÃ TRƯỞNG: Tốt nái gớm nhỉ! Nay, nhà Đốp! Hôm nào mát giò,
 tao sang gửi mày một đứa nhá!

MẸ ĐỐP: Thầy chớ nói vậy! Bố cháu đứng ngoài kia
 nó nghe thấy rồi nó lại ghen!

XÃ TRƯỞNG: Ghen cái gì? Thấy mày mát tay nên tao định đưa sang gửi mày
 nuôi hộ vài đứa chứ tao lại thêm... thêm... ấy à? Dở hồn!
 Sao cũng có ngày đấy! Thôi đi rao mỗ đi!

MẸ ĐỐP: Thầy bảo rao thế nào ạ?

XÃ TRƯỞNG: Nghe đây này:
 Trình làng trình chạ
 Thượng hạ tây đông
 Con gái phú ông
 Tên là Mầu Thị
 Tư tình ngoại ý²
 Mãn nguyệt có thai
 Mời già trẻ gái trai
 Ra đình mà ăn khoán.
 Còn ông Đồ Diếc không nghe thấy thì phải vào tận nhà nghe chưa?

MẸ ĐỐP: Thầy nói một mạch thế thì con nhớ làm sao được. Hay là thế
 này vậy: Nhà cháu đi trước đánh mỗ, thầy đi sau rao hộ nhà cháu.

XÃ TRƯỞNG: Thế ra tao làm đầy tớ mỗ à? Láo nào!

MẸ ĐỐP: Vậy thầy thùng thẳng nói lại để nhà cháu nhập tâm vậy!
 (bốc miệng xã trưởng bỏ vào dải yếm)

XÃ TRƯỞNG: Kìa sao mày lại bốc mồm tao bỏ vào đấy, hả?

MẸ ĐỐP: Không bỏ vào đấy thì nhà cháu không nhớ được ạ!

XÃ TRƯỞNG: Kìa, có nhắc cao cái dải yếm lên không, uestap hết mồm tao còn gì?

MẸ ĐỐP: Cao lắm rồi! Ừ, ừ. Giấy này! Di này, di này! Thế là xong tất, xong hết!

XÃ TRƯỞNG: Sao không rao lên, kìa?

MẸ ĐỐP: Xong tất cả rồi đấy ạ!

XÃ TRƯỞNG: Tao bảo mày đi rao cơ mà.

MẸ ĐỐP: Dạ, người ta bảo “Gửi lời thì nói, gửi gói thì mở”. Nhà cháu
 mở tung cả ra đấy thôi.

¹ *Hiếm*: hiếm muộn, ít con.

² *Tư tình ngoại ý*: có quan hệ nam nữ ngoài hôn nhân.

(Xã trưởng đánh mẹ Đốp)

MẸ ĐỐP: Ối bố Đốp ơi là bố Đốp ơi! Đi đâu để thầy Xã thầy ấy ăn hiếp tôi đây này.

XÃ TRƯỞNG: Thôi, thôi! Lọt tai làng sang tai họ¹ bây giờ! Nín đi!
Thôi tao xin mày! Rồi tao đền cho thúng thóc! Đi rao đi!
Nhớ vào mời bằng được cụ Đồ Điec, nhớ đấy nghe không?

(hạ)

(Theo Hà Văn Cầu (Chủ biên), *Kịch bản chèo*, quyển 1, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam – NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014, tr. 282 – 288 và 324 – 327)

✓ Sau khi đọc

1. Liệt kê theo bảng sau những từ ngữ, hình ảnh trong lời thoại của hai nhân vật khi họ nói về công việc thường ngày của mình và của người còn lại:

	Nói về xã trưởng	Nói về mẹ Đốp và chồng
Xã trưởng	– <i>Tại dân vi tổng lí</i> <i>Quốc pháp hữu công hầu</i> ...	– <i>Đi rao mỗ</i> ...
Mẹ Đốp	– <i>Các cụ chữa được ngỏi</i> ...	– <i>Mộc đặc vang lừng</i> <i>Kim thanh đóng dả</i> ...

Từ bảng trên, hãy nêu nhận xét về thái độ, quan điểm của hai nhân vật.

2. Yếu tố hài hước trong đoạn trích trên được tạo nên từ những thủ pháp nào? Thủ hình dung khi diễn viên chèo nhập vai mẹ Đốp, họ sẽ sử dụng những cử chỉ, hành động như thế nào?
3. Mẹ Đốp thuộc kiểu nhân vật nào trong các kiểu nhân vật chính yếu của chèo cổ? Theo bạn, sự xuất hiện của mẹ Đốp nói riêng và kiểu nhân vật này nói chung trong kịch bản chèo có tác dụng như thế nào đối với việc chuyển tải tư tưởng, triết lí dân gian?

✳ **Bài tập sáng tạo:** Vẽ một bức tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vở chèo *Quan Âm Thị Kính*.

¹ *Lọt tai làng sang tai họ*: thông tin không rõ ràng khiến người nghe hiểu sai.

HUYỆN TRÌA, ĐỀ HẦU, SƯ NGHÊU MẮC LỖM THỊ HẾN

(Trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* – Khuyết danh)



Minh họa: Thanh Thảo

(Lược dẫn: Sau khi được Huyện Trìa tha bổng ở huyện đường, Thị Hến bị Sư Nghêu, một gã thầy tu phá giới trong vùng đến gạ gẫm chuyện ái ân. Thị bày ra một kế nhằm chấm dứt mọi sự quấy nhiễu của Sư Nghêu cùng bọn chúc sắc, nhằm “Giữ tiết hạnh một đường cho toại”. Thị cho mời cả ba gã đàn ông mê gái – Sư Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa – cùng đến nhà mình và cả ba cùng sập bẫy. Dưới đây là lớp XIX, cũng là lớp kết thúc vở *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*. Nhan đề do người biên soạn đặt).

THỊ HẾN:

– Từ sai người tới đó
Sao chưa thấy tới đây?
Ông Huyện Trìa bị mụ Huyện trói tay,
Thầy Đề Lại mắc cô Đề buộc cổ.
Còn lão sãi trọc vắng tới nhà mà múa mỗ,
Hay là ta may hết thói lãng nhăng?
Dốc thờ chồng suốt bạc cho toàn,
Lại bị quỷ nhà chay tới phá.

SƯ NGHÊU:

– Trời tắm tối đi hầu bổ ngựa,
Cây bụi bờ rờ chẳng ra đường.
(Này! Này, Thím ơi! Mổ đã sang. Mở cửa mình vào với!)

THỊ HẾN:

– Chào thầy mới tới
Trà nước vội vàng.
Đành lòng đây đó giao duyên
(Nhưng) Sợ nổi thế gian đàm tiếu (thôi.)

SU NGHÊU:

– Vốn đà trước liệu
Lọ phải sau lo
Kệ kinh chuông mõ trả cho chùa
Cày, cấy, đâm, xay đành phận mỗ.
(Này này!) Khuyên cùng với đó,
Chớ khá phụ đây,
Tuy làm vậy cũng tiếng ông thầy,
Ở như vậy uống tài bà goá.

(Tiếng Đề Hầu kêu cửa)

THỊ HẾN:

(– Ủa!)
Tiếng ai kêu chi lạ
Hay là thầy Lại đến đây?
(Này! Này! Mô Phật!)
Đi ra kéo tội với thầy,
Ở đó ắt tai trước mắt! (Chớ chẳng chơi đâu!).

SU NGHÊU:

(– Phật Phật! Trời Trời!)
Lão Đề Lại làm chi quá ngất,
Khiến thầy tu chạy đã hầu điên.
(Thím ơi! Thím!)
Trốn chỗ nào khác chỉ cho min¹!

(Chớ) Ra cửa có thầy Đề đứng đó!

THỊ HẾN:

– Dưới phản ngựa thầy mau xuống đó.

(Để tôi) Ra ngõ mời người đặng vào đây,
Dầu chuyện chi chịu khó một giây,

(Để) Người về đã, sẽ vầy hai mặt.

(*Sư Nghêu chui xuống gầm phản, Đề Hầu vào*)

Lại nói – Thưa thầy!

¹ Min: tôi.

Nghe kêu lặt đặt,
Mở cửa vội vàng,
Thỉnh lại gia trang¹,
Sẽ bày tình tự.

ĐỀ HẦU:

– Ôn mỗ cứu cho bữa trước
Nay nường còn nhớ chưa quên?
Sao đã cùng ông Huyện kết duyên,
Mà vội phụ thầy Đề tình ngãi, (hử?)

THỊ HẾN:

– Xin thầy hãy nghĩ lại
Quan huyện dạy (tôi) phải vâng,
Đành đôi ta là cái duyên hằng²

(Thế mà) Không nghe đó, sao cho nên việc, (thưa thầy?)

ĐỀ HẦU:

– Phải lắm! Thế mới biết
Đèn không kêu không tỏ,
Chuông không đánh không kêu.
(Ta nói thiệt)
Đó không thương đây cũng quyết liều,
(Chừ) Duyên đã khấn³ nường tua⁴ giữ dạ.

THỊ HẾN:

– Ái ân việc còn thông thả,
Rượu trà xin hãy vui chơi
Chẳng mấy khi đặng hiệp một nơi
Bây giờ đã gặp nhau hai mặt
(Chừ có việc này)
Tôi xin hỏi thiệt, thầy khá tỏ bày!
Thầy hằng xem luật lệ xưa nay,
Tu (mà) phá giới tội chi khinh trọng, (thưa thầy?)

ĐỀ HẦU:

– Lỗi tai nghe quá chướng

¹ *Thỉnh lại gia trang*: xin mời vào trong nhà.

² *Hằng*: thường; *đạo hằng*: đạo thường; *duyên hằng*: duyên thường. Ca dao: *Mấy ai phân rẽ đạo hằng/ Đốt chùa không tội cho bằng rẽ duyên*.

³ *Khấn*: hứa; *duyên đã khấn*: duyên đã hứa.

⁴ *Tua*: hãy, nên.

Trong luật lệ rất to,
Hễ phá giới tức hành trăm quyết!¹

(Huyện Trìa tới)

HUYỆN TRÌA:

(nói ngoài cửa)

– Viên ngoại điều văn tế thuyết
Môn tiền hữu ngã quan nhơn²
Mở cửa ra! Mau tiếp đại tân³!
Ở mụ! Kíp kíp ra mời quan Huyện, (nào!)

ĐỀ HẦU:

(– Chui chao!)
Văn ngôn sắc biến! Sắc biến!⁴
Thính thuyết hồn kinh! Hồn kinh!⁵
Nếu mà ông Huyện tri tình,
Chắc hẳn thầy Đề mang khổ!

(Thầy Đề trốn, ông Huyện vào)

HUYỆN TRÌA:

– Việc thuế má, án tù quá gấp
Đêm tối tăm đường xá (lại) khó đi!
Tuồng mụ đà tới lúc ngủ khi
Làm mỗ chạy ướm hầu bỏ sắp.
Khi sớm, tối đợi mình khổ lắm
Từ rày xin tới mụ cho liên
Gẫm đà phải nợ phải duyên,
Thôi chớ làm hờn, làm giận, (nữa mà!)

THỊ HẾN:

– Nghĩ mà tủi phận
Đâu dám trách ai
(Nhưng tôi nghĩ lại, như ông)
Vợ còn, còn sẵn, thiếu chi
(Mà buộc tôi không đăng?)
Trai quá gái không thường lệ

¹ Trăm quyết: trăm: chém; trăm quyết: án chém.

² Nghĩa cả câu: Ngoài vườn nghe tiếng nhỏ to/ Trước cửa có ta một vị quan nhân.

³ Đại tân: khách quý.

⁴ Văn ngôn sắc biến! Sắc biến!: nghe nói biến sắc! biến sắc!

⁵ Thính thuyết hồn kinh! Hồn kinh!: nghe nói kinh hồn, kinh hồn!

(Tôi cũng) Cam phận thiệp muối trường com tẻ.

(Nhưng mà tôi)

E chánh thê cả tiếng nhiều lời (đó thôi!)

(Cho nên tôi)

Lánh một xó, lợ một nơi

Khó trời thây, giàu ai chẳng luy!

HUYỆN TRÌA:

(– Ui chao! Chừ)

Ta nghỉ ngơi kéo mệt,

Nói dài lắm cũng buồn

Khuyên khuyên đừng chớ làm tuồng,

Bớt bớt xin đừng nói bọm!

THỊ HẾN:

– Sợ gan ruột đàn ông nhiều lớp

Việc nợ duyên dễ thiệp mấy nơi?

Rượu trà hãy xin mời,

Ái ân rồi có đó.

(Bây giờ tôi xin nhờ quan)

Vốn tôi chưa rõ,

Xin hỏi một lời:

Người từng xem luật lệ nơi nơi

(Là) Có một việc ở đời lạ lạ.

Rầy có chú thầy tu rất chạ

Hay đến nhà mà ve bà goá;

Đã xuất gia phá giới làm vợ,

Thời luật pháp xử chi cho rõ?

HUYỆN TRÌA:

(– Uầy!)

Nói làm chi việc rối

Ai có tiếc làm chi.

Phàm tu hành mà đã xuất gia,

Có phá giới đánh đòn phát lạc¹!

SU NGHÊU:

(Từ gầm giường bò ra)

¹ Đánh đòn phát lạc: đánh đòn trị tội bằng roi.

– Tâm khoái lạc! Tâm khoái lạc!¹

Thiện xử phân! Thiện xử phân!²

(Bầm quan lớn, lời quan dạy rất minh, chứ thầy Đề ngồi trong thúng mớ kia nói mới ỨC CHỚ! Bầm quan lớn!)

Chơn vi phụ mẫu chi dân³.

(Chứ thầy Đề)

Chỉ thị dâm ô chi loại!⁴

Như thầy tu phá giới,

Thời bất quá đánh đòn,

Còn thầy Lại phạm giam

Thật ắt là tội chết!

ĐỀ HẦU:

(Lồm cồm bò ra)

– Đầu đuôi tại mụ Hến,

Mưu mẹo bởi lão thầy tu.

Rày quan Huyện trớ trêu,

Mắc đàn bà quá tội.

Tôi cam chịu lỗi

Ai biết mà chê

Trong nha môn từ Huyện đến Đề

Còn tạo lệ không mời luôn thể!

HUYỆN TRÌA:

– Thầy Lại làm nên quá tệ,

Như nhà sư bắt chước cố trêu.

Mắc cỡ lêu lêu!

Lêu lêu mắc cỡ!

Rất nên quái gở,

Làm việc lảng nhãng!

Hễ miếng to bầy quyết kiếm ăn,

Còn đồ vật bay làm sạch trụi.

Thầy Tu khá lui về cho khỏi

¹ Tâm khoái lạc! Tâm khoái lạc!: lòng vui sướng! Lòng vui sướng!

² Thiện xử phân! Thiện xử phân!: khéo phân xử! khéo phân xử!

³ Chơn vi phụ mẫu chi dân: là cha mẹ dân đích thực.

⁴ Chỉ thị dâm ô chi loại: đó tặc là loại dâm ô.

Đề Lại mau công mỗ về nhà.

Dần lòng thôi chớ ngựa nghê,

Giữ dạ đừng tham của lạ.

(Hạ)

THỊ HẾN:

– Tâm khoái dã! Tâm khoái dã!¹

Kế hoan nhiên! Kế hoan nhiên!²

Thế thầy tu hết tới ngõ nói điên,

Rày quan huyện hết đến nhà làm bậy.

Giữ tiết hạnh một đường cho toại

Nổi nhon duyên đôi chữ không màng.

(Hạ)

(Trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, in trong *Tổng tập Văn học Việt Nam* trọn bộ 42 tập, tập 12, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, 2000, tr. 544 – 548)

✓ Hướng dẫn đọc

1. Nêu các đặc điểm của tường đồ được thể hiện qua văn bản *Huyện Trìa, Đề Hầu, Sư Nghêu mắc lỡm Thị Hến*.
 2. Phân tích nguyên nhân làm nảy sinh, chuyển hoá mâu thuẫn giữa các nhân vật và cách giải quyết mâu thuẫn trong văn bản trên.
 3. Phân tích tính cách của nhân vật Thị Hến trong lớp tường XIX.
 4. Bình luận về tiếng cười toát ra từ tình huống mắc lỡm của các nhân vật Sư Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa trong lớp tường này.
 5. Ở một số dị bản khác, nhân vật Sư Nghêu được thay bằng nhân vật lí trưởng (Lí Hà), vở tường kết thúc trong cảnh các bà vợ của Huyện Trìa, Đề Hầu, Lí Hà bất ngờ xuất hiện và sỉ vả các ông chồng đại gái. Sự khác biệt giữa các dị bản giúp bạn hiểu thêm gì về đặc điểm của tường đồ?
 6. Có người cho rằng trong *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* có đến hai cảnh xử án, cảnh thứ nhất do Huyện Trìa xét xử ở lớp XIII, cảnh thứ hai, do Thị Hến và Huyện Trìa, Đề Hầu, Sư Nghêu xử lẫn nhau. Cho biết ý kiến của bạn về nhận định trên.
- ✱ **Bài tập sáng tạo:** Vẽ tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vở tường *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*.

¹ *Tâm khoái dã! Tâm khoái dã!*: lòng khoái thích! Lòng khoái thích!

² *Kế hoan nhiên! Kế hoan nhiên!*: kể vui thành! Kể vui thành!



VIẾT

A. VIẾT MỘT BẢN NỘI QUY Ở NƠI CÔNG CỘNG

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Bản nội quy ở nơi công cộng là một dạng văn bản thông tin, do cơ quan quản lý địa điểm công cộng ban hành, trong đó trình bày những quy định, quy tắc xử sự mà mọi người cần tuân thủ khi đến một cơ quan, tổ chức hoặc địa điểm công cộng nào đó, nhằm đảm bảo trật tự và an ninh cho cộng đồng.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Trình bày đầy đủ các quy định, quy tắc cần tuân thủ.
- Ghi rõ tên cơ quan quản lý địa điểm công cộng.
- Mỗi quy định, quy tắc trong bản nội quy phải được diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu (chữ số hoặc kí hiệu khác) phù hợp.
- Bố cục gồm các phần: *phần đầu*, *phần chính* (các quy định), *phần cuối* của một bản nội quy (xem ngữ liệu tham khảo).

Đọc ngữ liệu tham khảo

NỘI QUY CÔNG VIÊN ĐẶNG THUY TRÂM

CÔNG VIÊN ĐẶNG THUY TRÂM

NỘI QUY CÔNG VIÊN

**CÔNG VIÊN LÀ NƠI VUI CHƠI, GIẢI TRÍ CÔNG CỘNG, KHI ĐẾN CÔNG VIÊN,
DU KHÁCH CẦN CHẤP HÀNH NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Thời gian hoạt động mỗi ngày từ 04 giờ đến 22 giờ.
2. Quý khách đến vui chơi ở công viên phải thực hiện nếp sống văn minh công cộng; ăn mặc lịch sự, sinh hoạt, vui chơi giải trí lành mạnh, đảm bảo trật tự và thuần phong mỹ tục, tuân thủ theo sự hướng dẫn, bố trí, sắp xếp của ban quản lý công viên, để xe, gửi xe đúng nơi quy định.
3. Không mang vũ khí, hung khí, chất cháy nổ, hóa chất độc hại, hàng cấm vào công viên; không sử dụng ma túy, bia rượu và các chất kích thích; không tổ chức các hoạt động cờ bạc, bói toán, đá gà, mại dâm, các tệ nạn xã hội và các hành vi trái pháp luật trong công viên; không thực hiện các hình thức kinh doanh, buôn bán trong công viên mà chưa có sự chấp thuận của đơn vị thẩm quyền.
4. Không chiếm dụng, lắp dựng, di chuyển, làm hư hại các thiết bị, tài sản, công trình trong công viên như: bóng đèn, vòi phun, tủ điện, băng ghế, chậu kiếng, thùng rác...; không câu, móc vào hệ thống điện công viên.
5. Không viết, vẽ, chạm khắc lên tường, cây và các vật thể khác trong công viên; không leo trèo trên cây, hàng rào, tường rào, tượng trong công viên; không dẫm đạp lên thảm cỏ; không hái hoa, trèo, bẻ cành hay các hành vi phá hoại cây trồng trong công viên; không săn bắt chim, thú trong công viên.
6. Không tắm rửa, giặt, phơi đồ, mắc võng, không nằm trong công viên mùng xanh; không đốt lửa, đun nấu, câu cá; không sử dụng các loại phương tiện giao thông gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động chung trong công viên.
7. Đối với các môn thể thao như đá cầu, cầu lông, trượt patin cho phép được chơi tại một số khu vực quy định trong công viên, đảm bảo không ảnh hưởng đến sinh hoạt chung của công viên.

7. Đối với các môn thể thao như đá cầu, cầu lông, trượt patin cho phép được chơi tại một số khu vực quy định trong công viên, đảm bảo không ảnh hưởng đến sinh hoạt chung của công viên.
8. Không vứt, xả rác bừa bãi; phải bỏ rác, khay nhỏ, đại tiện, tiểu tiện đúng nơi quy định.
9. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các hoạt động tập trung đông người, các chương trình có dàn dựng quy mô, chụp ảnh quay phim thương mại, thực hiện các chương trình quảng cáo phải được sự đồng ý của cấp thẩm quyền liên quan. Không mở âm thanh quá lớn trong công viên ảnh hưởng đến không gian sinh hoạt chung của công viên (đối với những nhóm sinh hoạt có sử dụng âm nhạc).
10. Tuyệt đối không tổ chức tiến hành các hoạt động hội họp, tuyên truyền các nội dung trái pháp luật.
11. Mọi hành vi vi phạm nội quy, nếu gây thiệt hại cho công viên và làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường sẽ bị xử lý theo quy định và pháp luật hiện hành.
12. Khi có thông tin cần góp ý, quý khách vui lòng phản ánh trực tiếp hay điện thoại hoặc bằng văn bản gửi thùng thư góp ý đặt tại văn phòng ban quản lý công viên (phản ánh nội dung cụ thể, vui lòng để lại tên và thông tin liên lạc như địa chỉ, điện thoại). Khi phát hiện cá nhân, tổ chức vi phạm nội quy này hoặc xảy ra tình huống khẩn cấp cần hỗ trợ, quý khách vui lòng báo ngay cho nhân viên bảo vệ, nhân viên quản lý công viên hoặc liên hệ:

Đơn vị quản lý: CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH
Điện thoại: (028). 38 060 036 (028) 35 164 652

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài *Viết bản nội quy ở nơi công cộng* và cho biết:

1. Phần đầu, phần chính và phần cuối trong ngữ liệu tham khảo đã đáp ứng được yêu cầu đối với kiểu bài *Viết bản nội quy ở nơi công cộng* chưa?
2. Các quy định trong phần chính của bản nội quy đã được người viết sắp xếp hợp lý chưa?
3. Cách trình bày có nổi bật, gây chú ý không?
4. Qua văn bản, bạn rút ra những lưu ý gì khi viết một bản nội quy ở nơi công cộng?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết bản nội quy cho câu lạc bộ ngoại khoá mà bạn tham gia.

Bước 1: Chuẩn bị viết

- Xác định rõ mục đích ban hành nội quy và đối tượng hướng tới.
- Nêu lí do cần tuân thủ hướng dẫn: tạo môi trường nghiêm túc.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý: Thế nào là một câu lạc bộ tốt? Bạn xác định những yêu cầu mà các thành viên câu lạc bộ phải thực hiện.

Lập dàn ý: Bạn sắp xếp nội dung các phần *mở đầu, phần chính, phần cuối*; các quy định cần được tuân thủ trong phần chính của bản nội quy theo bố cục kiểu bài *Viết bản nội quy ở nơi công cộng* (trang 140).

Riêng với phần chính của bản nội quy, bạn cần bám sát yêu cầu cần đạt để chi tiết hoá các quy định theo một trình tự rõ ràng, hợp lí. Ví dụ, với yêu cầu viết bản nội quy công viên trên đây, người viết đã chi tiết hoá nội quy thành 12 quy định và được sắp xếp theo một trật tự nhất định.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý đã lập, bạn viết thành bản nội quy.

- Mỗi mục trong bản nội quy được diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu phù hợp.
- Ngôn ngữ chuẩn mực, không gây hiểu lầm, không có từ địa phương, từ khó hiểu hoặc từ ít dùng; không thể hiện sắc thái tình cảm hay ý kiến cá nhân.
- Trình bày rõ ràng, dễ đọc, theo một quy cách thống nhất.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình để chỉnh sửa hoàn chỉnh thêm. (Bạn có thể tham khảo các bài trước, lập một bảng kiểm gồm các tiêu chí đạt/không đạt phù hợp để tự đánh giá cách viết văn bản nội quy theo ba phần: phần đầu, phần chính, phần cuối).

B. VIẾT MỘT BẢN HƯỚNG DẪN Ở NƠI CÔNG CỘNG

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Bản hướng dẫn ở nơi công cộng là một dạng văn bản thông tin, nhằm hướng dẫn quy cách và quy trình thực hiện một hoạt động, nhằm đảm bảo các yêu cầu về trật tự, y tế, văn hoá, an ninh, đồng thời bảo đảm tính hiệu quả, an toàn cho mọi người tham gia hoạt động.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nêu tên bản hướng dẫn ở nơi công cộng rõ ràng, chính xác.
- Quy cách thực hiện hoạt động được cụ thể hoá/ sơ đồ hoá thành các công đoạn, thao tác hay các chi tiết, kí hiệu trong hình vẽ,... dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Mỗi công đoạn/ thao tác trong quy trình diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu phù hợp; được thuyết minh, giải thích đủ rõ.
- Ngôn ngữ chuẩn mực, không gây hiểu lầm, không có từ địa phương, từ khó hiểu hoặc từ ít dùng; không thể hiện sắc thái tình cảm hay ý kiến cá nhân.
- Trình bày rõ ràng, thường kết hợp các màu sắc, kết hợp lời văn với hình ảnh, sơ đồ,... dễ đọc, gây được sự chú ý.
- Kết hợp sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, biểu bảng,...) hỗ trợ cho việc hướng dẫn trong trường hợp cần thiết.
- Có đủ các phần: *phần đầu*, *phần chính* (các thể thức), *phần cuối* của một bản hướng dẫn.

CÁCH SỬ DỤNG THANG MÁY ¹

Những kí hiệu cơ bản khi sử dụng thang máy

	Kí hiệu biểu thị hướng đi lên. Bấm nút này nếu muốn đi lên tầng cao hơn và đợi thang máy đến.		DO (Door Open): Dùng để mở cửa nhanh.
	Kí hiệu biểu thị hướng đi xuống. Bấm nút này nếu muốn xuống tầng thấp hơn.		DC (Door Close): Dùng để đóng cửa nhanh
	DH (Door Hold): Nút bấm giữ cửa, giúp cửa mở lâu hơn thời gian bình thường.		Chuông: Báo động tình trạng khẩn cấp của thang máy
	<p>G (Ground) : Tầng trệt. Còn có các ký hiệu tương đương như E, số 0</p> <p>1,2,3.....n: Biểu thị từng số tầng của toà nhà.</p> <p>B (Basement): Tầng hầm Với toà nhà có nhiều tầng hầm thì sẽ là B1, B2,...</p> <p>L (Lobby): Tầng lửng, sảnh chờ</p>		Intercom: Điện thoại dùng để liên lạc, gọi hỗ trợ với bộ phận bảo vệ ở bên ngoài để thông báo tình trạng khẩn cấp trong thang máy.

- OL (Overload): Đèn sáng báo hiệu thang máy quá tải

Khi thang máy gặp sự cố



Nút Alarm và Intercom

(Nguồn: <https://vietchao.vn/cach-su-dung-thang-may/>)

Khi thang máy gặp sự cố khẩn cấp, bạn nên bình tĩnh đối phó và xử lí. Thay vì la hét, hoảng loạn thì cách tốt nhất là hãy ấn vào nút Alarm (🔔) hoặc Intercom (☎️) để có thể gọi điện, liên lạc và thông báo cho người ở bên ngoài đến hỗ trợ nhanh nhất. Tránh cạy thang hoặc trèo qua cửa khi thang bị mắc kẹt giữa hai tầng.

¹ Văn bản hướng dẫn đầy đủ có nhan đề chung là *Cách sử dụng thang máy an toàn, văn minh, lịch sự*, có các phần: Những kí hiệu cơ bản khi sử dụng thang máy; Trước khi vào thang máy; Khi bước vào cabin; Trong cabin; Khi bước ra ngoài thang máy; Khi thang máy gặp sự cố;... Ngữ liệu trên trích mục hướng dẫn về những kí hiệu cơ bản và cách xử lí khi thang máy gặp sự cố.

Đối chiếu ngữ liệu đọc tham khảo với yêu cầu đối với kiểu bài và cho biết:

1. Nhan đề đã phù hợp với nội dung hướng dẫn trong ngữ liệu chưa?
2. Nội dung hướng dẫn có được cụ thể hoá/ sơ đồ hoá dễ hiểu và dễ thực hiện không?
3. Cách trình bày có nổi bật gây chú ý không?
4. Lời văn và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như *hình ảnh, sơ đồ, kí hiệu,...* đã phù hợp, chuẩn mực chưa?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài: (học sinh chọn một trong hai đề)

Đề 1: Hãy viết bản hướng dẫn thủ tục đăng kí sinh hoạt một câu lạc bộ được tổ chức trong trường học.

Đề 2: Hãy viết bản hướng dẫn cách sử dụng một trong những thiết bị thông dụng nơi công cộng (thiết bị phòng vệ sinh, thiết bị điện liên quan đến âm thanh, ánh sáng, máy chiếu trong phòng học,...).

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đối tượng mà bản hướng dẫn cần hướng đến và lí do họ cần tuân thủ những hướng dẫn của bạn.

- Đối tượng cần hướng đến: học sinh (đề 1); người tham gia sử dụng thiết bị công cộng (đề 2).

- Lí do cần tuân thủ hướng dẫn: nhằm đảm bảo câu lạc bộ quản lí được số lượng và chất lượng thành viên (đề 1); hoặc cần bảo đảm trật tự văn minh, an toàn cho người sử dụng (đề 2).

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Với đề 1, bạn cần:

- Xác định những công việc học sinh cần thực hiện về thủ tục và quy trình đăng kí tham gia câu lạc bộ.

- Cung cấp một số thông tin liên quan (tên người, địa điểm, thời gian gặp gỡ, liên hệ, các loại giấy tờ cần mang theo,...).

Với đề 2, bạn cần:

- Tìm hiểu và nắm chắc quy trình sử dụng thiết bị thông dụng nơi công cộng mà mình sẽ viết bản hướng dẫn.

- Chi tiết hoá hoặc sơ đồ hoá thành các bước/ thao tác sử dụng.

Lập dàn ý

Bạn tổ chức các ý đã có theo một trật tự hợp lí.

Bước 3: Viết bài

• Trình bày nội dung các phần *mở đầu, phần chính, phần cuối*; các công đoạn/ thao tác cần hướng dẫn trong phần chính của bản hướng dẫn hoạt động theo yêu cầu đối với kiểu bài *Viết bản hướng dẫn ở nơi công cộng* (trang 142).

• Dùng lời văn (phương tiện giao tiếp ngôn ngữ) hoặc hình vẽ, sơ đồ (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) hoặc kết hợp cả hai để trình bày những điều cần hướng dẫn một cách mạch lạc, dễ theo dõi.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo những gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng viết bản hướng dẫn ở nơi công cộng

Các phần	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Phần đầu	Nêu rõ tên bản hướng dẫn.		
	In to và đậm tên bản hướng dẫn.		
Phần chính	Trình bày quy cách thực hiện hoạt động nơi công cộng thành sơ đồ/ quy trình gồm các bước/ công đoạn/ thao tác cụ thể.		
	Hướng dẫn bằng lời hoặc hình vẽ, kí hiệu quy cách thực hiện rõ ràng, dễ hiểu đối với từng bước, từng thao tác cụ thể.		
	Mỗi công đoạn/ thao tác trong quy trình diễn đạt/ sơ đồ hoá thành một phân đoạn riêng với các kí hiệu, chi tiết phù hợp.		
	Ngôn ngữ chuẩn mực.		
	Sử dụng hình ảnh, sơ đồ, biểu bảng,... có hỗ trợ tốt cho việc hướng dẫn hoạt động/ nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết.		
Phần cuối	Nêu rõ tên của tổ chức, cơ quan lập bản hướng dẫn.		



THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Các vấn đề trong cuộc sống luôn tồn tại những quan điểm trái chiều hoặc khác biệt. Khi thảo luận về một vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau, bạn cần bảo vệ quan điểm của mình nếu hợp lí, nhưng cũng cần tôn trọng những ý kiến khác biệt. Mục tiêu sau cùng của buổi thảo luận không phải là khẳng định ai đúng ai sai, mà là cùng nhau tìm ra tiếng nói chung và giải pháp hợp lí cho vấn đề đang bàn.

Khi thảo luận một vấn đề liên quan đến cách ứng xử trong sinh hoạt thường ngày cũng cần tìm được tiếng nói chung giữa nhiều ý kiến khác biệt như vậy. Chẳng hạn, theo bạn, học sinh cần ứng xử như thế nào trong môi trường học đường? Hãy tổ chức một buổi thảo luận trên lớp, nhằm thống nhất những quy định để đưa vào bản nội quy về văn hoá ứng xử trong lớp học.

Bước 1: Chuẩn bị

Sau khi thành lập nhóm, các thành viên cần thống nhất với nhau về mục đích thảo luận, thời gian thảo luận và thời gian cho mỗi thành viên trình bày ý kiến của mình.

Mục đích thảo luận của bạn là thuyết phục cả lớp đồng ý lựa chọn các quy định mà bạn đưa ra. Trước buổi thảo luận, mỗi thành viên cần chuẩn bị nội dung sẽ trình bày. Có thể sử dụng bảng sau để chuẩn bị ý kiến:

Ý kiến của tôi	Lí do	Dẫn chứng từ thực tế hoặc sách báo
Về ứng xử với thầy cô		
Về ứng xử với bạn bè		
Về sử dụng cơ sở vật chất		

Bước 2: Thảo luận

Trong buổi thảo luận, nhóm trưởng điều khiển sao cho tất cả các thành viên đều có thể trình bày ý kiến của mình nhưng không vượt quá thời gian riêng của mỗi người. Thư kí ghi chép nội dung cuộc thảo luận theo bảng sau:

Thứ tự trình bày	Ý kiến trình bày	Các ý kiến phản hồi
Bạn A		
Bạn B		
Bạn C		

Mỗi thành viên lắng nghe, ghi chép ý kiến của các bạn và chuẩn bị phản hồi theo bảng sau:

	Những vấn đề tôi đồng tình với bạn	Những vấn đề tôi chưa đồng tình hoặc cần bạn giải thích rõ hơn	Những vấn đề bạn trả lời tôi	Ý kiến của tôi sau khi nghe bạn trình bày
Ý kiến của bạn A				
Ý kiến của bạn B				
Ý kiến của bạn C				

Bước 3: Đánh giá

- Bạn hãy tự đánh giá phần trình bày của mình và cách mình trao đổi với các thành viên khác trong nhóm.
- Bạn hãy đánh giá phần trình bày của các thành viên khác trong nhóm và cách họ trao đổi với bạn cũng như với các thành viên còn lại.

Trong cả hai vai trò ấy, khi đánh giá, bạn có thể sử dụng các gợi ý trong bảng sau đây:

Bảng kiểm kĩ năng thảo luận nhóm về một vấn đề có ý kiến khác nhau

Các nội dung cần đánh giá		Đạt	Chưa đạt
Khi trình bày	Phần trình bày rõ ràng, có lập luận thuyết phục, có dẫn chứng đầy đủ.		
	Cách nói rõ ràng, mạch lạc.		
	Đảm bảo thời gian quy định.		
Khi trả lời phản hồi	Có thái độ chừng mực khi tiếp nhận các ý kiến trái chiều từ các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có lập luận rõ ràng, thuyết phục khi phản hồi các ý kiến trái chiều.		

Khi tham gia thảo luận	Chú ý lắng nghe và ghi chép các ý kiến khác của các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có ý kiến phản hồi và trao đổi nghiêm túc với các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có ngôn ngữ trao đổi khách quan, trung tính, không công kích cá nhân.		

ÔN TẬP

1. Học sinh chọn và thực hiện một trong hai câu dưới đây:

- a. Nêu những điểm nổi bật của chèo cổ trong từng văn bản theo mẫu sau (làm vào vở):

Văn bản	Xung đột chính trong cốt truyện	Đặc điểm ngôn ngữ của nhân vật	Diễn biến tâm lí nhân vật	Đặc điểm tính cách nhân vật
1. <i>Thị Mầu lên chùa</i>				
2. <i>Xã trưởng – Mẹ Đốp</i>				

- b. Nêu những điểm nổi bật của tuồng đồ trong từng văn bản theo mẫu sau (làm vào vở):

Văn bản	Mâu thuẫn, xung đột chính trong cốt truyện	Đặc điểm, tính cách của các nhân vật	Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả	Cảm hứng chủ đạo
1. <i>Huyện Trì a xử án</i>				
2. <i>Huyện Trì a, Đề Hâu, Sư Nghêu mắc lờm Thị Hến</i>				

2. Khi viết một bản nội quy hoặc hướng dẫn ở nơi công cộng, cần lưu ý những điểm nào? Vì sao?
3. Nêu một số điểm khác biệt đáng lưu ý giữa việc viết một bản nội quy và viết một bản hướng dẫn ở nơi công cộng.
4. Theo bạn, việc phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống trong đời sống đương đại có ý nghĩa như thế nào?

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

1. Kể vào vở hai cột A, B theo mẫu dưới đây, sau đó nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm phù hợp được nêu ở cột B; giải thích lí do bạn tạo ra các đường nối giữa hai cột A và B.

A	B
Thần thoại	có cốt truyện xoay quanh những cuộc phiêu lưu; nhân vật là hiện thân của cộng đồng.
Sử thi	không có cốt truyện, giàu tính trữ tình và tính nhạc.
Thơ	có nhân vật, cốt truyện; không có người kể chuyện.
Văn bản thông tin tổng hợp	có thể lồng ghép yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm,...
Chèo cổ/ tuồng đồ	thường dựa vào tích truyện có sẵn.
	thường kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
	có cốt truyện đơn giản; nhân vật đã tạo ra thế giới và con người.

2. Nêu tóm tắt những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu một văn bản theo các thể loại dưới đây (có thể tóm tắt dưới hình thức lập bảng):

- Thần thoại
- Sử thi
- Chèo (hoặc tuồng)
- Văn bản thông tin (thuyết minh có lồng ghép...)
- Thơ

3. Hãy tóm tắt hai trong số các văn bản đã đọc ở học kì I, trong đó có:

- Một văn bản thần thoại hoặc sử thi;
- Một văn bản thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm.

4. Theo bạn, vì sao cách giải thích của người xưa về đặc điểm, tập tính một số loài vật trong *Cuộc tu bổ lại các giống vật* (thần thoại Việt Nam) vẫn có thể mang lại sự thích thú đối với người đọc, người nghe trong thời đại phát triển của khoa học?
5. Theo bạn, hai nhân vật anh hùng Đăm Săn (sử thi *Đăm Săn*) và Ô-đi-xê (sử thi *Ô-đi-xê*) có những điểm gì giống nhau và vì sao có sự giống nhau ấy?
6. Theo bạn, trong *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời*, việc tác giả nói nhiều về nhân vật nữ thần Mặt Trời có làm mờ đi tính cách anh hùng của Đăm Săn trong văn bản hay không? Vì sao?
7. Nêu một số điểm giống nhau và khác nhau về đề tài, nhân vật trong chèo cổ và tuồng đồ.
8. Phát biểu suy nghĩ của bạn về nhân vật Thị Mầu khi đọc *Thị Mầu lên chùa* (*Quan Âm Thị Kính*) hoặc nhân vật Thị Hến khi đọc *Huyện Trĩ*, *Đề Hầu*, *Sư Nghêu mắc lõm Thị Hến* (*Nghêu, Sò, Ốc, Hến*).
9. Nêu tác dụng của việc lồng ghép yếu tố miêu tả, biểu cảm trong hai văn bản *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam* và *Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây*.
10. Việc sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong một văn bản thông tin có tác dụng như thế nào? Sử dụng bằng chứng từ các văn bản mà bạn đã đọc để làm rõ thêm ý kiến của mình.
11. Xác định chủ thể trữ tình, cách ngắt nhịp, gieo vần trong văn bản dưới đây:

Thân em vừa trắng lại vừa tròn
 Bảy nổi ba chìm với nước non
 Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
 Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương)

12. Dựa vào yêu cầu đối với kiểu bài (Bài 2 và Bài 3), hãy chỉ ra điểm khác biệt trong cách mở bài, thân bài, kết bài giữa hai kiểu bài: *nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học* và *nghị luận về một vấn đề xã hội*.
13. Nêu một số điểm khác nhau đáng lưu ý trong cách tìm ý, lập dàn ý cho hai kiểu bài viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật của một truyện kể và của một bài thơ.
14. Lập dàn ý cho một trong hai đề dưới đây:

Đề a. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ mà theo bạn là có giá trị về chủ đề và đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

Đề b. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội mà bạn quan tâm.

BẢNG HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG ĐỌC

Đọc là cách thu nhận thông tin, khám phá ý tưởng của người khác, đồng thời học cách tư duy, cách giao tiếp hiệu quả, qua đó, làm giàu tâm hồn cho chính mình. Những kỹ năng đọc mà người đọc thường xuyên sử dụng trong khi đọc là:

Kỹ năng đọc	Chỉ dẫn	Tác dụng
Xác định mục đích đọc	Trước khi đọc bạn hãy tự trả lời các câu hỏi: – Đọc văn bản này để thưởng thức? – Đọc văn bản này để có thêm thông tin? – Đọc văn bản này để biết cách thực hiện một công việc?	Đọc văn bản hiệu quả hơn.
Xem trước	Trước khi đọc kỹ từng dòng, bạn hãy đọc lướt qua tựa đề, mục lục, một số hình ảnh trong văn bản.	Hình dung bước đầu về nội dung văn bản.
Đọc lướt	Đọc nhanh qua một số trang.	Bước đầu nắm bắt thông tin chính của văn bản.
Đọc quét	Đọc kỹ một vài chỗ để tìm lại những từ, cụm từ, thông tin quan trọng, cụ thể trong văn bản.	Nhanh chóng tìm được thông tin muốn tìm.
Dự đoán	Đoán trước điều có thể xảy ra trong văn bản.	Chủ động trong quá trình đọc và làm cho việc đọc trở nên thú vị, hấp dẫn.
Đặt câu hỏi	Tự đặt ra những câu hỏi trong đầu khi đọc, ví dụ: <i>Tại sao tác giả viết như vậy? Điều này có ý nghĩa gì? Vì sao nhân vật lại hành xử như vậy?...</i>	Tìm kiếm câu trả lời cho chính bạn trong quá trình đọc để hiểu văn bản hơn đồng thời tự kiểm soát cách hiểu của bản thân.
Liên hệ	Liên hệ những gì bạn đang đọc với những gì bạn đã biết. Có ba loại liên hệ: (1) <i>Liên hệ với bản thân</i> : liên hệ những gì tác giả trình bày trong văn bản với cuộc sống, suy nghĩ, tính cách,... của chính bạn; (2) <i>Liên hệ với văn bản khác</i> : liên hệ văn bản đang đọc với những văn bản khác đã đọc, có nội dung tương tự; (3) <i>Liên hệ với thế giới xung quanh</i> : liên hệ những vấn đề mà văn bản nêu lên với những gì đã và đang xảy ra trong cuộc sống.	Hiểu văn bản, hiểu chính mình cũng như hiểu cuộc sống sâu sắc hơn.

Tưởng tượng	Hình dung bức tranh trong đầu về những gì đang đọc (nhân vật, sự kiện, bối cảnh,...).	Hiểu, nhớ và cảm nhận rõ hơn về thế giới hình ảnh trong văn bản, khiến văn bản trở nên sống động, hấp dẫn và thú vị hơn.
So sánh	Tìm sự tương đồng hoặc/ và sự khác biệt giữa các nhân vật, sự kiện, thông tin,... trong cùng một văn bản hoặc giữa các văn bản.	Hiểu rõ những điểm giống và khác nhau giữa các nhân vật, sự kiện, thông tin trong một văn bản và giữa văn bản này với văn bản khác.
Suy luận	Rút ra những kết luận hợp lí dựa trên việc kết hợp những từ ngữ, hình ảnh, chi tiết,... được trình bày trực tiếp trong văn bản với hiểu biết của bản thân hoặc kết hợp với những gì đã được trình bày ở những phần trước đó của văn bản.	Hiểu thông điệp mà tác giả không thể hiện trực tiếp trên văn bản; hiểu sâu hơn về cuộc sống của bản thân; phát triển tư duy lô-gíc.
Theo dõi	Tự đánh giá cách hiểu của bản thân về những đoạn đã đọc hoặc đang đọc (chỗ nào đã hiểu, chưa hiểu hoặc hiểu chưa đúng); từ đó tự đặt câu hỏi cho chính mình để điều chỉnh cách hiểu văn bản.	Điều chỉnh, kiểm soát sự hợp lí của những ý nghĩa mà bạn đã tạo ra cho văn bản.
Diễn giải lại thông tin	Diễn giải lại ý chính của văn bản theo cách hiểu của mình. Kể lại những diễn biến của một câu chuyện.	Rút gọn những thông tin đã đọc.
Rút ra kết luận	Kết nối các thông tin và chi tiết trong văn bản với kiến thức nền của người đọc, từ đó rút ra một kết luận có tính khái quát. Hoạt động này giống như ghép các mảnh của văn bản thành một bức tranh hoàn chỉnh.	Hiểu tác giả muốn nói gì.
Đánh giá	Nhận xét về những gì đã đọc: nhân vật, câu chuyện, ý tưởng, chi tiết, cách tác giả thể hiện nội dung và hình thức của văn bản, dựa trên những bằng chứng cụ thể (chi tiết, sự kiện,...).	Nhìn nhận mặt đúng, sai, hay, dở, tốt, xấu của những gì đã đọc, từ đó rút ra các bài học hữu ích từ văn bản.
Tóm tắt	Lược bỏ những ý phụ, giữ lại những thông tin cốt lõi của văn bản và diễn đạt lại ngắn gọn bằng ngôn ngữ của bạn (có thể bằng sơ đồ).	Nhận ra mạch triển khai ý của tác giả, nhớ văn bản tốt hơn.
Xác định ý chính và những chi tiết hỗ trợ	Tìm thông điệp quan trọng nhất mà tác giả muốn nói với chúng ta thông qua một đoạn văn hoặc văn bản. Tìm những từ ngữ hoặc câu văn, bằng chứng được dùng để diễn giải, làm rõ ý chính.	(1) Hiểu thông điệp mà tác giả muốn nói; (2) Nhận ra mạch tư duy, cách lập luận của người viết; (3) Nhận ra mối quan hệ giữa thông điệp và các chi tiết.
Đọc hiểu phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	Quan sát những hình ảnh, tranh vẽ, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu,... trong văn bản.	Hình dung rõ những thông tin được trình bày trong văn bản qua các hình ảnh; hiểu ý nghĩa, tác dụng của các sơ đồ, biểu bảng trong việc thể hiện thông tin.

BẢNG TRA CỬU THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Bài	Trang
B	Bản tin	4	80
	Bối cảnh lịch sử – văn hoá	2	35
C	Cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú	2	35
	Cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản	2	35
	Cảm hứng chủ đạo	2	35
	Cảm hứng chủ đạo trong sử thi	2	35
	Cốt truyện sử thi	2	35
	Cấu trúc của một vở chèo	5	110
	Cốt truyện thần thoại	1	11
	Chèo cổ	5	109
	Chủ thể trữ tình	3	63
Đ	Đề tài của chèo cổ	5	110
	Đề tài của tuồng đồ	5	111
K	Không gian sử thi	2	35
	Không gian trong thần thoại	1	11
	Kịch bản chèo	5	109
	Kịch bản tuồng	5	110
L	Lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm	3	64
	Lỗi dùng từ không đúng nghĩa	3	64
	Lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp	3	64
	Lỗi dùng từ không phù hợp với kiểu văn bản	3	64
	Lỗi lặp từ	3	64, 111
	Lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn	1	11, 12
	Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật sử thi	2	36
	Lời hát	5	110

	Lời thoại trong chèo cổ	5	110
	Lời thoại trong tuồng	5	111
N	Nhân vật anh hùng trong sử thi	2	35, 62
	Nhân vật trong chèo cổ	5	110, 150
	Nhân vật trong thần thoại	1	12
	Nhân vật trong tuồng đồ	5	111
	Nhịp	3	63
P	Phương thức lưu truyền	5	111
	Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	4	81
Q	Quan điểm của người viết	4	81
S	Sân khấu chèo	5	109
	Sử thi	2	35
T	Tác phẩm khuyết danh	5	111
	Thần thoại	1	11
	Thời gian sử thi	2	35
	Thời gian trong thần thoại	1	11
	Tích truyện (cốt truyện) chèo cổ	5	110
	Tích truyện trong tuồng đồ	5	111
	Tiếng đế	5	110
	Tính chỉnh thể của tác phẩm	1	12
	Tình cảm, cảm xúc của tác giả sử thi	2	36
	Tuồng	5	110
	Tuồng đồ	5	111
	Từ ngữ, hình ảnh trong thơ	3	64
V	Văn	3	63
	Văn bản thông tin tổng hợp và thuyết minh có lồng ghép yếu tố của các kiểu loại văn bản khác	4	80

BẢNG TRA YẾU TỐ HÁN VIỆT

TT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt	Trang
1	<i>Gian</i>	1, 3, 4	Ở trong khoảng	Thế <i>gian</i> (B1), không <i>gian</i> (B3), dân <i>gian</i> (B1, 2, 4)	13, 35, 11, 82
2	<i>Hỗn</i>	1	Xen lẫn lộn xộn	<i>Hỗn</i> độn (B1)	13
3	<i>Tích</i>	1, 3	Dấu vết	Vết* <i>tích</i> (B1), Phật <i>Tích</i> (B3)	14, 66
4	<i>Trụ</i>	1	Cây cột	Kinh thiên <i>trụ</i> (B1)	14
5	<i>Hoàng</i>	1, 5	Vua	Ngọc <i>Hoàng</i> (B1, 5)	14, 113
6	<i>Quản</i>	1	Coi sóc	Cai <i>quản</i> (B1)	15
7	<i>Ân</i>	1	Ơn	Đặc <i>ân</i> , ân huệ (B1)	15, 16
8	<i>Khí</i>	1, 2	Đồ dùng	Vũ <i>khí</i> (B1), <i>khí</i> giới (B2)	16, 46
9	<i>Nguyên</i>	1, 2, 4	Cội nguồn, đầu tiên	<i>Nguyên</i> liệu (B1), <i>nguyên</i> thủy (B2),	16, 48
10	<i>Tạo</i>	1, 2, 4, 5	Làm ra	Sáng <i>tạo</i> (B1, 4, 5), <i>tạo</i> hoá (B2)	16, 52
11	<i>Hảo</i>	1	Tốt đẹp	Hoàn <i>hảo</i> (B1)	16
12	<i>Biến</i>	1	Thay đổi	<i>Biến</i> thiên (B1)	16
13	<i>Minh</i>	1	Sáng suốt	Thông <i>minh</i> , văn <i>minh</i> (B1)	16, 17
14	<i>Nhã</i>	1	Đẹp đẽ, thanh cao	Trang <i>nhã</i> (B1)	16
15	<i>Thanh</i>	1	Trong sạch	<i>Thanh</i> tao (B1)	16
16	<i>Hạnh</i>	1	May mắn	<i>Hạnh</i> phúc (B1)	17
17	<i>Hạ</i>	2 5	– Dưới – Rảnh rỗi	Thiên <i>hạ</i> (B2) Nhàn <i>hạ</i> (B5)	39 119
18	<i>Tù</i>	2	– Bộ lạc dân tộc ít người – Người bị giam	– <i>Tù</i> trưởng (B2) – <i>Tù</i> binh (B2)	38 39
19	<i>Cổ</i>	2	Đánh trống (để thúc giục, khích lệ)	<i>Cổ</i> vũ (B2)	44
20	<i>Du dương</i>	2	Âm thanh cao thấp véo von	<i>Du dương</i> (B2)	45
21	<i>Tiêu</i>	2	Cái móc	Hoa <i>tiêu</i> (B2)	46
22	<i>Dũng</i>	2	Mạnh mẽ	<i>Dũng</i> tướng, <i>dũng</i> cảm (B2)	42, 46
23	<i>Đồng</i>	2, 3	Cùng	<i>Đồng</i> hành, cộng <i>đồng</i> (B2), <i>đồng</i> loại, <i>đồng</i> thời (B3)	46, 35, 70
24	<i>Trung</i>	2 5	– Hết lòng – Ở giữa	– <i>Trung</i> thành (B2) – <i>Trung</i> tâm (B5)	45 118
25	<i>Mưu</i>	2, 4	Tính toán	<i>Mưu</i> trí (B2)	46

26	<i>Can</i>	2	Gan	<i>Can đảm</i> (B2)	46
27	<i>Sơ</i>	2	Thưa thớt, thiếu cẩn thận	<i>Sơ tâm</i> (B2)	46
28	<i>Hoảng</i>	2	Hoang mang	<i>Hoảng hốt, hoảng sợ*</i> (B2)	46, 47
29	<i>Thương</i>	2	Đau đớn, tổn hại	<i>Thương tâm</i> (B2)	47
30	<i>Bảo</i>	2, 4, 5	Giữ gìn	<i>Bảo tàng</i> (B2), <i>bảo tồn</i> (B4, 5)	48, 86, 96
31	<i>Thịnh</i>	2, 4	Nhiều, đầy đủ	<i>Thịnh vượng</i> (B2, 4), <i>cực thịnh</i> (B4)	48, 85
32	<i>Tài</i>	2	Chất liệu	<i>Tài liệu</i> (B2)	48
33	<i>Gia</i>	2, 5 2	– Nhà – Người	Gia chủ, gia đình (B2), gia trang, phú gia, xuất gia, hồi gia (B5) <i>Chuyên gia</i> (B2)	48, 135, 120, 137, 123 48
34	<i>Văn</i>	2	Chữ viết, nét vẽ	<i>Hoa văn</i> (B2)	48
35	<i>Tín</i>	2	Tin, niềm tin	<i>Tín ngưỡng</i> (B2)	48
36	<i>Tập</i>	2	Thói quen	<i>Tập tục</i> (B2)	49
37	<i>Điềm</i>	3	Bình tĩnh, lặng lẽ	<i>Điềm nhiên</i> (B3)	68
38	<i>Băng</i>	3	Mai mối	<i>Băng nhân</i> (B3)	68
39	<i>Vô</i>	3	Không, chẳng	<i>Vô tâm</i> (B3)	68
40	<i>Nghi</i>	3	Phù hợp	<i>Thích nghi</i> (B3)	70
41	<i>Kĩ</i>	3	Tài khéo	<i>Kĩ năng</i> (B3)	70
42	<i>Quần</i>	3	Ở chung nhau	<i>Tụ quần</i> (B3)	70
43	<i>Gian</i>	3	Trong khoảng	<i>Trần gian</i> (B3)	70
44	<i>Hối</i>	3	Ăn năn, biết lỗi	<i>Hối hận</i> (B3)	70
45	<i>Diện</i>	3	Mặt	<i>Thú diện</i> nhơn tâm (B3)	70
46	<i>Tinh</i>	4, 5	Phần thuần chất, không pha tạp	<i>Tinh hoa</i> (B4, 5), <i>tinh tế</i> (B3)	82, 72
47	<i>Dã</i>	4	Đồng ruộng	<i>Dân dã</i> (B4)	83
48	<i>Bố</i>	4	Sắp xếp	<i>Bố cục</i> (B4)	83
49	<i>Nghệ</i>	4, 5	Nghề, tài năng, kĩ thuật	<i>Nghệ thuật, nghệ nhân, nghệ sĩ</i> (B4, 5)	84, 87
50	<i>Chế</i>	4	Làm ra	<i>Chế tác, phục chế</i> (B4)	82, 85
51	<i>Dụng</i>	4	Dùng	<i>Sử dụng, tận dụng, đồ*</i> gia dụng (B4)	85, 95

52	<i>Sầm uất</i>	4	Cao và rậm rạp, nói về những cánh rừng rậm trên núi. Sau mở rộng nghĩa, chỉ sự đông đúc, thịnh vượng	<i>Sầm uất</i> (B4)	85
53	<i>Cực</i>	4	Tột độ	<i>Cực thịnh</i> (B4)	85
54	<i>Hoá</i>	4, 5	Biến thành, làm cho trở thành	<i>Thương mại hoá</i> (B4), <i>Việt Nam hoá</i> (B5)	85, 126
55	<i>Mai</i>	4	Chôn lấp	<i>Mai một</i> (B4)	81
56	<i>Thất</i>	4	Mất	<i>Thất truyền</i> (B4)	85
57	<i>Giả</i>	4	Người	<i>Độc giả</i> , <i>dịch giả</i> , <i>khán giả</i> (B4)	87
58	<i>Hào</i>	4	Người tài giỏi	<i>Thi hào</i> (B4)	87
59	<i>Quán</i>	4, 5	Nơi ở	<i>Đại sứ quán</i> (B4), <i>bồn quán</i> (B5)	87 123
60	<i>Khánh</i>	4	Mừng, chúc mừng	<i>Khánh thành</i> (B4)	86
61	<i>Thống</i>	4	Dòng, mối dây	<i>Truyền thống</i> (B4)	86
62	<i>Hiện</i>	4	Đang có mặt	<i>Hiện vật</i> (B4)	86
63	<i>Thiết</i>	4 5	– Cần kíp, không thể không có – Xếp đặt	– <i>Thiết thực</i> (B4) – <i>Thiết kế</i> (B5)	87 125
64	<i>Cụ</i>	4, 5	Đồ dùng	<i>Nhạc cụ</i> (B4, 5)	125, 128
65	<i>Phục</i>	4	Quần áo	<i>Phục trang</i> (B4)	87
66	<i>Giao</i>	4	Tiếp xúc, qua lại	<i>Giao lưu</i> (B4)	87
67	<i>Bạc</i>	5	Mỏng, ít	<i>Bạc lễ</i> (B5)	114
68	<i>Giám</i>	5	Xem xét	<i>Phật tổ giám lâm</i> (B5)	114
69	<i>Trái</i>	5	Nợ	<i>Oan trái</i> (B5)	116
70	<i>Nhân</i>	5	Cội nguồn, duyên có sinh ra việc gì đó	<i>Nhân duyên</i> (B5)	116
71	<i>Tam</i>	5	Ba (số 3)	<i>Tam thế</i> , <i>Tam bảo</i> (B5)	113, 114
72	<i>Phú</i>	5	Giàu	<i>Phú ông</i> , <i>phú gia</i> (B5)	114, 120
73	<i>Vu</i>	5	Đặt điều	<i>Vu oan</i> (B5)	121
74	<i>Cô</i>	5	Lẻ loi	<i>Đơn cô</i> , <i>thân* cô</i> (B5)	121, 122
75	<i>Quả</i>	5	Goá chồng	<i>Quả phụ</i> (B5)	122
76	<i>Âm</i>	5	Tiếng, giọng	<i>Âm vực</i> , <i>âm sắc</i> , <i>âm độ</i> (B5)	125
77	<i>Hiệu ứng</i>	5	Tác dụng, ảnh hưởng	<i>Hiệu ứng</i> (B5)	125

(Kí hiệu * chỉ yếu tố không phải là Hán Việt)

BẢNG TRA CỬ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Achae	A-cai	45
	Agamemnon	A-ga-mem-nông	45
	Aiae	Ai-ai-ê	44
	Alcinous	An-ki-nô-ốt	43
	Argos	Ác-gốt	45
C	Calypso	Ca-líp-xô	47
	Charybdis	Ka-ríp	43, 46, 47, 50, 62, 100, 101
	Circe	Xi-éc-xê	44, 46, 47
	Cyclop	Xi-clốp	46
E	Elpenor	En-pê-no	44
	Épiméthée	Ê-pi-mê-tê	15, 16, 17
	Eurylochus	Ơ-ri-lô-cốt	45
	Eros	Ê-rốt	45
G	Gaia	Gai-a	15, 45
H	Helen	Hê-len	45
	Helios	Hê-li-ôx	16, 45, 47
	Homer	Hô-me-rơ	43, 45, 47
	Hyperion	Hi-pê-ri-ông	45
I	Iliad	I-li-át	45, 47
	Ithake	I-ta-ke	44
L	La Fontaine	La Phong-ten	7, 24, 25
M	Menelaus	Mê-nê-lốt	45

N	Nausikaa	Nô-đi-ca	43
O	Odysseý	Ô-đi-xê	37, 43, 44, 45, 46, 47, 50, 62, 100, 101, 150
	Odysseus	Ô-đi-xê	37, 43
	Ogygia	Ô-gi-ghi	47
	Okayama	Ô-ka-y-a-ma	87
	Olympia	Ô-lem-pơ	46
	Ouranos	U-ra-nôx	15, 45
P	Paris	Pa-rít	45
	Penelope	Pê-nê-lốp	44
	Perimedes	Pê-ri-mét	45
	Phaiakian	Phê-a-xi	43
	Polyphemus	Pô-li-phem	46
	Prométhée	Prô-mê-tê	7, 8, 15, 16, 17, 22, 34
	Priam	Pri-am	45
S	Sagi Sato	Sây-ghi Sa-tô	87
	Selene	Sê-lê-nê	45
	Seiren	Xi-ren	43, 44, 45, 47
	Scylla	Xi-la	8, 43, 46, 47, 50, 62, 100, 101
T	Telemakhos	Tê-lê-mác	43, 44
	Theia	Thê-i-a	45
	Troy	Tơ-roa	43, 45
	Titan	Ti-tan	45
	Uranus	U-ra-nôx	15, 45
Y	Yoshiko Kuroda	Y-ô-si-cô Ku-rô-da	87
Z	Zeus	Dớt	46, 47

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: TRẦN THỊ THANH THẢO

Sửa bản in: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 10 – TẬP MỘT (Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:.....

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 10, Tập một
2. Toán 10, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 10
4. Ngữ văn 10, Tập một
5. Ngữ văn 10, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
7. Tiếng Anh 10 Friends Global
8. Lịch sử 10
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
10. Địa lí 10
11. Chuyên đề học tập Địa lí 10
12. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
14. Vật lí 10
15. Chuyên đề học tập Vật lí 10
16. Hoá học 10
17. Chuyên đề học tập Hoá học 10
18. Sinh học 10
19. Chuyên đề học tập Sinh học 10
20. Âm nhạc 10
21. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
22. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 1)
23. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 2)

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.





NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – TRẦN LÊ HOA TRANH – ĐOÀN THỊ THU VÂN

NGỮ VĂN

10

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)

NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY

TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM

NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – TRẦN LÊ HOA TRANH – ĐOÀN THỊ THU VÂN

NGŨ VẦN



TẬP HAI

Chân trời sáng tạo



TỔNG BIÊN TẬP

Phạm Vĩnh Thái

Nguyễn Thành Thi

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

BÀI 6: NÂNG NIU KỈ NIỆM (THƠ)	4
ĐỌC	5
<i>Chiếc lá đầu tiên</i> (Hoàng Nhuận Cầm)	5
<i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng)	8
<i>Dưới bóng hoàng lan</i> (Thạch Lam)	10
Thực hành tiếng Việt	14
<i>Nắng mới</i> (Lưu Trọng Lu)	16
VIẾT	17
Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình	17
NÓI VÀ NGHE	22
Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học	22
Nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói; nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó	25
Ôn tập	28
BÀI 7: ANH HÙNG VÀ NGHỆ SĨ (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN – TÁC GIẢ NGUYỄN TRÃI).....	29
ĐỌC	32
<i>Bình Ngô đại cáo</i> (Nguyễn Trãi)	33
<i>Thư lại dụ Vương Thông</i> (Nguyễn Trãi)	40
<i>Bảo kính cảnh giới – bài 43</i> (Nguyễn Trãi)	43
Thực hành tiếng Việt	44
<i>Dục Thúy sơn</i> (Nguyễn Trãi)	46
<i>Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ</i> (A-ma-đu Ma-ta Mơ Bâu)	47
VIẾT	50
Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm	50
NÓI VÀ NGHE	56
Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội	56
Ôn tập	58
BÀI 8: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI (TRUYỆN)	59
ĐỌC	61
<i>Đất rừng phương Nam</i> (Đoàn Giỏi)	62

<i>Giang</i> (Bảo Ninh)	69
<i>Xuân về</i> (Nguyễn Bính)	76
Thực hành tiếng Việt	77
<i>Buổi học cuối cùng</i> (An-phông-xơ Đô-đê)	78
VIẾT	81
Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch	81
NÓI VÀ NGHE	86
Giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch	86
Ôn tập	89
BÀI 9: KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP VÀ TỰ DO (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)	90
ĐỌC	91
<i>Hịch tướng sĩ</i> (Trần Quốc Tuấn)	92
<i>Nam quốc sơn hà – bài thơ Thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước</i> (Theo Nguyễn Hữu Sơn)	96
<i>Đất nước</i> (Nguyễn Đình Thi)	99
Thực hành tiếng Việt	100
<i>Tôi có một giấc mơ</i> (Mác-tin Lu-thơ Kinh)	101
VIẾT	104
Viết bài luận về bản thân	104
NÓI VÀ NGHE	110
Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	110
Ôn tập	113
Ôn tập cuối học kì II	114
Bảng tra cứu thuật ngữ	116
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	117
Bảng tra cứu tiếng nước ngoài	123

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản; nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.
- Nhận biết được lỗi về trật tự từ và cách sửa.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân); nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.
- Biết trân trọng, gìn giữ những kỉ niệm, đồng thời có trách nhiệm với hiện tại và tương lai.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Trong bài *Giao cảm với thiên nhiên*, bạn đã học một số vấn đề về thể loại thơ như *thơ, chủ thể trữ tình, vần và nhịp, từ ngữ, hình ảnh trong thơ, tính chỉnh thể của tác phẩm*. Trong bài này, bạn sẽ tiếp tục tìm hiểu một số khái niệm về thơ để có thể biết cách đọc hiểu một bài thơ.

Tình cảm, cảm xúc trong thơ là những rung động nội tâm, những cảm nhận của nhà thơ về cuộc sống, giúp người đọc hiểu hơn về chủ thể trữ tình.

Cảm hứng chủ đạo trong thơ: *Cảm hứng* là trạng thái tâm lí dạt dào cảm xúc và sự lôi cuốn, thôi thúc mãnh liệt đối với con người khi tiếp xúc với một hiện tượng, sự vật hay thực hiện một công việc, một hành động nào đó. *Cảm hứng chủ đạo trong thơ* là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm thơ, tác động đến cảm xúc của những người tiếp nhận tác phẩm. Một tác phẩm thơ có thể có nhiều cảm hứng, nhưng chỉ có một cảm hứng chủ đạo vì đó là cảm hứng chính, bao trùm tác phẩm.

Lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa

Trật tự từ có ý nghĩa rất quan trọng trong câu tiếng Việt. Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ. Mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Việc sắp xếp sai trật tự các thành phần trong câu có thể làm cho câu mơ hồ về nghĩa, sai lô-gíc hoặc không diễn đạt đúng nội dung mà người viết muốn thể hiện.

Ví dụ 1: *Người máy là một trong những phát minh của thế kỉ XXI quan trọng nhất.*

Trong câu trên, việc sắp xếp cụm từ “quan trọng nhất” sau “thế kỉ XXI” (thay vì sau “phát minh”) khiến câu mơ hồ về nghĩa.

Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Người máy là một trong những phát minh quan trọng nhất của thế kỉ XXI.*

Ví dụ 2: *Nó nhắm mắt lại, nằm xuống giường và cố gắng ngủ.*

Trong câu trên, việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí khiến câu sai lô-gíc.

Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ theo thứ tự trước sau của hành động: *Nó nằm xuống giường, nhắm mắt lại và cố gắng ngủ.*



ĐỌC

Quá khứ và những kỉ niệm luôn có ý nghĩa đặc biệt đối với hiện tại và tương lai. Những kỉ niệm tươi vui, hạnh phúc mang đến cho chúng ta nguồn năng lượng sống, những kỉ niệm buồn có thể mang lại cho ta những bài học kinh nghiệm. Thơ ca cần cho đời sống, một phần vì thơ ca giúp ta thêm quý trọng quá khứ, biết nâng niu những kỉ niệm quý giá đối với mỗi người.

Những bài thơ trong bài học này sẽ giúp các bạn hiểu được giá trị của kỉ niệm, từ đó lựa chọn cách ứng xử phù hợp.

VĂN BẢN 1

CHIẾC LÁ ĐẦU TIÊN

Hoàng Nhuận Cầm

✓ Trước khi đọc

Kỉ niệm nào về mái trường khiến bạn xúc động nhất? Hãy chia sẻ với các bạn về điều đó.

Em thấy không, tất cả đã xa rồi
Trong tiếng thở của thời gian rất khẽ **1**
Tuổi thơ kia ra đi cao ngạo thế
Hoa súng tím vào trong mắt lắm mê say.

Chùm phượng hồng yêu dấu ấy rời tay
Tiếng ve trong veo xé đôi hồ nước
Con ve tiên tri¹ vô tâm báo trước
Có lẽ một người cũng bắt đầu yêu.

Muốn nói bao nhiêu, muốn khóc bao nhiêu
Bài hát đầu xin hát về trường cũ
Một lớp học băng khuâng màu xanh rử
Sân trường đêm – Rụng xuống trái bàng đêm. **2**

Nỗi nhớ đầu anh nhớ về em
Nỗi nhớ trong tim em nhớ về với mẹ
Nỗi nhớ chẳng bao giờ nhớ thế
Bạn có nhớ trường nhớ lớp, nhớ tên tôi.

“– Có một nàng Bạch Tuyết các bạn ơi
Vội lại bảy chú lùn rất quý!”
“– Muỗi chú chứ, nhìn xem, trong lớp ấy”
(Ôi những trận cười trong sáng đó lao xao). **3**

Những chuyện năm nao, những chuyện năm nào
Cứ xúc động, cứ xôn xao biết mấy
Mùa hoa mơ rồi đến mùa phượng cháy
Trên trán thầy, tóc chớ bạc thêm **4**

Thôi đã hết thời bím tóc trắng ngủ quên
Hết thời cầm dao khắc lằng nhằng lên bàn ghế cũ
Quả đã ngọt trên mấy cành đu đủ
Hoa đã vàng, hoa mướp của ta ơi.

Suy luận

1 Bạn hiểu thế nào về hai dòng thơ đầu?

Liên hệ

2 Khổ thơ này gợi lên trong bạn cảm xúc gì về ngôi trường của mình?

Tưởng tượng

3 Em hình dung thế nào về cảnh được miêu tả trong đoạn thơ này?

Suy luận

4 Bạn cảm nhận như thế nào về tình cảm của chủ thể trữ tình được thể hiện qua khổ thơ này?

¹ Tiên tri: biết trước được những việc sẽ xảy ra.

Em đã yêu anh, anh đã xa rồi
Cây bàng hẹn hò chia tay vầy mãi
Anh nhớ quá! Mà chỉ lo ngoảnh lại
Không thấy trên sân trường – chiếc lá buổi đầu tiên.

(In trong *Xúc xắc mùa thu*, NXB Hội Nhà văn, 1992, tr. 11 – 12)

✓ Sau khi đọc

1. Theo bạn, các từ ngữ “một người” (dòng 8), “tôi” (dòng 16), “anh” (các dòng thơ khác) trong bài thơ có thể chỉ những ai? Cách sử dụng các từ ngữ nhân xưng như vậy có tác dụng gì?
 2. Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ 3, 4, 6 và nêu tác dụng của chúng.
 3. Nhận xét về tác dụng của việc sử dụng đối thoại ở khổ thơ 5.
 4. Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh bộc lộ tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình. Từ đó, nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
 5. Bạn cảm nhận như thế nào về hình ảnh “chiếc lá buổi đầu tiên” ở cuối bài thơ?
 6. Bài thơ gợi lên trong bạn những kỉ niệm hoặc những suy nghĩ gì về tuổi học trò?
- ✱ **Bài tập sáng tạo:** Hãy sử dụng một trong những cách sau đây: ngâm thơ, đọc diễn cảm, hoạt cảnh sân khấu hoá, vẽ tranh, phổ nhạc,... để thể hiện cách cảm nhận của mình về bài thơ.



Hoàng Nhuận Cầm

Hoàng Nhuận Cầm (1952 – 2021) sinh ra ở Hà Nội. Ông được mệnh danh là nhà thơ của học sinh, sinh viên bởi có nhiều bài thơ viết về kỉ niệm của tuổi trẻ, tình yêu mang giọng điệu trẻ trung, sôi nổi. Ngoài thơ, ông còn viết kịch bản phim và tham gia đóng phim.

Hoàng Nhuận Cầm có một số tập thơ nổi tiếng như: *Xúc xắc mùa thu* (1992), *Hò hẹn mãi cuối cùng em cũng đến* (2007).

TÂY TIẾN

Quang Dũng

✓ Trước khi đọc

Bạn biết gì về vùng đất Tây Bắc? Hãy chia sẻ với mọi người.

✓ Đọc văn bản

Sông Mã xa rồi Tây Tiến¹ ơi!
 Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi ¹
 Sài Khao² sương lấp đoàn quân mỏi
 Mường Lát³ hoa về trong đêm hơi
 Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm
 Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
 Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
 Nhà ai Pha Luông⁴ mưa xa khơi
 Anh bạn dãi dầu không bước nữa
 Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
 Chiều chiều oai linh thác gầm thét
 Đêm đêm Mường Hịch⁵ cọp trêu người
 Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
 Mai Châu mùa em thơm nếp xôi ²

Tưởng tượng

¹ Từ láy “chơi vơi” giúp bạn cảm nhận như thế nào về nỗi nhớ của nhà thơ?

Tưởng tượng

² Đoạn thơ này giúp bạn hình dung như thế nào về hình ảnh thiên nhiên rừng núi?

*

¹ *Tây Tiến*: tên của một đơn vị quân đội được thành lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào cũng như ở miền tây Bắc Bộ Việt Nam. Địa bàn đóng quân và hoạt động của đoàn quân Tây Tiến khá rộng, bao gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình, miền tây Thanh Hoá và Sầm Nưa (Lào). Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên (như Quang Dũng), chiến đấu trong những hoàn cảnh rất gian khổ, vô cùng thiếu thốn về vật chất, bệnh sốt rét hoành hành dữ dội. Tuy vậy, họ vẫn sống rất lạc quan và chiến đấu dũng cảm.

² *Sài Khao*: một bản ở huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá. Nơi đây có nhiều con dốc cheo leo, quanh co theo triền núi.

³ *Mường Lát*: huyện vùng cao biên giới nằm ở tận cùng phía tây bắc tỉnh Thanh Hoá, phía bắc và phía tây giáp với Lào.

⁴ *Pha Luông*: một đỉnh núi nằm ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, gần khu vực biên giới Việt – Lào. Nằm ở độ cao 2 000 m so với mực nước biển, đỉnh Pha Luông được mệnh danh là “nóc nhà của Mộc Châu”.

⁵ *Mường Hịch*: nay là xã Mai Hịch, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, đây là một trong những địa bàn trú đóng và hoạt động chủ yếu của đoàn quân Tây Tiến.

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
 Kìa em xiêm áo tự bao giờ
 Khèn¹ lên man điệu² nàg e ấp
 Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
 Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
 Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
 Có nhớ dáng người trên độc mộc³
 Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

*

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
 Quân xanh màu lá dữ oai hùm
 Mất trùng gửi mộng qua biên giới
 Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm⁴
 Rải rác biên cương mồ viễn xứ
 Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
 Áo bào⁵ thay chiếu anh về đất
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành **3**

*

Tây Tiến người đi không hẹn ước
 Đường lên thăm thẳm một chia phôi
 Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
 Hồn về Sầm Nứa⁶ chẳng về xuôi.

Phù Lưu Chanh, 1948

(In trong *Quang Dũng – Tác phẩm văn học được giải thưởng nhà nước*,
 NXB Hội Nhà văn, 2014, tr. 95 – 98)

Suy luận

3 Bạn cảm nhận như thế nào về hình ảnh người lính được miêu tả trong đoạn thơ? Qua đó, tác giả đã thể hiện tình cảm gì đối với người lính Tây Tiến?

✓ Sau khi đọc

1. Xác định bố cục bài thơ và nội dung chính của từng đoạn. Từ đó, chỉ ra mạch cảm xúc của bài thơ.
2. Liệt kê các dòng thơ trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả và nêu tác dụng của chúng. Xác định chủ thể trữ tình và cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Dựa vào đâu bạn có thể xác định được như vậy?

¹ *Khèn*: loại nhạc khí quen thuộc của một số dân tộc miền núi, gồm nhiều ống trúc ghép lại, một đầu cầm xuyên qua bầu gỗ hình bắp chuối làm hộp cộng hưởng, thổi bằng miệng.

² *Man điệu*: ở đây được hiểu là điệu nhạc, điệu múa của dân tộc thiểu số ở miền núi.

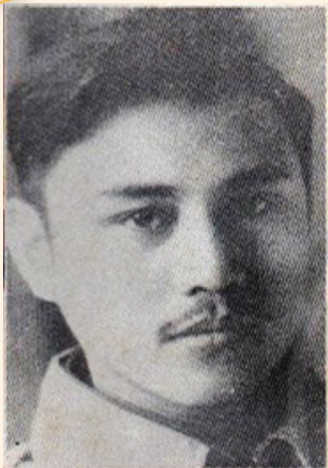
³ *Độc mộc*: thuyền dài và hẹp, làm bằng thân một cây gỗ to, khoét trống thành khoang thuyền.

⁴ *Dáng kiều thơm*: dáng vẻ xinh đẹp, đáng yêu của người con gái.

⁵ *Áo bào*: áo của tướng lĩnh thời phong kiến mặc khi ra trận.

⁶ *Sầm Nứa*: một vùng đất ở Thượng Lào, nằm ở biên giới phía tây tỉnh Thanh Hoá.

3. Phân tích bức tranh thiên nhiên và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến trong đoạn 1. Nhận xét về (những) nét đặc sắc trong cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ, vần, nhịp của đoạn thơ.
4. Phân tích vẻ đẹp của hình ảnh người lính Tây Tiến trong đoạn 3. Vẻ đẹp của người lính trong đoạn này có gì khác so với đoạn 2?
5. Bài thơ *Tây Tiến* giúp bạn hiểu thêm những gì về:
 - a. Hình ảnh anh bộ đội và con người Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp?
 - b. Vai trò, ý nghĩa của kí ức và kỉ niệm trong đời sống tinh thần của con người cũng như trong sáng tác thơ ca?



Quang Dũng

Quang Dũng (1921 – 1988), tên thật là Bùi Đình Diệm, quê ở làng Phượng Trì, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ông là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc. Tuy nhiên, thành công nổi bật của Quang Dũng là ở lĩnh vực thơ ca.

Thơ ông, nhất là những bài nổi tiếng như *Đôi mắt người Sơn Tây*, *Tây Tiến*,... được nhiều thế hệ người đọc yêu thích, bởi đó là tiếng nói của một tâm hồn phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

(Trích)

Thạch Lam

✓ Đọc văn bản

Thanh lách cánh cửa gỗ để khập, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người; trên con đường lát gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thông thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bậc cửa.

Thanh bước lên thềm, đặt va li trên chiếc trường kỉ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch đến nỗi Thanh trở nên nghẹn họng; mãi mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

– Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vệt ra, rơi xuống mặt bàn; Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh dương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con măn¹:

– Bà mày đâu?

Thanh bước xuống giàn thiên lí. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

– Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

– Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ. [...]

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch tịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỉ, ngọn đèn con và cái điều cũ kĩ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đây bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

– Ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu.

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phát trần lên đầu giường:

– Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy khắp cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

– Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

¹ Măn: mèo.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, đuỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: “Cây hoàng lan!”, mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhật hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm, tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ sờ bụng mần, nhìn cháu và xua đuỗi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hắc. Tiếng dèp nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Chàng lẳng lặng ngồi dậy, ti trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui về:

– Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngừng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

– Anh Thanh! Anh đã về đấy à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga nói:

– Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhón quá.

– Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu đáp:

– Cô trông em có phải gầy đi không. Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngừng nhìn Thanh, cười:

– Đấy em có nói sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui vẻ và vẫn đậm, có lúc chàng làm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

[...]

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lí pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lí non và thơm rủ liên trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

– Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Nga cũng cười hơi thẹn:

– Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, nắng như tụ lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

[...]

Bữa ăn xong. Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi thăm vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành, Nga bảo Thanh:

– Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nắng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

– Bao giờ anh lên tỉnh?

– Ngày mai thôi. Kì này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể nước rửa hoa, rồi xếp bày lên trên quả trầu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm:

– Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa:

– “Anh con hái đấy ạ” và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Đêm ấy, một bà, một cháu với một cô lắng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã uớt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió ngát. Không lường lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình, Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

– Thôi em về.

Thanh đi trở vào rất thông thả. Có cái gì dịu ngọt chẳng to ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỉ ngồi ở bên đèn.

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc va li chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà dưới giàn hoa lí. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tối cổng, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhẩu cầm đỡ va li cho chàng, Thanh dặn khẽ:

– Bảo tôi có nhời chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

(In trong *Sợi tóc*, NXB Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 1995, tr. 5 – 14)

✓ Sau khi đọc

1. Khi bước vào khu vườn có ngôi nhà của bà, điều gì đã khiến Thanh cảm thấy *ngheh hòng, mừng rỡ, bình yên, thư thái, dịu ngọt,...*? Điều đó cho thấy sự khác biệt thế nào giữa không gian bên trong và bên ngoài khu vườn?
2. Tìm một vài hình ảnh trong văn bản thể hiện sự đan xen giữa quá khứ và hiện tại. Ý nghĩa của sự đan xen đó là gì?
3. Những kỉ niệm tuổi thơ nào đã trở về với Thanh khi anh về thăm bà? Những kỉ niệm ấy gọi lên trong Thanh cảm xúc gì? Qua đó, bạn cảm nhận như thế nào về nhân vật này?
4. Bạn cảm nhận như thế nào về tình cảm giữa Thanh và Nga? Dựa vào đâu mà bạn có thể cảm nhận như vậy?
5. Truyện có giúp bạn hiểu rõ hơn ý nghĩa của cách nói *đi để trở về* hay không? Vì sao?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và sửa lại lỗi về trật tự từ trong các câu sau:
 - a. *Giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có duy nhất ở Việt Nam trên kênh VTC.*
 - b. *Tên trộm khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm ở trụ sở công an.*
 - c. *Họ úp cái nón lên mặt, nằm xuống ngủ một giấc cho đến chiều. (Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)*
 - d. *Anh ấy đóng cửa lại, từ tốn nói lời chào tôi rồi đi vào nhà.*
 - đ. *Đây là bộ phim về ngày tận thế nổi tiếng của Mỹ.*
 - e. *Trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp kiên cường, nhân dân ta đã thể hiện một sức sống mãnh liệt.*

2. Bạn hãy tìm 2 câu sai về trật tự từ trên một tờ báo và chữa lại cho đúng.

3. Đọc các câu sau:

a₁. Chàng lẳng lẳng ngồi dậy, tì trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. (Thạch Lam)

a₂. Chàng cúi mình nhìn ra phía ao, lẳng lẳng ngồi dậy, tì trên cửa sổ.

b₁. Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. (Thạch Lam)

b₂. Thanh nhẹ nhàng bước vào, lách cánh cửa gỗ để khép.

c₁. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. (Thạch Lam)

c₂. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân của Nga xinh xắn, ngày nào, đi trên đó.

Câu a₂, b₂, c₂ đã thay đổi trật tự từ so với câu a₁, b₁, c₁. Việc thay đổi trật tự từ như vậy có thể chấp nhận được không? Vì sao?

4. Nhận xét về việc sắp xếp trật tự các vế trong câu sau:

Thanh bước lên thềm, đặt va li trên chiếc trường kỉ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. (Thạch Lam)

5. Phân tích nét độc đáo của các từ ngữ được sử dụng trong câu thơ:

Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm

(Quang Dũng)

6. Đọc đoạn thơ thứ ba của bài thơ *Tây Tiến* và thực hiện các yêu cầu:

a. Chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng các từ Hán Việt trong đoạn thơ.

b. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong cụm từ *về đất* và phân tích hiệu quả của biện pháp đó.

7. Giải thích hiệu quả biểu đạt của các từ *tắm* trong đoạn văn sau:

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm, tươi mát như vừa *tắm* ở suối. Chàng *tắm* trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi. (Thạch Lam)

8. Thử thay thế từ *dịu ngọt* trong đoạn văn sau bằng những từ ngữ khác (như *ngọt ngào*, *nhẹ nhàng*, *dịu dàng*,...); từ đó, cảm nhận và lí giải vẻ đẹp độc đáo của cách sử dụng từ *dịu ngọt* trong đoạn văn.

Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió ngát. Không lường lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình, Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

– Thôi, em về.

Thanh đi trở vào rất thông thả. Có cái gì *dịu ngọt* chẳng to ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỉ ngồi ở bên đèn. (Thạch Lam)

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) kể về một kỉ niệm có ý nghĩa sâu sắc đối với bạn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

NẮNG MỚI

Tặng hương hồn thầy me¹

Lưu Trọng Lư

Mỗi lần nắng mới hắt bên song.
Xao xác, gà trưa gáy náo nùng,
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ me tôi thuở thiếu thời,
Lúc người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.

Hình dáng me tôi chưa xoá mờ,
Hãy còn muông tượng lúc vào ra:
Nét cười đen nhánh sau tay áo,
Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa.

(In trong *Tiếng thu*, NXB Hội Nhà văn,
Hội Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học TP. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 13)

Hướng dẫn đọc

1. Nhân vật “tôi” đã thể hiện tình cảm, cảm xúc gì trong bài thơ? Tình cảm, cảm xúc đó được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào?
2. Bạn có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ, ngắt nhịp, gieo vần và tác dụng của chúng trong bài thơ?
3. Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào trong tâm tưởng nhân vật “tôi”?
4. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì? Cảm hứng đó thể hiện giá trị đạo đức truyền thống nào của người Việt Nam?

¹ Me: mẹ (chỉ dùng để xưng gọi).



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ, bằng chứng để làm rõ ý nghĩa, giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm trữ tình ấy.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

Ngoài những yêu cầu về nội dung và kĩ năng nghị luận văn học nói chung, khi thực hiện bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình (thơ/ văn xuôi trữ tình), bạn cần nêu và phân tích thoả đáng những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật theo đặc trưng thể loại của tác phẩm và tác dụng của chúng.

- Với các tác phẩm thơ trữ tình, cần tập trung phân tích, đánh giá các yếu tố như *dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình, cách gieo vần, ngắt nhịp, ngắt dòng, chia đoạn,...*
- Với các tác phẩm văn xuôi trữ tình như tùy bút, tản văn thì cần tập trung phân tích, đánh giá *cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình qua mạch suy tư, cảm xúc; cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nhằm thể hiện suy tư, cảm xúc ấy,...*

Bố cục bài viết gồm 3 phần:

Mở bài: giới thiệu tác phẩm, tác giả; nêu nhận xét khái quát về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

Thân bài: lần lượt phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.

Kết bài: khẳng định lại giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm; nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ về tác phẩm.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Phân tích, đánh giá tác dụng các biện pháp tu từ trong bài thơ *Mây và sóng* (Tagore)¹.

[...]

Bài thơ sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, điệp ngữ,... để biểu đạt những ý nghĩa sâu sắc. ^[1a] Hình ảnh mây và sóng ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng đầy hấp dẫn. Những hình ảnh đó cũng gợi liên tưởng tới những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí, những cảm dỗ ở đời,...

[1a], [1b], [1c]: Nêu tên các biện pháp nghệ thuật.

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

[2a] Để miêu tả buổi sớm mai, nhà thơ đã kết hợp danh từ *bình minh* (dawn) với tính từ *vàng* (golden). [3a] Tính từ *golden* trong ngữ cảnh bài thơ không phải chỉ có ý nghĩa về màu sắc mà còn mang nghĩa *quý giá*. Biện pháp ẩn dụ “buổi sớm mai vàng” (the golden dawn) đã mở ra một không gian tràn ngập ánh sáng mặt trời rực rỡ, lấp lánh: ánh sáng chan hoà khắp không trung, dát vàng lên vạn vật, đồng thời gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian. Tương tự, nhà thơ đã miêu tả vầng trăng trong thế giới của những người trên mây là “vàng trắng bạc” (the silver moon). [3b] Sự kết hợp giữa danh từ *vàng trắng* với từ vừa chỉ chất liệu bạc, vừa chỉ màu sắc ánh bạc đã tạo nên một hình ảnh ẩn dụ có tác dụng mỹ lệ hoá vẻ đẹp của vầng trăng: sáng lấp lánh như một chiếc đĩa làm bằng bạc. Bằng những hình ảnh ẩn dụ, nhà thơ đã dẫn người đọc bước vào một không gian thiên nhiên rực rỡ sắc màu, lấp lánh ánh sáng, từ đó khơi dậy tình yêu thiên nhiên tươi đẹp và sự trân trọng mỗi khoảnh khắc quý giá của cuộc sống. [2b]

Trong đoạn thơ: *Nhưng con biết trò chơi khác hay hơn./ Con là sóng và mẹ sẽ là bến bờ kì lạ./ Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ./ Và không ai trên thế gian này biết thế mẹ con ta ở chốn nào*, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ: [1b] lặp từ *con* và *lăn* (roll on, roll on and roll on). [3c] Điệp từ *con* vừa khẳng định vai trò chủ thể của em bé, vừa gợi cảm giác về sự hiếu động, linh lợi, nhanh nhẹn của em trong những trò chơi. Điệp từ *lăn* gợi hình ảnh em bé vô tư hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con. Em sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác giống như những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỡ vào bờ cát. Những hình ảnh gợi lên cảnh gia đình đầm ấm hạnh phúc, tình mẹ con sâu nặng, khơi dậy trong lòng người đọc cảm xúc êm đềm và bình yên. [2c]

Nhân vật trữ tình trong bài thơ là một em bé rất đáng yêu với trái tim tràn đầy yêu thương, trí tưởng tượng phong phú và giàu óc sáng tạo. [1c] Khi nghe những người trên mây và trong sóng kể và tả về xứ sở tuyệt đẹp và cuộc sống vui vẻ của họ, em thốt ra những câu hỏi: *Nhưng tôi làm sao mà đến đó được?, Nhưng làm cách nào mà tôi đến đó được?* [3d] Những câu hỏi này thể hiện niềm yêu thích được vui chơi, tình yêu thiên nhiên, khát vọng được đặt chân đến những thế giới xa xôi, huyền bí để khám phá. Tuy nhiên, cuối cùng, em đã từ chối lời mời của những người trên mây và trong sóng vì nhớ ra: [2d] *Buổi chiều, mẹ tôi luôn muốn tôi trở về với mẹ.* [3d] Em hiểu rằng, mẹ rất yêu thương em, luôn mong muốn em ở bên mẹ, để mẹ âu yếm, che chở, chăm sóc. Và em cũng muốn được ở bên mẹ, được mẹ yêu thương và mang lại niềm vui cho mẹ. Lời của em đã nói hộ tấm lòng của mỗi chúng ta đối với mẹ của mình: *Đi đâu mà bỏ mẹ già/ Gối nghiêng ai sửa, kỉ trà ai dâng?* (ca dao); *Mẹ già ở chốn lều tranh/ Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con* (ca dao). [4]

[...]

(Nguyễn Thị Mai Liên, trích từ *Đọc bài thơ Mây và sóng của Tagore theo đặc trưng thể loại*, in trong *Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 9 (482 + 483), 2021)

[2a], [2b], [2c]: Nêu ý kiến nhận xét.

[3a] [3b], [3c], [3c], [3d], [3d]: Dẫn bằng chứng từ văn bản để làm sáng tỏ nhận định.

[4]: Liên hệ, mở rộng.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Ngữ liệu trên là một bài viết hoàn chỉnh hay trích đoạn? Dựa vào đâu để nhận định như vậy?
2. Xác định luận điểm được nêu trong ngữ liệu.
3. Luận điểm đó được làm sáng tỏ bằng những lí lẽ, bằng chứng nào?
4. Nêu tác dụng của câu cuối trong ngữ liệu.

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một tác phẩm thơ hoặc văn xuôi trữ tình.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

• Với đề bài này bạn sẽ chọn phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một bài thơ trữ tình hay một tác phẩm văn xuôi trữ tình (tuỳ bút, tản văn,...)?

Bạn có thể chọn một tác phẩm đã học ở bậc trung học cơ sở như:

Thơ: *Đội mẹ* (Vũ Quần Phương), *Sang thu* (Hữu Thỉnh), *Bếp lửa* (Bằng Việt),...

Văn xuôi trữ tình: *Cổm Vòng* (Vũ Bằng), *Mùa phơi sân trước* (Nguyễn Ngọc Tư),...

• Phạm vi yêu cầu đề bài như thế nào?

Lưu ý: đề bài không yêu cầu phân tích, đánh giá mọi mặt của tác phẩm văn học mà chỉ giới hạn ở một số nét đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của tác phẩm.

Xác định mục đích viết và người đọc

- Bạn viết bài này nhằm mục đích gì?
- Người đọc của bạn có thể là ai?

Thu thập tư liệu

Để viết được bài văn đáp ứng yêu cầu của đề bài, bạn hãy tìm đọc các bài viết, ý kiến liên quan đến tác phẩm đã chọn và tự hỏi:

- Bạn sẽ chọn tác phẩm văn học nào để viết?
- Tìm tác phẩm đó ở đâu?
- Có những tác phẩm nào cùng đề tài với tác phẩm bạn đã chọn?

Bạn có thể tìm và chọn một tác phẩm đã học trong sách giáo khoa hoặc một tác phẩm bất kì mà bạn yêu thích và muốn phân tích, đánh giá về tác phẩm đó.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

- Đọc kĩ tác phẩm văn học đã chọn để hiểu được chủ đề tác phẩm.
- Tuỳ thể loại cụ thể của tác phẩm trữ tình mà nêu và trả lời các câu hỏi tìm ý.

Chẳng hạn:

– Khi tìm ý cho việc phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm trữ tình, cần trả lời các câu hỏi: *Trong tác phẩm, cách sử dụng các yếu tố hình thức nào sau đây có thể xem là đặc sắc: chủ thể trữ tình, cách gieo vần, ngắt nhịp, ngắt dòng, chia đoạn, từ ngữ, hình ảnh,...? Cách sử dụng của yếu tố đó có tác dụng thế nào trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?,...*

– Khi tìm ý cho việc phân tích, đánh giá chủ đề của tác phẩm trữ tình, cần trả lời các câu hỏi: *Chủ đề của tác phẩm này là gì? Chủ đề đó có gì sâu sắc, mới mẻ? Chủ đề đó bao gồm các khía cạnh nào?,...*

• Đọc một vài tác phẩm cùng đề tài để hiểu tác phẩm đã chọn có những nét đặc sắc gì về chủ đề, các biện pháp nghệ thuật và ghi lại thông tin (tham khảo bảng sau):

TT	Tên tác phẩm	Chủ đề	Các biện pháp nghệ thuật tiêu biểu
...	Tác phẩm A
...	Tác phẩm B
...

• Chọn những nét đặc sắc nhất của tác phẩm và liệt kê các ý bằng một vài cụm từ.

Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý. Phần thân bài cần:

- Lần lượt chi tiết hoá từng luận điểm.

Thân bài gồm ít nhất hai luận điểm. Một luận điểm phân tích, đánh giá đóng góp của tác phẩm về chủ đề. Một luận điểm phân tích, đánh giá: nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng của chúng (gắn với đặc trưng thể loại) trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm. Ví dụ: dàn ý cho bài nghị luận về bài thơ *Bếp lửa* (Bằng Việt) có thể được sắp xếp như sau:

Luận điểm thứ nhất: Những nét đặc sắc trong hình thức nghệ thuật trữ tình của bài thơ *Bếp lửa*.

– Nét đặc sắc thứ nhất: sáng tạo hình ảnh bếp lửa (lí lẽ và bằng chứng).

– Nét đặc sắc thứ hai: chuyển hoá hình ảnh bếp lửa từ nghĩa đen sang nghĩa bóng (lí lẽ và bằng chứng).

– Nét đặc sắc thứ ba: giọng điệu trữ tình (lí lẽ và bằng chứng).

L luận điểm thứ hai: Chủ đề tình bà cháu đã được khơi sâu và làm mới trong *Bếp lửa*.

– Xác định chủ đề của tác phẩm: tình bà cháu.

– Phân tích đánh giá: chủ đề tuy quen thuộc nhưng vẫn sâu sắc, mới mẻ, nhờ các sáng tạo nghệ thuật của tác giả (lí lẽ và bằng chứng).

• Nêu rõ ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về những nét đặc sắc của tác phẩm.

• Làm sáng tỏ các ý kiến nhận xét, đánh giá về chủ đề và nghệ thuật bằng việc trích dẫn các hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

Bước 3: Viết bài

Bạn dựa vào dàn ý đã có để viết bài. Khi đã có một dàn ý tốt, bạn có thể lần lượt viết mở bài, các đoạn thân bài và kết bài.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Đọc lại bài viết và chỉnh sửa theo những gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu tác phẩm trữ tình (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).		
	Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.		
Thân bài	Xác định chủ đề của tác phẩm trữ tình.		
	Phân tích, đánh giá chủ đề của tác phẩm.		
	Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (phù hợp với đặc trưng của thơ trữ tình hoặc văn xuôi trữ tình).		
	Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.		
	Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về tác phẩm.		
	Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		

Kết bài	Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của tác phẩm.		
	Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức tác phẩm.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm, lí lẽ và bằng chứng hợp lí.		
	Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng đúng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng được các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ.		

Dựa vào kết quả kiểm tra, bạn hãy điều chỉnh, bổ sung những điểm chưa đạt của bài viết.



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

- Đề tài: giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học mà bạn đã đọc và yêu thích (có thể giới thiệu về tác phẩm đã chọn trong bài viết).
- Mục đích nói: giúp người nghe hiểu được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học đồng thời hiểu được ý kiến đánh giá của người nói về tác phẩm.
- Đối tượng người nghe có thể là bạn học cùng lớp, giáo viên.
- Địa điểm giới thiệu, trao đổi có thể là trong lớp học hoặc trong một hội trường. Việc xác định những vấn đề trên giúp bạn chuẩn bị nội dung bài giới thiệu tốt hơn.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

- Chọn một tác phẩm văn học mà bạn yêu thích và mong muốn giới thiệu, chia sẻ với người khác.
- Đọc kĩ tác phẩm để hiểu rõ nội dung và giá trị của tác phẩm đó.
- Ghi lại một số ý về:
 - Tên sách/ tên tác phẩm/ tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

– Nội dung tác phẩm: Đối với một tác phẩm truyện, ghi chép một số ý sau: nhân vật, cốt truyện, chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi gắm. Đối với một bài thơ, cần ghi chép một số ý về nội dung chính của từng khổ/ đoạn thơ, chủ đề, thông điệp.

– Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc, tác dụng của chúng.

– Nhận xét, đánh giá về tác phẩm.

Lập dàn ý

Dựa vào những ý đã tìm, bạn có thể phác thảo dàn ý giới thiệu một tác phẩm văn học theo những gợi ý dưới đây:

Phiếu giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học

Tên tác phẩm văn học:

Tên tác giả:

Đối với một tác phẩm truyện	Đối với một tác phẩm thơ
Bối cảnh xảy ra câu chuyện:	Xác định mạch cảm xúc, chủ đề:
Các nhân vật:
Tóm tắt cốt truyện: mâu thuẫn, sự kiện gắn với nhân vật chính, cách giải quyết mâu thuẫn:	Tóm tắt nội dung các khổ thơ, đoạn thơ:
Nêu những điểm nổi bật về nghệ thuật (người kể chuyện, nhân vật, không gian, thời gian, ngôn ngữ,...) kết hợp với một số bằng chứng tiêu biểu trong tác phẩm để chứng minh:	Nêu những điểm nổi bật về nghệ thuật (hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, cách gieo vần,...) kết hợp với một số bằng chứng tiêu biểu trong tác phẩm để chứng minh:
.....

Nêu chủ đề, thông điệp:

Nêu ý kiến nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật:

(Có thể sử dụng một số ý trong bài văn đã viết để đưa vào phiếu này).

Luyện tập

Dựa vào phiếu giới thiệu trên, bạn có thể luyện nói một mình hoặc với bạn bè.

Bước 2: Trình bày bài nói

- Dựa vào phiếu giới thiệu, bảng kiểm (trang 25) và một số gợi ý sau để trình bày:

– Giới thiệu tên và nội dung tác phẩm:

Tác phẩm mà tôi muốn giới thiệu với các bạn có nhan đề..., được viết bởi nhà văn...; Câu chuyện xảy ra ở...; Truyện gồm các sự kiện sau...; Các nhân vật trong câu chuyện này gồm...; Nhân vật chính là...

Tác phẩm mà tôi muốn giới thiệu với các bạn có nhan đề..., được viết bởi nhà thơ...; Bài thơ này gồm... khổ thơ/ đoạn thơ; Trong khổ thơ thứ nhất, tác giả thể hiện...; Ở khổ thơ thứ hai, tác giả viết về...; Cảm xúc chủ đạo xuyên suốt cả bài thơ là...

– Giới thiệu những điểm nổi bật về nghệ thuật, chủ đề và thông điệp của tác phẩm: *Biện pháp nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng trong tác phẩm là...; Các biện pháp nghệ thuật đó góp phần thể hiện...; Chủ đề tác phẩm này là...; Tôi nhận thấy, qua tác phẩm này, tác giả muốn gửi gắm thông điệp về...*

– Nhận xét, đánh giá về tác phẩm: *Nét đặc sắc/ thành công nổi bật của tác phẩm này, theo tôi là...; Sức hấp dẫn của tác phẩm được tạo nên từ...*

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

- Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe.
- Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.

Đánh giá

Lần lượt đóng hai vai: người nói và người nghe. Dựa vào bảng kiểm dưới đây để tự kiểm soát bài nói của mình và góp ý cho bạn.

Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Giới thiệu tác phẩm văn học: tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả.		
	Nhận xét khái quát về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.		

Nội dung chính	Trình bày ý kiến đánh giá về nội dung của tác phẩm.		
	Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của tác phẩm.		
	Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.		
	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

NGHE VÀ NẮM BẮT Ý KIẾN, QUAN ĐIỂM CỦA NGƯỜI NÓI; NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ Ý KIẾN, QUAN ĐIỂM ĐÓ

Lớp bạn tổ chức buổi giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học. Làm thế nào để có thể nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người khác về một tác phẩm văn học sau đó, có thể nêu nhận xét và đánh giá xác đáng? Trong phần bài học dưới đây bạn sẽ được học về những kĩ năng này.

Bước 1: Chuẩn bị nghe

Trước khi nghe ý kiến của người nói, bạn nên:

- Tìm hiểu về tác phẩm mà người nói sẽ trình bày.
- Liệt kê tất cả những gì bạn đã biết về tác phẩm và những gì cần trao đổi với người trình bày.

- Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.
- Tìm vị trí thích hợp để bạn có thể theo dõi và tương tác với người nói một cách tốt nhất.

Bước 2: Lắng nghe và ghi chép

Trong khi nghe người nói trình bày ý kiến, quan điểm của họ, bạn nên:

- Lắng nghe để nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói.
- Tương tác bằng ánh mắt với người nói, tập trung vào những nội dung quan trọng.
- Không vội nhận xét, kết luận,...
- Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói:
 - Các kiểu câu như: *Ý kiến/ quan điểm của tôi là...; Tôi nghĩ...; Theo tôi...; Tôi cho rằng...*
 - Những ý kiến được trình bày ở phần mở đầu và kết thúc.
 - Những ý mà người nói nhấn mạnh, nói chậm hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ.
- Tổ chức, sắp xếp các thông tin thu nhận được trong khi nghe để tìm hiểu ý nghĩa của thông tin bằng cách: tìm mối quan hệ giữa các ý; dự đoán ý tiếp theo; đánh dấu ý kiến quan trọng,...
- Suy ngẫm về giá trị của những ý kiến, quan điểm của người nói.

Kết hợp nghe và ghi chép:

- Ghi chép thông tin chính dưới dạng từ, cụm từ, viết tắt hoặc dàn ý, sơ đồ, bảng biểu (tham khảo mẫu dưới đây):

TÊN BÀI TRÌNH BÀY	
Các thông tin chính	Nội dung ghi chép
Ghi chép thông tin chính dưới dạng:	Ghi chép, diễn giải, nội dung của thông tin chính theo cách:
– Từ khoá.	– Trả lời những câu hỏi như: <i>... là gì?... như thế nào?... làm sao?...</i>
– Ý chính.	– Tóm tắt thông tin được trình bày trên bảng hoặc màn chiếu.
– Câu hỏi quan trọng liên quan đến nội dung trình bày.	– Sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,...

- Ghi những câu hỏi, ý kiến muốn trao đổi với người nói.

Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá

- Nhận xét, đánh giá về những điểm thú vị trong ý kiến, quan điểm của người nói.
- Khi trao đổi, bạn nên:
 - Xác nhận lại ý kiến, quan điểm của người nói.
 - Trình bày điểm tương đồng, thống nhất (nếu có) giữa ý kiến, quan điểm của bạn với người nói.
 - Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất với ý kiến, quan điểm của người nói.
- Tránh ngắt lời; dùng giọng điệu nhẹ nhàng.
- Tôn trọng ý kiến, quan điểm của người nói, tránh công kích cá nhân.

Bảng kiểm kĩ năng nghe

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Liệt kê được những gì đã biết và muốn trao đổi khi nghe.		
	Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.		
Lắng nghe và ghi chép	Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khoá, sơ đồ.		
	Phân biệt thông tin quan trọng và thông tin chi tiết bằng các màu mực khác nhau, bằng cách gạch chân thông tin quan trọng.		
	Ghi lại câu hỏi về những điều chưa rõ trong khi nghe.		
Trao đổi, nhận xét, đánh giá	Xác nhận lại quan điểm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân.		
	Nhận xét, đánh giá về những điểm thú vị trong ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Khẳng định sự đồng tình với ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói.		
	Nhận xét về cách trình bày bài nói.		
Thái độ và ngôn ngữ	Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá.		
	Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói.		

ÔN TẬP

1. Tóm tắt những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của hai văn bản theo bảng dưới đây (làm vào vở):

Văn bản	Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật
<i>Chiếc lá đầu tiên</i>	
<i>Tây Tiến</i>	

2. Trong bốn văn bản đã đọc của bài học này, văn bản nào gọi cho bạn nhiều cảm xúc nhất? Vì sao?
3. Sau khi học xong bài học này, bạn thu nhận thêm được điều gì mới về những kĩ năng sau:
- Cách đọc một văn bản thơ.
 - Cách sắp xếp trật tự từ trong câu.
 - Cách viết một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.
 - Cách giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học.
 - Cách nghe người khác trình bày ý kiến, quan điểm và trao đổi, nhận xét, đánh giá về các ý kiến đó.
4. Kỉ niệm có giá trị gì đối với cuộc sống của chúng ta?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.
- Xác định được ý nghĩa của văn bản. Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội từ văn bản.
- Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.
- Nhận biết được lỗi dùng từ (từ Hán Việt) và biết cách sửa các lỗi đó.
- Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội.
- Biết yêu lẽ phải, sự thật, biết ơn và quý trọng di sản văn hoá của dân tộc.

TRI THỨC NGŨ VĂN**NGUYỄN TRÃI (1380 – 1442)**

1. Nguyễn Trãi, hiệuỨc Trai, là một tác gia ở thế kỉ XV với những tác phẩm văn học lớn, đặc biệt là văn nghị luận và thơ trữ tình. Ông cũng là một nhà chiến lược quân sự tài ba đã góp công lớn trong công cuộc kháng chiến chống giặc Minh của nghĩa quân Lam Sơn dưới sự lãnh đạo của Bình Định Vương Lê Lợi. Nguyễn Trãi đã có những đóng góp đặc sắc cho tư tưởng yêu nước thương dân truyền thống và nâng nó lên một tầm cao mới ở thời đại mình. Xem dân là gốc của nước nên suốt đời Nguyễn Trãi đeo đuổi lí tưởng nhân nghĩa “trừ bạo, yên dân”. Nhân nghĩa trước hết hướng đến nhân dân Đại Việt đang chịu cảnh lầm than dưới ách áp bức của giặc Minh; mở rộng hơn, lí tưởng nhân nghĩa của ông còn hướng đến việc xây dựng cuộc sống thanh bình, yên vui cho nhân dân ở khắp mọi nơi. Năm 1980, UNESCO đã tổ chức kỉ niệm trọng thể năm sinh của ông, như một danh nhân văn hoá.



Hình: Nguyễn Trãi
(Nguồn: Từ điển văn học bộ mới, tr. 1313)

2. Nguyễn Trãi đã để lại một khối lượng tác phẩm văn chương đồ sộ với nhiều thể loại.

Về văn, Nguyễn Trãi có các tác phẩm như: *Bình Ngô đại cáo* (bản tuyên bố trước toàn dân về công cuộc đánh dẹp giặc Minh thắng lợi), *Quân trung từ mệnh tập* (tập sách tập hợp các thư từ và mệnh lệnh trong quân đội), *Lam Sơn thực lục* (sách lịch sử ghi chép về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn), *Dư địa chí* (sách ghi chép về địa lí nước Việt), *Chí Linh sơn phú* (bài phú núi Chí Linh), *Vĩnh Lăng bi kí* (bài văn bia Vĩnh Lăng, ghi chép về sự nghiệp Lê Thái Tổ), *Băng Hồ di sự lục* (sách ghi chép chuyện cũ về Băng Hồ tướng công – Trần Nguyên Đán), các *chiếu, biểu* (các bài chiếu soạn theo lệnh vua Lê Thái Tổ để dạy bảo thái tử, khuyên răn các quan, ban bố mệnh lệnh và bài *Biểu tạ ơn*).

Về thơ, sáng tác của ông có những đóng góp quan trọng cả về chữ Hán lẫn chữ Nôm. Trong đó, *Ức Trai thi tập* là tập thơ chữ Hán gồm 105 bài, *Quốc âm thi tập* là tập thơ chữ Nôm gồm 254 bài.

3. Thơ văn Nguyễn Trãi thể hiện một tấm lòng ưu ái sắt son, một tâm hồn phong phú, nồng hậu yêu thương đối với con người, vạn vật và một nhân cách thẳng ngay, cao thượng.

Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Trãi là “bài ca yêu nước và tự hào dân tộc” (Phạm Văn Đồng). Với tư cách người anh hùng – nhà chiến lược quân sự trong kháng chiến chống giặc Minh, Nguyễn Trãi đã để lại những áng văn nghị luận hùng hồn, sắc bén trong những bức thư dụ hàng tướng giặc như *Thư lại dụ Vương Thông*, *Thư gửi Phương Chính*,... (*Quân trung từ mệnh tập*), trong đó nổi bật là *Bình Ngô đại cáo* – tác phẩm được đời sau xem là “thiên cổ hùng văn”.

Trong tư cách nhà thơ, Nguyễn Trãi đã để lại những bài thơ trữ tình tinh tế, thấm đẫm tình yêu thiên nhiên, tình yêu đất nước và tấm lòng luôn hướng về dân như: *Dục Thúy sơn*, *Bảo kính cảnh giới* – bài 43, *Thuật hứng* – bài 24,... Đặc biệt, ông có nhiều đóng góp quan trọng cho thơ quốc âm, là một trong những người tiên phong đặt nền móng cho thơ ca tiếng Việt phát triển và có những thành tựu rực rỡ ở những thế kỉ sau.

Văn nghị luận là loại văn bản chủ yếu sử dụng lí lẽ và bằng chứng nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một quan điểm, tư tưởng. Khi nghị luận, người viết phải nêu được ý kiến, vấn đề (luận đề) rõ ràng, luận điểm thuyết phục, lí lẽ và bằng chứng đầy đủ, xác đáng, giúp người đọc, người nghe tán đồng, chia sẻ quan điểm, tư tưởng của mình. Mọi lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong nghị luận đều phải nhằm củng cố và làm sáng tỏ luận điểm. Sức mạnh của văn nghị luận là ở sự sâu sắc của luận điểm, ở tính mạch lạc, chặt chẽ của lập luận, ở niềm tin vào chân lí, chính nghĩa; sự trung thực, chân thành trong tình cảm, cảm xúc của người viết, người nói.

Văn nghị luận trung đại mang các đặc điểm của văn nghị luận nói chung nhưng cũng có một số khác biệt đáng lưu ý: tính quy phạm về thể văn, ngôn ngữ và thường có tính chất tổng hợp “bất phân” giữa văn với sử, với triết, giữa văn hình tượng với văn luận lí...

Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong văn bản nghị luận

Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội là điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội liên quan đến văn bản, giúp cho việc hiểu văn bản được sâu sắc hơn. Với việc đọc hiểu văn bản nghị luận cũng vậy. Cần tìm hiểu bối cảnh ra đời của tác phẩm để hiểu rõ mục đích viết, nội dung của văn bản.

Ví dụ khi đặt *Bình Ngô đại cáo* vào bối cảnh nhân dân ta chịu biết bao thống khổ dưới ách cai trị của giặc Minh ở đầu thế kỉ XV mới hiểu rõ ý chí “cầm giặc nước thì không cùng sống”, sự kiên trì “nếm mật nằm gai” của người lãnh tụ nghĩa quân cũng như sự hội tụ của lòng dân đã mang đến thắng lợi tất yếu cho đội quân chính nghĩa. Hay khi đặt *Thư lại dụ Vương Thông* vào bối cảnh giặc Minh đang liên tục bại trận, bị vây hãm, “kế cùng lực kiệt” mới thấy được sự xuất hiện hợp thời và hiệu quả tâm lí của bức thư với sự phân tích thời và thế cùng những nguyên nhân tất bại của quân giặc một cách sắc bén, có cơ sở, đủ chứng cứ thuyết phục.

Lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa

- Dùng từ không đúng hình thức ngữ âm

Ví dụ: Ông ấy là một **đọc giả** khó tính.

Cách sửa: Nên dùng từ **độc giả** hoặc từ ngữ thuần Việt **người đọc**.

- Dùng từ không đúng nghĩa

Ví dụ: **Tự ti** là một trong những **yếu điểm** của anh ấy.

Ở câu này, người viết dùng sai từ **yếu điểm** (điểm quan trọng).

Cách sửa: Thay từ **yếu điểm** bằng từ **nhược điểm** hoặc **điểm yếu**.

- Dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp

Ví dụ: Những **văn nhân** và **người làm thơ** thời trung đại thường chuộng dùng điển cố.

Ở câu này, việc kết hợp **văn nhân** (từ Hán Việt) và **người làm thơ** (cụm từ thuần Việt) không phù hợp.

Cách sửa: Nên dùng cả hai từ ngữ Hán Việt là **văn nhân** và **thi sĩ** hoặc cả hai từ ngữ thuần Việt là **người viết văn** và **người làm thơ**.

- Dùng từ không phù hợp với phong cách

Ví dụ: *Dạo này sức khoẻ thân mẫu bạn thế nào?*

Đây là câu hỏi giao tiếp thông thường giữa hai người bạn nên cần giản dị, gần gũi hơn là trang trọng, kiểu cách; do đó việc dùng từ Hán Việt là không cần thiết.

Cách sửa: Dùng từ thuần Việt **mẹ** thay cho từ Hán Việt **thân mẫu**.



ĐỌC

Chân trời sáng tạo

Trong lịch sử văn học nước ta, có những tác gia vừa là anh hùng vừa là nghệ sĩ. Là anh hùng, họ cống hiến quên mình cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, viết nên những trang sử đầy tự hào của dân tộc. Là nghệ sĩ, họ say mê sáng tạo cái đẹp điểm tô cho đời. Đó là những người mang cốt cách và tâm hồn Việt Nam, “Lung đeo guom, tay mềm mại bút hoa” (Huy Cận). Trong số các tác gia ấy, người hội tụ hài hoà và tuyệt đẹp hai phẩm chất nêu trên, chính là Nguyễn Trãi. Văn chương ông, cả văn luận chiến lẫn thơ trữ tình, đều kết tinh sinh động tâm hồn, trí tuệ của ông, một anh hùng – nghệ sĩ. Với bài học này, qua việc đọc hiểu những áng văn nghị luận bất hủ và những vần thơ tuyệt tác của Nguyễn Trãi, bạn sẽ có dịp hiểu thêm về sự kết hợp hài hoà giữa phẩm chất nghệ sĩ và cốt cách anh hùng trong thơ văn ông.

BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

Nguyễn Trãi

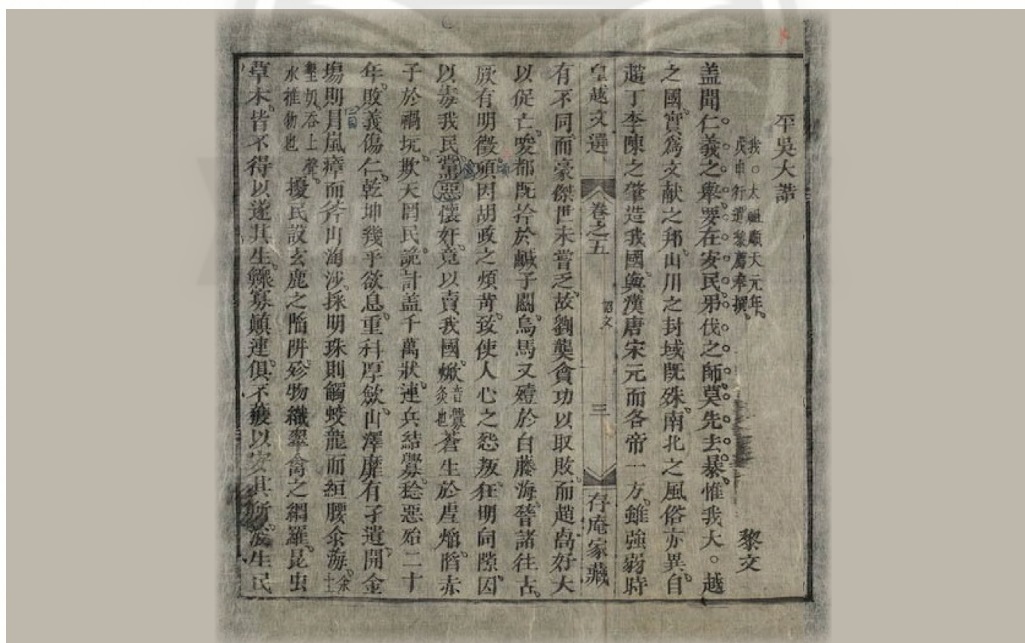
Cáo là một thể văn chính luận cổ vừa có chức năng thông báo vừa có chức năng nghị luận về một vấn đề trọng đại liên quan đến đất nước, dân tộc. Cáo thường được viết theo thể văn biền ngẫu, tức văn xuôi có đối, đọc lên nghe nhịp nhàng, hài hoà, tạo mỹ cảm cao.

Bình Ngô¹ đại cáo là bản tuyên bố trước toàn thể nhân dân về công cuộc kháng chiến chống giặc Minh thắng lợi. Bài cáo được Nguyễn Trãi viết theo lệnh của Lê Lợi, trong đó thể hiện được tâm huyết, ý chí của người lãnh tụ nghĩa quân và cũng là của chính tác giả.

✓ Trước khi đọc

Bạn biết những tác phẩm nào trong văn học Việt Nam gắn với các sự kiện trọng đại, thể hiện sâu sắc tình cảm yêu nước, tự hào dân tộc? Hãy kể tên tác phẩm và tác giả.

✓ Đọc văn bản



Hình: Trang đầu tiên của Bình Ngô đại cáo, nguyên bản chữ Hán, lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước
(Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Bình_Ngô_đại_cáo)

¹ Ngô: Đất Ngô (Trung Hoa) là quê quán của Chu Nguyên Chương, người sáng lập triều đại nhà Minh. Khi khởi nghiệp đánh giặc Nguyên, Chu Nguyên Chương xưng là Ngô quốc công, sau đó xưng là Ngô Vương. "Bình Ngô", do đó, có hàm ý đánh đuổi tận gốc rễ họ Chu – Thái Tổ nhà Minh.

[1] Từng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân;
Quân điếu phạt¹ trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước;
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia;
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập;
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau;
Song hào kiệt thời nào cũng có.
Vậy nên:
Lưu Cung² tham công nên thất bại;
Triệu Tiết³ thích lớn phải tiêu vong.
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô;
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã⁴.
Việc xưa xem xét;
Chứng cứ còn ghi. ¹

Suy luận

¹ Tác giả nêu ra quan niệm về nhân nghĩa ở đầu bài cáo nhằm mục đích gì?

[2] Vừa rồi:

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà;
Để trong nước lòng dân oán hận.
Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa;
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn;
Vùi con đỏ⁵ xuống dưới hầm tai vạ.
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế;
Gây binh kết oán trải hai mươi năm.
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời;
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng;
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu, nước độc.
Vét sản vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng;

¹ *Điếu phạt*: do câu “Điếu dân phạt tội” trong *Kinh Thư*, nghĩa là thương xót dân mà đánh dẹp kẻ có tội.

² *Lưu Cung*: vua Nam Hán, đã sai con là Hoàng Thao đem quân sang xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại.

³ *Triệu Tiết*: tướng nhà Tống, vào đời Lý đã đem quân sang đánh nước ta, bị Lý Thường Kiệt đuổi chạy.

⁴ *Toa Đô, Ô Mã (Ô Mã Nhi)*: hai tướng nhà Nguyên dẫn quân sang xâm lược nước ta đời nhà Trần.

⁵ *Con đỏ*: dịch chữ “xích tử” trong *Kinh Thi*, chỉ người dân bé mọn, yếu ớt như đứa con mới sinh ra, cần phải được yêu thương, bảo vệ.

Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
 Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ;
 Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
 Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán;
 Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa.
 Nặng nề những nỗi phu phen;
 Tan tác cả nghề canh cửi.
 Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội;
 Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.
 Lẽ nào trời đất dung tha,
 Ai bảo thần dân chịu được? ²

Theo dõi

² Giặc Minh đã gây ra những tội ác gì trên đất nước ta?

[3a] Ta đây:
 Núi Lam Sơn dấy nghĩa;
 Chốn hoang dã nương mình.
 Ngầm thù lớn há đội trời chung;
 Cầm giặc nước thề không cùng sống.
 Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời;
 Ném mật nằm gai¹, há phải một hai sớm tối.
 Quên ăn vì giận, sách lược thao² suy xét đã tinh;
 Ngầm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kĩ.
 Những trần trọc trong cơn mộng mị;
 Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi³.
 Vừa khi cờ nghĩa dấy lên;
 Chính lúc quân thù đang mạnh.
 Lại ngặt vì:
 Tuần kiệt như sao buổi sớm;
 Nhân tài như lá mùa thu,
 Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần;
 Nơi duy ác⁴ hiểm người bàn bạc.

¹ *Ném mật nằm gai*: bữa ăn thường ném quả mật đắng để ăn không ngon miệng, đêm ngủ thường nằm trên gai góc để ngủ không yên giấc, chỉ sự rèn luyện ý chí, không hưởng thụ sung sướng mà quên đi nghĩa vụ cần hoàn thành. Câu này lấy từ điển tích Việt Vương Câu Tiễn thất trận bị Ngô Vương Phù Sai cầm tù ném trái nhiều khổ nhục, khi được về nước đã hằng ngày nằm gai ném mật để quyết chí báo thù, rửa nhục.

² *Lược thao*: do chữ “tam lược” (tên bộ sách về mưu kế đánh giặc do Hoàng Thạch Công viết) và “lục thao” (tên bộ sách về binh pháp do Thái Công Vọng viết).

³ *Đồ hồi*: trở về khôi phục cơ đồ sự nghiệp.

⁴ *Nơi duy ác*: duy: cái màn che, ác: tấm màn lớn che cửa; đây chỉ nơi bàn việc quân, nơi ở của tướng chỉ huy.

Tám lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về đông¹;
Cổ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả².

Thế mà:

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn bể khơi;
Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.

Phần vì giận quân thù ngang dọc;

Phần vì lo vận nước khó khăn.

Khi Linh Sơn³ lương hết mấy tuần;

Lúc Khôi Huyện⁴ quân không một đội.

Trời thử lòng trao cho mệnh lớn;

Ta gắng chí khắc phục gian nan.

Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới;

Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào⁵.

Thế trận xuất kì, lấy yếu chống mạnh;

Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều. **3**

Dự đoán

3 Dựa vào những hình ảnh ở cuối đoạn 3a ("Nhân dân... lấy ít địch nhiều"), bạn hãy dự đoán về diễn biến tiếp theo của cuộc khởi nghĩa.

[3b] Trọn hay:

Dem đại nghĩa để thắng hung tàn;

Lấy chí nhân để thay cường bạo.

Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật;

Miền Trà Lân⁶ trúc chẻ tro bay.

Sĩ khí đã hăng;

Quân thanh⁷ càng mạnh.

Trần Trí, Sơn Thọ⁸ nghe hơi mà mất vía;

Lý An, Phương Chính⁹, nín thở cầu thoát thân.

Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh¹⁰ quân ta chiếm lại;

Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô¹¹ đất cũ thu về.

¹ Tiến về đông: Cụm từ lấy từ Hán Thư, trong câu nói của Lưu Bang khi bị Hạng Vũ đẩy vào đất Tây Thục: "Dư diệc dục đông nhĩ, an năng uất uất cửu cư thử hử?" (Ta cũng muốn trở về Đông, sao chịu bó buộc mãi ở chốn này?).

² Dành phía tả: Cụm từ lấy từ điển cố thời Xuân Thu. Tín Lăng Quân nước Ngụy nghe tiếng Hầu Doanh là bậc hiền tài đem xe tới đón, mình ngồi bên hữu (bên phải) để trống bên tả (bên trái) dành cho Hầu Doanh, với ý tôn trọng. Đây ý nói mong mời đón được người hiền tài cùng tham gia chống giặc.

³ Linh Sơn: hay Chí Linh Sơn, tức dãy núi Pù Rinh, nằm ở ranh giới hai huyện Lang Chánh và Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá hiện nay.

⁴ Khôi Huyện: nay là xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá.

⁵ Ý cả câu: lấy từ điển tích xưa có viên tướng giỏi được tặng một bình rượu, bèn đổ xuống dòng sông để ba quân cùng mức uống, tỏ ý tướng sĩ một lòng, đồng cam cộng khổ.

⁶ Bồ Đằng: tên một ngọn núi ở Quỳnh Châu (Nghệ An); Trà Lân: còn gọi là Trà Long, một địa điểm thuộc huyện Con Cuông (Nghệ An).

⁷ Sĩ khí: khí thế của binh sĩ; quân thanh: tiếng tăm của quân đội.

⁸ Trần Trí, Sơn Thọ: các tướng giặc Minh chiếm giữ thành Nghệ An.

⁹ Lý An, Phương Chính: tướng giặc Minh chiếm giữ thành Đông Quan.

¹⁰ Tây Kinh: tức thành Tây Nhai (Thanh Hoá) do nhà Hồ xây dựng.

¹¹ Đông Đô: tức thành Đông Quan (Thăng Long – Hà Nội).

Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm;
Tốt Động¹² thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
Phúc tâm quân giặc: Trần Hiệp đã phải bêu đầu;
Một gian kẻ thù: Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ thế nguy mà đám lửa cháy lại càng cháy;
Mã Anh¹³ cứu trận đánh mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bỏ tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt;
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công¹⁴.
Tuởng chúng biết lẽ ăn năn nên đã thay lòng đổi dạ;
Ngờ đâu vẫn đương mưu tính lại còn chuốc tội gây oan.
Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác;
Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.
Bởi thế:
Thằng nhãi con Tuyên Đức¹⁵ động binh không ngừng;
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng¹⁶ đem dầu chữa cháy.
Đình Mùi tháng chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại;
Năm ấy tháng ấy, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.
Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong;
Ta sau lại sai tướng chặn đường, tuyệt nguồn lương thực.
Ngày mười tám, trận Chi Lăng¹⁷, Liễu Thăng thất thế;
Ngày hai mươi, trận Mã Yên¹⁸, Liễu Thăng cụt đầu.
Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong;
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn.
Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá;
Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau.
Lại thêm quân bốn mặt vây thành;
Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc.
Sĩ tốt kén người hùng hổ;
Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh.
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn;

¹² Ninh Kiều, Tốt Động: tên các xã thuộc huyện Chương Mỹ (nay thuộc Hà Nội).

¹³ Trần Hiệp, Lý Lượng, Vương Thông, Mã Anh: các tướng trong đội viện binh của giặc Minh do Vương Thông chỉ huy kéo sang cứu nguy cho bọn Phương Chính ở thành Đông Quan.

¹⁴ Mưu phạt tâm công: đánh bằng mưu trí và đánh bằng tâm lý.

¹⁵ Tuyên Đức: niên hiệu vua Tuyên Tông nhà Minh.

¹⁶ Thạnh, Thăng: Mộc Thạnh và Liễu Thăng, hai tướng giặc Minh dẫn quân sang cứu viện lần thứ hai.

¹⁷ Chi Lăng: địa điểm thuộc Lạng Sơn, nơi Liễu Thăng thua to.

¹⁸ Mã Yên: tên núi thuộc xã Mai Sơn, Lạng Sơn, nơi Liễu Thăng bị chém đầu.

Voi uống nước, nước sông phải cạn.
 Đánh một trận, sạch không kình ngạc;
 Đánh hai trận, tan tác chim muông.
 Nổi gió to trút sạch lá khô;
 Thông tổ kiến phá toang đê vỡ.
 Đô đốc Thôi Tụ lê gối dâng tờ tạ tội;
 Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.
 Lạng Giang, Lạng Sơn, thầy chất đầy đường;
 Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước.
 Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi!
 Thảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ!
 Bị ta chẹn ở Lê Hoa¹, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật;
 Nghe Thăng thua ở Cần Trạm², quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
 Suối Lãnh Cầu, máu chảy trôi chày, nước sông ghen ngào tiếng khóc;
 Thành Đan Xá³, thầy chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.
 Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp;
 Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng.
 Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng;
 Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh.
 Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc;
 Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run.
 Họ đã tham sống sợ chết mà hoà hiếu thực lòng;
 Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.
 Chẳng những mưu kế kì diệu;
 Cũng là chưa thấy xưa nay. **4**
 [4] Xã tắc từ đây vững bền;
 Giang sơn từ đây đổi mới.
 Càn khôn tắc rồi lại suốt⁴;
 Nhật nguyệt tối rồi lại quang⁵.

Tưởng tượng

4 Bạn hình dung như thế nào về khí thế chiến thắng của nghĩa quân trong đoạn 3b?

¹ Lê Hoa: tên ải, nơi giáp giới giữa Lào Cai và Vân Nam (Trung Quốc).

² Cần Trạm: địa điểm thuộc vùng Kép, Hà Bắc, nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

³ Lãnh Cầu, Đan Xá: hai địa điểm ở gần ải Lê Hoa.

⁴ Ý cả câu: trời đất qua cơn khốn khó đến lúc thông suốt, thuận lợi.

⁵ Ý cả câu: mặt trời, mặt trăng hết lúc mờ tối đến lúc sáng rõ.

Muôn thuở nền thái bình vững chắc;
 Ngàn thu vết nhọc nhã sạch lâu.
 Âu cũng nhờ trời đất tổ tông linh thiêng
 giúp đỡ mới được như vậy.
 Than ôi!
 Một cỗ nhung y¹ chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm;
 Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn.
 Xa gần bá cáo;
 Ai nấy đều hay. 5

Suy luận

5 So với các phần trên, giọng nghị luận ở phần 4 có gì khác biệt?

(Theo bản dịch của Bùi Kỷ, in trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X – XVII*, Đinh Gia Khánh (Chủ biên), NXB Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 363 – 369)

✓ Sau khi đọc

1. Xác định hoàn cảnh ra đời, mục đích viết của bài cáo. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết *Bình Ngô đại cáo* là một văn bản nghị luận?
2. Có người nhận định rằng: *Bình Ngô đại cáo* là một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc và tính chất tuyên ngôn ấy thể hiện rõ ngay trong phần mở đầu của bài cáo. Cho biết ý kiến của bạn về nhận định trên.
3. Chứng minh “nhân nghĩa” trong câu mở đầu: *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân; Quân điếu phạt trước lo trừ bạo* là một tư tưởng quan trọng xuyên suốt cả bài cáo. Lời mở đầu này cùng với những câu văn tiếp theo ở phần 1 có quan hệ nối kết như thế nào với các phần 2, 3a, 3b, 4 trong bài cáo?
4. Dựa vào bố cục của văn bản, hãy tóm tắt các luận điểm chính trong bài cáo và nhận xét về cách tổ chức, sắp xếp hệ thống luận điểm của tác giả. (Có thể dùng lời, bảng biểu hay sơ đồ tư duy).
5. Phân tích cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả trong phần 1 hoặc phần 2 của bài cáo.
6. Phân tích sự kết hợp giữa yếu tố tự sự (lược thuật về sự việc) với nghị luận trong phần 3a (hoặc phần 3b) của bài cáo.
7. Cách sử dụng từ ngữ, các thủ pháp nghệ thuật (liệt kê, đối, ẩn dụ, thậm xưng,...) trong việc xây dựng hình ảnh, tạo nhịp điệu ở bài cáo có tác dụng biểu cảm như thế nào?
8. Nhận xét về sự thay đổi giọng điệu nghị luận của bài cáo qua từng đoạn. Theo bạn, việc xem *Bình Ngô đại cáo* là một “thiên cổ hùng văn” có thoả đáng không? Vì sao?

¹ Nhung y: trang phục tướng lĩnh ngày xưa mặc khi ra trận.

THƯ LẠI DỤ VƯƠNG THÔNG

(Trích *Quân trung từ mệnh tập*)

Nguyễn Trãi

Quân trung từ mệnh tập là một tập hợp các thư từ và mệnh lệnh trong quân đội do Nguyễn Trãi biên soạn trong giai đoạn kháng chiến chống Minh (1418 – 1427) theo lệnh của Bình Định Vương Lê Lợi. Phần chính trong tác phẩm là những bức thư gửi các tướng giặc Minh. Đây là những áng văn luận chiến sắc sảo, đanh thép với lập luận chặt chẽ, phân tích sáng rõ, lời lẽ khi cứng rắn, lúc mềm dẻo linh hoạt, nhằm dụ hàng quân giặc, tránh tổn thất nặng nề cho cả đôi bên.

Thư lại dụ Vương Thông¹ là bức thư số 35 trong *Quân trung từ mệnh tập*, được Nguyễn Trãi viết vào khoảng tháng 2 năm Đinh Mùi (1427) nhằm phân tích tình hình khó khăn của nhà Minh và vạch rõ nguy cơ bại vong của quân giặc nếu vẫn ngoan cố giữ thành chờ viện binh.

✓ Trước khi đọc

Bài thơ *Bảo kính cảnh giới* – bài 56 của Nguyễn Trãi có câu: “Đao bút phải dùng tài đã vẹn”. Hình ảnh “đao bút” đã nói lên quan niệm gì về vai trò của nhà văn và văn chương trong hoàn cảnh đất nước có ngoại xâm?

✓ Đọc văn bản

Kính cần gửi thư tới trước cửa quân của quan Tổng binh cùng các vị đại nhân.

Kể ra người dùng binh giỏi là ở chỗ biết rõ thời thế mà thôi. Được thời có thể thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất thời thất thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển nguy. Sự thay đổi ấy chỉ trong khoảnh khắc trở bàn tay mà thôi. Nay các ông không hiểu rõ thời thế, lại trang sức bằng lời dối trá, thế chẳng phải là bọn thất phu hèn kém ư? Sao đáng để cùng bàn việc binh được? ¹

Theo dõi

¹ Những từ nào được nhắc lại nhiều lần trong đoạn này? Điều đó có ý nghĩa gì?

Trước đây bề ngoài thì giả cách giảng hoà, bên trong ngầm mưu gian trá, cứ đào hào đắp lũy, ngồi đợi viện binh, tâm tích không minh bạch, trong ngoài lại khác nhau, sao có thể khiến tôi tin tưởng mà không nghi ngờ cho được. Cổ nhân có nói: “Bụng dạ người khác ta lường đoán biết”, nghĩa là thế đó. Xưa kia, Tần thôn tính sáu nước, chế ngự bốn phương, mà đức chính không sửa, nên thân mất nước tan.

¹ *Vương Thông*: Tổng binh Vương Thông, tướng giặc Minh, do vua nhà Minh sai dẫn 5 vạn quân sang cứu viện cho quân giặc trong thành Đông Quan. *Dụ*: khuyên bảo, thuyết phục. *Thư lại dụ Vương Thông*: thư thuyết phục Vương Thông một lần nữa.

Nay Ngô mạnh không bằng Tần, mà hà khắc lại quá, không đầy mấy năm nổi nhau mà chết, ấy là mệnh trời, không phải sức người vậy. Huống nay phương bắc có giặc Đại Nguyên, phía nam lo nội loạn các xứ Tầm Châu, một vùng Giang Tả còn không tự giữ xong, huống lại mưu đồ sang nước khác ư? Các ông không hiểu sự thế, bị người đánh thua, lại còn chực mượn cái oai Trương Phụ¹, thế là đáng đại trượng phu chăng? (...) Sự thế ngày nay, cho dầu ngôi cao² có đem quân cả nước sang chẳng nữa, cũng chỉ thúc nhanh sự bại vong mà thôi, huống là Trương Phụ chỉ tự đến nộp mạng thì đâu có gì đáng nói! Xưa Hán Chiêu Liệt³, chỉ là chi nhánh đời xa của họ Lưu, mà Khổng Minh làm cho đại nghiệp phục hưng được, huống hồ con cháu vua Trần, mệnh trời đã cho, lòng người đã theo, thì Ngô làm sao có thể cướp được! Vả kẻ hào kiệt ngày xưa, chưa gặp thời thì ẩn, thấy thời cơ thì trỗi dậy. Cho nên Y Doãn⁴ là người cày ruộng ở đồng Sần, Thái Công là kẻ câu cá ở sông Vị, rồi sau một người thì làm vương tá, một người thì làm đế sư, đấy là người cao quý chăng? Là người bần tiện chăng? Còn như Mộ Dung nước Yên, Thạch Lặc nước Triệu, đó là người Trung Quốc chăng? Hay là người man rợ chăng? Ngấm kĩ lời các ông nói, thật là lời nói của tiểu nhân man rợ chứ không phải là lời nói của người Trung Quốc vậy. ②

Suy luận

② Tác giả nhắc đến những chuyện xưa nhằm mục đích gì?

Nay sức hết kế cùng, quân sĩ nhọc mệt, trong thiếu lương thực, ngoài không viện binh, bấp bênh cụm đất nhỏ nhoi, nghỉ tạm cái thành trợ trợ, há chẳng phải như thịt trên thớt, cá trong nồi sao? Thế mà lại còn muốn lừa dối dân nước tôi, dụ dỗ những điều phi nghĩa. Họ là những kẻ trung thần nghĩa sĩ, ngay cả khi thời cùng vận khốn, ném mật nằm gai, cũng còn chẳng chịu mưu đồ kia khác, lẽ nào ngày nay lại đi tin nghe những lời bất nghĩa của bọn các ông hay sao? Chỉ e người Nam trong thành nhớ mền chủ cũ, cũng như người Ngô ở đây không kham nổi khốn khổ, họ sẽ cùng hòa hạp lại các ông rồi dẫn nhau ra hàng, giống như Trương Phi, Lã Bố⁵, lại bị chính bộ hạ giết hại, đó là lẽ tất nhiên thôi. Nay ở các thành, từ Đô ti trở xuống, đều căm giận bọn các ông đã lừa dối họ, ai cũng buông lời oán thán. Hoặc đã có người hiến kế hạ thành, lại có kẻ trèo lũy trốn ra ngoài, chế tạo chiến cụ, sửa đóng xe thang. Bọn người đang bị khốn ấy lại sẽ giết lẫn nhau, hà tất phải đợi đến quân sĩ của tôi nữa. Nay tính họ các ông thì có sáu điều phải thua. Nước lũ mùa hạ chảy tràn, cầu sàn, rào lũy sụp lở, củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết quân ốm. Đó là điều phải thua

¹ Trương Phụ: viên tướng nhà Minh mượn tiếng sang giúp nhà Trần diệt nhà Hồ để cướp nước ta.

² Ngôi cao: dịch chữ Hán "thượng vị", chỉ vua nhà Minh.

³ Hán Chiêu Liệt: tức Lưu Bị, vốn là dòng dõi nhà Hán, được Khổng Minh (Gia Cát Lượng) giúp đánh lại Tào Tháo, lấy Kinh Châu, bình định Ích Châu, lập nên nước Thục, là một trong ba nước thời Tam Quốc.

⁴ Y Doãn: công thần của nhà Thương. Trước ông cày ruộng ở Hữu Sần, vua Thành Thang nghe tiếng ba lần đem lễ vật đến đón mời, ông mới ra giúp đánh bại vua Kiệt nhà Hạ, lập nên nhà Thương.

⁵ Trương Phi, Lã Bố: hai dũng tướng thời Tam Quốc ở Trung Hoa, đều bị bộ hạ giết.

thứ nhất. Xưa Đường Thái Tông bắt Kiến Đức mà Thế Sung ra hàng¹. Nay các con đường, cửa ải xa xôi hiểm trở đều bị binh lính và voi chiến của tôi đồn giữ, nếu viện binh có đến, thì cũng muôn phần tất phải thua; viện binh đã thua, bọn các ông tất bị bắt. Đó là điều phải thua thứ hai. Quân mạnh ngựa khoẻ nay đều đóng cả ở biên giới phía bắc để phòng bị quân Nguyên, không rỗi nhìn đến miền nam. Đó là điều phải thua thứ ba. Luôn luôn động binh đao, liên tiếp bày đánh dẹp, dân sống không yên, nhao nhao thất vọng. Đó là điều phải thua thứ tư. Gian thần chuyên chính, bạo chúa giữ ngôi, người cốt nhục hại nhau, chốn cung đình sinh biến². Đó là điều phải thua thứ năm. Nay tôi dấy nghĩa binh, trên dưới cùng lòng, anh hùng hết sức, quân sĩ càng luyện, khí giới càng tinh, vừa cày ruộng lại vừa đánh giặc. Còn quân sĩ trong thành thì đều mỗi một, tự chuốc bại vong. Đó là điều phải thua thứ sáu. **3**

Theo dõi

3 Chỉ ra các nguyên nhân tác giả cho rằng quân giặc tất yếu phải thua.

Nay giữ cái thành còn con để chờ sáu điều tất bại, tôi lấy làm tiếc cho các ông lắm! Người xưa có câu: “Nước xa không cứu được lửa gần”. Giá viện binh có đến, cũng chẳng ích gì cho sự bại vong. Trước Phương Chính, Mã Kỳ chuyên làm điều hà khắc bạo ngược, dân chúng lầm than, thiên hạ oán thán. Đào phần mộ ở làng ấp tôi, bắt vợ con của dân tôi, người sống bị hại, người chết ngậm oan. Nếu các ông biết xét kỹ sự thế, nhận rõ thời cơ, chém lấy đầu Phương Chính, Mã Kỳ đem nộp trước cửa quân, thì sẽ tránh cho người trong thành khỏi bị giết, hàn gắn vết thương trong nước, hoà hảo lại thông, can qua dứt hẳn. Như muốn kéo quân về nước, thì cầu đường sửa sang, thuyền ghe sắm đủ, thuỷ bộ hai đường, tùy theo ý muốn, đưa quân ra côi, yên ổn muôn phần. Tôi sẽ giữ phận bề tôi, không thiếu chức cống. Nếu như không nghe theo như thế, thì nên chinh quân bày trận, giao chiến với tôi ở chốn đồng bằng, quyết một trận được thua, để xem khéo vụng, chứ không nên ở chúi trong xó hang cùng (...) mà mang cái nhục khăn yếm³ như thế! **4**

Suy luận

4 Giải pháp tác giả đưa ra hợp lý như thế nào cho cả đôi bên?

(Phan Duy Tiếp dịch, Nguyễn Văn Nguyên hiệu đính, in trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, quyển I, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học, 1999, tr. 544 – 547)

¹ Thời nhà Đường, Lý Thế Dân (sau lên ngôi tức Đường Thái Tông) vây đánh Vương Thế Sung; Đậu Kiến Đức đem quân đến cứu Thế Sung. Lý Thế Dân bắt được Kiến Đức, vì vậy Thế Sung phải đầu hàng.

² Sau khi Minh Thái Tổ chết, cháu là Chu Doãn Văn lên nối ngôi (Huệ Tông) được 4 năm thì con của Thái Tổ là Yên Vương Chu Đệ đem quân đánh đuổi mà cướp ngôi, tức Thành Tổ. Đến đời Tuyên Tông (cháu của Thành Tổ), Hán Vương Chu Cao Hú (con của Thành Tổ) lại làm phản. Tuyên Tông đem quân đi đánh, bắt được Cao Hú, giết hết cả nhà.

³ *Cái nhục khăn yếm*: khăn yếm là trang phục của phụ nữ. Cái nhục khăn yếm chỉ việc người nam nhi mạnh mẽ mà phải chịu xấu hổ khi cư xử nhút nhát, yếu đuối như phụ nữ.

✓ Sau khi đọc

1. Cho biết mục đích và đối tượng của bức thư. Việc tác giả chọn cách nghị luận dưới hình thức một bức thư có tác dụng như thế nào?
2. Trong đoạn trích dưới đây, câu văn nào nêu luận điểm, câu văn nào nêu lí lẽ, bằng chứng?

Kể ra người dùng binh giỏi là ở chỗ biết rõ thời thế mà thôi. Được thời có thể thì mất biển thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất thời thất thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển nguy. Sự thay đổi ấy chỉ trong khoảnh khắc trở bàn tay mà thôi. Nay các ông không hiểu rõ thời thế, lại trang sức bằng lời dối trá, thế chẳng phải là bọn thất phu hèn kém ư? Sao đáng để cùng bàn việc binh được?

3. Ở phần 2, tác giả nhiều lần vạch rõ sự giả trá, gian dối của quân Minh và cho rằng như thế là trái với “mệnh trời”. Hãy dẫn ra một số từ ngữ, câu văn cho thấy điều đó. Theo bạn, vì sao việc nói đến “mệnh trời” lại cần thiết trong bức thư này?
4. Khái quát những nguyên nhân thất bại tất yếu của quân Minh mà tác giả đã vạch rõ trong phần 3. Điều gì đã tạo nên tính chất đánh thép, quyết đoán trong phần này?
5. Trong đoạn 4, tác giả đã gọi ra cho Vương Thông những lựa chọn nào? Từ đó, bạn hiểu gì về cách ứng xử của Nguyễn Trãi, Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn?
6. Nêu những lưu ý trong cách đọc hiểu văn bản nghị luận mà bạn rút ra được sau khi đọc *Thư lại dụ Vương Thông* của Nguyễn Trãi. Nhận xét về nghệ thuật viết văn nghị luận của Nguyễn Trãi.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

BẢO KÍNH CẢNH GIỚI – BÀI 43

Nguyễn Trãi

Bài thơ được trích trong *Quốc âm thi tập* (tập thơ Nôm gồm 254 bài) của Nguyễn Trãi. Chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* (*Gương báu răn mình*) trong tập thơ trên có 61 bài, đây là bài thứ 43.

Bài thơ được viết theo thể Đường luật thất ngôn xen lục ngôn. Đây là thể thơ được Việt hoá, xuất hiện từ đời Trần và được phát triển phong phú với nhiều sáng tạo trong thơ Nôm Nguyễn Trãi.

✓ Đọc văn bản

Rồi¹ hóng mát thuở ngày trường,
Hoè lục đùn đùn tán rợp giương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tận² mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi³ cầm ve lầu tịch dương.
Lẽ có Ngu cầm⁴ đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi⁵ phương.

(In trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập III, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 1025)

✓ Sau khi đọc

1. Nhận xét về cách quan sát và miêu tả bức tranh ngày hè của Nguyễn Trãi (qua việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh, huy động các giác quan,...).
2. Chỉ ra nét đặc sắc của bài thơ qua một số yếu tố hình thức nghệ thuật như: cách gieo vần, số tiếng, cách ngắt nhịp trong các dòng thơ (chú ý dòng thơ đầu, dòng thơ cuối) và tác dụng của chúng trong việc thể hiện cảm xúc của chủ thể trữ tình.
3. Chỉ ra mạch cảm xúc của tác giả trong bài thơ. Từ đó nhận xét về đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra lỗi dùng từ Hán Việt trong những câu sau đây. Giải thích về những lỗi ấy và sửa lại cho đúng:
 - a. *Song thân của thằng bé ấy đều làm công nhân ở xí nghiệp in.*
 - b. *Ông ấy vừa giỏi về cơ khí lại vừa giỏi về kinh doanh, thật là tài hoa.*
 - c. *Sáng mai, các bạn tập hợp đúng giờ nhé.*
 - d. *Đọc sách nơi không đủ ánh sáng dễ làm giảm sút thị giác.*
 - đ. *Chú tôi thường lợi dụng những vật phế thải để tạo nên những món đồ trang trí xinh xắn.*

¹ Rồi: từ Nôm cổ, nghĩa là rồi rãi.

² Tận: từ Nôm cổ, nghĩa là hết.

³ Dắng dỏi: inh ỏi.

⁴ Ngu cầm: cây đàn của vua Ngu, tức vua Ngu Thuấn, một vị minh quân thời cổ đại Trung Quốc. Theo truyền thuyết, vua Ngu Thuấn có khúc hát *Nam phong*, trong đó có câu: "Nam phong chi thì hể, khả dĩ phụ ngô dân chi tài hể" (Gió nam thuận thì có thể làm cho dân ta thêm nhiều của). Cả câu ý nói: ước chi có được cây đàn vua Ngu Thuấn để đàn một khúc *Nam phong* khiến cho gió hoà mưa thuận, mùa màng sung túc, dân được no ấm.

⁵ Đòi: từ Nôm cổ, nghĩa là nhiều.

- e. Nông nghiệp và nghề đánh cá nước ta phát triển mạnh ở quý III năm nay.
- ê. Năm mới cháu chúc ông luôn được an khang và bách niên giai lão.
- g. Hoa xuân đua nở tận trang cho đời thêm những sắc màu tươi thắm.
- h. Cảnh vật nơi đây trông rất kiêu diễm.

2. Chọn từ Hán Việt ở cột B có ý nghĩa tương đương với từ ngữ hoặc cách nói ở cột A (làm vào vở):

A	B
1. non sông đất nước	a. phong vân
2. yêu thương người và chuộng lẽ phải	b. hiếu sinh
3. tự mình làm chủ, không phụ thuộc vào người khác	c. hào kiệt
4. người có tài năng, chí khí hơn người	d. kì diệu
5. chạy vạy nhọc nhằn để lo toan việc gì đó	đ. cầu hiền
6. mong tìm được người tài đức	e. bồn tẩu
7. gió mây	ê. giang sơn
8. yêu thương, trân trọng sự sống	g. nhân nghĩa
9. lạ và hay khác thường	h. duy tân
10. đổi mới	i. độc lập

3. Thay thế các câu sau đây bằng các câu có dùng từ Hán Việt sao cho tương đồng về ý nghĩa và trang nhã hơn:

- a. Ăn uống ở Việt Nam có rất nhiều thứ.
- b. Tổng thống Pháp và vợ sẽ đến thăm chơi nước ta vào khoảng từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 11 năm nay.
- c. Bẻ bông, giẫm lên cỏ trong vườn hoa chung, xả rác nơi ở chung là hành động cần phải dẹp bỏ.
- d. Người đứng đầu các nước đều bày tỏ sự lo sợ trước tình hình làm ăn buôn bán đang có nhiều thay đổi rắc rối hiện nay.
- đ. Tiền công viết báo của ông ấy rất cao.
- e. Anh ấy bảo tôi thay anh ấy làm hết những giấy tờ này.
- ê. Nền kinh tế nước ấy đã mạnh trở lại và từ chỗ đi sau dần trở thành đi trước.
- g. Các nghĩa sĩ Cần Giuộc đã bạo dạn đánh vào đồn giặc Pháp, không sợ chết chóc.
- h. Những điều ông ấy nói trong cuộc họp đã bị nhiều người chống lại.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nhận xét về tài năng văn chương của Nguyễn Trãi.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VÀ TÁC GIẢ

Văn bản đọc mở rộng 1

DỤC THUYẾT SƠN

Nguyễn Trãi

Hải khẩu hữu tiên san,
Niên tiền lũ vãng hoàn.
Liên hoa phù thủy thượng,
Tiên cảnh truy nhân gian.
Tháp ảnh trâm thanh ngọc,
Ba quang kính thủy hoàn.
Hữu hoài Trương Thiếu bảo¹,
Bi khắc tiến hoa ban.

(In trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập I, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học, Hà Nội, 1999, tr. 42)

Cửa biển có ngọn núi tiên,
Năm trước thường đi về.
Hoa sen nổi trên mặt nước,
Cảnh tiên sa xuống cõi trần.
Bóng tháp như cài chiếc trâm ngọc xanh,
Ánh sáng trên sóng soi gương búi tóc biếc,
Chạnh nhớ quan Thiếu bảo họ Trương,
Tấm bia khắc nay đã lốm đốm hoa rêu.

¹ *Trương Thiếu bảo*: Thiếu bảo là một chức quan ở đời Trần. Trương Thiếu bảo tức Trương Hán Siêu, một danh sĩ đời Trần, quê ở Ninh Bình, ông có bài thơ nổi tiếng về Dục Thúy sơn được khắc bên sườn núi.

Dịch thơ:

Cửa biển có non tiên
Từng qua lại mấy phen
Cảnh tiên rơi cõi tục
Mặt nước nổi hoa sen
Bóng tháp hình trâm ngọc
Gương sông ánh tóc huyền
Nhớ xưa Trương Thiếu bảo
Bia khắc dấu rêu hoen¹

(In trong *Thơ văn Nguyễn Trãi*, Khuông Hữu Dụng dịch, NXB Giáo dục, 1980)

Hướng dẫn đọc

1. Núi Dục Thuý được miêu tả với vẻ đẹp như thế nào? Chỉ ra cách miêu tả độc đáo của tác giả trong hai câu thực của bài thơ.
2. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong hai câu luận? Những hình ảnh “trâm thanh ngọc”, “kính thuý hoàn” có tác dụng biểu cảm ra sao?
3. Chỉ ra mạch cảm xúc của tác giả trong bài thơ. Vì sao ở hai câu kết tác giả nhắc đến Trương Thiếu bảo? Điều này có ý nghĩa gì?
4. Hình ảnh nào trong bài thơ để lại trong bạn ấn tượng sâu sắc nhất?

Văn bản đọc mở rộng 2

NGUYỄN TRÃI – NHÀ NGOẠI GIAO, NHÀ HIỀN TRIẾT, NHÀ THƠ²

A-ma-đu Ma-ta Mơ Bâu³

Theo đề nghị của Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam, Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) đã quyết định ghi tên Nguyễn Trãi vào danh sách những danh nhân thế giới được kỉ niệm trọng thể năm sinh, trong năm 1980. Việc tổ chức lần thứ 600 năm sinh của nhà thơ cổ điển này của Việt Nam chứng tỏ những cố gắng của UNESCO nhằm đưa vào di sản thế giới những đại biểu ưu tú nhất của mỗi nền văn hoá dân tộc. Thật vậy, thời đại chúng ta là thời đại đầu tiên trong lịch sử lấy toàn bộ những biểu tượng tinh thần hay vật chất, văn học hay nghệ thuật của thế giới làm một di sản không thể chia cắt của nhân loại.

¹ Bia nói ở đây là bài văn bia *Dục Thuý sơn Linh Tế tháp kí* do Trương Hán Siêu viết năm 1343 dưới đời Trần Dụ Tông, khắc ở tháp Linh Tế trên núi sau khi tháp được xây dựng lại (tháp đã có từ đời Lý nhưng qua thời gian đã bị hư hại).

² Nhan đề bài viết do nhóm biên soạn đặt.

³ Amadou – Mahtar M' Bow, Tổng Giám đốc UNESCO giai đoạn 1974 – 1987.

Các nhà thơ của một đất nước thường là sứ giả của dân tộc họ. Họ càng xứng đáng với danh hiệu ấy khi, hàng thế kỉ sau lúc họ qua đời, những điều gửi gắm của họ, đêm đêm vẫn thức dậy trong tâm trí của những thế hệ nối tiếp. Đó chính là vai trò dành cho sự nghiệp của Nguyễn Trãi trong lịch sử Việt Nam. Tiếng nói của ông vẫn nguyên vẹn trong đó, một cách tuyệt diệu, tiếng nói “của một nhà yêu nước vĩ đại, da diết trong lòng Tổ quốc mình.”.

Nhà thơ Việt Nam, đồng thời là một thành viên kiệt xuất của cộng đồng loài người ấy, để lại cho chúng ta bài học gì? Có nên phân biệt tách bạch ở ông nhà ngoại giao, nhà hiền triết và nhà thơ không?

Những người chuyên nghiên cứu tác phẩm của Nguyễn Trãi khẳng định rằng không thể tiến hành một sự cắt xén trong công trình của ông. Mỗi thành tố trong bộ óc sớm uyên thâm của ông gắn liền với những thành tố khác: nhà thơ không tách khỏi nhà ngoại giao; nhà triết học, khỏi nhà chính trị; nhà đạo đức học, khỏi nhà hành động. Cuộc đời và sự nghiệp của ông, hành vi và tư tưởng của ông cùng tiến triển và chín muồi cho tới lúc cùng hoàn mãn, theo những đòi hỏi của thế kỉ XV ở Việt Nam.

Nguyễn Trãi sống từ 1380 đến 1442. Vào thời kì này, Việt Nam đã là một quốc gia lâu đời với những tín ngưỡng, phong tục, thể chế, văn học và nghệ thuật biểu thị một cá tính dân tộc đặc thù. Sinh ra trong một gia đình nhà nho, Nguyễn Trãi đỗ tiến sĩ năm hai mươi tuổi. Lúc trẻ, ông đưa tài năng phục vụ triều đại nhà Hồ. Nhưng sau khi nhà Hồ thất bại, ông toàn tâm toàn ý gắn bó với triều đại của vua Lê Lợi.

Viết theo một văn phong cực kì giản dị, *Quân trung từ mệnh tập* biểu thị sáng chói cơ sở tư tưởng của Nguyễn Trãi. Đối với ông, “đạo làm tướng phải lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm nền”¹. Nguyễn Trãi đưa vào “binh thư” truyền thống một phạm vi đặc biệt, bộc lộ tầm rộng lớn của quan điểm nhân đạo của ông: đó là khái niệm “đánh vào lòng người”. Theo ông, vây hãm thành trì cũng quan trọng như tấn công bằng tinh thần, khiến kẻ địch phải hổ thẹn về hành động chiến tranh của chúng và mở ra cho chúng một lối thoát để cứu vãn danh dự.

Cũng chính những tình cảm nhân nghĩa này đặc trưng cho quan niệm của Nguyễn Trãi về nhân dân. Từ buổi thiếu thời, dưới ảnh hưởng của thân sinh ông – Nguyễn Phi Khanh, một nhà nho lỗi lạc – Nguyễn Trãi đã tập hiểu biết và yêu mến nhân dân, không ngừng lo lắng nỗi niềm lo lắng của dân. Ông viết:

Lo trước bình sinh ôm một chí,

Thức chong ngồi lạnh chỉ ôm chiêm².

Ông hết lòng nâng niu năng lực sáng tạo của nhân dân, mà ông thường ví như “sức nước chở được thuyền mà cũng có thể lật úp được thuyền”³. Bao giờ ông cũng nói tới nhân dân với một niềm ưu ái đặc biệt, trong văn xuôi, cũng như trong thơ ca.

¹ *Thư gửi Phương Chính – Nguyễn Trãi toàn tập*, NXB Khoa học Xã hội, 1976.

² *Hải khẩu dạ bạc hữu cảm* (Cảm xúc đêm đậu thuyền ở cửa biển) – *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

³ *Chiếu về việc làm bài “Hậu tự huấn” để răn bảo Thái tử* – *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

Ở Nguyễn Trãi, niềm ưu ái ấy – vốn là cái nguồn khích lệ cuộc đời chịu đựng thiếu thốn và hi sinh của ông – kết hợp với một quan điểm khoáng đạt về thiên nhiên, như hai câu thơ dưới đây bộc lộ:

*Đêm vắng tựa không xem tạo biển,
Gió thu thừa hứng cười kình bơi¹.*

Ở Việt Nam, người ta thường xem bài *Đại cáo bình Ngô* là kiệt tác của Nguyễn Trãi. Đây là một tác phẩm sử thi lớn, trong đó ngày nay người Việt Nam vẫn còn tìm thấy một cách xúc động một trong những ngọn nguồn tươi mát nhất của cá tính dân tộc. Ngay từ những câu đầu tiên, Việt Nam được giới thiệu và ca ngợi với tất cả những gì tạo nên tính đặc thù của đất nước:

*Xét như nước Đại Việt ta,
Thật là một nước văn hiến.
Bờ cõi non sông đã riêng,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.*

Ngoài *Quân trung từ mệnh tập* nổi tiếng và *Dur địa chí* – một tiểu luận địa lí học xưa nhất của Việt Nam – ngoài thơ bằng tiếng Hán cổ, Nguyễn Trãi còn có một tập thơ 254 bài viết bằng tiếng Việt. Cùng với ý nghĩa trữ tình thực sự của những viên ngọc này, là giá trị to lớn của chúng trên các bình diện ngữ văn học, ngôn ngữ học và tu từ học [...].

Trong những ngày cuối cùng, sau khi làm tròn bổn phận, Nguyễn Trãi, nhà hiền triết hơn là nhà thơ, về ẩn ở Côn Sơn, mảnh đất thanh bình đã từng để lại dấu ấn cho quãng đời niên thiếu của ông. Đề tài chủ yếu trong thơ ông là vẻ đẹp của nơi ẩn dật, niềm vui bốn mùa trong cảnh trí xung quanh. [...] Ông tự ví mình như một chiếc thuyền con bị những sự nhiễu nhương trên vũ đài chính trị vùi dập:

*Thuyền mọn còn chèo chằng khúng đỗ,
Trời ban tối ước về đâu².*

Phía sau cái giọng ưu tư và thất vọng ấy, đó đây lại nổi lên niềm phấn chấn của một cá tính ít cam chịu nhần nhục:

*Bui một tắc lòng ưu ái cũ,
Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông³.*

Con thuyền “ưu ái cũ” ấy, một sáng sớm, đã tan vỡ ở Lệ Chi viên, gần Côn Sơn. Là nạn nhân của những mưu đồ đen tối, Nguyễn Trãi bị hành hình cùng với hầu hết gia tộc [...].

Sáu trăm năm sau, nổi thao thức canh cánh của nhà hành động và nhà thơ Nguyễn Trãi vẫn là nổi thao thức canh cánh bên lòng của tất cả những người yêu công lí và nhân đạo trên đời này.

(Nguyễn Trọng Định dịch, in trong *Nguyễn Trãi – Về tác gia và tác phẩm*, Nguyễn Hữu Sơn (tuyển chọn và giới thiệu), NXB Giáo dục, 1999, tr. 1023 – 1026)

¹ *Chu trung ngẫu thành, II* (Ngẫu nhiên làm trong thuyền, bài 2) – *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

² *Ngôn chí – bài 13* (Quốc âm thi tập) – *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

³ *Thuật hứng – bài 5* (Quốc âm thi tập) – *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

Hướng dẫn đọc

1. Theo bạn, chủ đề của văn bản và quan điểm của tác giả thể hiện tập trung ở câu văn nào trong bài?
2. Chỉ ra mạch lập luận của văn bản (có thể sử dụng sơ đồ).
3. Chỉ ra những yếu tố biểu cảm của văn bản.
4. Xác định ý nghĩa của văn bản trên.
5. Tìm một số từ ngữ, câu văn trong văn bản, nhất là ở đoạn cuối, thể hiện tình cảm của tác giả đối với Nguyễn Trãi.



VIẾT

VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm là kiểu bài nghị luận dùng lí lẽ và bằng chứng để chỉ ra sự sai trái và tác hại của một thói quen hay quan niệm nhằm giúp họ từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nêu rõ thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; mục đích lí do viết bài luận.
- Trình bày các luận điểm: tác hại của thói quen/ quan niệm, lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm, những gợi ý về giải pháp thực hiện.
- Sử dụng lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục, có lí, có tình.
- Sắp xếp luận điểm, lí lẽ theo trình tự hợp lí.
- Diễn đạt mạch lạc, gãy gọn, lời lẽ chân thành.
- Bố cục bài luận gồm 3 phần:

Mở bài: nêu thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; lí do hay mục đích viết bài luận.

Thân bài: lần lượt đưa ra ít nhất hai luận điểm (lí lẽ, bằng chứng) làm rõ mặt trái và tác hại của thói quen hay quan niệm; nêu lợi ích/ giải pháp khắc phục, từ bỏ thói quen hay quan niệm.

Kết bài: khẳng định lại ý nghĩa, lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm; thể hiện niềm tin vào sự cố gắng và thành công của người thực hiện.

Bài văn thuyết phục bạn từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động

Bạn thân mến, Sác-lơ Điu-hít (Charles Duhigg), tác giả của cuốn sách *Sức mạnh của thói quen* cho rằng: “Thói quen định hình cuộc sống của chúng ta theo cách ta khó có thể hình dung được”. Quả vậy, có những thói quen tốt giúp ta học tập hiệu quả, giao tiếp thành công, và cũng có những thói quen xấu gây ra nhiều tác hại cho cuộc sống của chúng ta. Nhân phong trào “Cùng nhau tiến bộ” mà nhà trường phát động, mình viết bài này trao đổi đôi điều suy nghĩ với bạn để chúng ta cùng nhau từ bỏ một thói quen có hại, đó là thói quen lạm dụng điện thoại di động. ^[1]

Lạm dụng điện thoại di động là sử dụng điện thoại di động một cách thiếu kiểm soát, gây ảnh hưởng đến cuộc sống. Không chỉ mình và bạn, mà còn nhiều bạn trẻ khác đang lạm dụng điện thoại mà có khi bản thân không nhận ra điều đó. Chẳng hạn, không khó để bắt gặp hình ảnh các bạn trẻ lúc nào cũng chăm chú vào màn hình điện thoại, bất kể thời gian, nơi chốn, dù là đang đi bộ trên đường, ngồi chờ ở trạm xe buýt. Ở trong lớp học, các bạn ấy không chú ý nghe giảng mà lén lút sử dụng điện thoại di động để lên mạng, hoặc chơi điện tử. Thậm chí, hai, ba giờ sáng các bạn ấy vẫn chăm chú vào màn hình điện thoại để theo dõi những dòng cập nhật trên mạng xã hội. Những hình ảnh ấy không xa lạ gì với chúng ta, phải không bạn? Bởi chúng ta cũng đã từng như vậy. Chúng ta cần từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động, bởi đây là thói quen gây ra rất nhiều tác hại nghiêm trọng. ^[2a]

Trước hết, việc lạm dụng điện thoại di động khiến chúng ta mất tập trung trong giờ học, từ đó ảnh hưởng đến kết quả học tập. Bạn thử nghĩ xem, nếu trong lớp ta không nghe giảng mà chỉ chú tâm vào màn hình điện thoại để chơi điện tử hay lướt web, thì liệu ta có thể nắm bài được không? Vì những thú vui vô bổ mà để kết quả học tập sa sút thì thật đáng tiếc, phải không bạn? ^[2b]

Bên cạnh đó, việc lạm dụng điện thoại di động ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của chúng ta. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình điện thoại gây tổn thương mắt, từ đó dẫn đến chứng mỏi mắt, chóng mặt, suy giảm thị lực. Hơn nữa, việc sử dụng điện thoại di động thiếu kiểm soát sẽ dẫn đến rối loạn giấc ngủ. Trong cuốn sách *Thiện, ác và smartphone*, Tiến sĩ Đặng Hoàng Giang đã đề cập đến hội chứng “sợ bỏ lỡ thông tin”, nguyên nhân khiến người sử dụng không thể rời mắt khỏi màn hình điện thoại. Hệ quả là, những thông tin liên tục đổ vào tâm trí khiến chúng ta khó ngủ, thức khuya để xem điện thoại. Lâu dần, chúng ta sẽ bị thiếu ngủ, sức khỏe bị suy kiệt, tâm trí không còn được tỉnh táo nữa. ^[2c]

Ngược lại, nếu ta từ bỏ được thói quen lạm dụng điện thoại di động, tức là sử dụng một cách có ý thức, đúng nơi, đúng lúc, thì chiếc điện thoại

[1]: Nêu vấn đề (thói quen có hại): lạm dụng điện thoại di động.

[2a]: Giải thích khái niệm làm cơ sở cho việc đưa ra các luận điểm.

[2b]: Những tác hại:
Tác hại đến kết quả học tập.

[2c]: Những tác hại:
Tác hại đến sức khỏe.

di động lại trở thành công cụ hữu ích cho cuộc sống của chúng ta. Điều này chắc bạn cũng đã biết, nhờ có chiếc điện thoại thông minh mà chúng ta có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin, phục vụ học tập. Các ứng dụng trên điện thoại di động cũng giúp ích cho chúng ta rất nhiều trong việc soạn thảo văn bản, chụp ảnh, dựng phim, phục vụ đắc lực cho các bài thuyết trình trên lớp. Để phát huy tối đa công dụng của chiếc điện thoại thông minh và giảm thiểu các tác hại, ta cần sử dụng một cách tự chủ, tránh để bản thân phụ thuộc vào nó. ^[2d]

[2d]: Ích lợi của việc từ bỏ thói quen.

Vậy làm thế nào để khắc phục thói quen lạm dụng điện thoại di động? Mình đã thử và thấy những cách sau hiệu quả với bản thân. Mình xin chia sẻ ở đây, biết đâu các giải pháp tôi đưa ra sẽ hữu ích với bạn. Trước hết, ta cần giới hạn thời gian sử dụng điện thoại trong ngày bằng cách lên kế hoạch cụ thể các công việc cần làm trong ngày. Đối với những công việc không cần sử dụng điện thoại, ta tránh để điện thoại bên mình. Khi đi học, trừ trường hợp sử dụng điện thoại để thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, ta nên tắt nguồn điện thoại và bỏ vào trong cặp. ^[2e]

[2e]: Giải pháp khắc phục thói quen có hại.

Để tránh ảnh hưởng giấc ngủ, ta tránh sử dụng điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác khoảng hai tiếng trước khi ngủ. ^[2e]

Bạn thân mến, việc điều chỉnh thói quen sử dụng điện thoại di động ban đầu có thể rất khó khăn, nhưng mình tin bằng sự quyết tâm, kiên trì bạn sẽ làm được. Nếu cần, mình sẽ hỗ trợ bạn. Mình tin rằng việc từ bỏ thói quen xấu này là bước khởi đầu cho những thành công trong tương lai. Chúng ta cùng cố gắng, bạn nhé! ^[3]

[3]: Khẳng định ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen, thể hiện niềm tin và sự khích lệ.

(Nhóm biên soạn)

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Các phần mở bài, thân bài, kết bài trong ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu về bố cục đối với kiểu bài *thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm* chưa?
2. Bài viết đã chỉ ra tác hại của thói quen và lợi ích của việc từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động bằng các lí lẽ, bằng chứng nào? Các lí lẽ, bằng chứng ấy có được sắp xếp hợp lí không?
3. Quan điểm, thái độ của người viết về vấn đề có được thể hiện rõ ràng, nhất quán không?
4. Cách sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu của người viết đã phù hợp với mục đích của bài luận hay chưa?
5. Bạn rút được kinh nghiệm hay lưu ý gì khi thực hiện một bài luận tương tự?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Đề 1: Hãy viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen có hại.

Đề 2: Hãy viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một quan niệm sai lệch, phiến diện.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài: Với đề bài nêu trên, bạn cần chọn một thói quen hay quan niệm của một đối tượng cụ thể nào đó trong đời sống để trình bày ý kiến thuyết phục họ từ bỏ.

Chẳng hạn, bạn có thể chọn các thói quen:

- Ăn quà vặt không đúng lúc, đúng chỗ.
- Cười nói to hoặc gây tiếng ồn nơi công cộng.
- Xả rác, chất thải không đúng nơi quy định.
- Đến lớp học hay đi họp muộn so với giờ quy định.
- Không học bài làm bài cũ ở nhà, đến lớp mới tìm cách học qua loa, đối phó.
- ...

Hoặc một số quan niệm sai lệch, phiến diện:

- Chỉ có không gian ảo trên mạng mới đem lại cho mỗi người tri thức tự do, hứng thú nhiều nhất.
- Xem văn chương là phù phiếm.
- Đề cao quá đáng cái tôi cá nhân.
- Cần ăn mặc khác người để tỏ ra sành điệu.
- ...

Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc

Bạn cần trả lời các câu hỏi dưới đây nhằm lựa chọn nội dung và cách viết phù hợp:

– Việc viết văn bản này nhằm mục đích gì?

– Ai sẽ là người đọc văn bản?

Thu thập tư liệu: Tư liệu liên quan đến thói quen có hại hay quan niệm tiêu cực trong đời sống có thể thu thập từ những nguồn khác nhau, bao gồm tài liệu thực tế và tài liệu lưu trữ. Có thể thu thập từ truyền thông và từ những quan sát, trải nghiệm đời sống của chính bạn; nên ưu tiên thu thập tư liệu liên quan đến tác hại hay mặt trái của thói quen hoặc quan niệm mà mình muốn bác bỏ.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

- Xác định hướng nghị luận về vấn đề: chẳng hạn bạn sẽ tập trung khẳng định hay bác bỏ hay kết hợp khẳng định với bác bỏ khi nghị luận về vấn đề.

- Ghi lại bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong đầu trong quá trình thu thập tài liệu và tìm ý cho bài viết.

- Phác hoạ một số luận điểm chính, rồi tìm lí lẽ, bằng chứng cho các luận điểm ấy.

- ...

Lập dàn ý: Bạn sắp xếp nội dung các phần mở bài, thân bài, kết bài; các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong thân bài.

Riêng với phần thân bài, bạn cần chi tiết hoá các luận điểm, định hướng lí lẽ và bằng chứng. Ví dụ, với đề bài “Viết bài luận thuyết phục bạn từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động” như tham khảo ngữ liệu trên đây, bạn cần nêu rõ tên các luận điểm, định hướng lí lẽ, bằng chứng trong dàn ý nhằm chỉ ra tác hại của thói quen, ích lợi của việc từ bỏ thói quen, gợi ý về giải pháp thực hiện. Dàn ý của phần thân bài, theo đó, gồm các luận điểm chính:

1. *Thói quen lạm dụng điện thoại di động và tác hại.*

(Luận điểm thứ nhất: Lí lẽ và bằng chứng)

2. *Ích lợi của việc từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động.*

(Luận điểm thứ hai: Lí lẽ và bằng chứng)

3. *Giải pháp khả thi đối với việc từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động.*

(Luận điểm thứ ba: Lí lẽ và bằng chứng)

...

Một ví dụ khác. Nếu cần thuyết phục người khác từ bỏ quan niệm cho rằng: *ngày nay, chỉ có không gian ảo trên mạng mới đem lại cho mỗi người tri thức, tự do, hứng thú*, có thể lập ý cho phần thân bài như sau:

1. *Không gian ảo trên mạng thực ra chỉ là một trong nhiều nguồn đem lại cho mỗi người tri thức.*

(Luận điểm thứ nhất: Lí lẽ và bằng chứng)

2. *Không gian ảo trên mạng cũng có các kiểu luật lệ riêng, nếu vi phạm có thể đồng nghĩa với phạm pháp và chuốc lấy hậu quả khôn lường.*

(Luận điểm thứ hai: Lí lẽ và bằng chứng)

3. *Không gian ảo trên mạng có thể mang lại cho người dùng một số hứng thú nhưng cũng có thể để lại nhiều tác hại.*

(Luận điểm thứ ba: Lí lẽ và bằng chứng)

Bước 3: Viết bài

• Khi đã có một dàn ý tốt, bạn có thể lần lượt viết mở bài, các đoạn thân bài và kết bài.

• Kết hợp nghị luận với tự sự và biểu cảm.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

• Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo những gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu rõ thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ.		
	Nêu lí do hay mục đích viết bài luận.		
Thân bài	Trình bày tác hại của thói quen/ quan niệm cần từ bỏ.		
	Trình bày ích lợi của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm.		
	Gợi ý giải pháp từ bỏ thói quen/quan niệm.		
	Làm sáng tỏ vấn đề bằng các lí lẽ và bằng chứng.		
Kết bài	Khẳng định lại ích lợi của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm.		
	Thể hiện niềm tin vào sự cố gắng hay hi vọng ở sự thành công của người được thuyết phục.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm hợp lí.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn.		
	Sử dụng lời lẽ chân thành, tôn trọng người đọc.		
	Tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ bằng ngôn từ thích hợp.		

• Bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc mờ nhạt để hoàn chỉnh thêm bài viết.

• Bạn có thể đặt một số câu hỏi, tự trả lời nhằm đánh giá bài viết và rút kinh nghiệm cho bài viết sau.



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Đề bài:

Trình bày bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm.

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

- Trong trường hợp này, đề tài bài nói chính là thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ mà bạn đã chọn cho bài viết của mình.
- Người nghe là các bạn cùng lớp.
- Không gian nói là lớp học.
- Thời gian nói do thầy cô giáo hay người chủ trì quy định.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

- Dựa vào bài viết lựa chọn các ý chính, các chỗ có thể lược bỏ.
- Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe.
- Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính để khi cần chỉ nhìn lướt qua là nhớ; chuẩn bị tìm hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu để trình chiếu nhằm tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng (nếu có điều kiện);...
- Dự kiến trước một số điểm thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên để tìm cách trả lời, giải đáp.

Lập dàn ý

- Thực hiện giống như đối với bài viết.
- Cần ước lượng thời gian trình bày các ý tưởng sao cho phù hợp với thời gian được quy định cho bài nói.
- Cần sắp xếp và dự kiến thời điểm, cách thức sử dụng các công cụ hỗ trợ trong khi trình bày bài nói.

Luyện tập

Bạn tiến hành như đã thực hiện ở các bài nói trước.

Bước 2: Trình bày bài nói

- Nên giới thiệu hệ thống các luận điểm chính trước rồi mới đi vào triển khai từng luận điểm (có thể dùng power point).
- Nên có tờ giấy ghi tóm tắt những ý tưởng, nội dung chính dưới dạng gạch đầu dòng.
- Thể hiện sự tự tin, tự nhiên, thân thiện; tạo được tương tác tích cực với người nghe.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

Trong vai người nói (thực hiện như bài nói trước).

Trong vai người nghe (thực hiện như bài nói trước).

Lưu ý khi trao đổi

Dù là người nói hay người nghe, khi trao đổi cũng cần có thái độ hoà nhã và tôn trọng các ý kiến khác biệt.

Đánh giá

Trong vai người nói (thực hiện như bài nói trước).

Trong vai người nghe (thực hiện như bài nói trước).

Sau đó, bạn có thể sử dụng bảng kiểm dưới đây để đánh giá bài nói cả trong vai trò người nói lẫn vai trò người nghe.

Bảng kiểm kỹ năng thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu (nếu cần).		
	Giới thiệu vấn đề: thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.		
	Nêu khái quát nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính).		

Nội dung chính	Trình bày những biểu hiện sai trái, tác hại của thói quen/ quan niệm.		
	Trình bày những lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm.		
	Gợi ý giải pháp thực hiện.		
	Nội dung ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
Kết thúc	Tóm lược và nhấn mạnh nội dung trình bày.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Sử dụng lời lẽ chân thành, tôn trọng người đọc.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

ÔN TẬP

- Hãy khái quát:
 - Một số đặc điểm chính của văn chính luận Nguyễn Trãi qua *Bình Ngô đại cáo*, *Thư lại dụ Vương Thông*.
 - Một số nét đặc sắc của thơ Nguyễn Trãi qua *Bảo kính cảnh giới* – bài 43, *Dục Thúy sơn*.
 - Những nét nổi bật về tư tưởng, con người Nguyễn Trãi qua văn thơ của ông.
- Nêu những điểm lưu ý khi thực hiện bài viết và bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- Nêu một số kinh nghiệm của bạn trong việc nhận biết lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa các lỗi này.
- Từ các văn bản đã học, đã đọc, cho biết Nguyễn Trãi đã cống hiến những gì cho đất nước với tư cách là người anh hùng và người nghệ sĩ?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm truyện muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.
- Biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, yêu đất nước, con người Việt Nam.

TRI THỨC NGŨ VẤN

Câu chuyện là sự việc, chuỗi sự việc xảy ra trong đời sống, liên quan đến một hoặc một số người nào đó. Câu chuyện thường có khởi đầu, diễn biến và kết thúc.


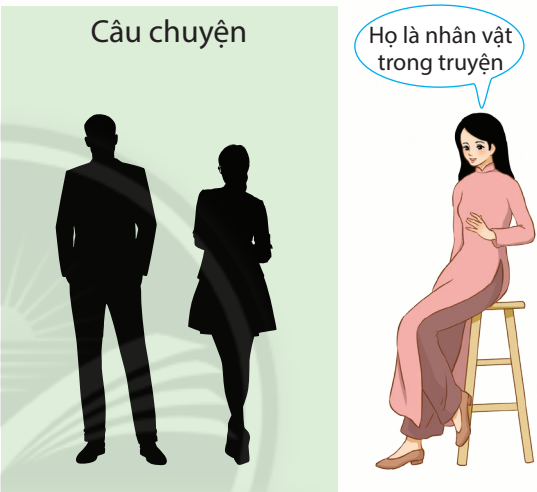
Thông điệp của tác phẩm văn học là điều mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua hình tượng nghệ thuật. Đó là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà văn bản văn học muốn truyền đến người đọc.

Tư tưởng của tác phẩm văn học là nhận thức, quan niệm, thái độ, cách lí giải về các vấn đề đời sống và khát vọng của tác giả được thể hiện trong tác phẩm. Tư tưởng của tác phẩm được thể hiện sinh động qua nhiều yếu tố: đề tài, chủ đề, thế giới hình tượng.

Đặc điểm, tính cách nhân vật là những nét riêng về ngoại hình, hành động, tình cảm, tâm lí, ngôn ngữ,... của nhân vật, giúp phân biệt với nhân vật khác. Khi đọc truyện, người đọc có thể nhận biết đặc điểm, tính cách, tư tưởng, tình cảm của một nhân vật qua lời của người kể chuyện, qua hành động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật, hoặc qua nhận xét, đánh giá của nhân vật khác về nó.

Người kể chuyện: một vai được tác giả tạo ra, đảm nhiệm việc kể lại câu chuyện trong văn bản truyện. Người kể chuyện có thể là nhân vật hoặc không, có thể dùng các điểm nhìn khác nhau.

Điểm nhìn là vị trí của người kể chuyện trong tương quan với câu chuyện. Tùy trường hợp, câu chuyện có thể được kể theo điểm nhìn từ ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất, điểm nhìn của người kể chuyện hoặc điểm nhìn của nhân vật (xưng “tôi” hay không xưng “tôi”), điểm nhìn cố định hay dịch chuyển, thay đổi,... Có thể phân biệt điểm nhìn ngôi thứ nhất với điểm nhìn ngôi thứ ba như trong hình sau:

Điểm nhìn ngôi thứ nhất	Điểm nhìn ngôi thứ ba
<p>Câu chuyện</p>  <p>Người kể chuyện ngôi thứ nhất ("hạn tri"):</p> <ul style="list-style-type: none">– Là một nhân vật trong truyện.– Xưng “tôi”.	<p>Câu chuyện</p>  <p>Người kể chuyện ngôi thứ ba (thường là "toàn tri"):</p> <ul style="list-style-type: none">– Không phải nhân vật trong truyện.– Không xưng “tôi”.

Biện pháp tu từ chêm xen

Chêm xen là biện pháp chêm vào câu một từ, một cụm từ, một câu, thậm chí một chuỗi câu để bổ sung thông tin cần thiết hay bộc lộ cảm xúc. Thành phần chêm xen thường đứng sau dấu phẩy, dấu gạch ngang hoặc được đặt trong ngoặc đơn.

Ví dụ:

Cô bé nhà bên (có ai ngờ)
Cũng vào du kích!
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi)

(Giang Nam)

Biện pháp tu từ liệt kê

Liệt kê là biện pháp sắp xếp nối tiếp các từ, các cụm từ cùng loại để diễn tả những khía cạnh khác nhau của thực tế, của tư tưởng, tình cảm đồng thời tạo ấn tượng mạnh về hình ảnh và cảm xúc cho người đọc.

Xét theo cấu tạo, có kiểu liệt kê theo từng cặp và kiểu liệt kê không theo từng cặp.

Ví dụ:

– *Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả **tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải** để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.* (Hồ Chí Minh)

– *Một chiếc giường đơn, một ngọn đèn hoa kì trên chiếc chõng tre, bộ ấm tích, **điếu bát**.* (Bảo Ninh)

Xét theo ý nghĩa, có thể phân biệt kiểu liệt kê tăng tiến và liệt kê không tăng tiến.

Ví dụ:

– *Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì **khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ**.* (Nam Cao)

– *Mặc dù ông xuống “kiềng” cùng với một nhóm khá đông trợ lí và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nai nịt như mọi người, **tiểu liên AK, dép đút, mũ cối, áo lính Tô Châu**, nhưng trong bóng rùng nhập nhạng tôi vẫn nhận ra ông ngay.* (Bảo Ninh)



ĐỌC

Chân trời sáng tạo

Tình yêu đất nước là một tình cảm cao cả, thiêng liêng của con người, từng được ví như biển cả. Nhưng sẽ không có biển cả ấy nếu không có trăm ngàn sông suối nhỏ hoà góp nước vào đại dương. Chân thành rung động trước vẻ đẹp bình dị của quê hương, vui buồn với vận mệnh của dân tộc, yêu thương đồng bào, tự nguyện góp sức mình xây dựng, phát triển đất nước, quê hương,... đó đều là những biểu hiện cụ thể trong muôn vàn biểu hiện của tình yêu đất nước, con người.

Trong bài học này, qua việc đọc hiểu một số văn bản như *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Giang* (Bảo Ninh), *Buổi học cuối cùng* (An-phông-xơ Đô-đê¹), bạn sẽ được rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện, hiểu thêm về đất nước và tình cảm của con người đối với quê hương đất nước mình.

¹ Anfonse Daudet

ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

(Trích)

Đoàn Giỏi



Hình: Cảnh lấy kèo ong ở vùng U Minh Hạ

(Nguồn: <https://vtv.vn/doi-song/nghe-gac-keo-ong-o-vung-rung-u-minh-ha-131836.htm>)

Đất rừng phương Nam là tiểu thuyết của nhà văn Đoàn Giỏi. Ra đời năm 1957, cuốn tiểu thuyết miêu tả hành trình lưu lạc tìm người cha của cậu bé An dọc các tỉnh miền Tây Nam Bộ vào những năm chống Pháp. Trong suốt cuộc phiêu lưu đó, An đã đón nhận tình thương chân chất và hào sảng của những người dân Nam Bộ, đồng thời, cậu cũng học được nhiều bài học từ thiên nhiên trù phú. Được đánh giá là một trong những cuốn sách viết về thiếu nhi hay nhất của nước ta, *Đất rừng phương Nam* còn đem lại cho độc giả những hiểu biết về văn hoá và con người Nam Bộ. Tác phẩm gồm 20 chương. Phần văn bản dưới đây trích từ chương 9 (*Đi lấy mật*) trong tác phẩm.

✓ Trước khi đọc

1. Bạn từng hình dung thế nào về thiên nhiên và cuộc sống con người ở vùng đất Nam Bộ cách đây gần một thế kỉ? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp về điều đó.
2. Dựa vào nhan đề *Đất rừng phương Nam*, bạn suy đoán xem phần văn bản dưới đây sẽ kể với bạn những chuyện gì?

✓ Đọc văn bản

Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, ruộng rạch, của đất ẩm và đường khí thảo mộc thở ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gọn một chút óng ánh trên những đầu hoa tràm rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thủy tinh.

Tía¹ nuôi tôi đi trước, bên hông lưng lửng chiếc túi da beo, lưng mang cái gùi tre đan đã trát chai², tay cầm chà gạc³. Lâu lâu, ông vung tay lên một cái, đưa con dao rừng rất sắc phạch ngang một nhánh gai và dùng cái mẩu cong ở đầu lưỡi dao dài có đến sáu bảy tấc ấy lòi phăng nhánh gai chắn đường rút ra một bên để lấy lối đi. Thằng Cò đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm và cái áo ướt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thúng úp chiếc nón lá rách. Tôi đã chen vào giữa, quấy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuống đi mượn của nhà ai ngoài xóm bìa rừng từ chiều hôm qua. Con Luốc chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây.

Lần đầu tiên tôi theo tía nuôi và thằng Cò đi “ăn ong” đây. Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được “ăn ong” ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói. Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho tôi một khái niệm chung chung về xã hội loài ong, về những lợi ích của con ong, đại khái vậy thôi. Hiển nhiên từ những thời xa xôi, thuở con người ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay, người ta vẫn đi tìm lấy mật rừng bằng cách theo dấu đường bay của những con ong về tổ. Người ta phải khó nhọc lắm mới đưa được con ong rừng về nuôi thành con ong nhà, vì như thế, việc lấy mật sẽ dễ dàng và bảo đảm hơn.

Trong kho tàng kinh nghiệm của những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong các sách vở mà tôi được nghe thầy giáo tôi kể, không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo như má nuôi tôi đã bảo cho tôi nghe vừa rồi. **1**

Theo dõi

- 1 Bạn hiểu thế nào là “ăn ong”?

¹ Tía: cách gọi cha, ba của người Nam Bộ.

² Chai: một loại dầu nhựa cây.

³ Chà gạc: một loại dao đi rừng.

– Thôi, dừng lại nghỉ một lát. Bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi! – Tía nuôi tôi ra lệnh cho chúng tôi như vậy.

Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu! Chúng tôi đã bơi xuống đi từ lúc gà vừa gáy rộ canh tư. Thằng Cò thì coi bộ chưa thấm tháp gì. Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!

Tía nuôi tôi ngồi tựa lưng vào một gốc cây ngái, nhồi thuốc lá vào tẩu. Con chó săn trung thành bao giờ cũng ngồi bảo vệ bên chân chủ. Thằng Cò bung vò nước ra, ngửa cổ kề miệng vào vò uống nước ừng ực. Bỗng nó đặt vò nước xuống, thúc vào lưng tôi:

– Đố mày biết con ong mật là con nào?

Hỏi xong, nó đưa tay trở lên phía trước mặt. Tôi đảo mắt nhìn khắp nơi vẫn không thấy gì. Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc nào cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vẫn có tiếng chim ở một nơi xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chẳng?

Cao quá đầu tôi một vói tay, có những chấm đen không nhúc nhích. Đó là ruồi xanh đang bay đứng. Óng ánh lướt những lá bông súng dưới vũng kia là con chuồn chuồn bay ngang với những cánh mỏng và dài. Bé như hạt khế, cứ lác lư lác lư từ đất nhoi lên và đáp vào một cành ngái khô trên đầu tía nuôi tôi là điệu bay của con mối cánh.

– Chịu thua mày đó! Tao không thấy con ong mật đâu cả.

Thằng Cò nghe tôi chịu thua, nó bèn vênh mặt lên cười, quay sang tôi:

– Bây giờ mày cứ nhìn kĩ vào khoảng cách giữa hai nhánh chàm cao kia! Ờ! Đúng rồi. Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ.

Đã lâu lắm mà sao tôi chưa thấy gì cả. Tôi vừa toan đứng dậy thì tía nuôi tôi đã đến cầm tay tôi trở lên:

– Đó con thấy nó chưa?

– Thấy rồi!

Tôi kêu khe khẽ. Ờ, phải rồi! Phải hết sức tinh mắt, thính tai mới tìm được những tay sứ giả của bình minh này. Một con... hai con... ba con... Rồi một đàn mười mấy con bay nối nhau như một xâu chuỗi hạt cườm, trong những tầng xanh cây lá, có một cái chấm nâu đen cỡ đầu đũa vụt qua rất nhanh. Trên những ngọn tràm cao, đang lướt qua một đàn li ti như nắm trấu bay, phát ra những tiếng kêu eo... eo... eo... Tiếng kêu thật nhỏ, không chú ý theo dõi thì không thể nào nghe được.

Chúng tôi giờ những nắm cơm vắt ra. Ăn xong, bấy giờ bóng nắng mới bắt đầu lên. Gió cũng bắt đầu thổi rạo rạo theo với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Một làn hơi nhẹ toả lên phủ mờ những bụi cây cúc áo, rồi nhẹ tan dần theo hơi ấm mặt trời. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi.

Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa trầm thom ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm vờn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hóa vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hóa tím xanh... Con Luốc động đập cánh mũi, rón rén mò tới. Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, những con vật thuộc loại bò sát bốn chân, to hơn ngón chân cái kia, liền quật chiếc đuôi dài chạy tứ tán. Con núp chỗ gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây. Con đeo trên tấm lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái.

Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng. Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên. Chim áo già màu nâu, chim manh manh mỏ đỏ bóng như màu thuốc đánh móng tay, lại có bộ lông xám tro điểm những chấm trắng chấm đỏ li ti rất đẹp mắt... Những con chim nhỏ bay vù vù kêu líu ríu lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.

– Chim đẹp quá, Cò ơi! – Tôi tặc lưỡi, kêu lên.

– Thứ chim cỏ này mà đẹp gì!

– Ở đây, chim nhiều quá. Bữa nào tụi mình đi bắn một bữa đi.

– Thứ đồ bỏ, không ăn thua gì đâu. Mà mà gặp “sân chim” thì mà sẽ biết...

Nó nói cách lơ là như vậy rồi cứ cắm cúi đội cái thùng đi. Tôi muốn hỏi về cái “sân chim”, nhưng vì tự ái và nghĩ nếu mình gặp cái gì cũng hỏi thì nó sẽ khinh mình dốt, bèn im im đi tới. ②

Theo dõi

② Chú ý lời thoại và tính cách của hai nhân vật An và Cò.

Lội qua mấy vũng lầy sâu quá gối, chúng tôi đã đến chỗ lấy mật.

Tía nuôi tôi ngồi xuống, dáng rất ung dung. Ông tháo miệng túi da beo ra, bỏ cái tẩu vào. Rồi ông xé mảnh giấy nhật trình cũ, cuộn một điếu thuốc lá to bằng ngón chân cái, bật lửa lên đốt hút.

– Sắp lấy mật đa, này An! – Thằng Cò trỏ điếu thuốc lá to tổ bố đang cháy như cây đuốc kia, bảo tôi.

Tôi chẳng hỏi gì thêm, cứ lặng thinh. Nó cũng không thêm chú ý đến vẻ mặt khó đăm đăm của tôi, cứ nắm tay tôi lôi đi, lại còn khoát tay ra hiệu bảo tôi đi thật khẽ. Tôi nhìn theo ngón tay nó trở lên một kèo ong gác trên cây trầm thấp. Tổ ong kia rồi!

Sự mừng rỡ làm tôi quên phắt cái bực mình vừa qua. Tôi lại hỏi:

– Sao biết nó về cây này mà gác kèo?

– Thằng mau quên hé! Vậy chớ mấy bữa nay, má nói gì cho mà nghe đó? – Nó chành môi ra cười hì hì, trông cái miệng thấy ghét quá.

Tôi ngược nhìn tổ ong như cái thùng, lúc nhúc không biết bao nhiêu ong, dần dần nhớ lại lời má nuôi tôi kể:

– ... Rừng thì mệnh mông, biết bao nhiêu cây! Một cây còn biết bao nhiêu nhánh! Biết con ong sẽ đóng tổ ở cây nào, nhánh nào? Có phải bạ chỗ nào nó cũng gỏi mật đâu? Nhưng làm nghề nào rồi khắc phải thạo nghề ấy con ạ! – Má nuôi tôi đưa mắt trông ra những cánh rừng trầm lờ mờ khuất sau những bụi cây bình bát đại mọc quanh hè, ngẫm nghĩ một lúc rồi nói tiếp: – Gió thổi có hướng, cây tốt cũng có vùng. Chọn được vùng rừng tốt, biết rằng đến mùa xuân trầm sẽ kết nhiều hoa, mình mới định chỗ gác kèo. Phải xem hướng gió, tính trước đường bay của ong mật. Đó là những chỗ “ấm”, cây dày, không bị ngọn gió thốc thẳng vào và ít khi có những dấu chân người đi bắt rắn, người đi đốn củi lội đến.

– Kèo là gì, hờ má?

– Ờ, kèo cũng là nhánh trầm thôi. Nó to cỡ cổ tay, mang nhiều nhánh con tua tủa vào quăng giữa. Mình chặt lấy một khúc dài non thước tây, một đầu có cái nhánh con dùng làm cái mấu. Chọn được vùng rồi, còn phải chọn cây nào vừa kín, vừa im, có ít nhiều bóng nắng kia! Con ong không thích đóng chỗ rộp. Ở những nơi đó, bao giờ mật cũng chua, dễ bị ỉm. Gác chiếc kèo chênh chếch lên cây trầm xong, phải “rửa”¹ bớt những nhánh chung quanh để khi lấy mật khỏi vướng. Kèo chặt vào khoảng giữa tháng mười một. Những cơn mưa mùa xuân sẽ rửa hết mùi sắt ở hai đầu kèo bị dao rửa chặt, và nhánh kèo cũng đủ thời gian khô đi, cũ đi, giống với những nhánh khô khác trên cây. Kèo nào còn mùi sắt của con dao mới chặt thì con ong mật chúa kị, nó không bao giờ đóng tổ đâu... **3**

Suy luận

3 Việc làm kèo ong được kể lại qua điểm nhìn của ai?

[...]

Mất tôi vẫn không rời tổ ong lúc nhúc trên cây trầm thấp kia.

Tía nuôi tôi đã đi lần tới, đứng phía trên hướng gió. Ông hít một hơi cho điệu thuốc đỏ lên, và từ từ đưa đầu khói cháy lại gần tổ ong. Quả thật! Thảo nào người ta hay nói “như ong vỡ tổ”! Ong vỡ tổ là lúc này đây. Không biết cơ man nào là ong. Chúng bay vù vù, đen ngòm, loạn xạ, thành một vầng đen như cái chiếu.

Bỗng thằng Cò kêu “oái” một tiếng hai tay vò trán lia lịa.

– Có ong sắt, tía ơi! Nó đánh con một vết đây nè!

Tôi nhanh trí ngược hướng gió chạy ra xa để tránh bầy ong, và nhân thể bút vôi vàng một nắm cỏ tranh và sậy khô đưa lại cho tía nuôi tôi:

– Tía ơi, đốt nó đi, tía!

Tía nuôi tôi mỉm cười, khoát khoát tay:

¹ Rửa: chặt bớt.

– Đứng! Không nên giết ong, con à! Để tí nuôi nó cách khác...

Tía nuôi tôi mở túi da beo, lấy vôi bôi chỗ vết ong đốt trên trán cho thẳng Cò. Đoạn ông mở gói giấy, lấy ra cục a nguyền¹ – cái thứ thuốc dẻo quánh, màu vàng xỉn mà tôi đã thấy dạo trước – véo một miếng gắn vào đầu một cọng sậy. Ông bảo tôi bập lửa lên, rồi đốt cháy miếng thuốc. Khói vị thuốc bốc hơi quá! Tôi chóng mặt oẹ oẹ luôn mấy cái, tưởng đã nôn rồi. Tía nuôi tôi cầm cọng sậy có gắn miếng thuốc bốc khói đưa lên kê vào gần tổ ong. Bầy ong hoảng hốt nối nhau bay mất không còn một con. **4**

Suy luận

4 Vì sao tí nuôi khuyên An “không nên giết ong”?

Trên nhánh kèo khô còn trơ lại cái tàn ong sập trắng to bằng chiếc nón, nặng trĩu những mật vàng. Tía nuôi tôi rướn chân lên, gượng nhẹ đỡ nhánh kèo xuống. Ông vắt mật vào cái gùi của tôi, còn sáp thì ném vào cái thúng của thằng Cò, thấy tôi vét một tí mật dính chỗ miệng gùi đưa lên mũi, thằng Cò cười hì hì:

– Cho mày ăn thả cửa! Cứ uống no đi. Chỉ sợ mày say không đi được thôi!

Mặt nó nhăn nhó, mấy vệt vôi trắng trắng bôi vào giữa trán rúm ró lại coi như mặt hề.

– Mày có thấy khỉ ăn ớt chưa hở Cò? – Tôi hỏi nó.

– Ờ? Cho mày cười tao... Chốc nữa, trời xui đất khiến, gặp con ong lỗ nó táng cho mày một vết, rồi mày sẽ biết.

Từ sáng sớm đến lúc gần về chiều, tí nuôi tôi đã gỡ hơn năm mươi kèo ong. Mật đầy cả hai gùi. Tôi mang gùi mật óc ách đằng sau lưng mà vẫn cảm thấy nhẹ tênh, và tiếc cái gùi bé quá.

– Một tổ nữa kìa, tí ơi!

– Thôi để mai. Chà, năm nay mật trúng lắm! Sáng mai phải mang vài thùng thiếc nữa mới lấy hết mật. Minh mới lấy chưa được nửa số kèo đã gác mà! – Tía nuôi tôi vừa nói vừa đưa bàn tay dính đầy mật ra cho con chó sấn liếm.

Chúng tôi tháo gùi, đặt đồ lều xuống bên một gốc cây. Cần phải nghỉ, ăn cơm cho lại sức trước khi trở về...

[...]

Tôi ngồi nhìn lên kèo ong, thấy nó cũng giống như những tổ ong rừng vẽ trong sách vậy thôi. Nhưng có một điều khác là không phải ngẫu nhiên mà nó đóng trên một cành cây nào đó. Chính tí nuôi tôi đã định sẵn cho chúng nó một nơi về đóng tổ... Theo như lời thầy giáo của tôi bảo, người La Mã xưa kia nuôi ong trong những cái tổ bằng đồng hình chiếc vại, có đục thủng nhiều hàng lỗ con vòng quanh miệng,

¹ A nguyền: một vị thuốc bắc có tác dụng xua đuổi ong.

quanh đáy. Người Mẽ Tây Cơ làm tổ nuôi ong bằng đất nung, như một cái ống có hai cái loa hai đầu, giữa lưng ống đắp một hình đầu người nho nhỏ làm vật trang trí, dùng hai sợi thừng treo lên cành cây. Người Ai Cập nuôi ong trong những tổ bằng sành, hình ống dài, xếp chồng lên nhau, đặt trên bãi cỏ. Ở Phi Châu, người ta đục ruỗng ruột một khúc thân cây, vít kín hai đầu, chỉ chừa một lỗ khoét nho nhỏ cho ong ra vào, treo lên bằng một đoạn dây nhỏ có mấu. Ở xứ Tây Âu, tổ ong lại lợp bên bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau... Không có nơi nào, xứ nào có kiểu tổ ong hình nhánh kèo như vùng U Minh này cả. **5**

Suy luận

5 Việc liên hệ, so sánh những cách nuôi ong, lấy mật khác nhau này có tác dụng gì?

Những con ong vẫn nối cánh nhau bay đi bay về trên tổ, trước mặt chúng tôi kia. Con nào cũng lượn một vòng tròn trước khi đáp xuống. Người ta bảo rằng đó là vũ điệu báo hiệu của loài ong.

(In trong *Đất rừng phương Nam*, tái bản, NXB Văn học, 2015, tr. 148 – 158)

✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt câu chuyện được kể trong văn bản trên.
2. Quanh câu chuyện “đi lấy mật”, cuộc sống của thiên nhiên, con người phương Nam được cảm nhận, tái hiện qua điểm nhìn của những nhân vật nào? Các điểm nhìn này có tác dụng hỗ trợ, bổ sung cho nhau như thế nào? Theo bạn, điểm nhìn của ai là quan trọng nhất? Vì sao?
3. Trong văn bản trên, lời đối thoại giữa An với các nhân vật (Cò, tía nuôi, má nuôi) có tác dụng gì?
4. Phân tích một đoạn trong lời của người kể chuyện có sự kết hợp giữa kể sự việc và miêu tả cảnh vật, thể hiện được phong vị riêng trong cuộc sống của thiên nhiên và con người phương Nam.
5. Xác định chủ đề của văn bản và chỉ ra một số căn cứ để xác định chủ đề.
6. Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai nhân vật Cò và An. Theo bạn, việc làm nổi bật những nét tương đồng và khác biệt ấy có tác dụng thế nào trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?
7. Câu chuyện đi lấy mật giúp chúng ta hiểu thêm điều gì về thiên nhiên, cuộc sống, tính cách con người Nam Bộ?



Đoàn Giỏi

Đoàn Giỏi (1925 – 1989), sinh tại Mỹ Tho, nay thuộc tỉnh Tiền Giang. Tác phẩm của ông là những bức tranh sinh động về con người và thiên nhiên Nam Bộ: *Đất rừng phương Nam*, *Cá bống mú*, *Cuộc truy tìm kho vũ khí*, *Đồng Tháp Mười*,... Trong đó, *Đất rừng phương Nam* được xem là tác phẩm quan trọng làm nên tên tuổi nhà văn. Tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và dựng thành phim.

VĂN BẢN 2

GIANG

Bảo Ninh

Tập truyện *Bảo Ninh – những truyện ngắn* bao gồm 36 truyện ngắn. Những câu chuyện ở đây được kể bằng một giọng văn nhẹ nhàng, điểm đậm về kỉ niệm trong quá khứ của nhà văn, đặc biệt là kí ức về chiến tranh. Đó là những câu chuyện cảm động về tình người, tình yêu, đau khổ, hạnh phúc. *Giang* là một truyện ngắn thuộc tập truyện này.

✓ Trước khi đọc

Hãy liệt kê tên một số tác phẩm (thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết,...) viết về những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ta trong thế kỉ XX và chia sẻ cảm nghĩ của bạn về một trong những tác phẩm ấy.

✓ Đọc văn bản

Năm ấy tôi mười bảy tuổi, binh nhì, chiến sĩ của tiểu đoàn 5 tân binh. Tiểu đoàn chúng tôi luyện quân ở Bãi Nai¹. Bấy giờ đã là vào cuối khoá huấn luyện ba tháng, kiểm tra xạ kích², đạt điểm cao nhất đại đội, tôi được thưởng hai ngày phép. Đại đội trưởng linh động cho tôi miễn *binh tuần*³ tối thứ Sáu. “Đã được lã một tối càng phải liệu mà về cho khuỷp giờ điểm danh đấy nhá”. Anh dặn tôi thế, ra ý ẹ.

¹ Bãi Nai: thuộc tỉnh Hoà Bình.

² Xạ kích: bắn súng.

³ Binh tuần: buổi sinh hoạt hàng tuần của các tiểu đội, thường là vào tối thứ sáu.

Chuyến về nhờ bám được xe quân sự chạy trên đường 6¹ nên phi cái vù đã tới nhà. Chuyến trở lại phải chen xe khách. Chín giờ tối chủ nhật mới điểm danh mà chỉ dám nấn ná cố cùng tới 12 giờ trưa là phải bút khỏi nhà chạy nhào ra bến Kim Mã. Chen lên được một chuyến xe vào thời buổi gian khó ấy khổ sở đến thế nào khỏi bàn. Thêm nữa lại ngày giáp Tết. Do may mắn và cũng là do ẩu tả ngồi lèn nhau trên nóc xe nên đến nhập nhoạng tối thì tôi nhảy được xuống thị trấn Lương Sơn. Đói mềm, rét run, lại luống quố trượt chân ngã, tuột tung quai dép và lấm be bét.

Trật trường² tôi dò tới cái giếng xây ở đầu trấn để rửa ráy qua loa tí chút và xâu lại dép. Chỉ có một người đang múc nước ở giếng. Trời mưa nhưng rất mỏng, như sương, và chưa tối hẳn nên từ khá xa tôi đã nhận ra một cái dáng con gái. Khi tôi tới bên giếng, hai thùng tôn của gánh nước đã được đổ đầy, cô gái cuộn dây gầu, tra đòn gánh vào hai móc xích, và trước khi lên gánh, cô đội lại chiếc nón mà lúc cúi múc nước cô đã bỏ ra để ngừa bên thành giếng. Với con mắt lính 17 tuổi nhanh như chớp, tôi lườm ngay thấy tên cô nàng viết bằng mực tím ở trong vành nón, cả tên, cả họ, cả đệm, và cả lớp học của cô nữa. Phạm Nhật Giang. 10 B³.

Không để ý đến tôi, cô đặt gánh lên vai. Tôi nói, vội vã, nhưng thần nhiên, như thật:

– Kia, Giang. Cho anh mượn cái gầu đã nào.

Cô gái hạ gánh, nhìn tôi.

– Chào anh, anh bộ đội... – Cô nói, ngập ngừng, nhưng có lẽ chưa kịp ngạc nhiên – Gầu đây anh.

Tôi xoè hai bàn tay bê bết bùn ra.

– Ôi anh bị lấm hết rồi. – Cô gái khẽ thốt lên

– Thôi, để em.

– Ừ. Nhờ Giang vậy, chứ không thì bẩn hết cả đây. ¹

Theo dõi

¹ Chú ý quá trình làm quen và diễn biến tình cảm giữa hai nhân vật qua lời kể và lời thoại.

Cô gái múc lên một gầu, hai gầu, xối từ từ cho tôi rửa kĩ hai bàn tay. Khi tôi định đón lấy chiếc gầu, cô bảo:

– Cái gầu này khó múc lắm. Để em giúp anh.

Cô lại thông nhanh sợi chảo xuống bóng tối sâu hút bên dưới rồi thoăn thoắt, mềm mại, kéo gầu nước lên. Nhưng sự ân cần của cô còn hơn thế. Mỗi gầu nước múc lên cô không xối cho tôi tự gột mà cúi mình xuống, một tay nghiêng gầu nước dội nhẹ, một tay cô cọ bùn đất ở bàn chân, ngón chân, bắp chân tôi. Ngây ra, tôi đứng yên, sững lặng cảm nhận cái ân tình hồn nhiên và bất ngờ ấy. Rất lâu, hai đứa chẳng nói gì, cô gái lặng lẽ gột rửa cho tôi, tôi thì bất động. Cô cọ kĩ cho tôi cả đôi dép đúc.

¹ Đường 6: quốc lộ 6, là con đường nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh vùng Tây Bắc, đi qua Hà Nội, Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên.

² Trật trường: đi hoặc đứng không vững.

³ Lớp 10: ở miền Bắc thời kì này thực hiện giáo dục hệ 10 năm, lớp 10 tương đương với lớp 12 hiện nay.

– Tuom rồi đấy, anh – Cô gái nói trong bóng tối.

– Cám ơn nhé, Nhật Giang!

Cô gái trở lại với nỗi ngạc nhiên:

– Ô kia. Ủ nhỉ, sao anh biết tên em?

Tôi cười, không đáp.

– À, em biết rồi. Anh toạ độ chứ gì mà. Các anh bộ đội chuyên thế. Cứ gọi: Lan, Hằng, Liên, Oanh thế nào cũng trúng, chứ gì?

– Nhưng Giang, lại Nhật Giang nữa, chắc không có hai người tên như thế đâu, đoán mò sao được.

– Chắc anh đóng ở gần đây.

– Chả gần lắm, tận xóm Đuộm.

– Bao xa anh?

– Giang không phải người đây à?

– Vâng, em mới Hà Nội lên – Giang đáp, và chột cô rủ tôi:

– Nhà em đang trọ ở ngay kia, anh vào nghỉ một lát.

Tôi do dự:

– Chín giờ, đơn vị điểm danh rồi... mà còn non chực cây.

– Còn sớm, mới sáu giờ kém mà, anh.

Tôi muốn hộ Giang gánh nước, nhưng cô không chịu. Tôi theo sau cô vào sâu một cái ngõ tối. Một mình Giang một túp nhà nhỏ, mái gianh vách đất. Không có đồ đạc gì. Một chiếc giường đơn, một ngọn đèn hoa kì trên chiếc chõng tre, bộ ấm tích, điều bát. Một chiếc xe đạp Phượng Hoàng dựng ở gần cửa.

Tôi mở túi phòng hoá¹ đeo bên hông lấy gói bít cốt² mẹ dúai cho hồi trưa, và rót chè tươi trong ấm tích ra bát. Bít cốt chiêu với chè tươi, định thế. Thấy vậy, đang lúi húi khâu lại quai dép cho tôi, Giang vội kêu lên:

– Ôi em quên. Có com mà, để em dọn mời anh.

Tôi gạt đi, nhưng Giang nài tôi chịu khó chờ cô xuống bếp hâm lại com canh mà ăn uống cho chắc dạ và nóng sốt.

Trong lúc chờ Giang, tôi ngả phứa ra giường cô [...]. Chột cửa ra vào mở. Một người đàn ông cao lớn bước mạnh vào. Tôi giật bắn mình, bật chồm dậy. Ông nọ vận đại cán³ vải dạ xanh sẫm, giày da Cô-xư-ghin⁴, quân hàm ve áo hai sao hai vạch⁵.

¹ *Túi phòng hoá*: túi dùng trong quân đội có tác dụng chống khí độc.

² *Bánh bít cốt*: bánh mì cắt thành miếng, sấy khô.

³ *Đại cán*: kiểu áo khoác dành cho nam giới may bằng loại vải dày, sẫm màu, tay dài, cổ đứng, đằng trước có bốn túi.

⁴ *Giày da Cô-xư-ghin (Kosygin)*: một loại giày da do nhà nước Liên Xô (cũ) viện trợ cho Việt Nam. Kosygin là tên một vị thủ tướng của Liên Xô.

⁵ *Quân hàm ve áo hai sao hai vạch*: cấp trung tá theo quy định cấp bậc trong Quân đội Nhân dân Việt Nam.

– Cậu là ai? Đầu chui vào đây? – Nghiêm sắc mặt, ông trung tá hỏi, chăm chăm nhìn.

Tôi dập gót:

– Báo cáo, tôi...

Vừa khi đó Giang bùng mâm cơm đi từ sân sau vào.

– Bố về rồi đấy ạ – Cô vội vã nói – Bố ơi, đây là Hùng, bạn học lớp 10 với con. Anh ấy đóng quân gần đây. Chúng con tình cờ gặp nhau vừa nãy. ②

Ông trung tá dịu nét mặt, nhưng giọng vẫn nghiêm:

– Đóng gần đây à? Đồng chí đơn vị nào?

– Báo cáo thủ trưởng, tôi ở C7 K5 đoàn 91.

– Thế đồng chí đi đâu, sao giờ này còn tụt tạt ngoài đây?

– Báo cáo thủ trưởng, tôi về phép lên. Đơn vị chín giờ mới điểm danh.

– Thế đồng chí định để đúng điểm danh mới có mặt à? Phải về đơn vị sớm hơn chứ.

– Kìa bố – Giang kêu lên – Bố để cho anh ấy ăn cơm đã. Bố cũng ăn luôn với bọn con đi.

– Không đâu, tớ không ăn đâu! – Tôi hoảng lên – Tớ phải chào đây, Giang!

Ông bố Giang mỉm cười, vỗ nhẹ vai tôi, bảo:

– Từ đây về xóm Đạm sáu cây, còn kịp. Cậu ăn cơm đi, ngồi chơi với Giang. Bạn học lâu ngày gặp nhau. Nhưng rồi phải ráng chân lên. Vẫn phải về kịp trước điểm danh, rõ chưa!

– Thì bố xin hộ cho anh ấy, bố! – Giang nói, nũng nịu – Bố gọi cho cấp chỉ huy của anh ấy. Chúng con học cùng từng ấy năm, gặp nhau chuyện tới khuya chẳng hết.

– Không được, – Ông bố cười, lắc đầu – Bạn hữu gặp gỡ thế này là quý, nhưng con không có được những nhằng con cà con kê¹ giữ bạn lại quá lâu. Đừng có để bạn phạm kỉ luật.

Ông nhìn đồng hồ.

– Sáu rưỡi rồi, – Ông nói – Hai đứa khẩn trương cơm nước đi. Tối nay bố không ăn với con được. Bố phải qua đơn vị. Phải họp khuya đấy. Con một mình ở nhà của giả cho cẩn thận.

Ông bước tới bên cửa, cầm lấy ghi đông chiếc xe đạp, và nhìn tôi, ông nói:

– Hùng ngồi chơi nhá. Nhưng nhớ giờ giấc đấy.

– Kìa bố, bố lấy xe đạp ạ! – Giang kêu lên – Con định đưa anh ấy về đơn vị cơ mà, bố! Bố chịu khó đi bộ, bố nhá. Chỗ bố gần ngay đây mà.

– Không! Đừng mà... – Tôi hãi quá – Giang đừng vậy...

Theo dõi

② Chú ý lời giới thiệu của Giang về nhân vật “tôi” và tác động của nó đến các nhân vật.

¹ Những nhằng: lời thôi, làm vướng víu, dằng dai; con cà con kê: dài dòng, lê thê, kéo dài câu chuyện.

Ông trung tá cười, bảo:

– Con gái con lứa thế đấy. Chiều bạn hơn bố. Nhưng bố nhất trí, bố để xe cho hai đứa. Chứ mà cuộc bộ thì con làm Hùng chậm giờ mất. Có điều đường đồi ban đêm hai đứa lại nhau cho cẩn thận, đừng có phóng nhanh kéo ngã. Đưa Hùng tới đơn vị rồi lúc quay về một mình con cứ đạp từ từ, nhìn đường. Nhưng cũng gắng đừng có thông dong quá đấy. Trời lạnh thế này. Vội lại con về khuya bố không yên tâm đâu.

Tối ấy, tôi lái Giang vào sâu trong Bãi Nai. Đồng rừng tối cam, lạnh lẽo. Con đường đồi quanh vắng, không ngừng uốn lượn và gấp khúc. Gió bắc lúc thuận lúc ngược, nhưng mà tôi không thấy mệt, tôi đạp mãi miết. **3**

Suy luận

3 Đây có phải là hoàn cảnh phù hợp để tình cảm thân mật, yêu mến giữa Giang và “tôi” nảy nở?

Tôi chưa khi nào đèo con gái. Cả hồi năm ngoái học lớp 10, được bố mẹ ưu tiên sắm riêng cho hẳn một cái Mi-pha tha hồ tung hoành phá phách, tôi cũng chỉ đạp xe rong phố với những thằng bạn. Chưa từng bao giờ có một nữ nhi ngồi sau xe tôi, áp mình tin cậy vào tôi như thế này. Đây là lần đầu.

Chiếc Phụng Hoàng nặng chịch mà chẳng nặng một chút nào. Tôi guồng căng đạp, bám theo vệt trắng mập mờ của con đường, lên dốc, xuống dốc, quanh rẽ, lạng tránh, lao rất nhanh và phanh giật cục. Giang ngồi vững và thật êm sau tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi mới nói chuyện, mà chỉ Giang nói. Giang là trò Trung Vương, vừa tốt nghiệp lớp 10 trong năm, hiện giờ đã là sinh viên của trường Tổng hợp. Nhà cô trong ngõ Chợ phố Khâm Thiên. Túp nhà ban nãy là bố cô mượn của một người quen ở thị trấn để đón cô lên ăn Tết cùng ông. Mẹ cô mất năm ngoái, anh trai thì mới vừa đi Bê¹ tháng trước.

– Tết ra chơi với bố con em, anh nhé. Nhà chỉ hai bố con mà cái thị trấn khỉ ho cò gáy này thì buồn ơi là buồn. Em sẽ nói khó để bố vào hẳn đơn vị đón anh. Rồi chúng mình xin phép bố lĩnh về Hà thành vài hôm. Bố em chiều em lắm, sẽ đồng ý thôi. Mà bố đã thuận thì nhất định thủ trưởng đơn vị anh cũng nhất trí.

Chúng tôi chia tay ở chân đồi Gùng, đầu con đường mòn dẫn vào xóm Đuộm nơi đơn vị tôi trú quân.

– Hay là Tết em trốn vào đây với anh?

Giang hỏi, và không hiểu sao lại thở dài.

Tôi cứ đứng mãi ở ven đồi. Mặc dù không thể nhìn thấy gì trong màn đen dày đặc đêm cuối năm, tôi vẫn cứ nhìn mãi theo Giang. Chia tay, tôi đã không nói được một điều gì cả, đã không kịp ngỏ một lời nào. Cả địa chỉ của Giang nữa cũng không hỏi rõ. Chỉ biết Khâm Thiên, ngõ Chợ.

¹ Đi Bê: lên đường làm nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam (từ vĩ tuyến 17 trở vào).

Hai hôm sau, tối ngày 27 Tết, tiểu đoàn tôi nhỏ neo rời Bãi Nai. Hành quân qua Thường Tín, lên tàu ngay, không có 15 ngày phép thông lệ của lính Bê dài¹. Đây là một đợt tăng cường rất lớn cho chiến trường. Cả một Sư cùng lúc lên đường, gấp gáp tiến quân, vượt ngàn dặm Trường Sơn vào Nam. Vừa đặt chân lên đất Tây Nguyên đã vào ngay chiến dịch. Các đơn vị của Sư đoàn phiên hiệu khác đi nhưng vẫn giữ nguyên đội hình từ ngoài Bắc. Tiểu đoàn của tôi đánh trận mở màn, và đại đội của tôi là mũi chủ công. Trước giờ nổ súng, đích thân tham mưu trưởng sư² xuống kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của chúng tôi. Mặc dù ông xuống “kiềng” cùng với một nhóm khá đông trợ lý và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nai nịt như mọi người, tiểu liên AK, dép đúc, mũ cối, áo lính tô châu, nhưng trong bóng rừng nhập nhoạng tôi vẫn nhận ra ông ngay. Ông chính là “ông bô”³ của Giang!

Tôi toan lĩnh, song ông trông thấy tôi tức thì. “Kìa, Hùng, Hùng đấy hả Hùng!”. Giọng ông ngạc nhiên, mừng vui. Ông thân thiết xiết chặt tay tôi và không nén được, ông cảm động ôm lấy tôi. “Giang nó cứ nhắc cậu mãi, Hùng ạ. Nó cứ buồn vì không gặp lại được cậu trước khi chúng ta lên đường”. Ông bảo: “Giờ đây Giang nó ở lại ngoài đó có một mình”.

Gặp gỡ trước giờ nổ súng tất nhiên là chỉ thoáng nhanh, chỉ kịp nói mấy câu thể thôi. Tôi thì không nói được gì cả. Tôi chỉ ập ứng. Cả cái tên Hùng do con gái ông phía vợ ra, tôi cũng không thể cải chính.

Thời khắc gấp gáp không thể nấn ná, nhưng trước lúc đi, tham mưu trưởng sực nhớ một điều và vội vội ông nói với tôi: “Giang nó có gởi cháu tấm ảnh của nó, nhưng tiếc quá, lại không mang theo đây. Để bữa sau vậy, Hùng nhé...” 4

Theo dõi

4 Lời nói, thái độ của bố Giang dành cho “Hùng” ở đoạn này có gì khác lời nói, thái độ của ông ở đoạn trước?

Không có “bữa sau” ấy. Tôi không còn có dịp được gặp lại tham mưu trưởng. Cả tới mùa khô sau, được điều lên trinh sát sư đoàn, tôi vẫn không thể nào gặp lại được ông. Tham mưu trưởng của chúng tôi đã hi sinh vào cuối mùa khô năm đầu tiên sư đoàn chúng tôi lâm trận.

Chiến tranh, đời lính, tuổi trẻ, mọi sự là như thế, chỉ thể thôi, thoáng nhanh. Thoáng nhanh nhưng không tắt lịm. Chỉ thể thôi nhưng để rồi sau này cứ nhớ mãi. Trở thành nỗi đau. Những nỗi đau mất mát âm thầm.

Chắc là bây giờ Nhật Giang vẫn còn nhớ đến tôi, người lính trẻ vô danh hơn ba chục năm về trước. Tôi thì không bao giờ quên cô ấy, mặc dù thực ra là có gì đâu một tình cờ như thế, một gặp gỡ vắn vơ, lưu luyến mơ hồ gần như không có thật mà năm tháng cuộc đời cứ mãi chồng chất lên muốn xóa nhòa. 5

Suy luận

5 Hai đoạn văn này là lời của ai nói với ai?

(In trong *Bảo Ninh – những truyện ngắn*, tái bản, NXB Trẻ, 2021, tr. 25 – 35)

¹ Lính Bê dài: Bê dài: khu vực chiến trường vùng xa, vùng sâu phía cực Nam của Tổ quốc trong thời kì kháng chiến chống Mỹ (như Tây Nguyên, miền Đông, miền Tây Nam Bộ,...); lính Bê dài: chỉ những người lính trong quân đội nhân dân Việt Nam thời chống Mỹ làm nhiệm vụ chi viện cho các vùng chiến trường vừa nêu.

² Tham mưu trưởng sư: tham mưu trưởng sư đoàn, cũng là một trong các sĩ quan cấp phó cho Sư đoàn trưởng theo quy định trong Quân đội Nhân dân Việt Nam.

³ “Ông bô”: ông bố.

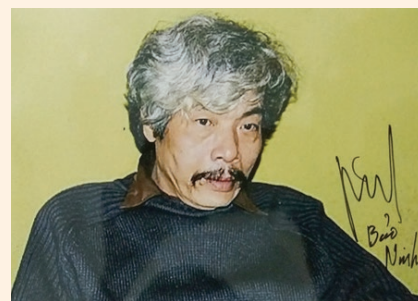
✓ **Sau khi đọc**

1. Nêu một số câu văn, đoạn văn có sự đan xen giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong văn bản trên.
2. Liệt kê những cuộc gặp gỡ giữa các nhân vật trong văn bản. Những cuộc gặp gỡ ấy cho thấy cách đối xử của con người với nhau, nhất là với những người lính trong hoàn cảnh chiến tranh như thế nào?
3. Đặc điểm, tính cách của một nhân vật trong truyện thường được thể hiện qua các hành vi, lời nói của nhân vật ấy trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, gắn với một hay một số điểm nhìn nhất định (của người kể chuyện, của chính nhân vật hoặc của một nhân vật khác,...). Hãy phân tích tính cách của nhân vật Giang theo gợi ý trong bảng dưới đây (làm vào vở):

Hình ảnh của Giang (1)	Qua điểm nhìn (2)	Nét tính cách nổi bật (3)
Tại giếng nước công cộng, khi tình cờ gặp anh tân binh.		
Tại nhà cùng với anh tân binh và bố Giang.		
Tại chiến trường qua lời của bố Giang.		

4. Nhận xét về cách lựa chọn và sử dụng ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm.
 5. Xác định chủ đề của tác phẩm và cho biết dựa vào đâu để bạn xác định như vậy.
 6. Theo bạn, tư tưởng của tác phẩm *Giang* là gì? Hai đoạn văn cuối có vai trò như thế nào trong việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm?
 7. Xung quanh việc Giang đột nhiên nhận “anh bộ đội” mới gặp lần đầu là bạn học của cô và “phịa” ra cái tên Hùng để giới thiệu anh với bố của mình, sau đó lại dùng xe đạp của bố để đưa anh về đơn vị,... có những ý kiến khác nhau. Một số người cho rằng Giang xử sự như thế là phù hợp với tình huống, hoàn cảnh cụ thể; một số khác lại phủ nhận điều đó. Hãy cho biết ý kiến của bạn.
- ✱ **Bài tập sáng tạo:** Giả sử sau ba mươi năm, “anh bộ đội” năm xưa và Giang tình cờ gặp lại nhau, câu chuyện giữa hai người cần được kể thêm một đoạn. Nếu được tác giả uỷ quyền, bạn sẽ viết tiếp câu chuyện như thế nào? Bạn có thể triển khai ý tưởng bằng nhiều hình thức dưới dạng một tranh vẽ, một bài thơ, một đoạn văn tự sự,...

Bảo Ninh (sinh năm 1952) tên thật là Hoàng Ấu Phương (ngoài ra còn có những bút danh khác như Nhật Giang, Mã Pí Lèng,...), là nhà văn quân đội, từng trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam trước 1975. Trong số những tác phẩm của ông, cuốn tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* được dịch ra khoảng 15 thứ tiếng và đạt nhiều giải thưởng quốc tế.



Bảo Ninh

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

✓ Đọc văn bản

XUÂN VỀ

Nguyễn Bính

Đã thấy xuân về với gió đông,
Vội trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời¹, đôi mắt trong.

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe²,
Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.
Lá nỡn, ngành non ai trắng bạc?
Gió về từng trận, gió bay đi...

Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung.
Đầy vườn hoa buổi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trắng hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Tay lần tràng hạt miệng nam vô³.

1937

(In trong *Tuyển tập Nguyễn Bính*, NXB Văn học, 1986, tr. 66)

¹ Giời: trời, phương ngữ Bắc Bộ.

² Chạy xun xoe: chạy nhanh, vốn vã, tỏ vẻ háo hức.

³ Nam vô: như nam mô.

✓ Sau khi đọc

1. Liệt kê một số hình ảnh gợi tả không khí “xuân về” trong bài thơ.
2. Phát biểu cảm nhận về một hình ảnh đặc trưng cho bức tranh mùa xuân làng quê Việt Nam trong bài thơ.
3. Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ và cho biết nhan đề *Xuân về* đã góp phần thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo ấy như thế nào.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Hãy chỉ ra biện pháp tu từ chêm xen và nêu tác dụng của biện pháp ấy trong các trường hợp dưới đây:
 - a. “– Có một nàng Bạch Tuyết các bạn ơi
Vội lại bảy chú lùn rất quấy!”
“– Mười chú chứ, nhìn xem, trong lớp ấy”
(Ôi những trận cười trong sáng đó lao xao).
(Hoàng Nhuận Cầm)
 - b. Đoạn ông mở gói giấy, lấy ra cục a nguyền – cái thứ thuốc dẻo quánh, màu vàng xỉn mà tôi đã thấy dạo trước – véo một miếng gắn vào đầu một cọng sậy. (Đoàn Giỏi)
 - c. Tôi thì không bao giờ quên cô ấy, mặc dù thực ra là có gì đâu một tình cờ như thế, một gặp gỡ vẩn vơ, lưu luyến mơ hồ gần như không có thật mà năm tháng cuộc đời cứ mãi chồng chất lên muốn xoá nhoà. (Bảo Ninh)
2. Chỉ ra biện pháp tu từ liệt kê và nêu tác dụng của biện pháp ấy trong các trường hợp sau:
 - a. Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, nương rạch, của đất ẩm và dưỡng khí thảo mộc thở ra từ bình minh. (Đoàn Giỏi)
 - b. Mấy con kì nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sặc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh... (Đoàn Giỏi)
 - c. Bà con xem, Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán. (Trích sử thi Đăm Săn)
 - d. Tôi đã cầm cây xà gạc phát rẫy mới này, tôi rạch rừng, tôi giết tê giác trong thung, giết cọp beo trên núi, giết kên kên, quạ dữ trên ngọn cây, chém ma thiêng quỷ ác trên đường đi. (Trích sử thi Đăm Săn)
3. Một ngôn ngữ được đánh giá là phát triển khi nó ngày càng có tính chất trí tuệ hoá và quốc tế hoá. Điều này rất quan trọng khi ta đặt tiếng Việt trong bối cảnh thời đại ngày nay: thời đại của thông tin, của trí tuệ; thời đại của hội nhập khu vực, hội nhập toàn cầu, ...
(Phạm Văn Đồng)

Thử đảo thứ tự các bộ phận trong những phép liệt kê trong đoạn văn trên rồi rút ra kết luận: xét về ý nghĩa, các phép liệt kê ấy có gì khác nhau?

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) trong đó có sử dụng biện pháp liệt kê và chêm xen về một trong hai nội dung dưới đây:

a. Kể lại ấn tượng của bạn về một vùng đất mà bạn đã đi qua.

b. Nêu cảm nghĩ về một nhân vật mà bạn cảm thấy gần gũi nhất trong hai văn bản *Đất rừng phương Nam* (trích) và *Giang*.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

(Trích)

An-phông-xơ Đô-đê

Lược dẫn: Câu chuyện diễn ra ở vùng An-dát (Alsace) nước Pháp. Sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871), Pháp thua phải cắt vùng đất này cho Phổ. Em bé Phrăng (Frantz) như thường lệ lại đi học trễ, nhưng không khí buổi học hôm nay thật sự khác biệt so với mọi ngày...

Tôi còn đang ngạc nhiên về tất cả những điều đó thì thầy Ha-men (Hamel) đã bước lên bục, rồi vẫn với giọng dịu dàng và trang trọng như lúc tôi mới vào, thầy nói với chúng tôi:

– Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc-lin (Berlin) là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-dát và Lo-ren (Lorraine)... Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. Thầy mong các con hết sức chú ý.

Mấy lời đó làm tôi choáng váng. A! Quân khốn nạn, thì ra đó là điều chúng vừa niêm yết¹ ở trụ sở xã.

Bài học Pháp văn cuối cùng của tôi!...

Mà tôi thì mới biết viết tập toạng! Vậy là sẽ chẳng bao giờ được học nữa ư, phải dừng ở đó ư!... Giờ đây tôi tự giận mình biết mấy về thời gian bỏ phí, về những buổi trốn học đi bắt tổ chim hoặc trượt trên hồ. Những cuốn sách vừa này tôi còn thấy chán ngán đến thế, mang nặng đến thế, quyển ngữ pháp, quyển thánh sử của tôi giờ đây dường như những người bạn cố tri mà tôi sẽ rất đau lòng phải giã từ. Cũng giống như thầy Ha-men. Cứ nghĩ thầy sắp ra đi và tôi không còn được gặp thầy nữa, là tôi quên cả những lúc thầy phạt, thầy vụt thước kẻ.

Tội nghiệp thầy!

Chính để tôn vinh buổi học cuối cùng này mà thầy đã vận y phục đẹp ngày chủ nhật và bây giờ tôi hiểu vì sao các cụ già trong làng lại đến ngồi ở cuối lớp học. Điều đó như nói rằng các cụ tiếc đã không lui tới ngôi trường này thường xuyên hơn. Dường như đó cũng là một cách để tạ ơn thầy giáo chúng tôi về bốn mươi năm phụng sự hết lòng, và để trồn đạo với Tổ quốc đang ra đi...

¹ Niêm yết: dán lên để báo cho mọi người biết.

Tôi đang suy nghĩ mung lung thì bỗng nghe gọi tên mình. Đến lượt tôi đọc bài. Giá mà tôi đọc được trót lọt cái quy tắc về phân từ hay ho ấy, đọc thật to, thật đông đặc, không phạm một lỗi nào thì dù có phải đánh đổi gì cũng cam; nhưng tôi lúng túng ngay từ đầu và tôi cứ đứng đung đưa người trước chiếc ghế dài, lòng rầu rĩ, không dám ngẩng đầu lên. Tôi nghe thấy thầy Ha-men bảo tôi:

– Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu, con bị trừng phạt thế là đủ rồi... con thấy đó. Ngày nào người ta cũng tự nhủ: “Chà! Còn khối thì giờ. Ngày mai ta sẽ học”. Và rồi con thấy điều gì xảy đến... Ôi! Tai họa lớn của xứ An-dát chúng ta là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai. Giờ đây những kẻ kia có quyền bảo chúng ta rằng: “Thế nào! Các người tự nhận là dân Pháp, vậy mà các người chẳng biết đọc, biết viết tiếng của các người!...”. Dù thế nào, thì Phrăng tội nghiệp của thầy ạ, con vẫn chưa phải là người đáng tội nhất! Mà tất cả chúng ta ai cũng có phần đáng tự chê trách.

Cha mẹ các con không thiết tha lắm với việc thấy các con có học thức. Cha mẹ thích cho các con làm việc đồng áng hoặc vào làm nhà máy sợi để kiếm thêm dăm xu. Cả thầy cũng không có gì để trách mình ư? Thầy đã chẳng sai các con tưới vườn thay vì học hành đó sao? Và khi thầy muốn đi câu cá hương, thầy có ngại ngừng cho các con nghỉ học đâu?...

Thế rồi, từ điều này sang điều khác, thầy Ha-men nói với chúng tôi về tiếng Pháp, bảo rằng đó là ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất: phải giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó, bởi vì khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù...

Rồi thầy cầm một quyển ngữ pháp và đọc bài học cho chúng tôi. Tôi kinh ngạc thấy sao mình hiểu đến thế. Tất cả những điều thầy nói, tôi thấy thật dễ dàng, dễ dàng. Tôi cũng cho là chưa bao giờ mình chăm chú nghe đến thế, và cả thầy giáo nữa, chưa bao giờ thầy kiên nhẫn giảng giải đến thế. Cứ như thể trước khi ra đi, con người tội nghiệp muốn truyền thụ toàn bộ tri thức của mình, muốn đưa ngay một lúc tri thức ấy vào đầu óc chúng tôi.

Xong bài giảng, chuyển sang viết tập. Thầy Ha-men đã chuẩn bị cho ngày hôm đó những tờ mẫu mới tinh, trên có viết bằng “chữ rông”¹ thật đẹp: Pháp, An-dát, Pháp, An-dát. Những tờ mẫu treo trước bàn học trông như những lá cờ nhỏ bay phấp phới khắp xung quanh lớp. Ai nấy đều chăm chú hết sức và cứ im phăng phắc! Chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy. Có lúc những con bọ dừa bay vào nhưng chẳng ai để ý, ngay cả những trò nhỏ nhất cũng vậy, chúng đang cặm cụi vạch những nét sổ với một tấm lòng, một ý thức, như thể cái đó cũng là tiếng Pháp... Trên mái nhà trường, chim bồ câu gù thật khê, và tôi vừa nghe vừa tự nhủ:

– Liệu người ta có bắt cả chúng nó cũng phải hót bằng tiếng Đức không nhỉ?

¹ “Chữ rông”: kiểu chữ viết có nét tròn và đậm nét, thường dùng để viết văn bằng, giấy khen.

Chốc chốc, ngược mắt khỏi trang giấy, tôi thấy thầy Ha-men đứng lặng im trên bục và đắm đắm nhìn những đồ vật quanh mình như muốn mang theo trong ánh mắt toàn bộ ngôi trường nhỏ bé của thầy... Bạn nghĩ mà xem! Từ bốn mươi năm nay, thầy vẫn ngồi ở chỗ ấy, với khoảng sân trước mặt và lớp học y nguyên không thay đổi. Có chẳng những chiếc ghế dài, những bàn học dùng nhiều đã nhẵn bóng, những cây hồ đào ngoài sân đã lớn, và cây hu-blông¹ tự tay thầy trồng giờ đây quán quýt quanh các khung cửa sổ lên tận mái nhà. Con người tội nghiệp hẳn phải nát lòng biết mấy khi già từ tất cả những vật ấy, khi nghe thấy tiếng người em gái đi đi lại lại, đóng hòm xiểng, ở gian phòng bên trên, vì ngày mai họ phải ra đi, rời khỏi xứ sở này mãi mãi.

Tuy nhiên, thầy vẫn đủ can đảm dạy chúng tôi cho đến hết buổi. Sau tiết viết tập đến bài Lịch sử, rồi những trò nhỏ cất tiếng đọc đồng thanh như hát Ba Be Bi Bo Bu². Đằng kia, cuối phòng học, cụ Hô-de (Hauser) đã đeo kính lên, và nâng cuốn sách vỡ lòng bằng hai tay, cụ đánh vần từng chữ theo bọn trẻ. Cả cụ cũng chăm chú, giọng cụ run run vì xúc động; nghe cụ đọc thật kì cục, đến nỗi tất cả chúng tôi muốn cười và cũng muốn khóc... Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này!

Bỗng đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ, rồi đến chuông cầu nguyện buổi trưa. Cùng lúc đó, tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ... Thầy Ha-men đứng dậy trên bục, người tái nhợt. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế.

– Các bạn, thầy nói, hỡi các bạn, tôi... tôi...

Nhưng cái gì đó khiến thầy nghẹn ngào, không nói được hết câu.

Thầy bèn quay về phía bảng, cầm một hòn phấn và dần mạnh hết sức, thầy cố viết thật to:

“NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!”.

Rồi thầy đứng đó, đầu dựa vào tường, và chẳng nói, giơ tay ra hiệu cho chúng tôi: “Kết thúc rồi... đi đi thôi!”.

(In trong *Những vì sao*, An-phông-xơ Đô-đê, Trần Việt – Anh Vũ dịch, NXB Hội Nhà văn, 2006, tr. 280 – 286)

Hướng dẫn đọc

1. Tóm tắt câu chuyện trong văn bản trên.
2. Xác định chủ đề và thông điệp của văn bản. Theo bạn, nhan đề *Buổi học cuối cùng* có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của văn bản?
3. Câu chuyện về buổi học cuối cùng được kể qua điểm nhìn của ai? Việc sử dụng điểm nhìn ấy mang lại ưu thế gì cho việc kể lại câu chuyện?
4. Phân tích nhân vật thầy Ha-men trong *Buổi học cuối cùng*.
5. Kết thúc câu chuyện gọi cho bạn suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa ngôn ngữ dân tộc và lòng yêu quê hương, đất nước?

¹ Hu-blông (*houblon*): cây thân leo, hoa dùng làm hương liệu trong công nghệ làm bia, có nơi gọi là cây hoa bia.

² Ba Be Bi Bo Bi: âm tiết tiếng Pháp với phụ âm “B” ở đầu, dùng để học vần tiếng Pháp.



VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM TỰ SỰ HOẶC TÁC PHẨM KỊCH

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch là kiểu bài nghị luận văn học sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự (sử thi, truyện kể, truyện ngắn, tiểu thuyết, kí,...) hoặc tác phẩm kịch (chèo, tuồng, hài kịch, bi kịch,...).

Yêu cầu đối với kiểu bài:

Ngoài những yêu cầu về nội dung nghị luận và kĩ năng nghị luận như đã trình bày, khi thực hiện bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự/ kịch, bạn cần phân tích, nhận xét về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật theo đặc trưng thể loại.

- Với các tác phẩm truyện ngắn, tiểu thuyết hay sử thi thì cần tập trung *cách xây dựng tình huống truyện, miêu tả nhân vật, sử dụng ngôi kể, điểm nhìn, lời của người kể chuyện, đối thoại, độc thoại của nhân vật,...*
- Với các tác phẩm truyện kí, hồi kí, du kí, nhật kí, phóng sự,... thì cần tập trung vào các yếu tố *tạo nên tính xác thực của sự kiện, chi tiết,...*
- Với các tác phẩm kịch (chèo, tuồng; bi kịch, hài kịch, chính kịch) thì cần tập trung vào các yếu tố như *mâu thuẫn, xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại,...*
- **Bố cục bài viết gồm các phần:**

Mở bài: giới thiệu tác phẩm tự sự/ tác phẩm kịch (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...); nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.

Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm phân tích, đánh giá tác phẩm theo một trình tự nhất định (chủ đề trước, nghệ thuật sau; nghệ thuật trước, chủ đề sau hoặc kết hợp cả hai).

Kết bài: khẳng định lại một cách khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm; nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức tác phẩm.

Thực tế và mộng tưởng trong *Cô bé bán diêm* (Andersen)¹

[...]

Lời kể xen kẽ này có tác dụng rất lớn để đưa người đọc xâm nhập vào thế giới mộng tưởng của nhân vật. Sự chuyển biến từ thế giới bên ngoài vào thế giới tâm trạng của em bé được dẫn dắt dần dần. Người kể đôi lúc dừng lại, nhắc về cảnh ngộ thực tại của em bé: “Em bần thần cả người và chột nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm”. Thực tế đó càng tăng thêm phần nghiệt ngã với em bé và vì thế càng thôi thúc em tìm đến với chốn bình yên: cõi mộng ảo. ^[1] Ngay sau khi que diêm cháy hết, “lò sưởi biến mất”, em lại tiếp tục quẹt diêm để được sưởi ấm, để được sống trong bầu không khí ấm áp dễ chịu. Các lần quẹt diêm và hiệu quả mà nó mang lại được miêu tả như sau: ^[2a]

Lần	Thế giới mộng tưởng	Thực tế
1	Lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng.	Em vừa đuổi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất... Đêm nay về nhà thế nào cũng bị cha mắng.
2	Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ quý giá và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa... tiến về phía em bé.	Trước mặt em chỉ còn là những bức tường dày đặc và lạnh lẽo... chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả,... phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xoá, gió bắc vi vu,... khách qua đường hoàn toàn lãnh đạm với em.
3	Một cây thông Nô-en lộng lẫy hàng ngàn ngọn nến sáng rực, nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ.	Diêm tắt và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.
4	Bà em đang mỉm cười với em. Em xin được đi cùng bà.	Diêm tắt và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.
5	Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà nắm tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên.	Em bé chết.

“Truyện có nhiều hơn năm lần quẹt diêm bởi bốn lần đầu, mỗi lần em chỉ quẹt một que. Riêng lần thứ năm em quẹt liên tục hết cả bao diêm. Mục đích của lần quẹt cuối cùng này là để giữ ảo ảnh lại. Vì qua ánh sáng của que diêm, em bé được gặp bà, bởi “em muốn níu bà lại”.

[1]: Nêu nhận định chung về tác dụng của lời kể đan xen thực tế và mộng tưởng.

[2a]: Người viết liệt kê, so sánh các lần quẹt diêm của cô bé, xem đó như là cách tạo ra thế giới mộng tưởng mong che lấp thực tế.

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Như thế, ánh sáng từ ngọn lửa que diêm đảm nhận hai chức năng: vừa sưởi ấm (chức năng này không quan trọng vì ngọn lửa diêm thì quá nhỏ nhoi trước trời tuyết mênh mông), vừa thấp sáng lên thế giới mộng ảo, cái thế giới mang lại hạnh phúc cho em. Nhưng rồi khi cháy hết, que diêm tắt, em bé chỉ còn lại bóng đêm và nỗi ngổ ngàng, hiu quạnh. Những trạng từ được sử dụng kèm theo trạng từ “tắt” càng làm tăng thêm nỗi hụt hẫng kia: “lửa vụt tắt”, “que diêm vụt tắt”, “que diêm tắt phụt”. Bốn lần thấp lửa, bốn lần lửa tắt, bốn lần ảo ảnh hạnh phúc vụt qua nhanh. Để níu giữ hư ảnh, diêm phải liên tục được đốt lên toả sáng. Niềm hạnh phúc của em bé cũng chỉ nhỏ nhoi như ngọn lửa diêm trong mịt mùng số phận của đêm giao thừa buốt giá. Điều nghịch lí ở đây là: hư ảnh càng được giữ lại, càng rõ nét bao nhiêu thì linh hồn em bé (nếu có linh hồn), sự sống của em bé càng leo lét, càng rời xa thể xác, xa sự sống bấy nhiêu. ^[2b]

[2b]: Sự lẩn át qua lại giữa mộng ảo (khi diêm sáng) và thực tế (khi diêm tắt).

Toàn bộ câu chuyện là bức tranh sáng tối của một cuộc đời. Điểm khép mở hay cũng chính là vùng giao thoa kia chấp chờn theo ngọn lửa diêm toả sáng. Trước khi quẹt diêm, em bé đã ở vào cảnh ngộ mất bà, mất nhà, mất đêm giao thừa với cây thông Nô-en, phải lang thang dưới trời giá lạnh. Sau khi quẹt diêm, quá trình mất mát đó lại được bù đắp theo chiều ngược lại: diêm sáng, lò sưởi hiện lên, ngỗng quay hiện lên, cây thông Nô-en hiện lên, người bà em hiện lên,...

Theo lô-gíc của dòng vận động ấy, ta cứ ngỡ em bé sẽ tìm được hạnh phúc, sẽ thấy được phép màu của câu chuyện cổ tích hiện ra. Nhưng có một sự thật nghiệt ngã hơn bao sự thật đấy là trong niềm hạnh phúc hoang tưởng đó, em bé bán diêm vĩnh viễn ra đi.

[...]

(Lê Huy Bắc, “*Nghệ thuật kể chuyện trong Cô bé bán diêm*”, in trong *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 10-2021, tr.10 – 12)

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài, hãy cho biết:

1. Ngữ liệu trên đã là một bài viết hoàn chỉnh hay chưa? Những dấu hiệu nào giúp bạn xác định như vậy?
2. Luận điểm được tập trung phân tích, đánh giá trong ngữ liệu là gì?
3. Chỉ ra sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng trong ngữ liệu.
4. Người viết đã có những nhận xét gì về tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong tác phẩm?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Đề 1: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

Đề 2: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một màn kịch mà bạn đã học hoặc đã đọc.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

Tham khảo các bài trước (Bài 1, Bài 6) để xác định đề tài cho phù hợp. Với hai đề bài nêu trên, phạm vi cho phép bạn lựa chọn rất rộng. Bạn có thể chọn một tác phẩm truyện hoặc một màn kịch nào đó để phân tích, đánh giá. Xem danh mục tác phẩm dưới đây.

Truyện: *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Giang* (Bảo Ninh), *Buổi học cuối cùng* (An-phông-xơ Đô-đê), *Hai vạn dặm dưới đáy biển* (Giuyyn Véc-nơ), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần),...

Kịch: *Xã trưởng – Mẹ Đốp* (trích *Quan Âm Thị Kính*, chèo cổ); *Huyện Trìa, Đề Hầu, Sư Nghêu mắc lỡm Thị Hến* (trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, tuồng đồ); *Lời nói dối cuối cùng*; *Hồn Trương Ba, da Hàng Thịt* (Lưu Quang Vũ),...

Việc xác định mục đích viết, người nghe, thu thập tư liệu, bạn thực hiện như đã tiến hành ở các bài học trước.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để xác định các nội dung chính của bài phân tích, bạn có thể đặt và trả lời các câu hỏi: *Chủ đề của tác phẩm này là gì? Những tác phẩm nào có cùng chủ đề? Chủ đề của tác phẩm cần phân tích, đánh giá đó có gì sâu sắc, mới mẻ? Chủ đề đó bao gồm các khía cạnh nào và được khơi sâu nhờ bút pháp thế nào? ...* (Tìm ý cho việc phân tích, đánh giá chủ đề).

Hoặc các câu hỏi: *Tác phẩm được sáng tác theo thể loại nào (truyện, kịch)? Thể loại ấy có những điểm gì đáng lưu ý (trong cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, điểm nhìn, lời kể, lời thoại,...)? Các yếu tố hình thức nghệ thuật của tác phẩm có gì đặc sắc và đã góp phần thể hiện chủ đề thế nào? (Tìm ý cho việc phân tích, đánh giá các nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật).*

Lập dàn ý

Sắp xếp, trình bày các ý đã tìm thành một dàn ý (theo bố cục nêu trong *Tri thức về kiểu bài*). Riêng với dàn ý phần thân bài, bạn cần:

- Lần lượt chi tiết hoá các luận điểm.
- Thân bài cần trình bày ít nhất hai luận điểm, một luận điểm phân tích, đánh giá chủ đề và một luận điểm phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (gắn với đặc trưng thể loại), hoặc trong mỗi luận điểm, kết hợp phân tích, đánh giá chủ đề với phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề.

Ví dụ: dàn ý cho bài phân tích, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện trong truyện *Cô bé bán diêm*, các luận điểm đã được sắp xếp như sau:

1. **Lời kể theo dòng tâm trạng** (Lí lẽ và bằng chứng)
2. **Lời kể xen kẽ thực tế và mộng tưởng** (Lí lẽ và bằng chứng)
3. **Nhiều kiểu lời văn** (Lí lẽ và bằng chứng)

Một ví dụ khác: nếu đề bài là phân tích đánh giá một màn kịch (chẳng hạn: *Huyện Trĩ*, *Đề Hầu*, *Sư Nghêu Mắc lõm Thị Hến*), các luận điểm chính trong phần thân bài có thể sắp xếp như sau:

1. Màn kịch đã phơi bày bộ mặt gian trá, những nhiều và háo sắc của các nhân vật “tai to mặt lớn” như quan huyện, thầy đề, kẻ đội lốt thầy tu; khẳng định sự khôn ngoan, sắc sảo của những người đàn bà goá, nạn nhân của sự những nhiều ở thôn quê ngày xưa. (Lí lẽ và bằng chứng)

2. Màn kịch sử dụng tình huống hài kịch quen thuộc (“gài bẫy” và “mắc lõm”) với sự dẫn dắt mâu thuẫn khéo léo, bất ngờ, hành động giàu kịch tính. (Lí lẽ và bằng chứng)

3. Màn kịch sử dụng thủ pháp đối lập và ngôn ngữ đối thoại của hài kịch để khắc hoạ nổi bật tính cách của các nhân vật: Thị Hến, Sư Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trĩ. (Lí lẽ và bằng chứng)

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, bạn hãy viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần:

- Thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch* nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt.
- Chú ý cách diễn đạt sáng rõ, khúc chiết, linh hoạt.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Bạn hãy đọc lại bài viết và tự đánh giá theo bảng kiểm:

**Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận
phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch**

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu tác phẩm tự sự/ kịch (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).		
	Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.		
Thân bài	Xác định chủ đề của tác phẩm.		
	Phân tích, đánh giá chủ đề của tác phẩm.		
	Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.		
	Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.		
	Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về tác phẩm.		
	Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
Kết bài	Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của tác phẩm.		
	Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức tác phẩm.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm (lí lẽ và bằng chứng) hợp lí.		
	Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng đúng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng được các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ.		



NÓI VÀ NGHE

**GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT
CỦA MỘT TÁC PHẨM TỰ SỰ HOẶC TÁC PHẨM KỊCH**

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài là xác định tên tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch cụ thể mà bạn chọn để giới thiệu. Bạn có thể chọn giới thiệu tác phẩm mà mình đã thực hiện bài viết hoặc một tác phẩm khác.

• Các khâu xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói, bạn tiến hành như đã thực hiện ở Bài 1, Bài 6.

• Bước *tìm ý* của bài nói về cơ bản không khác với bước tìm ý cho bài viết. Tuy nhiên, với bài nói này, bạn cần ghi lại:

- Tên tác phẩm, tên tác giả, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.
- Một số ý về nhân vật, cốt truyện, chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm.
- Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm và tác dụng của chúng.
- Nhận xét, đánh giá của bạn về tác phẩm.

• Bước *lập dàn ý*: thực hiện như khi lập dàn ý cho bài viết. Nếu đề tài trùng với đề tài bài viết, bạn có thể tận dụng dàn ý của bài viết. Tuy vậy, vẫn cần chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài nói với các thông tin chuẩn xác để sử dụng khi nói:

- Thông tin về tác phẩm tác giả, bối cảnh,...
- Tóm tắt cốt truyện: mâu thuẫn, sự kiện gắn với các nhân vật chính, cách giải quyết mâu thuẫn.

– Nêu những điểm nổi bật về nghệ thuật: người kể chuyện, nhân vật, không gian, thời gian, ngôn ngữ, điểm nhìn,... (truyện ngắn, tiểu thuyết), tính xác thực của sự kiện, chi tiết (truyện kí, hồi kí, du kí,...), mâu thuẫn, xung đột, hành động, lời thoại (kịch),... kết hợp với một số bằng chứng tiêu biểu trong tác phẩm để chứng minh.

- Nêu một số nhận định quan trọng khi đánh giá, nhận xét về tác phẩm.

• Bước *luyện tập*: thực hiện như ở các bài trước.

Bước 2: Trình bày bài nói

Để tăng sức thuyết phục, truyền cảm và tương tác hiệu quả trong khi nói, bạn cần lưu ý:

• Trình bày rõ ràng, mạch lạc, từ tốn và tập trung nhấn mạnh vào những đánh giá về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm; nên triển khai luận điểm ý kiến từ khái quát đến cụ thể.

- Đưa ra lí lẽ và các bằng chứng tin cậy (trích dẫn từ văn bản).
- Sử dụng ngữ điệu linh hoạt, cử chỉ phù hợp, kết hợp sử dụng một số hình ảnh trực quan (nếu có).
- Di chuyển hợp lí trong không gian nói để có tương tác với người nghe, kết hợp tương tác bằng ánh mắt,...

Bước 3: Trao đổi và đánh giá

- **Trao đổi**: Tiến hành như đã thực hiện ở các bài trước.
- **Đánh giá**: Cần tự đánh giá kĩ năng nói và nghe của bạn trong cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe.

Trong vai trò người nói, bạn sử dụng các gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu tác phẩm tự sự/ kịch: tên tác phẩm, thể loại, tác giả (nếu có).		
	Nêu khái quát nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính).		
Nội dung chính	Trình bày ý kiến đánh giá về chủ đề của tác phẩm.		
	Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của tác phẩm.		
	Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.		
	Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận của người nói về tác phẩm.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

Trong vai trò người nghe, bạn sử dụng các gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng nghe giới thiệu đánh giá về nội dung, hình thức của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Dự kiến những điều cần trao đổi về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm tự sự/ kịch.		
	Đọc tác phẩm, tìm hiểu những tài liệu liên quan, chủ đề bài nói.		
	Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.		

Lắng nghe và ghi chép	Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khoá, sơ đồ.		
	Ghi chép tóm tắt đánh giá của người nói về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.		
	Ghi lại câu hỏi liên quan đến nội dung và nghệ thuật của tác phẩm nảy sinh trong quá trình nghe.		
Trao đổi, nhận xét, đánh giá	Xác nhận lại quan điểm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân.		
	Khẳng định sự đồng tình với những ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói.		
	Nhận xét về cách trình bày bài nói.		
Thái độ và ngôn ngữ	Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá.		
	Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói.		

ÔN TẬP

1. Lập bảng đối chiếu chủ đề, thông điệp, tư tưởng, điểm nhìn trần thuật của các văn bản truyện đã đọc trong Bài 8 *Đất nước và con người*.
2. Nêu nhận xét của bạn về một nhân vật trong văn bản *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi) hoặc *Giang* (Bảo Ninh).
3. Cho biết tác dụng của thành phần chêm xen và thành phần liệt kê trong đoạn văn mà bạn đã viết ở mục *Từ đọc đến viết*.
4. Việc viết một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch có những điểm khác biệt đáng lưu ý nào so với việc viết một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình?
5. Bạn rút ra được kinh nghiệm gì trong việc trình bày bài giới thiệu, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch?
6. Các văn bản *Đất rừng phương Nam*, *Giang* và *Xuân về* gợi cho bạn những suy nghĩ và tình cảm gì đối với quê hương đất nước, con người Việt Nam?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản; nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả; vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội (qua văn bản và từ văn bản); nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.
- Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.
- Viết được một bài luận về bản thân.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Mục đích và quan điểm của người viết trong văn bản nghị luận

Mỗi văn bản được viết ra đều nhằm một mục đích nhất định. *Mục đích của văn bản nghị luận* là thuyết phục người đọc về ý kiến, tư tưởng của người viết trước một vấn đề, hiện tượng trong đời sống.

Quan điểm của người viết là cách người viết nhìn nhận, đánh giá vấn đề, hiện tượng cần bàn luận; thể hiện ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối trước vấn đề, hiện tượng ấy.

Yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận

Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh, những câu văn có sức truyền cảm, truyền tải tình cảm, cảm xúc của người viết. Nhằm tăng sức thuyết phục, văn nghị luận cần sử dụng yếu tố biểu cảm để tác động vào tình cảm của người đọc. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận cần chân thực, đảm bảo sự mạch lạc, chặt chẽ của bài nghị luận.

Lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa

Tương tự như các câu trong một đoạn văn, các đoạn văn trong một văn bản cũng cần liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức. Ngoài những lỗi giống như lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn (xem *Tri thức tiếng Việt*, bài *Tạo lập thế giới*), trong văn bản còn có những lỗi khác như:

- Lỗi không tách đoạn

Các ý không được tách ra bằng cách chấm xuống dòng (dấu hiệu hình thức).

Ví dụ:

(1) Không gian và thời gian của thần thoại có những nét đặc biệt. (2) Không gian là thế giới đang trong quá trình tạo lập, không xác định nơi chốn cụ thể. (3) Thời gian mang tính cổ sơ, vĩnh hằng và không xác định. (4) Nhân vật thần thoại là các vị thần có hình dáng khổng lồ, sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới. (5) Các nhân vật này thường có tính cách đơn giản, một chiều.

Cách chỉnh sửa: Tách đoạn bắt đầu từ câu (4).

- Lỗi tách đoạn tùy tiện

Ví dụ:

(1) Dịch Covid-19 bùng phát khiến cho cuộc sống của những người nghèo càng thêm chật vật. (2) Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn này, đã có nhiều hành động thiết thực, ý nghĩa để chia sẻ gánh nặng với họ.

(3) Đó là sự xuất hiện của “cây ATM gạo”, quán ăn từ thiện, điểm cấp phát khẩu trang và nước sát khuẩn miễn phí,... (4) Chưa bao giờ truyền thống “lá lành đùm lá rách” của dân tộc Việt Nam lại được thể hiện rõ như lúc này.

Cách chỉnh sửa: Không tách đoạn mà chỉ viết một đoạn, tức là viết câu (3) ngay sau câu (2).



ĐỌC

Độc lập, tự do là khát vọng chính đáng của mỗi đất nước, mỗi dân tộc, mỗi cá nhân. Trong bài học này, qua việc học các văn bản nghị luận, bạn sẽ hiểu thêm về những trang sử vẻ vang bảo vệ chủ quyền đất nước của dân tộc ta, giá trị của độc lập, tự do.



Hịch là thể văn nghị luận thời trung đại, thường được vua chúa, tướng lĩnh, hoặc thủ lĩnh một phong trào viết để khích lệ, kêu gọi, thuyết phục mọi người đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.

Hịch tướng sĩ (Dụ chư tì tướng hịch văn) được Trần Quốc Tuấn viết vào trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần hai (1285).

✓ Trước khi đọc

Bạn hãy sưu tầm tư liệu, hình ảnh, phim tài liệu, giai thoại,... để chia sẻ với các thành viên trong lớp về chủ đề:

1. Hào khí Đông A¹ của quân dân nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
2. Tài và đức của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

✓ Đọc văn bản

1. Ta thường nghe: Kỷ Tín² đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu³ chĩa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng⁴ nuốt than báo thù cho chủ; Thân Khoái⁵ chặt tay cứu nạn cho nước; Kính Đức⁶ một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh⁷, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!

¹ Hào khí Đông A: Đông A là chiết tự từ chữ Trần, hào khí Đông A là hào khí Đại Việt thời nhà Trần, một thời đại với nhiều thành tựu rực rỡ trong công cuộc giữ nước và dựng nước.

² Kỷ Tín: bầy tôi trung thành của Hán Cao Tổ (tức Lưu Bang, Trung Quốc). Khi Lưu Bang bị Hạng Vũ (vua nước Sở) vây bắt, Kỷ Tín giả làm Lưu Bang ra hàng, bị Hạng Vũ giết. Lưu Bang nhờ thế mà thoát nạn.

³ Do Vu: một viên tướng của Sở Chiêu Vương (thời Xuân Thu). Sở Chiêu Vương lánh nạn, ở trọ, bị kẻ cướp đâm, Do Vu đã chĩa lưng đỡ mũi giáo cứu Chiêu Vương thoát chết.

⁴ Dự Nhượng: người đời Tần (thời Chiến Quốc), gia thần của Trí Bá. Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng nuốt than cho khác giọng, giả làm người hủi, mưu giết Tương Tử báo thù cho chủ. Điển tích Dự Nhượng thường được nêu làm tấm gương về lòng tận trung của kẻ bề tôi quyết tâm báo thù cho chủ.

⁵ Thân Khoái: viên quan giữ ao cá của Tề Trang Công (thời Xuân Thu). Khi Trang Công bị Thôi Trử giết, Thân Khoái chặt tay bày tỏ lòng trung thành rồi chết theo chủ.

⁶ Kính Đức: tức Uất Trì Cung, viên tướng phò tá Đường Thái Tông (thời Sơ Đường). Khi Đường Thái Tông (lúc còn là Tán Vương) bị Vương Thế Sung vây, Kính Đức đã lấy mình che chở cho Thái Tông thoát nạn.

⁷ Cảo Khanh: tức Nhan Cảo Khanh, làm chức Thái thú dưới đời Đường Huyền Tông. Khi An Lộc Sơn làm loạn, Nhan Cảo Khanh dấy binh đánh lại. Bị bắt, ông không chịu hàng mà chửi mắng An Lộc Sơn, dù bị cắt lưỡi vẫn không sợ.

Các người con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xa xưa, ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống, Nguyên mới đây.

Vương Công Kiên là người thế nào, tì tướng của ông là Nguyễn Văn Lập lại là người thế nào, mà giữ thành Điều Ngự nhỏ như cái đầu, đường đường chống với quân Mông Kha đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời Tống đến nay còn đời ơn sâu!¹

Cốt Đãi Ngột Lang² là người thế nào, tì tướng của ông là Xích Tu Tư³ lại là người thế nào, mà xông vào chỗ lam chướng⁴ xa xôi nghìn trùng, đánh bại được quân Nam Chiếu⁵ trong vài tuần, khiến cho quân trưởng⁶ đời Nguyên đến nay còn lưu tiếng tốt! ❶

Suy luận

❶ Những nhân vật lịch sử được nêu ở phần 1 có điểm gì chung?

2. Huống chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ⁷, thác mệnh Hốt Tất Liệt⁸ mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Văn Nam Vương⁹ mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa¹⁰, ta cũng vui lòng. ❷

Suy luận

❷ Trong phần 2, tác giả đã sử dụng từ ngữ, hình ảnh, câu văn nào để bày tỏ tình cảm của bản thân?

3. Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng; đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì.

¹ Đời Tống, Vương Công Kiên cùng tì tướng là Nguyễn Văn Lập đóng giữ thành Điều Ngự (ở Tứ Xuyên, Trung Quốc); tướng Mông Kha (Mông Cổ) đem quân tới đánh, bốn tháng không hạ được thành, phải rút lui.

² Cốt Đãi Ngột Lang: một tướng giỏi của Mông Cổ, từng đem quân đi đánh Nam Chiếu.

³ Xích Tu Tư: tướng Mông Cổ.

⁴ Lam chướng: khí độc bốc lên ở vùng rừng núi khiến người dễ sinh bệnh.

⁵ Nam Chiếu: một nước nhỏ ở vào khoảng giữa hai tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam, Trung Quốc.

⁶ Quân trưởng: chức quan trên ở trong quân đội.

⁷ Tể phụ: bậc quan đầu triều, giúp vua trị nước. Ở đây muốn nhắc đến sự việc Sài Thung (Lễ bộ thượng thư nhà Nguyên) sang sứ nước ta, nghênh ngang cưỡi ngựa đi qua cửa Dương Minh (chỉ dành cho vua đi) thẳng vào đại điện; khi Thái sư Trần Quang Khải đến gặp, y không thèm tiếp.

⁸ Hốt Tất Liệt: tức Nguyên Thế Tổ.

⁹ Văn Nam Vương: tước hiệu của Thoát Hoan, con thứ chín của Hốt Tất Liệt, trực tiếp cầm đầu quân Mông – Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ hai.

¹⁰ Nghìn xác này gói trong da ngựa: mượn ý câu nói của Mã Viện đời Hán chép trong sách *Sử kí*: “Thần nam nhi phải chết ở nơi biên dã, lấy da ngựa bọc thầy đem về”; ý nói làm trai phải xả thân nơi chiến trường vì nghĩa lớn.

Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức; nghe nhạc thái thường¹ để đãi yến nguy sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển; hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con; hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh; hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát² tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mào cò bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dầu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý hơn nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bìu con dúi, việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chớ sẵn tuy khoẻ khôn đuổi được quân thù; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái ấp³ của ta không còn, mà bổng lộc các người cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khổ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tiếng xấu còn lưu, mà đến gia thanh⁴ các người cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dầu các người muốn vui vẻ phỏng có được không?

Nay ta bảo thật các người: nên nhớ câu “đặt mỗi lửa vào dưới đồng củi”⁵ là nguy cơ, nên lấy câu “kiêng canh nóng mà thổi rau nguội”⁶ làm răn sợ. Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên; khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ⁷; có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết⁸, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai⁹. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các người cũng đời đời hưởng thụ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão; chẳng những tông miếu của ta sẽ được muôn đời tế lễ, mà tổ tông các người cũng được thờ cúng quanh năm; chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà đến các người trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền; chẳng những danh hiệu ta không bị mai một, mà tên họ các người cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ, dầu các người không muốn vui vẻ phỏng có được không? **3**

Suy luận

3 Giọng điệu ở phần 3 là người trên nói với kẻ dưới hay là lời người đồng cảnh ngộ?

¹ *Nhạc thái thường*: nhạc của triều đình trong những dịp tế lễ quan trọng ở tông miếu. Bấy giờ, trong những buổi yến tiệc tiếp sứ giặc, triều đình nhà Trần phải dùng đến nhạc thái thường để giúp vui, Trần Quốc Tuấn coi đó là điều nhục nhã.

² *Giặc Mông Thát*: chỉ quân Nguyên.

³ *Thái ấp*: phần đất vua ban cho quý tộc.

⁴ *Gia thanh*: thanh danh của một dòng họ.

⁵ *Đặt mỗi lửa vào dưới đồng củi*: ý nói phải cảnh giác như nằm trên đồng củi mà có mỗi lửa ở dưới (lấy ý một câu văn của *Hán thư*).

⁶ *Kiêng canh nóng mà thổi rau nguội*: theo một câu của *Sở từ*, ý nói: người từng bị bỏng vì canh nóng, trong lòng e sợ, gặp rau nguội cũng lấy miệng thổi. Ở đây, Trần Quốc Tuấn mượn điển tích này để nhấn mạnh việc phải luôn đề cao cảnh giác trước kẻ thù xâm lược.

⁷ *Bàng Mông, Hậu Nghệ*: hai nhân vật bắn cung rất giỏi trong thần thoại Trung Quốc.

⁸ *Cửa khuyết*: cửa lớn ở kinh thành.

⁹ *Cảo Nhai*: nơi trú ngụ của các vua chư hầu khi vào châu vua Hán ở Trường An, Trung Quốc.

4. Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là *Binh thư yếu lược*¹. Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ²; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây sau khi giặc đã dẹp yên, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa? Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

(Theo bản dịch trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X – thế kỉ XVII*, in lần thứ hai, NXB Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 131 – 335)

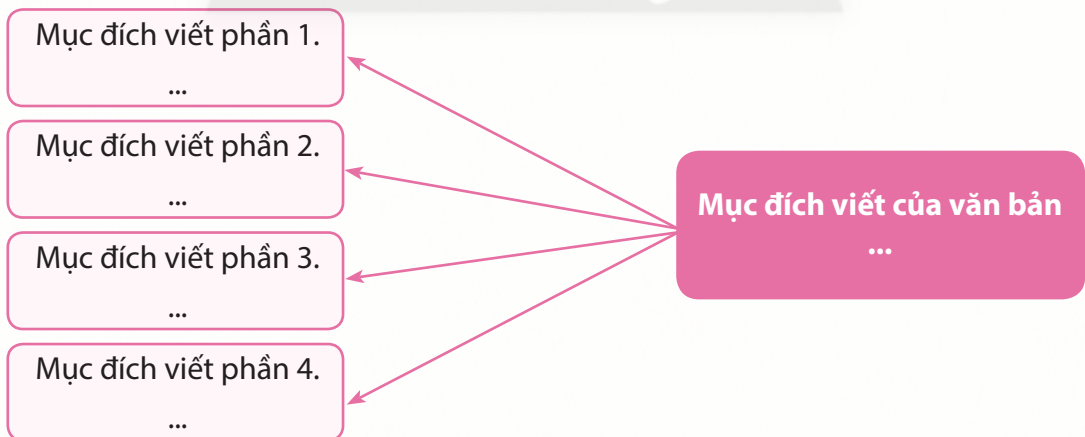
✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt các phần của *Hịch tướng sĩ* và chỉ ra hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản theo mẫu sau (làm vào vở):

TT	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1
2
3
4

2. Chỉ ra một số yếu tố biểu cảm được sử dụng trong văn bản *Hịch tướng sĩ* (chú ý đến giọng văn, hình ảnh so sánh, ẩn dụ, cấu trúc điệp, tương phản,...). Theo bạn, các yếu tố biểu cảm này có tác dụng gì?

3. Hãy chỉ ra mục đích viết của từng phần và mục đích viết của văn bản theo sơ đồ sau (làm vào vở):



¹ *Binh thư yếu lược*: những điều cốt yếu nhất trong binh thư, bộ sách do Trần Quốc Tuấn biên soạn về binh pháp, nhằm mục đích chống giặc ngoại xâm.

² *Đạo thần chủ*: đạo nghĩa giữa gia tướng, gia nô (thần) với lãnh chúa (chủ).

4. Cách sắp xếp các luận điểm có tác dụng như thế nào trong việc thực hiện mục đích của văn bản?
5. Qua văn bản, Trần Quốc Tuấn đã thể hiện quan điểm như thế nào về trách nhiệm của các tướng sĩ với đất nước trong việc chống quân Mông – Nguyên xâm lược?
6. Theo bạn, hào khí Đông A đã thể hiện như thế nào trong văn bản *Hịch tướng sĩ*?
7. Văn bản *Hịch tướng sĩ* gọi cho bạn suy nghĩ gì về tình yêu nước? Hãy thực hiện một sản phẩm sáng tạo (tranh minh họa, áp phích, clip ngắn,...) để thể hiện suy nghĩ của mình.



Trần Quốc Tuấn (1231? – 1300), tước Hưng Đạo Đại Vương, là một danh tướng kiệt xuất thời nhà Trần. Khi quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (năm 1285) và lần thứ ba (năm 1287), Trần Hưng Đạo được Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh các đạo quân và đều thắng lợi vẻ vang. Ông được nhân dân tôn thờ là Đức Thánh Trần, lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước.

Một số tác phẩm của ông là *Hịch tướng sĩ*, *Binh thư yếu lược*.

VĂN BẢN 2

NAM QUỐC SƠN HÀ¹ – BÀI THƠ THÂN² KHẲNG ĐỊNH CHÂN LÍ ĐỘC LẬP CỦA ĐẤT NƯỚC³

Theo Nguyễn Hữu Sơn

Trước khi đọc

Ghi lại những suy nghĩ, cảm nhận của bạn về bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

¹ *Nam quốc sơn hà*: bài thơ thất ngôn tứ tuyệt viết bằng chữ Hán, tương truyền của Lý Thường Kiệt, dân gian tin rằng bài thơ này do thần linh đọc để giúp Lý Thường Kiệt chống quân Tống.

Phiên âm:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Dịch thơ:

*Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Vằng vặc sách trời chia xứ sở.
Giặc dữ có sao phạm đến đây,
Chúng mày nhất định phải tan vỡ.*

(Bản dịch của Lê Thuộc và Nam Trân, in trong *Ngữ văn 7*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2014, tr.63)

² *Bài thơ Thân*: theo quan niệm của người xưa, đó là bài thơ do thần sáng tác nhưng theo kiến giải của các nhà nghiên cứu thực chất đó là bài thơ do trí thức đương thời viết ra, lưu truyền, chỉnh sửa rồi đưa vào các huyền thoại, huyền sử, truyền thuyết,...

³ Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

Chân lí độc lập chủ quyền của đất nước đã được tác giả khẳng định từ đầu bài thơ. Ngay từ câu thơ mở đầu, người đọc đã bắt gặp tiếng nói khẳng định sông núi nước Nam là “vua Nam ở” (Nam đế cư). Trong chữ Hán, chữ “đế” và chữ “vương” đều dịch là “vua”, đều là đại diện cho nước cho dân. Tuy nhiên “đế” bao giờ cũng cao hơn “vương”. Trong xã hội phong kiến Trung Hoa thường tôn tại vị hoàng đế có uy quyền tuyệt đối trong một triều đại chính thống, còn lại người đứng đầu các nước nhỏ yếu bốn phương nếu quy phục sẽ được phong vương. Tại Việt Nam dưới thời Bắc thuộc, ngay cả thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa cũng chỉ gắn với chữ “vương” như “Trung Nữ Vương” (Trung Trắc – Trưng Nhị), “Triệu Việt Vương” (Triệu Quang Phục), Bồ Cái Đại Vương (Phùng Hưng) “Tiền Ngô Vương” (Ngô Quyền). [...] Rõ ràng với sự trưởng thành của ý thức dân tộc và quyền độc lập dân tộc, câu thơ đã nhấn mạnh việc nước Nam có quyền tự chủ, có hoàng đế riêng, khác biệt với người phương Bắc. Cần lưu ý thêm, các triều đại ở Việt Nam về sau này vẫn tôn vinh ngôi “đế” nhưng trong chiếu biểu, thư từ với nước lớn lại vẫn xưng “vương”, thực hiện kế sách ngoại giao mềm dẻo nhằm tới mục đích “hàng phục giả vờ, độc lập thật”.

Theo dõi

Xác định những câu văn cho thấy tác giả đã liên hệ với bối cảnh văn hoá, xã hội để hiểu câu thơ sâu sắc hơn.

Câu thơ thứ hai tiếp tục khẳng định quyền độc lập và tính chất chính nghĩa của việc phân chia lãnh thổ. Mỗi quốc gia, dân tộc tồn tại và phát triển đều có cội nguồn truyền thống và mang tính quy luật tất yếu. Cách nói “định phận tại thiên thu” (định phận tại sách trời) của người xưa thể hiện nhận thức chung về sự phân định rõ ràng, dứt khoát về bờ cõi nước Nam phải là của người Nam. Trên thực tế, không thể có một thứ “sách trời” nào nhưng cách hiểu, cách nói mang tính biểu tượng này thể hiện được chân lí về quyền được sống của mỗi dân tộc. Cùng với câu mở đầu, cả hai câu thơ tạo nên sự hô ứng và đều hướng tới khẳng định bờ cõi núi sông riêng, khẳng định truyền thống văn hiến dân tộc, khẳng định chân lí tồn tại vĩnh hằng của cả một quốc gia, đất nước.

Tiếp đến câu thơ thứ ba nêu lên hiện tượng, sự việc “nghịch lỗ lai xâm phạm” (kẻ thù lại dám đến xâm phạm), trong đó chỉ rõ sự đối lập, đối nghịch của loại người bị coi là “kẻ thù”, xác định rõ dã tâm và mục đích của hành vi xâm lấn, xâm lược, xâm phạm,... Điều này như được nhấn mạnh bởi câu thơ mở đầu bằng ngữ khí¹ phản vấn², đặt câu hỏi “Như hà” (Có sao?...), chỉ rõ sự phi lí, phi nghĩa của ngoại bang, đồng thời gián tiếp khẳng định thể đứng và tính chất chính nghĩa của vua tôi nước Nam trong cuộc chiến đấu chống kẻ xâm lược. Câu thơ cũng có ý nghĩa khơi gợi tinh thần yêu nước, chỉ cho người nghe, người đọc hiểu được hành động ngang ngược của quân giặc và liên hệ đến ý thức trách nhiệm của mỗi người trước hiện tình³ đất nước.

¹ *Ngữ khí*: ngữ điệu thể hiện thái độ, tình cảm của người nói (người viết).

² *Phản vấn*: hỏi ngược lại.

³ *Hiện tình*: tình hình hiện tại.

Câu kết của bài thơ vang lên như một lời cảnh báo, lời hiệu triệu, lời tiên tri khẳng định quân ta nhất định thắng, quân giặc nhất định thua. Cách ứng đối, cách gọi quân giặc là “nhữ đảng” (bọn chúng bay, chúng mày,...) bộc lộ thái độ khinh khi, căm thù không đội trời chung, phân biệt rạch ròi giữa hai chiến tuyến ta và kẻ xâm lược. Một kết cuộc tất yếu sẽ đến, sẽ xảy ra. Kẻ nuôi tham vọng xâm lược sẽ phải trả giá, gieo gió phải gặt bão, phải chứng kiến và chấp nhận chuốc lấy bại vong “thủ bại hư” (nhận lấy sự thất bại tan tành)... Như vậy, nếu câu thơ thứ ba xác định chủ thể xâm lược là “nghịch lỗ” (quân giặc) thì đến câu kết, chính bọn chúng lại trở thành đối tượng của quá trình thất bại, vừa là kẻ gây xâm lược vừa là kẻ bại trận, chấp nhận bại vong hứng chịu hậu quả “bại hư” do chúng gây nên.

Bài thơ *Nam quốc sơn hà* thuộc hệ thống thơ Đường luật, thể thơ tứ tuyệt. Với niêm luật chặt chẽ, các câu một, hai, bốn hiệp vần thanh bằng với nhau ở chữ cuối (“cư”, “thu”, “hư”) đã tạo nên một âm hưởng hùng tráng, giọng thơ đanh thép. Đặt trong tương quan chung, hai câu đầu thiên về tiếng nói khái quát, tiếng nói khẳng định quyền độc lập dân tộc; hai câu thơ sau thiên về phản ánh hiện tình đất nước và lời cảnh báo, cảnh cáo của cả một dân tộc trước giặc ngoại xâm. Bài thơ, vì thế, xứng đáng được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, vừa khẳng định chủ quyền về cương giới, lãnh thổ vừa thể hiện ý chí bảo vệ toàn vẹn nền độc lập, tự chủ và quyết tâm đánh tan mọi kẻ thù xâm lược.

(In trong *Giảng văn Văn học Việt Nam Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010, tr. 142 – 146)

✓ Sau khi đọc

1. Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản trên dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Luận điểm 1:
Luận điểm 2:
Luận điểm

2. Văn bản trên được viết ra nhằm mục đích gì? Tác giả đã thể hiện quan điểm như thế nào khi bàn về bài thơ *Nam quốc sơn hà*?
3. Các luận điểm trong văn bản được sắp xếp theo trình tự nào? Cách sắp xếp ấy có tác dụng gì?
4. Ở đoạn văn đầu tiên, tác giả đề cập đến sự phân biệt “đế” và “vương” trong xã hội phong kiến Trung Hoa nhằm mục đích gì?
5. Tác giả cho rằng bài thơ *Nam quốc sơn hà* “xứng đáng được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc”. Bạn có đồng ý với ý kiến này hay không? Vì sao?

ĐẤT NƯỚC

(Trích)

Nguyễn Đình Thi

✓ Đọc văn bản

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may¹
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

(In trong tập *Tia nắng*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983, tr. 33 – 35)

¹ Hơi may: hơi của gió heo may, loại gió lạnh và khô, thổi vào mùa thu.

✓ Sau khi đọc

1. Không gian của “những ngày thu đã xa” được tái hiện qua những hình ảnh nào trong văn bản trên? Hãy ghi lại những hình dung, tưởng tượng mà các hình ảnh thơ ấy gợi ra cho bạn.
2. Hình ảnh “mùa thu nay” khác gì với “những ngày thu đã xa”? Theo bạn, điều gì làm nên sự khác biệt đó?
3. Xác định và nêu hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa*

4. Đọc lại bốn dòng cuối của đoạn trích và cho biết: tiếng của “những buổi ngày xưa vọng nói về” gửi gắm thông điệp gì đến chúng ta?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và nêu cách sửa lỗi không tách đoạn và lỗi tách đoạn tùy tiện trong các trường hợp dưới đây:

a.

Xuân Diệu quan niệm thời gian, mùa xuân, tuổi trẻ là một đi không trở lại.

Vì thế, ông luôn lo âu khi thời gian trôi mau, bởi mỗi khắc trôi qua sẽ mất đi vĩnh viễn. Cách sử dụng các cặp từ ngữ đối lập, tương phản “tới – qua”, “non – già” đã cho thấy sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước bước đi của thời gian, khẳng định cho quan niệm thời gian đặc sắc, mới mẻ của ông. Dưới lăng kính rất riêng của mình, Xuân Diệu nhìn thấy cái kết thúc ngay từ khi mới bắt đầu, sự tàn tạ ngay trong sự phôi thai. Đối diện với sự thật hiển nhiên rằng xuân sẽ qua, sẽ già, sẽ hết và tuổi trẻ cũng mất, Xuân Diệu không khỏi thẳng thốt viết nên những câu thơ ngậm ngùi, nghẹn ngào đầy nuối tiếc: “Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật”. “Lòng tôi” và “lượng trời” vốn là hai thái cực tương phản của cái hữu hạn và vô hạn, nay cái hữu hạn được đẩy lên làm trung tâm càng khiến cho tâm trạng tiếc nuối trước cuộc đời của nhà thơ được tô đậm.

b.

Cái dữ dội, nguy hiểm của dòng sông còn được nhà văn tạo hình ở đoạn miêu tả mặt ghềnh Hát Loóng. Bằng kiến thức địa lí sâu rộng, vốn từ ngữ phong phú, Nguyễn Tuân đã tái hiện thành công vẻ đẹp hung bạo của dòng sông: “Lại như quăng mặt ghềnh... lật ngửa bụng thuyền ra”. Câu văn trái dài, chia làm nhiều vế ngắn, có sự trùng điệp về cấu trúc tạo nên nhịp nhanh, mạnh, gấp gáp để diễn tả phản ứng dây chuyền giữa sóng, gió, nước và đá, chứa đựng đầy sự hiểm nguy. Sự nguy hiểm còn thể hiện qua những cái hút nước trên sông với âm thanh ghê rợn “ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”. Âm thanh ấy vừa dữ dội, vừa kì quái như phát ra từ cổ họng của một con quái vật. Trường liên tưởng được đẩy đến giới hạn xa nhất khi Nguyễn Tuân vẽ ra cảnh một anh bạn quay phim tảo tợn ngồi vào thuyền thúng để thả mình vào cái hút nước xoáy kinh dị ấy.

2. Chỉ ra lỗi về mạch lạc trong các trường hợp dưới đây và nêu cách sửa:

Ở dạng nguyên chất, nước không màu, không mùi, không vị. Nước bao phủ 70% diện tích trái đất. Vì thế, phải chăng chúng ta có thể thoải mái sử dụng nước mà không lo chúng bị cạn kiệt không? Đừng vội mừng, chỉ có 0.3% tổng lượng nước trên trái đất là con người có thể dùng được, phần còn lại là nước mặn ở các đại dương. Vậy, chúng ta cần phải sử dụng như thế nào để bảo vệ nguồn nước ít ỏi và quý giá này?

Vì nước là thứ quý hiếm nhất hành tinh nên nhiều quốc gia đang xung đột với nhau khi cùng sử dụng những “con sông chung” như sông Mê Kông (Mekong), sông Ấn, sông A-ma-dôn (Amazon),... Khi những bất đồng về việc chia sẻ nguồn nước giữa các quốc gia không được giải quyết thoả đáng bằng biện pháp hoà bình thì rất có thể sẽ xảy ra chiến tranh. Chẳng hạn, lịch sử đã ghi lại cuộc chiến dai dẳng giữa người I-xra-en (Israel) và người Pa-lét-xo-tin (Palestine) được cho là một phần do tranh giành nguồn nước.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Bạn hãy sưu tầm 5 hình ảnh về chủ đề *Tuổi trẻ và đất nước*, viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) giới thiệu những hình ảnh ấy đến các bạn trong lớp. Hãy chỉ ra sự liên kết về nội dung và hình thức trong đoạn văn của bạn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

TÔI CÓ MỘT GIẤC MƠ

(Trích)

Mác-tin Lu-thơ Kinh



Hình: Mác-tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King) đọc bài diễn thuyết “Tôi có một giấc mơ”¹

tại Đài tưởng niệm Lin-cơn ngày 28-8-1963

(Nguồn: Bóp A-đen-man (Bob Adelman))

¹ *Bối cảnh sáng tác văn bản:* Vào ngày 28-8-1963, tác giả Mác-tin Lu-thơ Kinh đã giúp đỡ tổ chức cuộc tuần hành tại Oa-sinh-tơn (Washington) với hơn 20 000 người tham gia. Cuộc tuần hành nhằm mục đích kêu gọi thông qua Đạo luật Dân quyền năm 1964 – đạo luật công nhận quyền bình đẳng cho người da đen. Tác giả Mác-tin Lu-thơ Kinh đọc bài diễn thuyết này trong cuộc tuần hành, dưới Đài Tưởng niệm Tổng thống Áp-ra-ham Lin-cơn (Abraham Lincoln) tại Oa-sinh-tơn, Mỹ.

Tôi vui mừng được sát cánh bên các bạn ngày hôm nay, trong một sự kiện mà lịch sử sẽ ghi nhận là cuộc tuần hành vì tự do vĩ đại nhất trong lịch sử đất nước chúng ta.

Một trăm năm trước, một người Mỹ vĩ đại mà ngày hôm nay chúng ta đang đứng dưới bóng tượng đài của Người, đã kí bản *Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ*¹. Văn kiện trọng đại này đã xuất hiện như một ngọn đuốc hi vọng soi đường cho hàng triệu nô lệ da đen, những con người bị thiêu đốt trong lò lửa của bất công, bạo tàn. Văn kiện ấy đã đến như ánh bình minh rực rỡ kết thúc đêm trường tù ngục.

Nhưng rồi, một trăm năm sau, người da đen vẫn chưa được tự do. Một trăm năm sau, cuộc sống của người da đen vẫn còn bị thít chặt trong gông cùm của luật cách li² và xiềng xích của óc kì thị. Một trăm năm sau, người da đen vẫn phải sống trong một hoang đảo nghèo đói giữa đại dương bao la của sự phồn thịnh vật chất. Một trăm năm sau, người da đen vẫn phải sống mòn trong những góc khuất của xã hội Mỹ và thấy mình chỉ là kẻ lưu vong ngay trên quê hương mình. Chính vì thế nên ngày hôm nay chúng ta đến đây để quyết liệt lên tiếng về thảm trạng này. [...]

Ngọn lửa mùa hè mang bao cảm phần chính đáng của người da đen sẽ không bao giờ tắt ngụi nếu như làn gió mùa thu của tự do và công bằng không thổi tới. Năm 1963 không phải là một kết cục, mà là một khởi đầu. Nước Mỹ sẽ không có bình an, sẽ không có yên tĩnh, nếu như người da đen chưa giành được quyền công dân. Bao lốc của những cuộc nổi dậy sẽ vẫn tiếp tục rung chuyển nền móng quốc gia cho đến khi nào mặt trời công lí trời dậy.

Nhưng có một điều mà tôi phải nói với những đồng chí của tôi, những con người đang đứng trước ngưỡng cửa của lâu đài công lí. Trong quá trình chiến đấu giành lấy lại địa vị xứng đáng của mình, chúng ta không được phép hành động sai lầm. Đừng làm dịu cơn khát tự do của mình bằng cách uống li oán hận và thù hằn. Cuộc đấu tranh của chúng ta bao giờ cũng phải dựa trên nền tảng cao quý của nhân phẩm và kỉ cương. Chúng ta không được để cho cuộc phản kháng đầy sáng tạo của chúng ta sa vào bạo loạn. Qua từng buổi tuần hành, chúng ta sẽ phải tự nâng bản thân lên đến tầm cao mới, để đáp trả sức mạnh bạo lực bằng sức mạnh tâm hồn. Tinh thần chiến đấu quật cường mới vừa trào sôi trong cộng đồng người da đen không được đẩy chúng ta đến chỗ ngờ vực tất cả người da trắng, bởi lẽ, như ta thấy đang hiện diện ở đây hôm nay, có rất nhiều người anh em da trắng đã nhận ra rằng vận mệnh của họ gắn liền với vận mệnh của chúng ta, rằng tự do của họ không thể tách rời với tự do của chúng ta. Chúng ta không thể bước đi một mình.

¹ *Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ*: văn bản hành pháp do Tổng thống Áp-ra-ham Lin-cơn ban hành lần đầu ngày 22-9-1862, tuyên bố trả tự do cho tất cả nô lệ da đen thuộc các bang miền Nam ở Mỹ.

² *Luật cách li*: đạo luật quy định người da đen phải ở trong những khu nhà ở riêng, làm việc ở các cơ sở riêng và sử dụng các dịch vụ giáo dục, y tế, vận chuyển riêng so với người da trắng.

Và khi bước đi, chúng ta phải đảm bảo rằng mình luôn tiến về phía trước. Chúng ta không thể quay lại vị trí cũ. Đã có những câu hỏi đặt ra cho những người đấu tranh đòi bình đẳng: “Đến bao giờ các người mới hài lòng?”. Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng một khi người da đen vẫn còn là những nạn nhân cam lạng của vấn nạn bạo lực từ cảnh sát. Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng một khi, sau chặng đường dài mệt mỏi, ta vẫn không thể tìm được chốn nghỉ chân trong quán trọ ven xa lộ hay khách sạn trong thành phố. Chúng ta sẽ không hài lòng khi nào con cái chúng ta bị tước đoạt nhân phẩm và lòng tự trọng bởi những tấm biển đề “Chỉ dành cho người da trắng”. Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng khi người da đen ở Mi-xi-xi-pi¹ không có quyền bầu cử, khi người da đen ở Niu Oóc (New York, tin rằng có đi bầu cũng chẳng để làm gì². Không, không, chúng ta không hài lòng, và chúng ta sẽ không hài lòng cho đến khi nào “mưa công lí tuôn rơi cùng với dòng sông của chính nghĩa”³. [...]

Đừng bao giờ rơi vào vực sâu tuyệt vọng. Các bạn của tôi, hôm nay tôi xin chia sẻ với các bạn rằng, mặc dù chúng ta vẫn đang phải đối mặt với bao khó khăn của hiện tại và tương lai, tôi vẫn có một giấc mơ. Đó là một giấc mơ bắt nguồn sâu thẳm từ trong giấc mơ của nước Mỹ⁴.

Tôi mơ rằng một ngày nào đó, đất nước của chúng ta sẽ trỗi dậy và sống chân thực với niềm tin của mình: “Chúng tôi coi sự thật này là điều hiển nhiên: rằng tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng”⁵.

Tôi mơ rằng một ngày nào đó, trên những ngọn đồi đất đỏ ở Gioóc-giơ⁶, con cái của những nô lệ ngày xưa cùng con cái của những chủ nô ngày xưa sẽ ngồi bên nhau trong tình anh em bằng hữu.

Tôi mơ rằng một ngày nào đó, ngay cả bang Mi-xi-xi-pi, nơi dồn nén hăm hập bao sức nóng của bất công và áp bức, rồi cũng sẽ chuyển mình thành một ốc đảo của tự do và công bằng.

Tôi mơ rằng bốn đứa con nhỏ của tôi, một ngày nào đó, sẽ được sống ở một đất nước nơi người ta không phán xét chúng bằng màu da, mà phán xét bằng nhân cách của chúng.

Ngày hôm nay, tôi có một giấc mơ. [...]

(Trích *Những bài diễn văn bất tử: những bài diễn văn vĩ đại của những người vĩ đại*, Hat-so-va-han Đốt-tơ (Harshvardhan Dutt), NXB Iu-ni-con Búc-xơ (Unicorn Books), Niu Đê-li (New Delhi), 2007, bản dịch của Phạm Ngọc Lan.

Nguồn: Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến, số 7 (4), 2021, tr. 142 – 148)

¹ *Mi-xi-xi-pi* (Mississippi): một bang miền Nam nước Mỹ, nơi các đạo luật phân biệt chủng tộc được thực thi gay gắt.

² Mặc dù ở Niu Oóc người da đen được quyền đi bầu, nhưng không có đại biểu nào đại diện cho người da đen.

³ Trích *Kinh Thánh*, bản in của Mỹ.

⁴ *Giấc mơ của nước Mỹ*: niềm tin rằng nước Mỹ luôn tạo ra cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người, bất kể xuất thân, hoàn cảnh, địa vị xã hội,... Đây là niềm tin quan trọng, có ảnh hưởng sâu rộng đến người dân Mỹ.

⁵ Trích *Tuyên ngôn Độc lập Mỹ*, được Quốc hội Mỹ ban hành ngày 4-7-1776.

⁶ *Những ngọn đồi đất đỏ ở Gioóc-giơ* (Georgia): vùng đồi đất đỏ ở bang Gioóc-giơ, miền Nam nước Mỹ, là nơi tập trung nhiều đồn điền trồng bông lớn của các điền chủ da trắng trước khi nổ ra Nội chiến Nam – Bắc Mỹ (1861 – 1865).

Hướng dẫn đọc

1. Văn bản viết ra nhằm mục đích gì? Quan điểm của Mác-tin Lu-thơ Kinh là gì?
 2. Xác định các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tác giả nêu trong văn bản và vẽ sơ đồ chỉ ra mối liên hệ giữa các yếu tố ấy.
 3. Có thể thay đổi trật tự các luận điểm trong văn bản trên được không? Từ đó, bạn hãy nhận xét về cách sắp xếp luận điểm trong văn bản.
 4. Bạn hãy tìm hiểu thêm về “giấc mơ của nước Mỹ”. Từ đó, hãy lí giải nguyên nhân tác giả chọn “Tôi có một giấc mơ” làm ý tưởng chủ đạo xuyên suốt văn bản.
 5. Bạn hãy xác định và phân tích vai trò của một số yếu tố biểu cảm được sử dụng trong văn bản.
- ✱ **Bài tập sáng tạo:** Chỉ ra một số điểm giống nhau, khác nhau về bối cảnh ra đời các bản “tuyên ngôn độc lập” trong văn học Việt Nam: *Nam quốc sơn hà* (tương truyền của Lý Thường Kiệt), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi).



VIẾT

VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN

Kiểu bài:

Bài luận về bản thân là kiểu bài người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng để trình bày những đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của mình (tính cách, đam mê, quan điểm sống,...), nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về mình, đồng tình với hành động, giải pháp của mình.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Người viết trình bày được đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân.
- Bài viết đưa ra được những bằng chứng để làm rõ cho những đặc điểm của bản thân.
- Các thông tin đưa ra trong bài viết cần xác thực, đáng tin cậy.
- Bài viết có thể triển khai theo bố cục:

Mở bài: giới thiệu đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân.

Thân bài: giới thiệu khái quát thông tin về bản thân; phân tích các đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân; đưa ra những bằng chứng để làm rõ cho những đặc điểm ấy. Các ý được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Kết bài: khẳng định lại các đặc điểm của bản thân; nêu một thông điệp có ý nghĩa.

Bài luận về đam mê của bản thân

Gắn bó với con chữ từ ngày đầu tập đọc, học viết, tôi đã say sưa với những câu chuyện cổ tích, nhiều lần được cùng khóc cùng cười trong thế giới văn chương, từ những bài học bổ ích về giá trị sống trong cuộc hành trình của Rê-mi (Remi) trong *Không gia đình* đến những trang văn dữ dội của một “thế hệ mất mát” với Hê-minh-uây (Hemingway), Gat-xơ-bi (Gatsby),... Những trải nghiệm trong thế giới văn chương đã thắp lên trong tôi niềm đam mê văn học và gọi ra cho tôi những ý tưởng thực hiện những kế hoạch đưa văn học gần hơn với cuộc sống ^[1]. Tôi tên là N.Đ.L.T, mười lăm tuổi, hiện đang học tại trường L.H.P. Như các đã nêu trong hồ sơ đính kèm, tôi đã theo đuổi niềm đam mê văn chương từ khi học Trung học cơ sở.

Niềm đam mê văn học trong tôi đến từ việc viết. Từ sự vui thú khi được đọc sách, tôi đã bắt đầu thói quen viết lách: viết về mình, về cuộc sống xung quanh, viết để tìm kiếm bản thân và để được là chính mình ^[2]. Tôi đã lập một trang bờ-lóc (blog) mang tên “Ngày ngày đọc sách” để chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân về những cuốn sách mình đã đọc. Độc giả của tôi chủ yếu là người trẻ, những bạn học sinh cùng lứa tuổi, có cả những anh, chị sinh viên. Việc viết lách đã giúp tôi mở rộng thế giới của riêng mình để kết nối với mọi người. Có những em học sinh trung học cơ sở nhắn tin cảm ơn tôi vì nhờ những bài viết trên bờ-lóc, các em đã tìm đọc được những cuốn sách hay, phù hợp với lứa tuổi. Cũng có những độc giả chia sẻ sự đồng cảm, thấu hiểu với những bài viết của tôi. Tôi cũng nhận được nhiều ý kiến phản hồi, tranh luận về những cuốn sách nổi tiếng, thu hút sự quan tâm của cộng đồng. Trang “Ngày ngày đọc sách” đã mang đến cho tôi những đối thoại văn chương thú vị, giúp tôi có cơ hội gặp gỡ, quen biết nhiều người bạn có cùng đam mê với văn chương. ^[3]

Sau hơn một năm thành lập bờ-lóc, với mục tiêu đem đến nhiều giá trị thực tiễn hơn cho cộng đồng, vào tháng 3 năm 2020, tôi và nhóm bạn đã phát động chiến dịch quyên góp sách cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong thành phố mang tên “Thắp sáng” trên chính trang bờ-lóc này. Sau một tháng diễn ra chiến dịch, chúng tôi đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình từ cộng đồng mạng với hơn 500 đầu sách đa dạng về thể loại gửi đến các em học sinh. Những dự định, kế hoạch thành công là tín hiệu tốt giúp củng cố niềm tin của tôi vào sự phát triển của văn hoá đọc, giúp đưa văn chương đến gần hơn với các bạn trẻ. ^[4]

Những hoạt động trên chỉ là bước đầu trên hành trình chinh phục đam mê với văn chương của mình. Tôi có ước mơ trở thành một biên tập viên giỏi. Và hành trình chinh phục đam mê của tôi vẫn đang tiếp diễn với những kế hoạch cụ thể. Tôi vẫn tiếp tục trau dồi kiến thức văn học qua việc đọc sách. Những năm vừa qua, tôi đã tham gia dự

[1]: Giới thiệu đặc điểm ấn tượng, tiêu biểu về bản thân.

[2], [3]: Phân tích đặc điểm của bản thân và đưa ra những bằng chứng làm rõ cho đặc điểm ấy.

[4]: Những thông tin cụ thể về thời gian, địa điểm sự việc trong đoạn này giúp tăng tính xác thực, đáng tin cậy của bài viết.

án “Dấu ấn Truyện Kiều” (2018) trình diễn sản phẩm sân khấu hoá một số đoạn trích *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) được giảng dạy trong nhà trường, dự án “Nhật kí đọc sách” (2020) giúp rèn luyện kĩ năng đọc sách cho các bạn học sinh khối 10. Trong năm 2020, tôi cũng đã có cơ hội trở thành cộng tác viên trong ban biên tập kỉ yếu kỉ niệm 20 năm thành lập trường. Trong quá trình làm việc, tôi được rèn luyện thêm về kĩ năng viết cũng như được đào tạo qua công việc thực tiễn để khắc phục những nhược điểm như chưa tiết chế khi viết, bài viết còn lan man, dàn trải,... Trong tương lai, tôi dự định sẽ thi vào ngành Văn học và ngôn ngữ để tiếp tục học hỏi, trau dồi để theo đuổi ước mơ trở thành biên tập viên. ^[5]

Ở tuổi mười sáu, đam mê văn chương luôn cháy bỏng trong tôi. Tôi luôn tâm niệm: văn học cần gắn với cuộc sống, và việc đọc sách là nhịp cầu kết nối những tâm hồn. Tôi tin rằng niềm đam mê, kiến thức và những kinh nghiệm thực tế mà mình tích lũy được sẽ giúp tôi tiếp tục tiến xa trên hành trình chinh phục những mục tiêu, dự định phía trước. ^[6]

(Bài viết của học sinh)

[5]: Bài luận có thể nêu mục tiêu của bản thân và kế hoạch thực hiện.

[6]: Khẳng định lại đặc điểm ấn tượng, tiêu biểu của bản thân, truyền một thông điệp có ý nghĩa.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Bố cục bài viết đã đáp ứng được yêu cầu đối với kiểu bài viết *bài luận về bản thân* hay chưa?
2. Các bằng chứng được nêu trong bài luận có đặc điểm gì?
3. Người viết đã làm gì để bài luận xác thực, đáng tin cậy?
4. Bạn có nhận xét gì về giọng điệu, ngôn ngữ của bài luận?
5. Ở kết bài, thông điệp mà người viết nêu lên là gì? Bạn có nhận xét gì về thông điệp ấy?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Các câu lạc bộ ở trường bạn đang tổ chức tuyển thành viên. Bạn hãy viết bài luận giới thiệu bản thân để ứng tuyển vào câu lạc bộ bạn yêu thích.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

Đề tài của bài luận là những đặc điểm tiêu biểu, nổi bật về bản thân. Để lựa chọn được đề tài phù hợp, trước tiên bạn cần dành thời gian suy ngẫm về những đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân mình và liệt kê ra nháp.

Bạn cũng có thể hỏi ý kiến từ những người thân, bạn bè, thầy cô để có được cái nhìn khách quan về bản thân mình, thực hiện theo bảng sau (làm vào vở):

TT	Người cho ý kiến	Ưu điểm của tôi	Những điểm tôi cần hoàn thiện	Ấn tượng đặc biệt về tôi
1	Bố			
2	Mẹ			
3	Bạn thân			
4	Giáo viên chủ nhiệm			
5

Những ý kiến được lập lại trong bảng trên là những nhận xét, đáng tin cậy về bản thân bạn.

Trên cơ sở các thông tin đã thu nhận được, bạn lựa chọn đặc điểm tiêu biểu, nổi bật để triển khai bài luận bằng cách trả lời một số câu hỏi:

- Đặc điểm nào sẽ giúp tôi hoà nhập với môi trường tôi muốn tham gia?
- Đặc điểm nào của tôi phù hợp với những yêu cầu, tiêu chí xét tuyển?
- Đặc điểm nào của tôi khiến tôi trở nên đặc biệt?
- Đặc điểm nào của tôi gắn với những câu chuyện, thông điệp giàu ý nghĩa?

Sau đây là một số đề tài gợi ý:

- Châm ngôn sống của tôi.
- Mục tiêu dài hạn, ngắn hạn của tôi và kế hoạch thực hiện.
- Những trải nghiệm đã giúp tôi thay đổi cách nhìn về cuộc sống.
- ...

Xác định mục đích viết và người đọc

- Bạn viết bài này nhằm mục đích gì?
- Người đọc của bạn có thể là ai?

Thu thập tư liệu

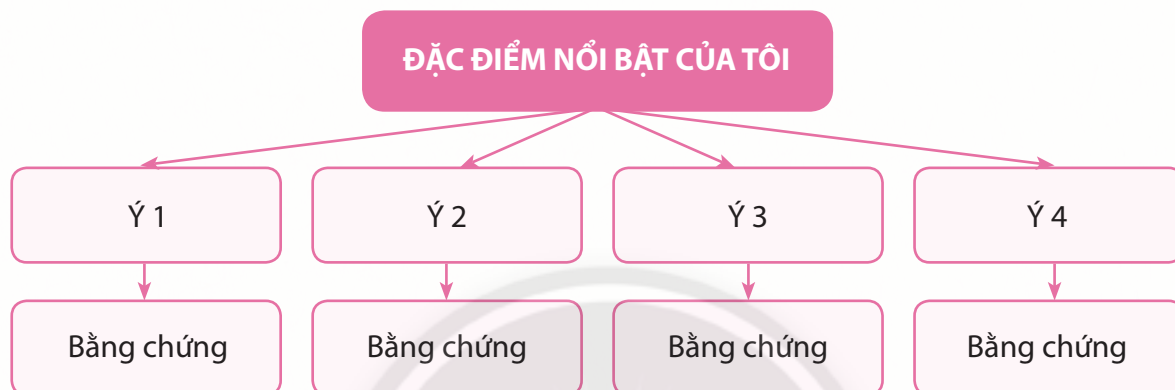
Bạn thu thập và xem lại các tư liệu về bản thân như nhật kí, sơ yếu lí lịch, lời phê của thầy cô trong sổ liên lạc, trong học bạ,... Thông thường, bài luận giới thiệu bản thân sẽ hướng đến một đối tượng cụ thể, nhằm một mục đích nhất định như là ứng tuyển một vị trí, chức vụ, đăng kí xét học bổng, tham gia xét tuyển trường đại học,

cao đẳng,... Do đó, bạn cần tìm hiểu thông tin về người đọc, môi trường, vị trí bạn muốn ứng tuyển, các tiêu chí, điều kiện xét tuyển bằng cách truy cập trang web, đọc kĩ các thông báo, áp phích, tờ rơi của đơn vị hoặc liên hệ trực tiếp để có thông tin cụ thể.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Khi đã xác định được đặc điểm nổi bật của bản thân, bạn cần phân tích đặc điểm ấy bằng cách tìm ý và bằng chứng phù hợp, dựa vào sơ đồ sau:



Lập dàn ý

Bạn lập dàn ý bằng cách sắp xếp xác ý tưởng tìm được theo một trình tự hợp lí. Chẳng hạn, với bài luận tham khảo ở trên, dàn ý đã được triển khai là:

- Mở bài: giới thiệu niềm đam mê văn học và những mong muốn đưa văn học gần hơn với cuộc sống.
- Thân bài: lần lượt phân tích niềm đam mê văn học của bản thân, gắn với các hoạt động, ý tưởng bản thân thực hiện để đưa văn học đến gần hơn với cuộc sống.
- Kết bài: khẳng định đam mê của bản thân, đưa ra thông điệp về hành trình chinh phục đam mê.

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn viết bài luận hoàn chỉnh dựa vào một số gợi ý sau:

- Bài luận nên có giọng điệu chân thành, ngôn ngữ chuẩn mực.
- Để đảm bảo tính xác thực, đáng tin cậy của bằng chứng, nên có các thông tin cụ thể về không gian, thời gian, nhân vật, sự kiện. Khi trình bày bằng chứng, cần xoáy vào những sự việc, chi tiết có ý nghĩa, góp phần làm nổi bật đặc điểm của bản thân.
- Gắn kết thông tin cá nhân với trải nghiệm, câu chuyện của bản thân.
- Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại và chỉnh sửa bài luận theo gợi ý sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài luận về bản thân

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu khái quát đặc điểm của bản thân sẽ triển khai trong bài viết.		
Thân bài	Nêu được mục đích của bài viết.		
	Phân tích được các đặc điểm tiêu biểu của bản thân.		
	Đưa ra được những bằng chứng thuyết phục để làm rõ từng đặc điểm của bản thân.		
	Đưa ra các thông tin xác thực, đáng tin cậy.		
Kết bài	Khẳng định lại đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân.		
	Nêu thông điệp có ý nghĩa.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Giọng điệu chân thành, phù hợp với mục đích và đối tượng của bài viết.		
	Ngôn ngữ chuẩn mực, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.		

Bạn có thể nhờ những người thân đọc và góp ý cho bài luận, ý kiến của họ sẽ cho bạn những gợi ý khách quan để bài luận thêm sinh động, thuyết phục.

Bạn hãy ghi lại những kinh nghiệm rút ra khi viết bài luận về bản thân.



NÓI VÀ NGHE

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ SỬ DỤNG KẾT HỢP PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ VỚI CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ

Đề bài:

Thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian thời gian nói

- **Đề tài bài nói:** Bàn về vấn đề này, bạn có thể trình bày những quan điểm sau:
 - + Giới trẻ hiện nay lựa chọn nghề nghiệp chủ yếu dựa trên năng lực và sở thích cá nhân.
 - + Giới trẻ hiện nay lựa chọn nghề nghiệp chủ yếu dựa trên nhu cầu của thị trường lao động.
 - + Giới trẻ hiện nay lựa chọn nghề nghiệp theo sự tư vấn của gia đình.

Hãy chọn một trong những quan điểm nêu trên (hoặc một quan điểm khác) mà bạn cho là đúng đắn hoặc sai lầm để bày tỏ ý sự đồng tình hoặc không đồng tình của bạn.

- **Mục đích nói:** để thuyết phục người nghe đồng tình với quan điểm của bạn.
- **Đối tượng người nghe:** có thể là bạn học cùng lớp, thầy cô hoặc những người khác.
- **Không gian và thời gian nói:** có thể trình bày bài nói ở lớp học trong một thời gian quy định.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Trong trường hợp này ý tưởng chính là quan điểm của bạn *về vấn đề sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay*, chẳng hạn quan điểm: giới trẻ hiện nay lựa chọn nghề nghiệp dựa trên năng lực và sở thích cá nhân. Ý tưởng này chính là vấn đề được nêu ra để bàn bạc, thảo luận nhằm đem lại nhận thức đúng đắn, từ đó dẫn đến hành động phù hợp cho cả người nghe và người nói. Để thu thập thông tin, bạn cần vận dụng hiểu biết, trải nghiệm của bản thân về vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay; sử dụng một số thông tin từ các văn bản đọc và tìm thêm thông tin trên sách báo, Internet,...

Luyện tập

Bạn hãy đối chiếu với bảng kiểm để tập thuyết trình cho khoa học. Cần lưu ý thêm một số nội dung sau:

- Luyện tập một mình bằng cách đứng trước gương hoặc luyện tập với bạn.
- Tập thói quen điều chỉnh giọng điệu (cao độ, âm lượng, tốc độ), kết hợp giọng điệu với ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... sao cho phù hợp.
- Kết hợp sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như tranh ảnh, video clip, sơ đồ, biểu bảng, số liệu,... sao cho phù hợp với nội dung bài nói.
- Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể thắc mắc và luyện tập trả lời sao cho thuyết phục.

Lập dàn ý

Thông tin đã thu thập cần được chọn lọc, sắp xếp thành dàn ý chi tiết. Việc phác thảo dàn ý chi tiết có thể dựa vào một số câu hỏi sau:

- *Quan điểm của tôi về vấn đề này là gì?*
- *Những lí lẽ nào cần có để làm rõ cho quan điểm của tôi?*
- *Những bằng chứng nào sẽ củng cố cho quan điểm của tôi?*
- *Có thể có những quan điểm nào trái ngược với quan điểm của tôi? Tôi cần trao đổi lại như thế nào?*
- *Thông điệp/ Lời kêu gọi hành động chính mà tôi muốn gửi đến người nghe qua bài thuyết trình là gì?*

Bước 2: Trình bày bài nói

- Cần trình bày theo hệ thống dàn ý đã chuẩn bị.
- Khi trình bày cần có thái độ tự tin, tự nhiên và thân thiện.
- Giọng nói cần rõ ràng, rành mạch; ngữ điệu cần linh hoạt, phù hợp.
- Kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để giúp bài nói thêm thu hút.
- Trong khi trình bày, có thể dừng lại tương tác với người nghe bằng cách nêu câu hỏi để mọi người cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

Trong vai trò là người nói: lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý; làm rõ những điều người nghe còn thắc mắc. Khi tiếp nhận các câu hỏi và ý kiến phản biện, bạn cần có thái độ cầu thị, nghiêm túc. Có thể lựa chọn một số câu hỏi quan trọng để phản hồi trong khuôn khổ thời gian cho phép.

Trong vai trò là người nghe: bạn có thể nêu câu hỏi hoặc góp ý cho bạn mình về nội dung, hình thức trình bày. Có thể yêu cầu bạn giải thích, làm rõ những điều mình chưa hiểu hoặc có ý kiến khác. Khi trao đổi với nhau, cần tôn trọng các ý kiến khác biệt.

Đánh giá

Lần lượt đóng hai vai: người nói và người nghe. Dựa vào bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá và góp ý cho bạn.

Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu (tự giới thiệu, nếu cần).		
	Nêu quan điểm của bản thân về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.		
Nội dung chính	Nêu những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để bảo vệ quan điểm mà bản thân đã lựa chọn.		
	Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.		
Kết thúc	Tóm tắt được quan điểm của bản thân về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Bố cục bài nói rõ ràng.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

ÔN TẬP

1. Xác định luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, mục đích và quan điểm của người viết trong các văn bản nghị luận đã học dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Yếu tố \ Văn bản	Hịch tướng sĩ	Nam quốc sơn hà – bài thơ Thần khải định chân lí độc lập của đất nước	Tôi có một giấc mơ
Luận điểm			
Lí lẽ và bằng chứng			
Mục đích viết			
Quan điểm			

2. Các yếu tố biểu cảm có tác dụng như thế nào trong các văn bản nghị luận đã học trong bài?
3. Việc nhận biết, liên hệ bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội có tác dụng gì trong việc đọc hiểu các văn bản nghị luận trong bài?
4. Khi viết bài luận về bản thân, bạn cần lưu ý điều gì? Ghi lại kinh nghiệm rút ra sau khi viết bài luận về bản thân.
5. Hãy trình bày một số lỗi liên kết văn bản thường gặp và cách chỉnh sửa.
6. Ghi lại một số kinh nghiệm bạn rút ra được sau khi thực hiện bài thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.
7. Bạn hãy tham quan một bảo tàng, di tích lịch sử ở địa phương, sưu tầm hình ảnh, tư liệu và viết bài thu hoạch ngắn để trả lời câu hỏi: Độc lập, tự do có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi quốc gia, dân tộc và mỗi cá nhân?

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

1. Kẻ vào vở hai cột A, B theo mẫu dưới đây, sau đó nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm phù hợp được nêu ở cột B; giải thích lí do bạn tạo ra các đường nối giữa hai cột.

A	B
Truyện	có cốt truyện.
Sử thi	sáng tạo nhân vật, sự việc liên quan đến lịch sử theo trí tưởng tượng dân gian.
Thơ	đề cập đến người thật, việc thật.
Văn bản thông tin tổng hợp	bộc lộ trực tiếp tình cảm cảm xúc của tác giả; ngôn ngữ cô đọng.
Văn bản nghị luận	có miêu tả, kể chuyện, biểu cảm.
	thường kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.
	coi trọng lí lẽ, bằng chứng.

2. Theo bạn, cần lưu ý những điều gì khi đọc hiểu văn bản thuộc các thể loại dưới đây (có thể dùng bảng để tóm lược các điều cần lưu ý)?
 - a. Văn nghị luận
 - b. Thơ
 - c. Truyện
3. Nhận xét về tư tưởng nhân nghĩa trong *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi) và cho biết chất “hùng văn” của tác phẩm này chủ yếu toát ra từ đâu.
4. Văn bản *Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ* (A-ma-đu Ma-ta Mơ Bâu) giúp bạn hiểu thêm những gì về con người anh hùng và con người nghệ sĩ ở Nguyễn Trãi? Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả bài viết này.
5. Qua việc đọc ba văn bản nghị luận *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Nam quốc sơn hà – bài thơ Thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước* (theo Nguyễn Hữu Sơn), nêu một số điểm khác biệt giữa:
 - a. Văn bản nghị luận văn học và văn bản nghị luận xã hội?
 - b. Văn bản nghị luận trung đại với văn bản nghị luận hiện đại?
6. Nhận xét về cách quan sát, miêu tả thiên nhiên và cảnh sinh hoạt của Nguyễn Trãi trong bài thơ *Dục Thúy sơn* hoặc *Bảo kính cảnh giới* – bài 43.
7. Chỉ ra một vài điểm khác nhau trong cách ngắt nhịp, gieo vần, dùng biện pháp tu từ,... tạo âm điệu thể hiện niềm thương nhớ giữa hai bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Chiếc lá đầu tiên* của Hoàng Nhuận Cầm.

8. Nhận xét về cách sử dụng vai kể, điểm nhìn của hai trong số các văn bản truyện sau đây: *Đất rừng phương Nam*, *Giang*, *Buổi học cuối cùng*, *Dưới bóng hoàng lan*,...
9. Từ một số tác phẩm truyện và trích đoạn chèo/ tuồng đã học, hãy chỉ ra ít nhất 3 điểm khác nhau về cách xây dựng nhân vật giữa hai thể loại này (có thể sử dụng mẫu bảng sau, làm vào vở):

STT	Nhân vật trong tác phẩm truyện	Nhân vật trong tác phẩm kịch (chèo/ tuồng)
1
2
3
...

10. Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

(1) Thứ nhất, đọc sách giúp chúng ta mở mang kiến thức. (2) Sách là kho tàng trí thức vô tận của nhân loại. (3) Sách cung cấp cho chúng ta những hiểu biết ở nhiều lĩnh vực như toán học, vật lý, lịch sử, địa lý, văn học,... (4) Sách làm cho tâm hồn ta phong phú, trí óc ta rộng mở và cuộc sống của chúng ta ý nghĩa hơn. (5) Đọc sách giúp chúng ta phát triển kỹ năng ngôn ngữ. (6) Chúng ta có thể mở rộng vốn từ vựng thông qua việc đọc sách. (7) Ngoài ra, chúng ta còn có thể cải thiện khả năng viết của mình thông qua việc đọc sách. (8) Thêm vào đó, khi đọc sách thường xuyên, bạn sẽ được trau dồi các từ vựng mới cũng như cải thiện khả năng viết lách mà đôi khi chính bạn cũng không hề nhận ra điều đó.

- a. Chỉ ra lỗi dùng từ trong câu (2) và sửa lại cho đúng.
- b. Có thể viết lại các câu (6), (7), (8) như thế nào để văn bản ngắn gọn, súc tích hơn?
- c. Chỉ ra lỗi liên kết trong đoạn trích trên và sửa lại cho đúng.

11. Lập bảng tóm tắt yêu cầu đối với các kiểu bài: *Viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm* (Bài 7); *Viết một bài luận về bản thân* (Bài 9).

12. Tìm ý, lập dàn ý cho một trong hai đề dưới đây:

Đề a. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về nội dung và hình thức nghệ thuật của một trong các bài thơ mà bạn đã đọc theo yêu cầu đọc mở rộng.

Đề b. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về nội dung và hình thức nghệ thuật của một trong những tác phẩm truyện mà bạn đã đọc theo yêu cầu đọc mở rộng.

13. Tập trình bày các nội dung chính đã thực hiện ở câu 12.

14. Tóm tắt nội dung của ít nhất một văn bản theo yêu cầu đọc mở rộng với mỗi thể loại: *thần thoại*, *sử thi*, *chèo/ tuồng*, *truyện*, *văn bản nghị luận*, *văn bản thông tin* (nếu là tác phẩm lớn, nhiều chương/ khúc: tóm tắt tối thiểu 1 chương/ khúc), trong đó có sử dụng biện pháp chêm xen hoặc liệt kê.

15. Đọc diễn cảm (theo trí nhớ) một số đoạn văn, đoạn thơ/ bài thơ mà bạn yêu thích và mới tích lũy được trong năm học lớp 10.

BẢNG TRA CỬU THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Bài	Trang
B	Bối cảnh lịch sử, văn hoá xã hội trong văn bản nghị luận	9	31
C	Cảm hứng	6	4
	Cảm hứng chủ đạo trong thơ	6	4
	Câu chuyện	8	59
	Chêm xen	8	60
D	Dùng từ không đúng hình thức ngữ âm	7	32
	Dùng từ không đúng nghĩa	7	32
	Dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp	7	32
	Dùng từ không phù hợp với phong cách	7	32
Đ	Đặc điểm, tính cách nhân vật	8	59
	Điểm nhìn	8	60
L	Liệt kê	8	61
	Lỗi không tách đoạn	9	91
	Lỗi tách đoạn tùy tiện	9	91
	Lỗi về trật tự từ trong câu	6	5
N	Người kể chuyện	8	60
M	Mục đích của văn bản nghị luận	9	90
Q	Quan điểm của người viết trong văn bản nghị luận	9	90
T	Thông điệp của tác phẩm văn học	8	59
	Tình cảm, cảm xúc trong thơ	6	4
	Tư tưởng của tác phẩm văn học	8	59
V	Văn nghị luận	7	31
Y	Yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận	9	90

BẢNG TRA YẾU TỐ HÁN VIỆT

TT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt	Trang
1	Doanh	6	Nơi đóng quân	Doanh trại (B6)	9
2	Biên	6	Bờ, rìa, cạnh	Biên giới, biên cương (B6)	9
3	Viễn	6	Xa	Viễn xứ (B6)	9
4	Độc	6	Một mình	Độc hành (B6)	9
5	Kỉ	6	Ghế	Trường kỉ (B6)	11
6	Tịch	6	Vắng vẻ	Trầm tịch, tịch mịch (B6)	11
7	Thiếu	6	Trẻ tuổi	Thiếu nữ (B6)	12
8	Mật	6	Khăng khít, gắn gũi	Thân mật (B6)	12, 13
9	Lự	6	Suy tính	Lưỡng lự (B6)	13
10	Cần	6	Kĩ càng, chu đáo	Ân cần (B6)	14
11	Văn	7	Vẻ đẹp	Văn hiến (B7)	34
12	Tục	7	Thói quen	Phong tục (B7)	34
13	Độc	7, 9	Một mình	Độc lập (B7, 9)	34, 90
14	Đế	7, 9	Vua một nước	Xưng* đế (B7), hoàng đế (B9)	34, 97
15	Kiệt	7	– Người tài giỏi hơn người – Cạn hết	– Hào kiệt (B7) – Lực kiệt (B7)	34 37
16	Bại	7, 9	Thua	Thất bại, bại vong (B7), bại hư (B9)	34, 37 96
17	Vong	7	Mất, chết	Tiêu vong, bại vong (B7)	34, 37
18	Chính	7 9	– Việc của nhà nước – Đúng đắn, ngay thẳng	– Chính sự (B7) – Chính thống, chính nghĩa (B9)	34 97
19	Phiền	7	Gây khó chịu	Phiền hà (B7)	34
20	Oán	7	Giận sâu sắc	Oán hận (B7)	34
21	Cuồng	7	Điên	Quân* cuồng Minh (B7)	34
22	Cơ	7	Dịp	Thừa cơ (B7)	34
23	Hoạ	7	Việc xấu gây hại	Gây* hoạ (B7)	34
24	Gian	7 7, 8 8	– Dối trá, không ngay thẳng – Khó khăn – Ở trong khoảng	– Gian tà, gian thần (B7) – Gian nan (B7), gian khó* (B8) – Dân gian (B8)	34 36, 70 76
25	Vinh	7	Vẻ vang	Cầu vinh (B7)	34

26	<i>Hung</i>	7	Dữ	<i>Hung</i> tàn (B7)	34
27	<i>Tai</i>	7	Nạn, việc rủi ro	<i>Tai</i> vạ* (B7)	34
28	<i>Hại</i>	7	Làm tổn thương	Tàn <i>hại</i> (B7)	35
29	<i>Nghĩa</i>	7	Lẽ phải, việc hợp lẽ phải, hợp đạo lí	Dấy* <i>nghĩa</i> , <i>nghĩa</i> binh (B7), <i>nghĩa</i> sĩ, chính <i>nghĩa</i> (B9)	35, 41 41, 97
30	<i>Hưng</i>	7	Mạnh lên	<i>Hưng</i> phế, phục <i>hưng</i> (B7)	35, 41
31	<i>Bôn</i>	7	Chạy vội vã	<i>Bôn</i> tẩu (B7)	35, 45
32	<i>Hiển</i>	7	Người tài đức	Cầu <i>hiển</i> (B7)	36, 45
33	<i>Tuần</i>	7	Đơn vị tính thời gian ngày xưa, tương đương mười ngày	Mấy* <i>tuần</i> (B7)	36
34	<i>Tướng</i>	7, 9	Người chỉ huy quân đội	<i>Tướng</i> sĩ (B7, 9)	36, 92
35	<i>Phụ</i>	7	Cha	<i>Phụ</i> tử (B7)	36
36	<i>Kì</i>	7	Lạ, không lường trước được	Xuất <i>kì</i> (B7)	36
37	<i>Phục</i>	7	– Ẩn nấp – Trở lại	– Mai <i>phục</i> (B7) – <i>Phục</i> hưng (B7)	36 41
38	<i>Đại</i>	7, 8	lớn, lớn lao	<i>Đại</i> nghĩa, <i>đại</i> nhân, <i>đại</i> nghiệp, <i>đại</i> trượng phu (B7), <i>đại</i> đội (B8)	36, 40, 41, 41, 69
39	<i>Chí</i>	7	Rất mực	<i>Chí</i> nhân (B7)	36
40	<i>Nhân</i>	7 9	– Lòng yêu thương – Người	– <i>Chí nhân</i> (B7) – <i>Nhân</i> tài (B7)	36 35
41	<i>Tàn</i>	7	Làm hại	<i>Hung</i> tàn (B7)	34, 36
42	<i>Bạo</i>	7	Dữ và ác	Cường <i>bạo</i> (B7)	36
43	<i>Khí</i>	7	– Tinh thần – Đồ dùng	– <i>Sĩ khí</i> (B7) – <i>Khí</i> giới (B7)	36 42
44	<i>Thanh</i>	7, 9	Tiếng tăm	Quân <i>thanh</i> (B7), gia <i>thanh</i> (B9)	36, 94
45	<i>Thừa</i>	7	Nhân (dịp)	<i>Thừa</i> cơ, <i>thừa</i> thắng (B7)	34, 36
46	<i>Tuyển</i>	7	Lựa chọn	<i>Tuyển</i> binh (B7)	36
47	<i>Phúc</i>	7	Bụng	<i>Phúc</i> tâm (B7)	37
48	<i>Cùng</i>	7	Cuối (đường), không còn lối thoát	Trí <i>cùng</i> (B7)	37
49	<i>Danh</i>	7, 9	Tên tuổi	Công <i>danh</i> (B7)	37
50	<i>Điều</i>	7, 8	Phân phối	<i>Điều</i> binh (B7), <i>điều</i> lên* trình sát sư đoàn (B8)	37, 74

51	<i>Thủ</i>	7 8, 9	– Giữ – Đầu, đứng đầu	– <i>Thủ</i> hiểm (B7) – <i>Thủ</i> trưởng (B8), <i>thủ</i> lĩnh (B9)	97, 92 72, 73
52	<i>Tuyệt</i>	7	Cắt đứt	<i>Tuyệt</i> nguồn* lương thực (B7)	37
53	<i>Vẫn</i>	7	Chết	Tự <i>vẫn</i> (B7)	37
54	<i>Phong</i>	7	Gió	<i>Phong</i> vân (B7)	38
55	<i>Vân</i>	7	Mây	<i>Phong</i> vân (B7)	38
56	<i>Nhật</i>	7 8	– Mặt trời – Ngày	– <i>Nhật</i> nguyệt (B7) – <i>Nhật</i> trình (B8)	38 65
57	<i>Nguyệt</i>	7	Mặt trăng	<i>Nhật nguyệt</i> (B7)	38
58	<i>Hiếu</i>	7	Yêu thích	<i>Hiếu</i> sinh (B7)	38
59	<i>Xã tắc</i>	7	Thần Đất và thần Lúa, chỉ quốc gia	<i>Xã tắc</i> (B7)	38
60	<i>Nhung</i>	7	Quân đội	<i>Nhung</i> y (B7)	39
61	<i>Oanh</i>	7	Vang dội	<i>Oanh</i> liệt (B7)	39
62	<i>Tân</i>	7	Mới	Duy <i>tân</i> (B7)	39
63	<i>Cáo</i>	7, 9	Thông báo	Bá <i>cáo</i> (B7), cảnh <i>cáo</i> (B9)	39, 98
64	<i>Trang</i>	7	Làm đẹp	<i>Trang</i> sức (B7)	40, 43
65	<i>Thất</i>	7	Tầm thường, thấp kém	<i>Thất</i> phu (B7)	40
66	<i>Viện</i>	7	Cứu giúp	<i>Viện</i> binh (B7)	40
67	<i>Tích</i>	7	Dấu vết	Tâm <i>tích</i> (B7)	40
68	<i>Bạch</i>	7	Rõ ràng	Minh <i>bạch</i> (B7)	40
69	<i>Cổ</i>	7	Xưa	<i>Cổ</i> nhân (B7)	40
70	<i>Thôn</i>	7	Nuốt	<i>Thôn</i> tính (B7)	40
71	<i>Chế</i>	7	Ngăn cấm	<i>Chế</i> ngự (B7)	40
72	<i>Hà</i>	7	Khắc khe	<i>Hà</i> khắc (B7)	41
73	<i>Nội</i>	7	Trong	<i>Nội</i> loạn (B7)	41
74	<i>Đồ</i>	7	Toan tính	Mưu <i>đồ</i> (B7)	41
75	<i>Trượng</i>	7	10 thước Trung Quốc, thường chỉ người đàn ông có khí tiết vững chãi	Đại <i>trượng</i> phu (B7)	41
76	<i>Tiện</i>	7	Thấp kém	Bần <i>tiện</i> (B7)	41
77	<i>Tiểu</i>	7	Nhỏ mọn	<i>Tiểu</i> nhân (B7)	41
78	<i>Man</i>	7	Lạc hậu, kém văn minh	<i>Man</i> rợ (7)	41
79	<i>Phi</i>	7, 9	Không phải	<i>Phi</i> nghĩa (B7, 9), <i>phi</i> lí (B9)	97
80	<i>Thần</i>	7, 9	Bề tôi	Trung <i>thần</i> (B7, 9)	41, 92

81	<i>Sĩ</i>	7, 9	Người có học vấn	Nghĩa sĩ (B7, 9)	41, 45, 92
82	<i>Bất</i>	7	Không	<i>Bất</i> nghĩa (B7)	41
83	<i>Hàng</i>	7	Chịu thua	Ra* <i>hàng</i> (B7)	41
84	<i>Bộ</i>	7	Phần (của một toàn thể)	<i>Bộ</i> hạ (B7)	41
85	<i>Khốn</i>	7	Gian nan, khổ sở	<i>Khốn</i> khổ (B7)	41
86	<i>Hiến</i>	7	Dâng	<i>Hiến</i> kế (B7)	41
87	<i>Cụ</i>	7	Đồ dùng	Chiến <i>cụ</i> (B7)	41
88	<i>Vọng</i>	7	Mong chờ	Thất <i>vọng</i> (B7)	42
89	<i>Chuyên</i>	7	Chỉ có một	<i>Chuyên</i> chính (B7)	42
90	<i>Cốt</i>	7	Xương	<i>Cốt</i> nhục (B7)	42
91	<i>Biến</i>	7	Thay đổi, rối loạn	Sinh <i>biến</i> (B7)	42
92	<i>Ngược</i>	7, 9	Tàn ác	Bạo <i>ngược</i> (B7), ngang <i>ngược</i> (B9)	42, 97
93	<i>Thán</i>	7	Than thở	Oán <i>thán</i> (B7)	42
94	<i>Can qua</i>	7	Tắm khiên và lưới mác, chỉ chuyện chiến tranh	<i>Can qua</i> (B7)	42
95	<i>Thuỷ</i>	7	Nước, đường nước	<i>Thuỷ</i> bộ (B7)	42
96	<i>Cống</i>	7	Dâng nộp	Chức <i>cống</i> (B7)	42
97	<i>Giao</i>	7	Tiếp xúc, cùng nhau, lẫn nhau	<i>Giao</i> chiến (B7)	42
98	<i>Liên</i>	7	Hoa sen	Hồng <i>liên</i> (B7)	44
99	<i>Ngư</i>	7	Cá, người đánh cá	<i>Ngư</i> phủ (B7)	44
100	<i>Tịch</i>	7	Chiều tà	<i>Tịch</i> dương (B7)	44
101	<i>Cầm</i>	7	Đàn	Ngu <i>cầm</i> (B7)	44
102	<i>Thảo</i>	8	Cỏ	<i>Thảo</i> mộc (B8)	63
103	<i>Sứ</i>	8	Người vâng lệnh đi làm nhiệm vụ quan trọng (thường là ngoại giao)	<i>Sứ</i> giả (B8)	64
104	<i>Trình</i>	8	Đưa ra	Nhật <i>trình</i> (B8)	65
105	<i>Vũ</i>	8	Múa	<i>Vũ</i> điệu (B8)	68
106	<i>Tân</i>	8	Mới	<i>Tân</i> binh (B8)	69
107	<i>Ân</i>	8	Ơn	<i>Ân</i> tình (B8)	70
108	<i>Độ</i>	8	Mức, chỉ số đo lường	Toạ <i>độ</i> (B8)	71
109	<i>Hàm</i>	8	Cấp bậc	Quân <i>hàm</i> (B8)	71

110	<i>Trấn</i>	8	Đơn vị hành chính thuộc huyện	Thị trấn (B8)	70, 73
111	<i>Sư</i>	8	(Thuộc về) quân đội	Sư đoàn (B8)	74
112	<i>Bị</i>	8	Sửa soạn, sắp đặt sẵn	Trang bị (B9)	74
113	<i>Hiệu</i>	8	Tên gọi	Phiên hiệu (B8)	74
114	<i>Công</i>	8	Đánh (giặc)	Mũi* chủ công (B8)	74
115	<i>Trợ</i>	8	Giúp	Trợ lí (B8)	74
116	<i>Trình</i>	8	Thăm dò	Trình sát (B8)	74
117	<i>Sát</i>	8	Xem xét	Trình sát (B8)	74
118	<i>Lâm</i>	8	Ở vào lúc	Lâm trận (B8)	74
119	<i>Tặc</i>	9	Giặc	Nghịch tặc (B9)	92
120	<i>Trung</i>	9	Hết lòng	Trung thần (B9)	92
121	<i>Hủ</i>	9	Mục nát	Bất hủ (B9)	92
122	<i>Tì</i>	9	Giúp đỡ, phụ tá	Tì tướng (B9)	93
123	<i>Nội</i>	9	Đồng ruộng	Nội cỏ* (B9)	93
124	<i>Bổng</i>	9	Khoản tiền thưởng ngoài lương	Bổng, bổng lộc (B9)	93, 94
125	<i>Trận mạc</i>	9	Vùng đất rộng nơi quân đội hai bên đánh nhau	Trận mạc (B9)	93
126	<i>Hạ</i>	9	Rảnh rỗi	Nhàn hạ (B9)	93
127	<i>Yến</i>	9	Tiệc	Đãi yến (B9)	94
128	<i>Ngụy</i>	9	Dối trá, không chân chính	Ngụy sứ (B9)	94
129	<i>Khiển</i>	9	Cởi bỏ (phiền muộn)	Tiêu khiển (B9)	94
130	<i>Phỏng</i>	9	Hỏi	Phỏng có* được* không*? (B9)	94
131	<i>Giai</i>	9	Cùng, đều	Bách niên giai lão (B9)	94
132	<i>Miếu</i>	9	Đền thờ	Tông miếu (B9)	94
133	<i>Đắc</i>	9	Được	Đắc chí (B9)	94
134	<i>Mai</i>	9	Chôn lấp	Mai một (B9)	94
135	<i>Pháp</i>	9	Phép, cách thức	Bình pháp (B9)	95
136	<i>Nhược</i>	9	Nếu, nếu như	Nhược bằng (B9)	95
137	<i>Điểm</i>	9	Bình tĩnh, lặng lẽ	Điểm nhiên (B9)	95
138	<i>Chân</i>	9	Thật, sự thật	Chân lí (B9)	97

139	<i>Quy</i>	9	Theo về	<i>Quy</i> phục (B9)	97
140	<i>Phong</i>	9	Ban tặng (thường dùng nói về vua ban tặng cho người dưới chức tước, danh hiệu,...)	<i>Phong</i> kiến, <i>phong</i> vương (B9)	97
141	<i>Sách</i>	9	Mưu kế	Kế <i>sách</i> (B9)	97
142	<i>Phận</i>	9	Phần	Định <i>phận</i> (B9)	97
143	<i>Định</i>	9	Sắp xếp chắc chắn, không thay đổi	Định <i>phận</i> , phân <i>định</i> , quyết <i>định</i> (B9)	97
144	<i>ứng</i>	9	Đáp lại, hoà theo	Hô <i>ứng</i> (B9)	97
145	<i>Hằng</i>	9	Lâu bền	Vĩnh <i>hằng</i> (B9)	97
146	<i>Đối</i>	9	Chọi lại, quay (mặt) lại	Đối lập, đối nghịch (B9)	97
147	<i>Xâm</i>	9	Lấn vào, động chạm đến	<i>Xâm</i> lấn, <i>xâm</i> lược, <i>xâm</i> phạm (B9)	97
148	<i>Bang</i>	9	Nước	Ngoại <i>bang</i> (B9)	97
149	<i>Cảnh</i>	9	Răn bảo, nhắc nhở	<i>Cảnh</i> báo, <i>cảnh</i> cáo (B9)	98
150	<i>Triệu</i>	9	Kêu gọi	Hiệu <i>triệu</i> (B9)	98
151	<i>Tuyến</i>	9	Đường, bên	Chiến <i>tuyến</i> (B9)	98
152	<i>Tất</i>	9	Đương nhiên, chắc chắn	<i>Tất</i> yếu (B9)	98
153	<i>Chứng</i>	9	Bằng cứ rõ ràng	<i>Chứng</i> kiến (B9)	98
154	<i>Hưởng</i>	9	Tiếng vang	Âm <i>hưởng</i> (B9)	98
155	<i>Tráng</i>	9	Khoẻ mạnh, mạnh mẽ	Hùng <i>tráng</i> (B9)	98
156	<i>Tương</i>	9	Cùng nhau	<i>Tương</i> quan (B9)	98
157	<i>Khảng</i>	9	Xác nhận, đồng ý	<i>Khảng</i> định (B9)	98
158	<i>Khái</i>	9	Bao quát, tóm tắt	<i>Khái</i> quát (B9)	97, 98
159	<i>Cương</i>	9	Bờ cõi	<i>Cương</i> giới (B9)	98
160	<i>Tuyên</i>	9	Phô bày cho mọi người cùng biết	<i>Tuyên</i> ngôn (B9)	104
161	<i>Sa</i>	9	Cát	Phù <i>sa</i> (B9)	99, 100

(Kí hiệu * chỉ yếu tố không phải là Hán Việt)

BẢNG TRA CỬU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Abraham Lincoln	Áp-ra-ham Lin-cơn	101, 102
	Alsace	An-dát	78, 79
	Amadou – Mahtar M' Bow	A-ma-đu Ma-ta Mơ Bâu	2, 47, 114
	Amazon	A-ma-dôn	101
	Andersen	An-đéc-xen	82
	Anfonse Daudet	An-phông-xơ Đô-đê	3, 61, 78, 80, 84, 86
B	Berlin	Béc-lin	78
	Bob Adelman	Bốp A-đen-man	101
	Blog	bờ-lóc	105
C	Charles Duhigg	Sác-lơ Điu-hít	51
F	Frantz	Phrăng	78, 79
G	Gatsby	Gat-xơ-bi	105
	Georgia	Gioóc-giơ	104
H	Hamel	Ha-men	78, 79, 80
	Harshvardhan Dutt	Hat-sơ-va-han Đốt-tơ	103
	Hauser	Hô-de	80
	Hemingway	Hê-minh-uây	105
	Houblon	hu-blông	80
I	Israel	I-xra-en	101
K	Kosygin	Cô-xư-ghin	71
L	Lorraine	Lo-ren	78
M	Martin Luther King	Mác-tin Lu-thơ Kinh	3, 101, 104
	Mekong	Mê Kông	101
	Mifa	Mi-pha	73
	Mississippi	Mi-xi-xi-pi	103
N	New Delhi	Niu Đê-li	104
	New York	Niu Oóc	103
P	Palestine	Pa-lét-xơ-tin	101
R	Remi	Rê-mi	105
U	UNESCO	U-nét-cô	29
	Unicorn Books	Iu-ni-con Búc-xơ	103
W	Washington	Oa-sinh-tơn	101

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: TRẦN THỊ THANH THẢO

Sửa bản in: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 10 – TẬP HAI (Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:.....

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 10, Tập một
2. Toán 10, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 10
4. Ngữ văn 10, Tập một
5. Ngữ văn 10, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
7. Tiếng Anh 10 Friends Global
8. Lịch sử 10
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
10. Địa lí 10
11. Chuyên đề học tập Địa lí 10
12. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
14. Vật lí 10
15. Chuyên đề học tập Vật lí 10
16. Hoá học 10
17. Chuyên đề học tập Hoá học 10
18. Sinh học 10
19. Chuyên đề học tập Sinh học 10
20. Âm nhạc 10
21. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
22. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 1)
23. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 2)

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử:

<http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

